

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA



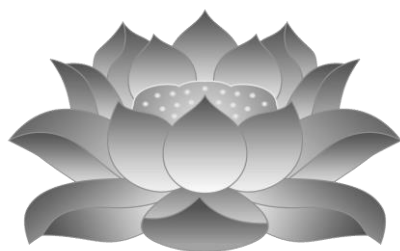
**GIẢNG GIẢI
KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI**



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA

HÒA THƯỢNG TUYÊN HÓA

**GIẢNG GIẢI
KINH ĐẠI BI TÂM ĐÀ LA NI**



NHÀ XUẤT BẢN THUẬN HÓA
Huế - 2023



Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát

虛雲禪師表信偈

宣為妙義振家聲
化承靈嶽法道隆
度以四六傳心印
輪旋無休濟苦倫

佛曆二千九百八十三年歲次丙申
為仰宗第八代德清虛雲書於真如禪寺說法堂



Hòa thượng Tuyên Hóa

Lời tựa

Sự linh ứng của chú Đại Bi không thể nghĩ bàn, nếu ai đã từng trì tụng qua thần chú Đại Bi chắc chắn sẽ thấy được sự cảm ứng không thể nghĩ bàn, sự cảm ứng đó như sự uống nước nóng hay nước lạnh chỉ tự mỗi cá nhân biết mà khó thể diễn tả ra bằng lời được.

Tuy nhiên hiện nay đời Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp như số cát sông Hằng, nên có nhiều ý kiến cho rằng chú Đại Bi là do người Trung Quốc nghĩ ra hay là đạo Bà La Môn. Chính những luận thuyết này mà rất rất nhiều vị Phật tử thối tâm trì tụng thần chú Đại Bi, khinh khi phỉ báng thần chú Đại Bi. Hoặ có nhiều luận thuyết cho rằng nếu thần chú Đại Bi là chân ngôn của chư Phật vậy Phật thuyết thần chú này trong bộ kinh nào?

Nay may mắn nhân duyên hội tụ đủ, với sự hỗ trợ của các vị Tăng sĩ, Phật tử Ba La Mật và sự chứng minh bản dịch của hội phiên dịch kinh điển Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới Vạn Phật Thánh Thành. Chúng con đã tổng hợp và phiên dịch thành công bộ Giảng Giải Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni của Hòa thượng Thượng Tuyên Hạ Hóa (*Hòa thượng Tuyên Hóa*). Bản kinh này được Tam Tạng Pháp Sư Tuyên Hoá Giảng tại Phật Giáo Giảng Đường San Francisco ở nước Mỹ năm 1969 đã giảng giải chi tiết, phá nghi, hướng dẫn tương đối đầy đủ để mọi người tu trì.

Nhóm phiên dịch chúng con mong muốn bản giảng giải này đối với những ai đã và đang trì tụng thần chú Đại Bi có thêm tín tâm, được thêm nhiều sự lợi ích và hiểu rõ ràng hơn về thần chú Đại Bi, dùng thần chú Đại Bi để cứu giúp, làm lợi lác cho chúng sinh. Còn những ai chưa trì tụng thần chú Đại Bi thì phát tâm trì tụng. Những ai có tâm nghi ngờ, phỉ báng thì hồi quang phản chiếu, sinh tín mà trì tụng thần chú Đại Bi cũng như kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni.

Kính mong mọi người đọc xong bản giảng giải này thì phát tâm trì tụng thần chú Đại Bi, phổ biến lưu truyền thần chú Đại Bi, dùng thần chú Đại Bi và kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni để làm lợi ích cho chúng sinh, chữa bệnh, trừ tai họa, tiêu nghiệp chướng,... cho chúng sinh và phổ biến bản giảng giải này cho rộng rãi mọi người được biết đến.

Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh

Hán dịch: Đường, Tây Thiên Trúc, Sa Môn Già Phạm
Đạt Ma

Thiên giảng: Tam Tạng Pháp Sư Tuyên Hoá Giảng tại
Phật Giáo Giảng Đường, Vạn Phật Thánh Thành San Francisco
năm 1969

“**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**”: là tên gọi đầy đủ của bộ kinh này, mà gọi giản lược là “**Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Tâm Đà La Ni Kinh**”. Trong đó, “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**”: là tên riêng (*biệt danh*), và chữ “**Kinh**”: là tên chung (*thông danh*). Vì sao gọi là tên riêng? Bởi vì chỉ riêng bộ kinh này được gọi bằng tên ấy mà thôi, các kinh điển khác đều không được mang trùng tên. Ngoài ra, vì các sách ghi chép lời thuyết giảng của Đức Phật đều được gọi là kinh, cho nên chữ ‘**Kinh**’ được xem là tên chung.

Bộ kinh này lấy gì để lập danh? Lấy đầy đủ cả ‘Nhân, Pháp, Dụ’ để lập danh. “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát**” là Nhân (*người*); “**Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại**” và “**Đại Bi Tâm**” là Dụ (*tỷ dụ*); “Đà La Ni” là Pháp. “Đà La Ni” là tiếng Phạn; Trung Hoa dịch là ‘Tổng Trì’. Do đó, ‘Tổng Trì’ là Pháp; loại pháp Tổng Trì. Vậy nên, tên đề của bộ kinh này có đủ Nhân, Pháp, Dụ.

Trước hết xin giảng về từ ngữ “**Thiên Thủ Thiên Nhân**” (*ngàn tay ngàn mắt*). Làm sao lại có ngàn tay, ngàn mắt? Đó là hiện tướng oai đức thần thông, được lưu xuất từ chỗ chứng đắc của sự trì niệm Chú Đại Bi. Chúng ta không nên xem việc tu

niệm Chú Đại Bi là quá dễ dàng, đơn giản! Chú Đại Bi này cần phải có thiện căn sâu dày từ nhiều đời trước mới có thể gặp được. Nếu không có thiện căn thuộc loại thâm hậu từ đời trước thì chưa nói đến tụng niệm Chú Đại Bi, mà chỉ muốn nghe thấy ba chữ ‘**Chú Đại Bi**’ cũng khó có cơ hội; cho đến tên gọi cũng khó được nghe tới, huống hồ là thấy! Bây giờ, chúng ta không những được thấy mà còn có thể trì tụng nữa, đó là việc hết sức hy hữu; có thể nói là ‘trăm ngàn vạn kiếp khó tìm gặp’; dù trải qua trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp cũng khó mà gặp được vậy. Hiện chúng ta nhờ có thiện căn chín muồi ở đời trước nên mới được nghe đến ba chữ ‘**Chú Đại Bi**’, mới được tham học, trì tụng chương cú thần diệu của Chú Đại Bi, và mới có thể thuộc được Chú Đại Bi. Đó là do có thiện căn, có chủng tử khó nghĩ bàn từ đời trước nên nay mới được như thế.

Vì vậy, hôm nay chúng ta, những người đến nghe Chú Đại Bi, đều là những người có thiện căn. Quý vị thử nghĩ xem: Trên thế giới này có bao nhiêu người chưa từng được nghe đến tên Chú Đại Bi? Trọn cả thành phố San Francisco này có thể có trên năm trăm người được nghe tới tên Chú Đại Bi chăng? Tôi tin là không! Thành phố San Francisco có được bao nhiêu cư dân? Quý vị cứ theo đó mà tính thì có thể suy ra số người có thiện căn trên thế giới là bao nhiêu ngay. Cho nên, nay chúng ta được nghe đến danh hiệu của Chú Đại Bi thì mỗi người phải sanh tâm hoan hỷ, vui mừng, phải trân quý và phải biết đó là điều khó tìm khó gặp! Không dễ gì mà gặp được Chú Đại Bi, nay gặp được rồi thì phải thật sự khắc cốt ghi tâm, chớ nên xem nhẹ mà thờ ơ bỏ qua!

Lần này, quý vị được nghe giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni, âu cũng là một cơ duyên bất khả tư nghị. Nguyên nhân là mấy tháng trước, lúc bộ Kinh Kim Cang sắp được giảng xong, thì các vị hộ pháp của Phật Giáo Giảng Đường là Quả Địa, Quả Ninh và Quả Tiền ngộ ý muốn được nghe giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni. Vì sao họ muốn tìm hiểu bộ Kinh này? Bất

đầu từ năm ngoái, ở Phật Giáo Giảng Đường này mỗi tuần đều có dạy pháp môn bí mật ‘Bốn Mươi Hai Thủ Nhân’. Pháp môn bí mật này, hơn cả bí mật, căn bản tôi chưa bao giờ truyền dạy pháp môn này cho ai cả. Song, sang đến nước Mỹ, tôi nghĩ là cần đem pháp môn bí mật bất truyền này truyền dạy cho quý vị, những người Mỹ có thiện căn. Vì vậy, kể từ năm ngoái, tôi bắt đầu dạy Bốn Mươi Hai Thủ Nhân, một pháp môn vi diệu bất khả tư nghì. Tuy nhiên, tôi chẳng hề đến bất cứ nơi nào cũng rêu rao: "Này, tôi có mật pháp nhưng chẳng tùy tiện truyền cho ông đâu!" Mặc dù là pháp bí mật, song tôi vẫn đem truyền bá. Truyền cho những ai? Tất nhiên tôi phải ‘chọn mặt gửi vàng’, chỉ truyền cho những người có đại thiện căn, có quy y Tam Bảo và thâm tín Phật Pháp.

Sau khi tôi truyền xong Bốn Mươi Hai Thủ Nhân thì có mấy vị sanh lòng khát ngưỡng đối với bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni, muốn hiểu rõ kinh nghĩa của Bốn Mươi Hai Thủ Nhân này. Cho nên, do cư sĩ Quả Địa khởi xướng, mọi người mời tôi giảng bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni. Lúc ấy, tôi thấy khó mà từ khước trước lòng thành của nhóm Phật tử này, nên đã bằng lòng nhận giảng Kinh Đà La Ni. Nhưng giảng xong Kinh Kim Cang thì lại tiếp tục giảng Tâm Kinh. Tâm Kinh tuy là hai trăm mấy chục chữ nhưng giảng xong cũng mất hết hai, ba tháng. Thật ra trong hai, ba tháng ấy tôi chỉ giảng vào ngày Chủ nhật mà thôi, chứ không phải là ngày nào cũng giảng. Nếu ngày nào cũng giảng thì khoảng một hoặc nửa tháng là xong. Hiện tại Tâm Kinh đã giảng xong, bây giờ bắt đầu giảng bộ Đại Bi Đà La Ni Kinh.

Đây là một bộ Kinh có thể nói là hầu hết quý vị chưa từng được nghe qua; và chẳng riêng gì quý vị mà ngay cả người Trung Hoa cũng vậy, số người được nghe đến bộ Kinh này cũng rất ít. Người Trung Hoa mà đã được nghe, rồi có thể giảng giải nghĩa lý của Kinh một cách tường tận cũng là không dễ, cũng là hy hữu vậy!

Vì vậy, bây giờ tôi đem bộ Kinh Đại Bi Đà La Ni này giảng cho quý vị nghe thì mỗi người, trước hết, phải quét sạch tất cả những ‘rác rưởi’ trong đầu óc của mình. Đừng khởi nhiều vọng tưởng, đừng quá nặng lòng tham, chớ sanh tâm sân hận và cũng chớ quá si mê. Phải quét sạch những rác rưởi tham sân si trước; đó cũng chính là quét dọn sạch sẽ tất cả những đồ ‘xú uế’ trong mỗi người. Phải thu dọn và quét sạch mọi thứ bất tịnh trong chính mình ra ngoài, để sau đó có thể chứa đựng nước cam lồ pháp vị. Bây giờ quý vị mới có thể thanh tịnh mà chứng đắc pháp lực của pháp môn này. Đây là điều tối trọng yếu, quý vị cần lưu tâm!

Bây giờ giảng về từ ngữ “**Thiên Thủ Thiên Nhãn**” (*ngàn tay, ngàn mắt*)”.

Có người nói rằng: “Phải tu pháp Đại Bi Đà La Ni thì mới đạt được ngàn tay ngàn mắt; thế nhưng ‘ngàn tay ngàn mắt’ này dùng để làm gì?” Và còn cho rằng: “Chúng ta mỗi người có được hai tay, hai mắt là đã tốt quá rồi. Hai tay có thể giúp ta cầm nắm đồ vật, hai mắt cho ta nhìn thấy mọi điều; thế thì còn muốn có nhiều mắt, nhiều tay như vậy để làm gì? Xét ra, hiện chúng ta đang ở vào thời đại khoa học, nhiều tay nhiều mắt đến thế cũng chẳng ích lợi gì!” Vậy, nếu quý vị chê nhiều thì khỏi cần tu pháp Đại Bi!

Bây giờ tôi giải thích từ ngữ “Thiên Nhãn (*ngàn mắt*)” trước. Quý vị đều có hai con mắt, và quý vị phải mở mắt ra nhìn thì mới thấy được sự vật, nếu nhắm hai con mắt này lại thì không còn trông thấy gì nữa. Tuy nhiên, nếu quý vị có một ngàn con mắt thì có thể khiến chúng thay phiên nhau làm việc; cho con mắt này nhắm lại để nghỉ ngơi, mở con mắt kia ra để nhìn ngó; quý vị thấy có vi diệu không nào?

“**Ngàn mắt**” này được gọi là ‘thiên nhãn chiếu kiến’ (*ngàn mắt chiếu soi*). Con mắt phàm của chúng ta chỉ có thể nhìn thấy trong phạm vi mười hoặc hai mươi dặm; nếu quý vị dùng kính viễn vọng thì có thể thấy xa tới khoảng một trăm

dặm, còn xa hơn nữa thì e rằng không đủ khả năng. Nếu quý vị có được một ngàn con mắt thì thế nào? Trăm dặm, ngàn dặm, vạn dặm, tận hư không, khắp Pháp Giới; vô số vô biên hành tinh và hệ ngân hà; quý vị đều có thể thấy rõ. Bây giờ, không cần xem vô tuyến truyền hình mà quý vị vẫn có thể biết được: “Ồ! Hai phi hành gia đang đi trên mặt trăng!”” Quý vị thấy có vi diệu hay không? Hiện tại quý vị phải nhờ vào ti vi mới có thể thấy được con người đặt chân lên mặt trăng; nhưng nếu quý vị có ngàn mắt thì khỏi phải dùng ti vi mà vẫn thấy được rõ ràng. Chẳng những khỏi cần ti vi mà quý vị còn khỏi cần trang bị ăng-ten hay hệ thống ra-đa, và cũng chẳng phải trả tiền nữa; bớt được bao nhiêu là rắc rối! Quý vị bảo rằng có một ngàn con mắt là không tốt ư? Bây giờ quý vị biết đó là điều tốt rồi chứ?

Chẳng những thế, với ngàn con mắt này, quý vị có thể từ phía trước thấy được phía sau, từ đằng sau trông rõ đằng trước. Hư Vân Lão Hòa Thượng có câu thơ rằng:

Não hậu kiên tai kinh điều tử,
Đỉnh môn cụ nhãn tróc phi hùng.

Dịch nghĩa

*(Sau đầu thấy má: chụp điều râu,
Cửa đỉnh đủ mắt: tóm gấu bay.)*

Chúng ta vốn không thể nào thấy được mặt mũi của chính mình; tuy nhiên, nếu quý vị có ngàn mắt thì ở phía sau có thể nhìn thấy phía trước, ở phía trước cũng có thể nhìn thấy phía sau; có thể thấy được bản lai diện mục của chính mình. Bây giờ, quý vị cũng có thể thấy được những gì ở trong bụng mình, biết được trong đó có bao nhiêu con trùng chết, trùng lười biếng... Từ bên ngoài quý vị có thể thấy rõ bên trong và từ phía trong quý vị có thể thấy rõ phía ngoài, giống như nhìn xuyên qua bức tường bằng pha lê hay thủy tinh vậy. Bụng quý vị lúc ấy tựa như pha lê lỏng lánh, trong suốt, không còn có sự ngăn cách giữa trong và ngoài. Nhờ đó, quý vị có thể thấy được tim

mình hình thù như thế nào, bụng mình muốn nói điều gì, và cũng biết được mọi ý tưởng cũng như mọi hoạt động của các các cơ quan (*machines*) trong cơ thể mình. Thế nào, bây giờ quý vị có muốn có ngàn mắt không? Quý vị có còn cho rằng có hai con mắt là đủ rồi nữa không? Tôi e rằng bây giờ quý vị cũng nhận thấy như thế là chưa đủ. Ngàn mắt có nhiều diệu dụng như vậy đây!

Còn “Thiên Thủ (*ngàn tay*)” thì sao? Tay dùng để cầm nắm đồ vật. Không cần nói đâu xa, bây giờ chúng ta hãy lấy việc cầm tiền làm thí dụ. Quý vị có hai tay, mỗi tay có thể cầm được mười ngàn đồng chẳng hạn; vậy nếu tôi có một ngàn tay thì tôi có thể cầm được mười triệu đồng. Quý vị không thể nào một lúc mà cầm được nhiều tiền như tôi, quý vị thấy có kỳ diệu không chứ? Hoặc lấy một ví dụ khác, như chia táo chẳng hạn. Quý vị cứ tha hồ, lấy được bao nhiêu táo thì lấy. Tất nhiên, nếu quý vị có một ngàn tay thì lấy được một ngàn trái táo, có hai tay thì chỉ lấy được hai trái. Quý vị xem, như vậy ngàn tay có hữu dụng không chứ? Tuy nhiên, ngàn tay này chẳng phải để dùng vào chuyện vặt vãnh, tầm thường, cũng chẳng phải dùng để tranh ăn như trò chơi của trẻ con.

Công năng của ngàn tay là để cứu người. Ví dụ có một ngàn người bị té xuống biển, quý vị có hai tay thì tay này kéo một người, tay kia lôi một người, tức là chỉ có thể cứu được hai người mà thôi. Nếu quý vị có được một ngàn tay thì chỉ việc thò luôn một ngàn cánh tay xuống biển là vớt được cả một ngàn người suýt bị chết đuối ấy lên bờ. Quý vị thắc mắc là một ngàn cánh tay này dùng để làm gì ư? Để cứu người đấy!

Cho nên nói:

“Thiên Nhãn chiếu kiến, Thiên Nhĩ diêu văn, Thiên Thủ hộ trì.” (*Ngàn mắt chiếu soi, Ngàn tai lắng nghe, Ngàn tay cứu giúp.*)

Ngàn tay là để hộ trì tất cả chúng sanh, nếu như có một chúng sanh có khổ nạn gì thì quý vị chỉ cần duỗi một cánh tay

ra là cứu được chúng sanh ấy thoát vòng khổ ải. Nếu chỉ có hai tay thì quý vị không thể cứu độ được nhiều người. Cho nên Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có ngàn tay ngàn mắt là để cứu hộ tất cả chúng sanh, chứ không phải để đi ăn trộm. Quý vị cần phải hiểu rõ điểm này! Không được khoác lác rằng mình có một ngàn cánh tay để hái trộm một ngàn trái táo!

Ngàn tay và ngàn mắt này rốt ráo là từ đâu đến? Vừa rồi tôi chẳng bảo đó là từ Chú Đại Bi sanh xuất ra hay sao? Quý vị chỉ cần tụng Chú Đại Bi, và tu Đại Bi Pháp của Bốn Mươi Hai Thủ Nhân là được. Thủ Nhân cuối cùng trong Bốn Mươi Hai Thủ Nhân có tên là Tổng Nhiếp Thiên Tý Thủ. Hễ quý vị tụng câu chú của Thủ Nhân này một biến, thì quý vị sẽ có thêm bốn mươi hai cánh tay. Tụng một biến thì có được bốn mươi hai cánh tay; tụng mười biến thì được 420 tay; tụng một trăm biến thì được 4.200 tay. Nếu quý vị tụng một ngàn biến thì sẽ có được 42.000 cánh tay, và cũng có luôn cả 42.000 con mắt. Vấn đề là quý vị có chịu khó tu tập hay không mà thôi! Bởi, Thiên Thủ Thiên Nhân không phải chỉ trong một sớm một chiều mà thành tựu được. Quý vị tu pháp môn này, nếu ngày ngày đều miệt mài dụng công không hề gián đoạn, ngày ngày đều y Pháp tu hành, thì sẽ thành tựu được thứ diệu dụng bất khả tư nghì. Tuy nhiên, nếu quý vị hôm nay tu, ngày mai nghỉ, thì sẽ chẳng có tác dụng gì cả! **Muốn lấy được bằng cấp tiến sĩ của thế gian, thì từ lúc khởi sự học hành cho đến khi thành đạt cũng phải mất khoảng mười bốn, mười lăm năm công phu đèn sách; huống hồ là tu học Phật Pháp? Học Phật Pháp, nếu quý vị không thật sự dụng công hành trì thì chẳng thể nào có sự thành tựu được!**

Quán Thế Âm Bồ Tát là vị Bồ Tát tinh tấn nhất, siêng năng nhất, và không hề muốn nghỉ ngơi. Ngài sẵn lòng suốt ngày cứu độ chúng sanh, chẳng nề hà công việc nhiều vất vả, cũng chẳng quản ngại chúng sanh lắm khổ nạn; cho nên có thể nói rằng Ngài là vị Bồ Tát bận rộn nhất. Ngài không phải là một vị Bồ Tát lười biếng, thích nghỉ ngơi nhàn nhã, mà là một

vị Bồ Tát chăm chỉ, cần mẫn nhất. Bởi một cánh tay thì cứu được quá ít người, hai cánh tay thì số người cứu được cũng còn giới hạn; do đó, Ngài muốn có ngàn tay ngàn mắt, một ngàn cánh tay để cứu vớt và một ngàn con mắt để chiếu cố tất cả chúng sanh trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới. Các chúng sanh mà Ngài chiếu cố đều là những chúng sanh gánh chịu nhiều đau khổ, và các chúng sanh mà Ngài cứu độ là những chúng sanh gặp phải tai ương, hoạn nạn.

Chữ ‘**Quán**’ trong “Quán Thế Âm Bồ Tát” có nghĩa là quán sát, theo dõi. Quán sát cái gì? Quán sát thế giới này. Quán sát cái gì ở thế giới này? Quán sát âm thanh của thế giới này. ‘**Quán**’ chính là trí huệ năng quán, tức là chủ thể trí huệ quán sát. ‘**Thế**’ là cảnh giới sở quán - đối tượng, cảnh giới được quán sát và đó chính là tất cả chúng sanh trong thế giới này.

Chúng sanh lúc khốn khổ gian nan thì thường nghĩ đến ai? Nghĩ đến người cha đại từ bi, nghĩ đến người mẹ đại từ bi. Người cha đại từ bi ấy là ai? Đó là Bồ Tát Quán Thế Âm. Người mẹ đại từ bi ấy là ai? Cũng chính là Quán Thế Âm Bồ Tát. Nhớ nghĩ đến Ngài rồi thì sao? Họ liền niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Nam mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát...” Họ vừa niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát,” thì Bồ Tát Quán Thế Âm liền dùng ngàn mắt trí huệ để nhìn, dùng tai trí huệ để lắng nghe, rồi dùng tay trí huệ để cứu vớt họ.

Chúng sanh có tai nạn khổ ách không phải lúc nào cũng lẻ tẻ, lần lượt từng người một. Nếu trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời lâm nạn, tức là sẽ có trăm ngàn vạn ức chúng sanh đồng thời cầu cứu, xưng niệm “Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát”; thì Đức Quán Thế Âm sẽ đồng thời cứu vớt và tất cả đều sẽ đồng thời được giải thoát, đồng thời được an vui. Vì thế, Bồ Tát Quán Thế Âm được gọi là “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát**”.

Bồ Tát luôn cứu giúp con người. Nếu quý vị cứu giúp con người, quý vị chính là Bồ tát; nếu tôi cứu giúp con người, tôi

cũng là Bồ tát. Nếu quý vị không cứu giúp con người thì quý vị chính là La-sát; và nếu tôi không cứu giúp con người, tôi cũng là La-sát. Quý La-sát và Bồ Tát Quán Thế Âm mới nhìn dung mạo bề ngoài tưởng chừng như không khác nhau là bao, nhưng sự thật lại hoàn toàn tương phản! La-sát quý nữ rất xinh đẹp, song chúng rất ích kỷ, chỉ biết mưu lợi cho mình mà thôi. Diêm khác biệt chính là một bên thì chỉ biết lợi mình mà không biết lợi người; còn một bên thì chỉ biết lợi người mà không màng đến lợi mình. Cho nên, tướng mạo của Quán Thế Âm Bồ Tát rất viên mãn, dung mạo của La-sát nữ cũng chẳng kém ai, nhưng do tâm địa bất đồng, một niệm sai biệt, mà thành ra khác nhau vậy!

Thế nên, nếu quý vị muốn học Quán Thế Âm Bồ Tát thì quý vị phải đi cứu người giúp đời, lợi ích quần sanh. Có người nói: "Tôi không có khả năng gì cả; thứ nhất, tôi không có tiền; thứ hai, tôi không biết thuyết giảng Phật pháp, không khéo ăn nói. Vậy thì tôi làm sao mang lại lợi ích cho nhân loại được?"

Tôi bảo cho quý vị biết: Quý vị có **'miệng từ bi, lưỡi phương tiện'**. **'Miệng từ bi'** tức là có lòng nhân từ, không chửi mắng người khác. **'Lưỡi phương tiện'** tức là dùng căn lưỡi của mình làm phương tiện, chứ không phải để nói chuyện thị phi. Ví như có xảy ra sự xích mích gì đó, mà quý vị, bằng phương tiện quyền xảo giảng nói, làm cho đôi bên được hòa giải, hoặc bằng lời lẽ khéo léo mà hóa giải được các tranh chấp trên thế gian, dập tắt được hiểm họa chiến tranh thế giới, đó là quý vị dùng **'lưỡi phương tiện'** vậy. Có câu:

" Miệng từ bi, lưỡi phương tiện,

Có tiền, không tiền đều tạo được công đức."

Có tiền hay không có tiền đều có thể tạo được công đức như nhau. Đương nhiên có tiền thì cũng có tốt hơn đôi chút, nhưng nếu quý vị không có tiền thì bắt tất phải lo buồn, cũng chẳng nên nghĩ: "Tôi nghèo quá, làm sao làm việc phước đức

được?" Làm việc công đức cốt là để cho quý vị nuôi dưỡng lòng hảo tâm, biết làm việc từ thiện, và làm một con người tốt.

‘**Bồ Tát**’ là Phạn ngữ, nói đầy đủ là ‘**Bồ Đề Tát Đỏa**’. ‘**Bồ Đề**’ dịch nghĩa là ‘**giác**’; còn ‘**Tát Đỏa**’ là ‘**hữu tình**’. Vậy, Bồ Tát có nghĩa là một người đã giác ngộ giữa đám hữu tình, và cũng có nghĩa là một người đi giác ngộ tất cả chúng hữu tình. Thế nào gọi là loài ‘hữu tình’? Tất cả các loài có khí huyết đều được gọi là loài hữu tình. Loài không có khí huyết thì cũng là chúng sanh, song chúng là vô tình - không có tình cảm, không có cảm giác.

Người ta thường nói: “Nhân phi thảo mộc, thực năng vô tình? (*Con người nào phải cỏ cây, sao nữa vô tình?*)”. Câu này ý nói cỏ cây là vô tri vô giác, không có tình cảm; nhưng thật ra, cỏ cây cũng có tình cảm vậy, chẳng qua là thứ tình cảm mê muội, không sáng suốt. Vì sao không sáng suốt? Vì chúng toàn làm những việc ngu si cho nên mới bị biến thành cỏ cây gỗ đá. Chúng là một trong mười hai loại chúng sanh.

Cảnh giới của Quán Thế Âm Bồ Tát vốn bất khả tư nghì. Chính vì cảnh giới bất khả tư nghì này rất bất khả tư nghì, cho nên tôi không thể nào diễn tả được! Bây giờ tôi kể cho quý vị nghe một công án.

Thuở trước, có một người nợ tri tụng Chú Đại Bi đã được khoảng mười hai năm. Trong suốt mười hai năm ấy, ông chẳng gặp chuyện gì gọi là kỳ diệu nhiệm màu cả; Chú Đại Bi chẳng biến ra cơm cho ông ăn, cũng chẳng làm ra áo quần cho ông mặc. Thế nhưng, ông vẫn tin tưởng và chăm chỉ, đều đặn tri tụng Chú Đại Bi. Mỗi ngày ông tụng tới thiểu là 108 biến, mà thông thường là nhiều hơn thế.

Một lần nợ, ông đi chơi xa và phải ngủ qua đêm ở nhà trọ. Tại Trung Hoa, ở một vài địa phương có loại quán trọ gọi là ‘Hắc điếm’. Hắc điếm là gì? Đó là một thứ nhà trọ trá hình của bọn cướp. Bọn cướp này cũng tương tự như thổ phỉ vậy; có

điều, thổ phỉ thì ra chặn đường người ta mà cướp bóc, giết hại. Còn Hắc điếm thì ở trong nhà chờ đợi, khi có khách tới quán của chúng tá túc, thấy khách mang theo tiền của, hoặc đeo nhiều vàng bạc châu báu, ra vẻ khách buôn giàu có, thì chúng liền đưa khách đến một căn phòng nhỏ khá thơm mát và có cửa riêng để chúng có thể ra vào dễ dàng. Sau đó, chúng lên bỏ thuốc mê trong rượu cho khách uống và đến khuya, thừa cơ khách ngủ mê mịch, chúng lên vào đoạt hết tiền bạc, đôi khi còn giết người luôn nữa.

Người trì tụng Chú Đại Bi này ở trọ trong hắc điếm cũng được mời uống thứ rượu có bỏ thuốc mê, nhưng vì thâm tín Phật Pháp nên ông không uống rượu; do đó không bị trúng thuốc mê. Đến nửa đêm, đang ngủ ông chợt nghe có tiếng chân người tiến vào phòng mình. Ông hé mắt nhìn ra, nhác thấy bóng một lưỡi dao sáng loáng, ông sợ đến cứng cả người, tự nhủ: “Người này cầm dao đến hẳn là để giết mình đây!”

Ngay lúc đó, bên ngoài sân bỗng vọng lại có tiếng đập cửa. Chủ quán - kẻ âm mưu giết người giết mình giấu vội con dao, lên ra khỏi phòng, rồi hỏi vọng ra: “Ai đó? Ai gọi cửa đó? Who are you? Who?”

Người ngoài sân đáp: "Tôi đây! Tôi họ Đậu, tên Du Bằng. Tôi có một người bạn ở trọ trong quán ông. Ông ấy tên là... Nhờ ông nhắn lại là tôi mời ông ấy sáng mai đến nhà tôi ăn điểm tâm nhé!"

Chủ quán mở hé cửa nhìn ra thì thấy một người đàn ông trang phục giống như cảnh sát, liền nghĩ: “Thì ra viên cảnh sát này có quen biết với người mà mình định giết. Ông ta là bạn của cảnh sát! Cảnh sát đến mời ông ấy sáng mai đi ăn điểm tâm!” Vì thế, đêm ấy gã chủ quán không dám ra tay giết người.

Sáng hôm sau, chủ quán nói với ông khách trọ chuyên trì Chú Đại Bi: “Ông có người bạn tên Đậu Du Bằng đến tìm tôi qua. Lúc đó đã khuya lắm rồi, mà ông cũng đã đi ngủ nên ông

ấy không muốn đánh thức ông dậy. Ông ấy muốn mời ông hôm nay đến nhà ông ấy ăn sáng.”

Ông này vừa nghe đến mấy tiếng ‘Đậu Du Bằng’ thì cảm thấy rất quen thuộc. Sực nhớ ba chữ ấy vốn ở trong bài Chú Đại Bi, ông chợt hiểu ra ngay, bèn nói: ‘Đúng rồi, ông ấy là bạn tôi đấy. Chúng tôi có hẹn gặp nhau sáng nay, chốc nữa tôi đến nhà ông ấy ăn sáng’.

Người này lọt vào sào huyệt của bọn cướp mà không bị chúng giết hại là nhờ có trì tụng Chú Đại Bi. Do đó, quý vị đừng cho rằng trì tụng Chú Đại Bi là chẳng có ích lợi. Đến lúc quý vị gặp nguy hiểm, sanh mạng của quý vị bị đe dọa, bấy giờ quý vị mới nghiệm ra được diệu dụng mâu nhiệm của Chú. Tuy nhiên, hiện tại quý vị chưa gặp chuyện bất trắc, nguy hiểm tới tánh mạng, thì cũng chưa cần đến sức gia hộ của Chú Đại Bi. **Vậy, quý vị chỉ nên thành tâm chuyên cần trì tụng là đủ, và chớ bận tâm về việc Chú Đại Bi có trợ giúp gì trong vấn đề cơm ăn áo mặc của mình hay không!**

Tôi đã giảng về ý nghĩa của “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát**”; bây giờ nói về từ ngữ “**Quảng Đại**”.

‘**Quảng**’ là rộng lớn (*chỉ bề ngang*). ‘**Đại**’ là cao to (*chỉ bề dọc*). Bộ Kinh này có thể nói là ‘**hoành biến thập phương, thụ cùng Tam Giới**’ nghĩa bề ngang thì trùm khắp hết mười phương, dựng đứng lên thì cao đến tột cùng của Tam Giới. ‘**Tam Giới**’ là ba cõi: Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. ‘**Thập phương**’, như quý vị đều biết, là mười phương: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc, Trên và Dưới.

Hai câu chú trong Chú Lăng Nghiêm là “**A Na Lê. Tỳ Xá Đề**”, cũng hàm nghĩa ‘**quảng đại**’ - một câu ngụ ý ‘hoành biến thập phương’ và một câu là ‘thụ cùng Tam Giới’. Tác dụng của hai câu chú này là mỗi khi niệm lên thì yêu ma quỷ quái, thiên ma ngoại đạo, một bước cũng không đi được, không còn

đường để tâu thoát nữa, đành phải chịu quy đầu phục thiện. Ở đây, ý nghĩa của từ ngữ ‘**quảng đại**’ trong tên đề của Kinh Đà La Ni này thì cũng vẫn vậy, có điều là công năng thì không lợi hại bằng hai câu chú kia.

‘**Viên Mãn**’ có nghĩa là tròn đầy, không còn chút khiếm khuyết nào nữa.

‘**Vô Ngại**’ có nghĩa là không có gì chướng ngại, ngăn trở được cả.

Cái gì quảng đại, viên mãn và vô ngại? Đó là ‘**Đại Bi Tâm**’. Đại Bi Tâm thì vừa quảng đại, vừa viên mãn, lại vừa vô ngại nữa. Đại Bi Tâm có công năng dứt trừ khổ nạn, cứu vớt chúng sanh thoát khỏi mọi gian nan khôn khổ; cho nên nói: ‘**Bi năng bạt khổ**’, lòng bi mẫn, thương yêu, có thể dứt sạch tất cả khổ lụy cho chúng sanh.

Cái gì có được công năng dứt trừ mọi nỗi khổ của chúng sanh? Đó chính là pháp Đà La Ni.

‘**Đà La Ni**’ là Phạn ngữ; Hoa ngữ dịch là ‘**Tổng Trì**’. ‘**Tổng**’ tức là bao hàm tất cả các pháp, tất cả các pháp đều ở trong đó. ‘**Tổng**’ cũng là thủ lãnh, là ‘**cái đầu**’ của tất cả các pháp, có công năng khơi nguồn tất cả các pháp. ‘**Trì**’ là chấp trì, nắm giữ. ‘**Trì**’ cái gì? ‘**Trì vô lượng nghĩa**’, vô lượng đạo lý đều nắm trong sự chấp trì, nắm giữ của quý vị. Chỉ cần quý vị trì tụng Đa La Ni thì sẽ có được công năng này.

Vậy, trong tên đề của bộ kinh này, chữ ‘**Kinh**’ là tên chung (*thông danh*), và “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**” là tên riêng (*biệt danh*). Kinh này lấy Nhân (*người*) và Pháp để lập thành đề mục hay tựa kinh (*tittle*). “**Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ Tát**” là Nhân; còn “**Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni**” là Pháp. Lại cũng có thể nói rằng đề mục của bộ kinh này thuộc loại Nhân, Pháp, Dụ mà lập đề; trong đó, “**Tâm**” là Dụ. “**Đại Bi Chú**” ví

như cái tâm Đại Từ Bi tiềm tàng trong mỗi con người, cho nên gọi là **“Đại Bi Tâm Đà La Ni”**.

“Kinh” có nghĩa là ‘kinh thường bất biến (*mãi mãi như thế*)’, không bao giờ thay đổi.

Bộ Kinh này lấy gì làm **“Thể”**? Lấy ‘Thật tướng’ làm Thể. Thật tướng chính là Vô tướng, mà Vô tướng cũng chính là Thật tướng.

Có Thể rồi thì cần phải có **“Tông (Tông chỉ)”**. Vậy, Kinh này lấy gì làm Tông chỉ? Lấy **‘hàng phục chur ma, chế phục ngoại đạo’** làm Tông-chỉ.

Lấy gì làm **“Dụng”**? Lấy sự **“diệt ác sanh thiện, bớt khổ thêm vui”**, làm chỗ **“Dụng”**. **‘Hàng phục chur ma, chế phục ngoại đạo’** có nghĩa là trừ diệt điều ác, sanh khởi điều thiện, dứt khổ thêm vui; do đó, **‘sanh thiện, diệt ác’** chính là lực dụng của bộ Kinh này vậy.

Kinh này có công năng sanh thiện, diệt ác, cứu khổ, ban vui và lấy **“Đề hồ”** làm giáo tướng, diệu vị **“Đề hồ”** và **“Vô thượng Cam lồ”** đều được lưu xuất từ bộ Kinh này.

Trên đây là dùng Ngũ Trùng Huyền Nghĩa: ‘Danh, Thể, Tông, Dụng, Giáo’ và bảy loại lập đề để giải thích sơ lược về đề mục bộ Kinh.

ĐƯỜNG TÂY THIÊN TRÚC SA-MÔN GIÀ-PHẠM-ĐẠT-MA DỊCH.

Chúng ta đã tìm hiểu phần đề mục, bây giờ nói về dịch giả. Bộ Kinh này vốn do ai phiên dịch? **“Đường Tây Thiên-Trúc Sa-môn”**, tức là dưới triều đại nhà Đường có một vị Sa-môn người xứ Tây Thiên-Trúc. Tây Thiên Trúc là thuộc Ấn Độ. Thời ấy, nước Ấn Độ gồm có năm vùng: Nam Ấn, Bắc Ấn, Đông Ấn, Tây Ấn và Trung Ấn; và vị Sa môn này ở vùng Tây Ấn.

“**Sa-môn**” nghĩa là gì? Sa-môn là tiếng Phạn; Hán ngữ dịch là ‘cần túc’: cần tu Giới Định Huệ, túc diệt tham sân si (*siêng tu Giới Định Huệ, dứt sạch tham sân si*).

Oai nghi của một vị Sa-môn (*siêng tu Giới luật*) là như thế nào? Tỳ kheo Mã Thắng (*luôn nghiêm trì oai nghi, giới luật*) là một trong năm vị đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, và cũng là người có oai nghi tốt đẹp nhất. Lúc chưa gặp Phật, Tôn-giả Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên tình cờ thấy Tỳ kheo Mã Thắng đáp y, ôm bình bát đi khát thực. Ngài vừa đi vừa nhiếp trì chánh niệm: ‘mắt quán mũi, mũi quán miệng, miệng hỏi lòng, mắt không nhìn dáo dác, tai không chực nghe ngóng’ tuy chân bước đều mà dáng vẻ so với nhập Định chẳng có gì khác biệt. Bấy giờ, hai Tôn-giả đều kinh ngạc: “Ồ! Sao người này lại có được tướng mạo tốt đẹp thế kia?” Và liền đến thỉnh giáo thầy Tỳ kheo: “Chẳng hay Ngài học pháp ở đâu mà có được oai nghi tuyệt diệu như thế?”

Mã Thắng Tỳ kheo đáp: “Tôi học oai nghi với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.” Rồi Ngài đọc bài kệ:

“Chư pháp tùng duyên sanh,
Chư pháp tùng duyên diệt.
Ngã Phật Đại Sa-môn,
Thường tác như thị thuyết.”

Nghĩa là:

“*Các pháp từ duyên sanh,
Các pháp theo duyên diệt.
Phật ta Đại Sa-môn,
Thường dạy như vậy đó!*”

Vị Sa-môn người xứ Tây Thiên-Trúc này chỉ để vồn vẹn “**Đường Tây Thiên-Trúc Sa-môn**”, chứ không dùng hai chữ ‘**Tam Tạng**’ trong danh xưng của mình, có lẽ vì Ngài chỉ thông đạt một hoặc hai tạng trong số ba tạng Kinh, Luật và Luận.

“Già Phạm Đạt Ma dịch”: Già Phạm Đạt Ma là tên của vị Sa-môn người xứ Tây Thiên-Trúc, và có nghĩa là ‘Kính Pháp’ hoặc ‘Tôn Pháp’. Ngài là một vị Sa-môn rất mực tôn kính giáo pháp của Đức Phật, và chính ngài đã dịch bộ Kinh Đà La Ni này từ tiếng Ấn Độ sang tiếng Trung Hoa.

Đã giảng xong phần đề mục của kinh và người dịch của bộ kinh này. Bây giờ chính thức vào phần kinh văn.

Kinh Văn:

如是我聞。一時。釋迦牟尼佛在補陀落迦山觀世音宮殿。寶莊嚴道場中。坐寶師子座。其座純以無量雜摩尼寶而用莊嚴。百寶幢旛。周匝懸列。

Hán dịch: Như thị ngã văn: Nhất thời, Thích Ca Mâu Ni Phật tại Phổ Đà Lạc Già sơn. Quán Thế Âm Bồ tát cung điện, Bảo Trang Nghiêm đạo tràng trung, tọa bảo sư tử tòa. Kỳ tòa thuần dĩ vô lượng tạp ma ni, bảo nhi dụng trang nghiêm, bách bảo tràng phan châu tráp huyền.

(Việt dịch: Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên bảo tòa Sư tử trong đạo tràng Bảo Trang Nghiêm, là cung điện của Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát thị hiện ở núi Phổ Đà Lạc Già. Chỗ ấy toàn dùng vô số ngọc báu ma ni để trang nghiêm, treo xung quanh là tràng phan làm bằng trăm thứ quý báu khác.)

Lược Giảng:

“Như thị ngã văn”:

‘Như thị’ là tín thành tựu

‘Ngã văn’ là văn thành tựu

“Như thị” có nghĩa là: đúng là như vậy, hoàn toàn đáng tin cậy. ‘Như’ có nghĩa là bất biến, không thể nào khác được. ‘Thị’ là như vậy, hoàn toàn là chính xác. ‘Như thị’ nghĩa là hoàn toàn như thật, hoàn toàn đích xác, không gì thay đổi được. Mọi Kinh Phật đều mở đầu bằng bốn chữ **“Như thị ngã văn”**. Vì sao có nguồn gốc bốn chữ này? Bốn chữ này là do Tôn giả A Nan tiếp chỉ từ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật lúc sắp nhập Niết bàn đã Di giáo lại.

Lúc Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, tuy A Nan đã

chúng đến nhị quả nhưng vẫn còn sự cảm động lưu luyến không dứt. Biết vậy, A Nan cầu thỉnh Phật phải trụ thế, chưa có thể viên tịch, nhưng vẫn không được. Cầu thỉnh không được thì làm sao? Ông ta khóc, khóc oà lên đầm đìa nước mắt, mọi cái đều quên hết. Vì sao vậy? Vì ông ta rất ái mộ Phật.

Quý vị xem trong ‘Kinh Lăng Nghiêm’, A Nan vì sao xuất gia? Là vì thấy Phật ‘tướng hảo quang minh, có đủ ba mươi hai tướng tốt, và tám mươi vẻ đẹp’. Ông ta liền sanh ái kiến và tự nhủ lòng: ‘Ồ, tướng hảo Đức Phật tốt như thế, tôi nguyện ở mọi lúc mọi nơi theo làm thị giả hầu cận Đức Phật, dầu có khó nhọc bao nhiêu tôi cũng nguyện theo’. Sơ tâm xuất gia vì lòng ái mộ như thế, nên lúc Đức Thích Ca sắp nhập Niết bàn, ông ta vẫn còn mang ái kiến, không muốn thấy có điều đó, nên liền khóc than cầu khẩn.

Như quý vị biết A Na Luật Tôn giả là một vị đệ tử bị mù, tuy bị mù nhưng trong tâm rất sáng tỏ. Lúc đó, A Na Luật vẫn biết Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, mà cứ thấy A Nan mãi khóc lóc không ngớt như thế, nên ông ta đến bên cạnh A Nan nói rằng:

Này A Nan! Ông khóc gì vậy?

A Nan nói: Đức Phật Thích Ca sắp nhập Niết bàn, làm sao thầy bảo tôi không khóc! Không có cách nào mà không khóc cả?

Tôn giả A Na Luật nói:Ồ! Bây giờ thầy đang có nhiều việc trọng yếu phải làm mà! Thầy khóc có ích lợi gì cơ?

Ngài A Na Luật nói vậy, A Nan cũng tỉnh ra một chút và ngớt khóc.

Ngài A Nan nói: À, có việc quan trọng, việc quan trọng gì?

Tôn giả A Na Luật liền nói: Đức Phật sắp nhập diệt, chúng ta phải thỉnh vấn, là sau này kết tập Kinh Tạng, thì tất cả những điều Đức Phật tuyên thuyết sau này, sẽ kết tập thành

Kinh điển thì phải mở đầu Kinh điển như thế nào?

A Nan đáp: Việc này quan trọng đây, đó là việc phải làm, còn việc gì nữa không?

Tôn Giả A Na Luật nói: Lúc Đức Phật còn tại thế chúng ta được theo Phật mà an trú, sau này Đức Phật nhập Niết bàn rồi chúng ta phải ở trú xứ nào?

A Nan ngừng một lát rồi bảo: Ô! Giờ tôi như lẩn thẩn, nếu thầy không bảo tôi có lẽ tôi không nghĩ ra. Việc này cũng khá trọng yếu đây! Còn việc gì nữa không?

Tôn giả A Na Luật lại bảo rằng: Lúc Phật còn tại thế, Phật là Đấng Đạo Sư của chúng ta, sau khi Phật nhập Niết bàn, chúng ta nên tôn ai làm thầy? Chúng ta nên tiến cử ai làm lãnh tụ Tăng đoàn, một người đại biểu của Tăng già mà mọi người phải tuân thủ?

A Nan đáp rằng: Ô! Thầy nói điều này cũng rất quan trọng, đó là điều thứ ba, còn có điều gì nữa không?

A Na Luật Tôn giả bảo: Điều thứ tư là lúc Đức Phật còn tại thế, có một số Tỳ kheo tha hóa, phạm giới gọi là ‘ác tính Tỳ kheo’ thì Đức Phật có thể chế phục và giáo huấn được. Sau này Đức Phật đã nhập diệt thì các ‘ác tính Tỳ Kheo’ này làm sao có biện pháp nghiêm trị?

Ngài A Nan đáp: À! Điều này cũng rất quan trọng, còn có vấn đề gì nữa không?

Tôn giả A Na Luật nói: Không còn nữa! Những vấn đề tôi muốn đề cập tôi đã nói hết. Còn chính thầy còn thắc mắc vấn đề gì nữa không? Tự thầy nghĩ lại xem!

Tôn giả A Nan đáp: Chính tôi cũng không còn vấn đề gì, bốn điều này đã đủ rồi!

Vì thế Tôn giả A Nan vội vàng đến chỗ Đức Phật mà thỉnh vấn:

Bạch Đức Thế Tôn! Ngài đã sắp nhập Niết bàn, bây giờ chúng con có mấy vấn đề thắc mắc, kính xin Đức Phật từ bi chỉ giáo.

Đức Phật bảo: Vấn đề gì, ông cứ trình bày ra!

Tôn giả A Nan liền bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Ngài tại thế, Ngài có thể giáo hóa được hạng ‘ác tính Tỳ kheo’, còn sau khi Ngài diệt độ rồi thì làm sao có thể hoán cải được họ. Dạ! Đây là điều thứ tư lẽ ra con không nên hỏi trước, nhưng cũng có thể làm điều thứ nhất để tham vấn Ngài.

Đức Phật đáp rằng: Ác tính Tỳ kheo làm sao chế phục ư?

Các Ngài phải dùng pháp ‘**Mặc tẩn**’ để bắt đầu hoán đổi họ.

Sao gọi là mặc? Mặc là im lặng, không có giảng giải gì thêm với họ. Tẩn là gì? Nghĩa là mọi người phải nên cho họ biệt lập, mọi người không được trao đổi, quan hệ gì với họ. Hãy dùng sự ‘im lặng sấm sét’ của Đại chúng để giải hóa họ? Lời nói không lời ấy sẽ làm cho họ có một sức nén để bùng tỉnh! Điều này Đức Phật có dạy rõ trong Giới luật.

Đức Phật bảo: Còn có thắc mắc gì nữa không, ông cứ nói ra.

Tôn giả A Nan liền bạch: Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Ngài còn tại thế. Ngài là Đấng Đạo Sư của chúng con, vậy sau khi Ngài diệt độ, chúng con phải tôn ai làm thầy? Chúng con có phải tìm một vị thầy nào khác để thọ giáo không?

Đức Phật bảo: Không cần! Sau khi ta diệt độ, các ông hãy lấy “**Giới luật**” làm thầy, lấy Ba La Đề Mộc Xoa làm thầy của các ông. Phạm là Tỳ kheo phải nghiêm trì Giới luật, lấy Giới luật làm thầy!

Tôn giả A Nan lại bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Ngài còn tại thế, chúng con được hầu cận bên Ngài, vậy sao khi Ngài diệt độ chúng con biết dời đến trú xứ nào mà cư trú?

Đức Phật dạy: Sau khi Ta diệt độ, các ông hãy y theo ‘Tứ

Niệm Xứ’ mà an trú. Tứ Niệm Xứ như ta đã từng dạy, các ông phải dùng ‘bốn loại quán’ này để an trú, ngõ hầu tiến xa trên lộ trình đạo nghiệp.

A Nan bạch Đức Phật tiếp: Con còn có vấn đề này nữa, vấn đề này rất trọng yếu hơn các vấn đề trước.

Đức Phật bảo: Vấn đề gì nữa, ông cứ nói ra.

Tôn giả A Nan liền bạch Phật: Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả những lời dạy của Ngài được tuyên thuyết trong đời này. Sau khi Ngài nhập diệt, chúng con phải kiết tập Kinh điển, lúc biên tập chúng con nên dùng chữ gì để mở đầu các Kinh điển, xin Ngài Di giáo.

Đức Phật liền dạy: À! Vấn đề này? Ông nên dùng bốn chữ ‘N hư Thị Ngã Văn’ (*Tôi nghe như vậy*) để làm sự mở đầu cho các Kinh điển.

Vì vậy, nên tất cả các Kinh Phật hiện giờ đều mở đầu bằng ‘N hư Thị Ngã Văn’ (*Tôi nghe như vậy*). Nghĩa là tất cả những Kinh pháp này là đích thân A Nan tôi tận tai nghe Đức Phật tuyên thuyết. Tất nhiên Tôn giả A Nan là ‘Đa văn đệ nhất’ nên Đức Phật đã mật ý phó chúc cho A Nan ‘tái phát âm’. Vì Tôn giả A Nan có một công năng kỳ lạ mà không ai có: Đó là một điều nghe qua đều nhớ rõ mồn một, gọi là ‘quá nhĩ bất vong’, không bao giờ quên sót.

Bốn chữ ‘N hư Thị Ngã Văn’ này có 3 ý nghĩa.

Thứ nhất là khác với ngoại đạo.

Thứ hai tránh tranh luận.

Thứ ba là đoạn lòng nghi.

Thứ nhất là khác ngoại đạo: Sao gọi là khác ngoại đạo? Vì tất cả những kinh điển của ngoại đạo. một khi mở đầu thường dùng hai chữ A (無) và ÚM (有). ‘A’ nghĩa là ‘Vô’. ‘Úm’ nghĩa là ‘hữu’, mở đầu liền nói ‘Vô hữu’ hoặc ‘hữu vô’.

Ngoại đạo có kiến giải rằng, tất cả vạn hữu có hai đạo lý, một là ‘hữu’ và một là ‘vô’.

‘Hữu’ có nghĩa là chấp thường.

‘Vô’ nghĩa là đã chấp đoạn.

Nói như vậy thì bất kể cái gì, không phải là ‘vô’ thì nghĩa là ‘hữu’ mà không phải là ‘hữu’ thì là ‘vô’. Nói tóm lại là không thể chấp nhận hai phạm trù ‘hữu vô’ này cũng tức là không thể đưa ra hai kiến giải một đàng là ‘đoạn kiến’, một đàng là ‘thường kiến’

Ở đây nói ‘Nhu Thị Ngã Văn’ này cũng không phải chấp đoạn, cũng chẳng phải chấp thường, cũng không phải là ‘hữu’ chẳng khẳng quyết là ‘vô’. Đó là sự khác nhau với kiến giải ngoại đạo là ở chỗ này vậy.

Thứ hai là tránh tranh luận.

Lúc ấy, Tôn giả A Nan chỉ mới chứng Nhị quả Tư Đà Hàm, tuy về sau lúc kết tập Kinh Tạng A Nan đã chứng được Tứ quả A La Hán, nhưng cũng là một vị A La Hán rất nhỏ tuổi. Trong lúc các vị như Đại Ca Diếp, Tu Bồ Đề đều là các vị trưởng thượng, tuổi cao tác lớn, lập tuế cao thâm, đức độ tròn đầy. Vì A Nan là người tuổi còn trẻ như thế, nên lúc thăng tòa kết tập Kinh Tạng, thì sợ trong đại chúng có người tranh chấp. Bạn cũng muốn là đệ nhất, tôi cũng muốn là đệ nhất, nhưng vì ngôi ‘đệ nhất’ chỉ có một người, không thể có nhiều người. Vậy thì nhiều vị A La Hán như thế sẽ tiên cử vị nào? Đề cử người tuổi lớn thì sợ người tuổi nhỏ không cảm phục, chọn người tuổi nhỏ thì người tuổi lớn không bằng lòng, chọn người trung niên thì cũng chẳng biết chọn ai là hay nhất? Cho nên sẽ không có cách nào sẽ xử lý được sự kiện này, nếu như Đức Thế Tôn không Di huấn lại.

Như thế nên dùng bốn chữ ‘Nhu Thị Ngã Văn’ (*Tôi nghe như vậy*) nghĩa là điều ấy không phải là ý bạn, cũng chẳng phải là ý tôi mà cũng chẳng phải ý của bất cứ một ai cả. Đó là

tất cả những điều mà Đấng Đạo Sư tuyên thuyết, nay được kết tập mà không một ai có quyền ‘can gián’ vào đó. Bạn cũng không phải là đệ nhất, tôi cũng không phải là đệ nhất, không có đệ nhất nên mọi người không có sự tranh chấp gì cả.

Thứ ba là đoạn các nghi.

Bốn chữ ‘Nhu Thị Ngã Văn’ này là được Đức Phật phó thác Di huấn lại. Cũng có nghĩa là những điều sau này được chép lại trong Kinh điển là điều ‘chắc thật’. Đức Thế Tôn Di huấn là bốn chữ ‘Nhu Thị Ngã Văn’, trong mật ý là Đức Phật đã tin chắc và xác quyết lại một lần nữa, là những Kinh điển sau này được Tôn giả A Nan ‘tái thuyết’ thì đều là sự thật. Vì Bảo Tạng Kinh trong ‘Tạng thức ký ức’ của A Nan cũng là Bảo Tạng Kinh mà Đức Thế Tôn đã từng tuyên thuyết.

Vì thế bốn chữ này cũng là đại biểu cho ‘**Kim khẩu**’ của Đức Phật, nên trong Tăng đoàn và chúng sanh về sau không ai còn có thể thắc mắc, hay nghi hoặc những điều trong Kinh Tạng nữa.

“**Nhu Thị**” là tín thành tựu.

“**Ngã Văn**” là văn thành tựu.

“**Nhất thời**” là thời thành tựu.

“**Thích Ca Mâu Ni Phật**” là chủ thành tựu.

“**Tại Phổ Đà Lạc Già Sơn**” là xứ thành tựu.

‘Lục thành tựu’ này là một sự ‘xác quyết chắc thật’ về những gì xung quanh một Pháp Hội mà Đức Thế Tôn đã từng thuyết pháp.

“**Phổ Đà Lạc Già**” là tiếng Phạn. Trung Hoa dịch là ‘Tiểu Bạch Hoa’, vì trên núi này có nở một loại hoa Tiểu Bạch nên gọi núi này là Tiểu Bạch Hoa Sơn hay còn gọi là Phổ Đà Lạc Già Sơn.

“**Quán Thế Âm Bồ Tát cung điện**”: đó là cung điện thị hiện của Đức Quán Thế Âm.

“**Bảo Trang Nghiêm Đạo Tràng Trung**”: đạo tràng nơi cũng điện Bồ tát Quán thế âm tại núi Phổ Đà có tên là Bảo Trang Nghiêm.

“**Toạ bảo sư tử toà**”: đức Phật ở trên núi này, ngồi trên toà sư tử, “**chỗ ấy toàn dùng vô số ngọc báu ma ni để trang nghiêm**”: toà sư tử này đều dùng vô số thất bảo châu để trang nghiêm, tạo thành. “**tràng phan làm bằng trăm thứ quý báu khác**”: có trăm loại tràng phan báu, “**treo xung quanh**”: treo ở xung quanh.

Ở trong đạo tràng này đều làm bằng thất bảo rất trang nghiêm, xung quanh treo rất nhiều tràng phan làm bằng trăm thứ quý báu. Chính trong đạo tràng này Đức Thế Tôn ngồi trên bảo tòa Sư tử để giảng dạy thuyết pháp.

Kinh Văn:

爾時如來於彼座上。將欲演說總持陀羅尼故。與無央數菩薩摩訶薩俱。其名曰。總持王菩薩。寶王菩薩。藥王菩薩。藥上菩薩。觀世音菩薩。大勢至菩薩。華嚴菩薩。大莊嚴菩薩。寶藏菩薩。德藏菩薩。金剛藏菩薩。虛空藏菩薩。彌勒菩薩。普賢菩薩。文殊師利菩薩。如是等菩薩摩訶薩。皆是灌頂大法王子。

Hán dịch: Nhĩ thời như lai ư bỉ tòa thượng, tương dục diễn thuyết tổng trì Đà La Ni cố, dĩ vô ương số Bồ tát Ma ha tát câu, kỳ danh viết: Tổng Trì Vương Bồ tát, Bảo Vương Bồ tát, Dược Vương Bồ tát, Dược Thượng Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Hoa Nghiêm Bồ tát, Đại Trang Nghiêm Bồ tát, Bảo Tạng bồ tát, Đức Tạng Bồ tát, Kim Cang Tạng Bồ tát, Hư Không Tạng Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát. Như thị đẳng Bồ tát ma ha tát, giai thị quán đánh Đại Pháp Vương tử.

(Việt dịch: Lúc bấy giờ, Đức Như Lai ở trên bảo tòa, sắp sửa tuyên thuyết Pháp môn Tổng Trì Đà La Ni. Có vô số Bồ tát Ma ha tát đến tham dự; danh hiệu các vị ấy là: Tổng Trì Vương Bồ tát, Bảo Vương Bồ tát, Dược Vương Bồ tát, Dược Thượng Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Hoa Nghiêm Bồ tát, Đại Trang Nghiêm Bồ tát, Bảo Tạng Bồ tát, Đức Tạng Bồ tát, Kim Cang Tạng Bồ tát, Hư Không Tạng Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Phổ Hiền Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát. Các vị Bồ Tát Ma ha tát như thế đều là những Đại Pháp Vương Tử đã được quán đánh.)

Lược Giảng:

“Lúc bấy giờ, Đức Như Lai ở trên bảo tòa, sắp sửa tuyên thuyết Pháp môn Tổng Trì Đà La Ni”: khi ấy, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi trên tòa Sư tử, và muốn đem pháp môn Tổng trì Đà La Ni ra giảng nói. **"Đà La Ni"** chính là **"Tổng trì"**, mà **"Tổng trì"** cũng là **"Đà La Ni"**. Ở đây thì gọi là **"Tổng trì Đà La Ni"**; cũng có thể nói rằng Chú Đại Bi là chú tổng trì trong Đà La Ni.

Trong Pháp Hội ấy **“có vô số Bồ tát Ma ha tát đến tham dự”**. Bồ tát Ma ha tát tức là bậc Đại Bồ tát; và **“danh hiệu các vị ấy là”:**

1) Tổng Trì Vương Bồ tát. Thế nào gọi là ‘tổng trì’? ‘Tổng’ là bao hàm tất cả pháp; ‘trì’ là nắm giữ vô lượng nghĩa. Điều này có nghĩa là tất cả các pháp môn vị Bồ tát này đều thọ trì; đều sáng tỏ và đều liễu đạt. Vì vậy, Ngài có danh hiệu là Tổng Trì Vương Bồ tát.

2) Bảo Vương Bồ tát: lại có một vị Bồ tát tên là Bảo Vương Bồ tát.

3) Dược Vương Bồ tát: lại có vị Bồ tát tên là Dược Vương Bồ tát. Vị Bồ tát này chuyên chữa bệnh cho chúng sanh.

4) Dược Thượng Bồ tát: Dược Vương Bồ tát và Dược Thượng Bồ tát vốn là hai anh em, và đều phát nguyện hộ trì Phật Pháp.

5) Quán Thế Âm Bồ tát: trong số các Đại Bồ tát tham dự Pháp hội, cũng có ngài Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát nữa.

6) Đại Thế Chí Bồ tát: vị Bồ tát này mỗi khi duỗi tay hoặc nhắc chân thì cả đại địa đều chấn động sáu cách; cho nên Ngài được gọi là Đại Thế Chí Bồ tát.

7) Hoa Nghiêm Bồ tát: vị Bồ tát này chuyên thọ trì Kinh Hoa Nghiêm.

8) Đại Trang Nghiêm Bồ tát: lại có một vị Bồ tát có danh hiệu là Đại Trang Nghiêm Bồ tát.

9) Bảo Tạng Bồ tát: vị Bồ tát này có vô lượng bảo tạng, bất cứ thứ bảo bối gì Ngài cũng có cả.

10) Đức Tạng Bồ tát: đức hạnh của vị Bồ tát này là vô lượng vô biên, cho nên Ngài có danh hiệu là Đức Tạng Bồ tát.

11) Kim Cang Tạng Bồ tát: vị Bồ tát này là một trong các vị Bồ tát Hộ Pháp Kim Cang Mật Tích.

12) Hư Không Tạng Bồ tát: lại có một vị tên là Hư Không Tạng Bồ tát nữa.

Những vị Bồ tát này có lẽ quý vị đều biết hoặc đã từng nghe nhắc đến.

13) Di Lạc Bồ tát: ‘Di Lạc’ là tiếng Phạn, dịch nghĩa là ‘Từ Thị’. Vị Bồ tát này còn có tên là A Dật Đa. ‘A Dật Đa’ là tiếng Phạn, dịch nghĩa là ‘Vô Năng Thắng’. Trong tương lai, Di Lạc Bồ tát sẽ thành Phật ở thế giới này.

14) Phổ Hiền Bồ tát: tức là ngài Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ tát.

15) Văn Thù Sư Lợi Bồ tát: tức là ngài Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ tát.

“Các vị Bồ tát Ma ha tát như thế đều là những Đại Pháp Vương Tử đã được quán đảnh”: những vị Bồ tát kể trên đều là những bậc Bồ tát Ma ha tát thuộc hàng thượng thủ, và đều ở ngôi vị “**Quán Đảnh**” - được Phật thọ ký tương lai sẽ thành Phật. Các ngài đều đã được Đức Phật trao nước “**Quán Đảnh**” và bảo cho biết tương lai sẽ thành Phật ở thế giới nào, quốc độ nào, vào thời điểm nào và mang danh hiệu gì.

Kinh Văn:

又與無量無數大聲聞僧。皆行阿羅漢。十地。摩訶迦葉而為上

Hán dịch: Hựu dĩ vô lượng vô số đại Thanh Văn tăng, giai hành A la hán thập địa, Ma Ha Ca Diếp nhi vi thượng thủ.

(Việt dịch: Lại có vô lượng vô số Đại Thanh Văn Tăng, tất cả đều hành A la hán ở Thập Địa; với ngài Ma Ha Ca Diếp làm thượng thủ.)

Lược Giảng:

“**Lại có vô lượng vô số Đại Thanh Văn Tăng, tất cả đều hành A la hán ở Thập Địa; với ngài Ma Ha Ca Diếp làm thượng thủ**”: trong Pháp hội còn có các bậc Đại Thanh Văn tu hạnh A la hán đã đạt đến quả vị Thập Địa, mà đứng đầu là Trưởng lão Đại Ca Diếp.

“**A la hán**” là tiếng Phạn (*Arhat*). Có ai còn nhớ ‘A la hán’ dịch sang tiếng Anh là gì và có mấy nghĩa không? Người nào biết thì nên nói ra, không nên ngồi làm thinh như thế! Biết mà không chịu nói ra cho mọi người cùng nghe tức là ‘hà tiện’ Pháp! (*‘Hà tiện Pháp’ có nghĩa là bôn xén, không muốn chia sẻ sự hiểu biết của mình với người khác.*)

“**A la hán**” là quả vị cao nhất trong Thanh Văn thừa, và có ba nghĩa:

1) Ứng cúng (*xứng đáng được nhận sự cúng dường của cõi người và cõi trời*);

2) Sát tặc (*giết giặc phiền não lậu hoặc*);

3) Vô sanh (*đã đoạn được sự sanh tử luân hồi*).

“**Tỳ kheo**” (và ‘*Tỳ kheo ni*’) cũng có ba nghĩa; đó là những nghĩa gì?

Đệ tử đáp: "Đó là Phá ác, Ma... ma sợ?"

Là ‘sợ ma’? Hay là ‘ma sợ’? Nếu quý vị đảo ngược hai chữ này thì ý nghĩa sẽ hoàn toàn khác hẳn. ‘Sợ ma’ có nghĩa là quý vị sợ Ma vương; còn ‘ma sợ’ tức là Ma vương sợ quý vị. Ở đây, từ ngữ mà chúng ta muốn nói đến là ‘**bồ ma**’ tức là Ma vương sợ quý vị, chứ không phải là quý vị sợ Ma vương. Ma vương sợ thầy Tỳ kheo; song phải là thầy Tỳ kheo tốt, có tu hành, có đạo hạnh, thì Ma vương mới nể sợ; chứ nếu là vị Tỳ kheo không tu hành, thì Ma vương chẳng những không sợ mà còn lán lướt, quấy nhiễu nữa là khác! Hễ quý vị chăm chỉ tu hành thì Ma vương sẽ kính nể quý vị; còn nếu quý vị không tu hành, thì quý vị sẽ sợ Ma vương!

Ngoài hai nghĩa ‘Bồ ma’ và ‘Phá ác’, chữ ‘Tỳ kheo’ còn hàm nghĩa ‘Khất sĩ’ (*người đi xin*).

‘Thập Địa’ là gì? Đó là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa, Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa và Thập Địa.

‘Thập Địa’ được đề cập đến ở đây chính là Thập Địa của Bồ tát Đại thừa và "A la hán ở Thập Địa" có nghĩa là bậc A la hán đã chứng đắc cảnh giới Bồ tát Thập Địa.

Lúc giảng Kinh Địa Tạng, tôi đã nhiều lần giảng về thuật ngữ “Thập Địa” này:

Kinh Địa Tạng, Phẩm thứ nhất: “Địa Tạng Bồ tát chứng Thập Địa quả vị dĩ lai, thiên bồi đa u thượng dụ”. (*Từ lúc Bồ tát Địa Tạng chứng quả vị Thập Địa đến nay đã nghìn lần lâu hơn con số tỷ dụ nêu trên.*)

Có ai còn nhớ Thập Địa là gồm những gì không? Có lẽ

Quả Địa còn nhớ đây. Quý vị có người nào còn nhớ không? Ai nhớ được thì hãy mau mau lên tiếng!

Đệ tử: Viễn Hành Địa.

Sư Phụ: Viễn Hành Địa ư? Okay! Thế dịch sang tiếng Anh là gì?

Đệ tử: Traveling Far.

Sư Phụ: Yes! Còn gì nữa?

Đệ tử: Happiness (*Hoan Hỷ Địa*), Leaving Filth (*Ly Cấu Địa*), Emitting Light (*Phát Quang Địa*), Blazing Wisdom (*Diễm Huệ Địa*), Invincible (*Nan Thắng Địa*), Manifesting (*Hiện Tiền Địa*), Traveling Far (*Viễn Hành Địa*), Unmoving (*Bất Động Địa*), Good Wisdom (*Thiện Huệ Địa*), Dharma Cloud (*Pháp Vân Địa*).

Sư Phụ: Yes, very good! (*Chính xác, rất tốt*). Đó gọi là Thập Địa.

1) Sơ Địa, hay địa thứ nhất trong Thập Địa, gọi là Hoan Hỷ Địa. Bồ tát đạt đến địa vị này luôn luôn vô cùng hoan hỷ, vui vẻ.

Lúc Quán Thế Âm Bồ tát còn ở địa thứ nhất này, sau khi được nghe Thiên Quang Vương Tịnh Trụ Như Lai tuyên thuyết Chú Đại Bi, thì Ngài liền chứng đắc quả vị Bất Địa, tức là đang từ Sơ Địa mà tiến vọt lên chứng đạt địa vị thứ tám là Bất Động Địa. Chỉ những Bồ tát đã đạt đến Bất Địa mới có Định lực chân chánh, mới thật sự không còn bị dao động.

Ở quả vị Hoan Hỷ Địa này, mọi lúc mọi nơi Bồ tát đều hoan hỷ giáo hóa chúng sanh. Nhờ luôn ở trong sự hoan hỷ nên Bồ tát có thể dứt sạch dần mọi cấu nhiễm dơ bẩn để chứng đắc địa thứ nhì - Ly Cấu Địa.

2) Ly Cấu Địa. Tại Sơ Địa, tuy Bồ tát luôn luôn hoan hỷ nhưng vẫn chưa dứt sạch cấu nhiễm, chưa đạt được sự thanh

tịnh. Đến Nhị Địa, Bồ tát mới tẩy sạch hết trần cấu nhiễm ô, được hoàn toàn thanh tịnh.

3) Phát Quang Địa. Bởi Bồ tát đã hoàn toàn thanh tịnh, trong sạch, cho nên có hào quang phát ra; vì thế Tam Địa được gọi là Phát Quang Địa.

4) Diệm Huệ Địa. Trí huệ quang minh của Bồ tát ở địa vị này thì có rực rỡ hơn, tiến bộ hơn và thù thắng hơn một bậc so với ở Phát Quang Địa.

5) Nan Thắng Địa. Trí huệ của bậc Bồ tát ở Ngũ Địa thì không có gì có thể so sánh được.

6) Hiện Tiền Địa. Cái gì ‘hiện tiền’? Ở địa vị này, hào quang trí huệ của Bồ tát luôn luôn hiện tiền. Tại các địa trước, có nơi Bồ tát có trí huệ quang minh, nhưng không phải đều luôn luôn hiện tiền; còn đến địa thứ sáu này thì hào quang sáng rỡ của trí huệ lúc nào cũng tỏ rạng.

7) Viễn Hành Địa. Đến địa thứ bảy này thì ánh sáng trí huệ quang minh của Bồ tát không những luôn luôn hiện tiền, mà còn chiếu soi khắp cả Pháp Giới, nên gọi là Viễn Hành Địa.

8) Bất Động Địa. Tại bảy địa trước, Định lực của Bồ tát vẫn chưa thể gọi là chân chánh đạt đến cảnh giới ‘tịch quang bất động’; phải đến Bát Địa thì Bồ tát mới thực sự được ‘tịch nhiên bất động, cảm ứng toại thông’. Tuy là ‘bất động’ song Bồ tát vẫn có thể ứng hiện Bát Tướng Thành Đạo, và làm Phật trong hàng trăm cõi giới. Bây giờ, ở quả vị Bát Địa, nếu Bồ tát muốn hiện thân đến thế giới khác để giáo hóa chúng sanh, thậm chí thành Phật, đều được cả.

Thế gian có những kỳ nhân ra đời trong một cái bọc, điển hình là Hư Vân Lão Hòa thượng. Khi chào đời, Ngài nằm gọn trong một cái bọc tròn tựa như quả cầu (*ball*) vậy. Trường hợp này gọi là sanh ra có ‘mặc y phục’. Chào đời với ‘y phục’ hẳn hoi là cảnh giới của hàng Bồ tát từ Bát Địa trở lên, khi các ngài thị hiện giáng sanh ở thế gian. Sinh ra mà có mặc y phục

tức là rất thanh tịnh, sạch sẽ. Các Bồ tát thuộc bảy địa trước thì không đến trần thế bằng cách này.

9) Thiện Huệ Địa. Tại đây, trí huệ của Bồ tát là vi diệu nhất, hoàn hảo nhất.

10) Pháp Vân Địa. Bạc Bồ tát đạt đến địa thứ mười này thì ví như áng mây lành bao phủ khắp thái hư, từ bi phù hộ và độ trì tất cả chúng sanh.

“**Ma Ha Ca Diếp**” là tiếng Phạn (*Mahākāśyapa*). ‘Ma Ha’ dịch là Đại; ‘Ca Diếp’ dịch là Âm Quang.

Kinh Văn:

又與無量梵摩羅天。善吒梵摩而為上首。

Hán dịch: Hựu dữ vô lượng Phạm Ma La thiên, Thiện Tra Phạm Ma nhi vi thượng thủ.

(Việt dịch: Lại có vô lượng Phạm Ma La Thiên, với ngài Thiện Tra Phạm Ma làm thượng thủ).

Lược Giảng:

“**Lại có vô lượng Phạm Ma La Thiên, với ngài Thiện Tra Phạm Ma làm thượng thủ**”: trong Pháp hội còn có sự hiện diện của vô số Ma vương cùng quyến thuộc đến từ cõi trời Phạm Thiên và Ma La Thiên; và vị dẫn đầu của họ là ngài Thiện Tra Phạm Ma.

Kinh Văn:

又與無量欲界諸天子俱。瞿婆伽天子而為上首。

Hán dịch: Hựu dữ vô lượng dục giới chư Thiên tử câu, Cù bà già thiên tử nhi vi thượng thủ.

(Việt dịch: Lại có vô lượng chư thiên tử ở cõi Dục Giới đến câu hội, với Thiên-tử Cù-Bà-Già làm thượng thủ.)

Lược Giảng:

“Lại có vô lượng chư thiên tử ở cõi Dục Giới đến câu hội”: ‘Chư thiên tử ở cõi Dục Giới’ tức là chư thiên ở sáu cõi trời Dục Giới. Sáu cõi trời Dục Giới gồm có: 1) trời Tứ Thiên Vương, 2) trời Đao Lợi, 3) trời Dạ Ma, 4) trời Đâu Suất, 5) trời Hóa Lạc, 6) trời Tha Hóa Tự Tại.

“Với Thiên tử Cù Bà Già làm thượng thủ”: tất cả các thiên tử ở sáu cõi trời này đều đến tham dự Pháp hội; trong đó, Thiên tử Cù Bà Già làm thủ lãnh.

Kinh Văn:

又與無量護世四王俱。提頭賴吒而為上首。

Hán dịch: Hựu dữ vô lượng hộ thế tứ vương câu, Đề Đầu Lại Tra nhi vi thượng thủ.

(Việt dịch: Lại có vô lượng Hộ Thế Tứ Vương câu hội, với ngài Đề Đầu Lại Tra làm thượng thủ).

Lược Giảng:

“Lại có vô lượng Hộ Thế Tứ Vương câu hội, với ngài Đề Đầu Lại Tra làm thượng thủ”: ngoài ra, các vị Thiên vương của Tứ Vương Thiên cũng cùng nhau đến dự Pháp hội; trong đó, vua Đề Đầu Lại Tra làm thủ lãnh.

Kinh Văn:

又與無量天。龍。夜叉。乾闥婆。阿修羅。迦樓羅。緊那羅。摩睺羅伽。人。非人等俱。天德大龍王而為上首

Hán dịch: Hựu dữ vô lượng Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân, Phi nhân đẳng câu; Thiên Đức Đại Long Vương nhi vi thượng thủ.

(Việt dịch: Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân, Phi nhân câu hội; với Thiên Đức Đại Long Vương làm thượng thủ).

Lược Giảng:

“Lại có vô lượng Thiên, Long, Dạ xoa, Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân, Phi nhân câu hội”.

‘Dạ-xoa’ là tên của một loài quỷ.

‘Càn thát bà’ là thần tấu nhạc ở chỗ Ngọc Đế.

‘A tu la’ tuy có phước báo của cõi trời (*thiên phước*), song không có thiên đức và thiên quyền.

‘Ca lâu la’ tức là đại-bàng Kim Xí Điểu.

‘Khẩn na la’ cũng là thần tấu nhạc ở chỗ Ngọc Đế.

‘Ma hầu la già’ tức là đại mãng xà.

‘Nhân, phi nhân’ có nghĩa là loài người cùng những loài không phải người.

“Với Thiên Đức Đại Long Vương làm thượng thủ”: trong số ấy, có một vị vua rồng tên là Thiên Đức Đại Long Vương làm thủ lãnh.

Kinh Văn:

又與無量欲界諸天女俱。童目天女而為上首。

Hán dịch: Hựu dữ vô lượng Dục Giới chư thiên nữ câu, Đồng-Mục Thiên nữ nhi vi thượng thủ.

(Việt dịch: Lại có vô lượng chư thiên nữ ở cõi Dục Giới câu hội, với Đồng-Mục Thiên nữ làm thượng thủ).

Lược Giảng:

“Lại có vô lượng chư thiên nữ ở cõi Dục Giới câu hội, với Đồng Mục Thiên nữ làm thượng thủ”: ngoài ra, vô số chư thiên nữ từ sáu cõi trời Dục Giới cũng lũ lượt đến tham dự Pháp hội; và trong số đó có một thiên nữ tên là Đồng Mục Thiên nữ làm trưởng đoàn.

Kinh Văn:

又與無量虛空神。江海神。泉源神。河沼神。藥草神。樹林神。舍宅神。水神。火神。地神。風神。土神。山神。石神。宮殿等神。皆來集會。

Hán dịch: Hựu dữ vô lượng Hư Không thần, Giang Hải thần, Tuyền Nguyên thần, Hà Chiếu thần, Dược Thảo thần, Thọ Lâm thần, Xá Trạch thần, Thủy thần, Hỏa thần, Địa thần, Phong thần, Thổ thần, Sơn thần, Thạch thần, Cung Điện đẳng thần, giai lai tập hội.

(Việt dịch: Lại có vô lượng các vị thần như Thần Hư Không, Thần Sông Biển, Thần Suối Nguồn, Thần Sông Hồ, Thần Dược Thảo, Thần Thọ Lâm, Thần Nhà Cửa, cùng Thủy Thần, Hỏa Thần, Địa Thần, Phong Thần, Thổ Thần, Sơn Thần, Thạch Thần, Cung Điện Thần, v.v... đều đến tập hội).

Lược Giảng:

“Lại có vô lượng các vị thần như Thần Hư Không”: Quý vị có biết Thần Hư Không tên là gì không? Có ai biết không? Trong *Kinh Lăng Nghiêm* nói như thế nào?

“Thuần nhã đa tánh khả tiêu vong,

Thước ca ra tâm vô động chuyển.”

‘Thuần Nhã Đa’ chính là tên của Thần Hư Không; Thuần Nhã Đa là một vị Thần Hư Không. Tôi đã giảng rất nhiều về ‘Thuần Nhã Đa’ quý vị nhớ ra chưa? Đó là thần Hư Không đấy mà! Quý vị nghe giảng kinh mà đều không chú ý! Nghe xong là trả lại cho tôi hết cả! Quý vị quả thật là không có lòng tham, ngay cả Pháp mà cũng không muốn giữ cho mình nữa!!! Hẳn là quý vị đã đạt đến cảnh giới **‘nhân không, Pháp không’** (*Không người, không pháp*) rồi!

“Thần Sông Biển”: ở các con sông lớn và biển cả đều có Thần Sông và Thần Biển cai quản.

“**Thần Suối Nguồn**”: suối nước cũng có vị thần làm chủ suối.

“**Thần Sông Hồ**”: ở các con sông nhỏ và ao hồ nhỏ cũng đều có những vị thần trông coi.

“**Thần Dược Thảo**”: tất cả các loại thảo mộc có vị thuốc đều có thần cai quản.

“**Thần Thọ Lâm**”: trong rừng cũng có vị thần cai quản khu rừng.

“**Thần Nhà Cửa**”: ngay cả nhà ở cũng có vị Thần Nhà Cửa cai quản.

“**Cùng Thủy Thần, Hỏa Thần, Địa Thần, Phong Thần**”: Địa (*đất*), thủy (*nước*), hỏa (*lửa*), phong (*gió*); cả bốn đại này đều có thần cai quản. Địa Thần vốn là một nữ thần, trước kia cô ta là một kẻ rất ngạo mạn, cho rằng chỉ có cô ta là Địa Thần, ngoài ra không có vị thần nào khác nữa. Đến khi gặp Phật, Ngài thuyết pháp cho cô ta nghe rồi dạy rằng ngoài Địa Thần ra, còn có ba vị cũng là Thần Tứ Đại nữa; đó là Thủy Thần, Hỏa Thần và Phong Thần. Thoạt đầu thì cô ta không chịu tin, nhưng sau khi Đức Phật phương tiện dùng vô số tỷ dụ để giảng giải, cô ta hiểu ra và chịu tin theo. Vậy, trên đây là nói về bốn vị Thần Tứ Đại.

“**Thổ Thần, Sơn Thần**”: đất đai, núi non đều có Thần Đất và Thần Núi làm chủ quản. Theo truyền thuyết thì loài cạp chính là Sơn Thần, là chúa tể sơn lâm, cho nên trên núi thường thờ cúng ‘ông’ Sơn Thần này.

“**Thạch Thần**”: ngoài ra, ngay cả các tảng đá cũng đều có vị Thần Đá cai quản.

“**Cung Điện Thần, v.v... đều đến tập hội**”: các vị thần canh giữ cung điện và nhiều vị thần khác cũng cùng nhau tề tựu, tham gia Pháp hội.

Thường thì con sông nào cũng có một vị thần chủ quản, chẳng qua là người bình thường không thể thấy biết đó thôi.

Người nào đắc Thiên Nhân Thông thì sẽ biết được rằng đâu đâu cũng có thần nhân cả, ở mọi nơi, vào mọi lúc, đều có vị thần túc trực để quản lý.

Đức Phật có một đệ tử tên là Ca Lư Đà Di, đã chứng đắc quả vị A la hán. Mỗi khi cần qua sông, Thầy thường gọi Thần Sông (*Hà thần*) mà bảo rằng: “Bớ tiểu tỳ! Hãy ngưng chảy!”. ‘Tỳ’ có nghĩa là người đầy tớ gái, một người nữ đi làm công cho người ta. Do đó, ‘tiểu tỳ’ tức là người làm công hay người hầu nhỏ thôi, chứ không phải là người hầu lớn! Vì sao Thầy lại bảo nước ngưng chảy? Bởi nước không còn chảy xiết nữa thì Thầy mới qua sông được. (*Thường thì các vị đã chứng quả vị A la hán đi đến bất cứ chỗ nào có nước cũng có thể tùy ý bảo nước ngưng chảy, để họ lợi bằng qua.*)

Rồi cứ hết lần này tới lần khác, hễ muốn sang sông là Thầy Ca Lư Đà Di đều gọi như thế. Thần Sông lấy làm không vui, bèn đến mách với Phật: “**Bạch Đức Thế Tôn! Ngài có một đệ tử nói năng không tế nhị chút nào.** Mỗi khi gặp tôi, ông ta không những bất lịch sự mà còn gọi tôi là ‘tiểu tỳ’ nữa chứ! Ông ta lẽ ra không nên gọi tôi như vậy! Tại sao lại gọi tôi là ‘tiểu tỳ’ kia chứ?”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đáp: “Thôi được, khi nào ông ấy về Ta sẽ bảo ông ấy đến xin lỗi người.”

Lúc Thầy Ca Lư Đà Di về đến Tịnh-xá, Đức Phật mới quở trách Thầy: “Vì sao mỗi lần qua sông ông cứ gọi Thần Sông là ‘tiểu tỳ’ thế? Ông không nên thiếu tế nhị như vậy! Nói năng cần phải ý tứ, lễ độ một chút chứ!”

Rồi Phật lại dạy: “Này Ca Lư Đà Di! Ông hãy đến gặp Thần Sông mà nhận lỗi, đích thân xin lỗi người ta ngay đi!”

Thầy Ca Lư Đà Di vâng lời, hoan hỷ đến gặp Thần Sông và nói: “Này tiểu tỳ! Đừng phiền trách ta nữa nhé! Ta thật là không phải!”

Thần Sông vốn đã không muốn bị gọi là ‘tiểu tỳ’, thế mà

Thầy lại vẫn cứ oang oang: “Này tiểu tỳ! Đừng phiền trách ta nữa nhé”! Lúc bấy giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni và các vị Đại A la hán biết được chuyện thì đều bật cười. Vì sao các ngài cười ư? Bởi vì do gọi Thần Sông là ‘tiểu tỳ’ khiến thần không vui nên Thầy Ca Lưu Đà Di mới phải đi xin lỗi; thế mà khi gặp Thần Sông đề tạ lỗi, Thầy lại buột miệng: “Này tiểu tỳ...”

Biết là không đúng thì phải sửa lại, gọi là ‘Thần Sông’ hoặc ‘Tôn thần’ hoặc một danh xưng nào mà ‘dễ nghe’ hơn cũng được; đằng này Thầy Ca Lưu Đà Di lại vẫn cứ gọi là ‘tiểu tỳ’ như trước! Vì sao đã chịu đến nhận lỗi mà Thầy vẫn gọi Thần Sông là ‘tiểu tỳ’?

Đó là vì trong năm trăm đời ở quá khứ, vị Thần Sông này đều là người làm công của gia đình Thầy Ca Lưu Đà Di, cho nên Thầy đã quen gọi ‘tiểu tỳ’ như thế rồi. Đời này tuy đã chứng quả A la hán song Thầy vẫn còn tập khí cũ, cho nên mỗi khi gặp Thần Sông, Thầy cứ quen miệng gọi là ‘tiểu tỳ’. Đây cũng là vấn đề nhân quả vậy!

Sự kiện trên chứng tỏ rằng ở bất cứ nơi nào cũng có thần cả; tuy nhiên, chúng ta không thể nào trông thấy hoặc gặp mặt những vị thần này như đối với người phàm được. Nếu quý vị đã mở Ngũ Nhãn, đắc Lục Thông, thì quý vị sẽ nhìn thấy được chư thần; nếu chưa có Ngũ Nhãn, chưa chứng Lục Thông, thì dù có thấy họ, quý vị cũng chẳng nhận ra được, cũng chẳng biết họ là ai!

Kinh Văn:

時觀世音菩薩。於大會中。密放神通光明。照耀十方刹土。及此三千大千世界。皆作金色。天宮。龍宮。諸尊神宮。皆悉震動。江河大海。鐵圍山。須彌山。土山。黑山。亦皆大動。日月珠火星宿之光。皆悉不現

Hán văn: Thời Quán Thế Âm Bồ tát, ư đại hội trung, mật phóng thần thông quang minh, chiếu diệu thập phương sát độ cập thử Tam Thiên Đại Thiên thế giới, giai tác kim sắc.

Thiên cung, Long cung, chư tôn thần cung, giai tất chấn động. Giang hà đại hải, Thiết vi sơn, Tu di sơn, Thổ sơn, Hắc sơn, diệc giai đại động. Nhật nguyệt châu hỏa, tinh tú chi quang, giai tất bất hiện.

(Việt dịch: Bảy giờ, Quán Thế Âm Bồ tát từ trong đại hội mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát độ cùng cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới này, khiến tất cả đều biến thành sắc vàng. Thiên cung, Long cung, và cung điện của chư tôn thần đều chấn động. Sông hồ, biển cả, núi Thiết vi, núi Tu di, cùng Thổ sơn, Hắc sơn cũng đều rung động dữ dội. Ánh lửa ngọc của mặt trời mặt trăng và ánh sáng của các vì tinh tú đều không hiện hữu nữa).

Lược Giảng:

“Bảy giờ, Quán Thế Âm Bồ tát từ trong đại hội mật phóng ánh thần thông quang minh, chiếu sáng mười phương sát độ cùng cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới này, khiến tất cả đều biến thành sắc vàng”: hào quang do Quán Thế Âm Bồ tát bí mật phóng ra chiếu rọi khắp nơi, làm cho mười phương quốc độ và luôn cả cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới của chúng ta như nhuộm một màu vàng rực rỡ.

‘Mười phương quốc độ’ này là ở ngoài chứ không phải chỉ ở trong cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới của chúng ta. Có ai biết thế nào gọi là ‘tam thiên đại thiên thế giới’ không? Chẳng lẽ không có người nào biết cả sao?

Thế thì, thế nào gọi là ‘một thế giới’? Cứ một núi Tu di, một cái Tứ Thiên hạ, một mặt trời và một mặt trăng, thì gọi là ‘một thế giới’. Một ngàn núi Tu di, một ngàn mặt trời, một ngàn mặt trăng, và một ngàn cái Tứ Thiên hạ gộp lại thì gọi là ‘một tiểu thiên thế giới’. Một ngàn cái tiểu thiên thế giới gộp lại thì gọi là ‘một trung thiên thế giới’. Một ngàn cái trung thiên thế giới thì gọi là ‘một đại thiên thế giới’.

Bởi ‘tam biến ngôn thiên’, chữ ‘thiên’ (ngàn) được lập lại

ba lần nên gọi là ‘tam thiên’. Và do đó, một ngàn cái tiêu thiên thế giới, một ngàn cái trung thiên thế giới và một ngàn cái đại thiên thế giới được gộp lại gọi là ‘tam thiên đại thiên thế giới’. Hiện nay con người đã có thể du hành từ trái đất đến mặt trăng và cho rằng đó là một điều vô cùng tuyệt diệu. Thế nhưng, ngoài mặt trăng này ra còn có bao nhiêu mặt trăng, bao nhiêu tinh cầu khác nữa mà khoa học chưa hề biết tới? Nhiều đến vô lượng vô biên! Quý vị đến được chỗ này, nhưng chỗ kia thì vẫn chưa thể đến được. E rằng đến khi nơi nào quý vị cũng tới được thì thế giới này cũng không còn nữa!

“Thiên cung, Long cung, và cung điện của chư tôn thần đều chấn động”: theo quý vị thì tại sao các cung điện ấy lại bị rung chuyển?

Chẳng những thế, luôn cả **“sông hồ, biển cả, núi Thiết-vi, núi Tu-di, cùng Thổ sơn, Hắc sơn cũng đều rung động dữ dội”**: khắp nơi đều có địa chấn, mọi ánh sáng đều không còn nữa. Vì sao có hiện tượng chấn động này? Đó là do Quán Thế Âm Bồ tát đã vận dụng sức thần thông bí mật, làm cho tất cả các cõi giới đều lung lay, dao động.

“Ánh lửa ngọc của mặt trời mặt trăng và ánh sáng của các vì tinh tú đều không hiện hữu nữa”: vì sao ánh sáng do mặt trời, mặt trăng, và các ngôi sao phát ra đều biến mất, không còn thấy rõ nữa? Bởi vì các thứ ánh sáng đó đã bị hào quang quá lớn mạnh, quá chói lọi của Quán Thế Âm Bồ tát lấn át và ‘ăn’ mất! Nói như thế không có nghĩa là ánh sáng bị ‘ăn’ hoặc bị ‘nuốt chửng’ thật sự; chẳng qua là hào quang do Bồ tát phóng ra rực rỡ đến nỗi các ánh sáng kia trở nên lu mờ hẳn, dường như là không còn nữa vậy. Tôi dùng chữ ‘ăn’ là để ví von, ngụ ý rằng ánh sáng này ‘ăn đứt’, sáng trội hơn các ánh sáng kia vượt bậc.

Kinh Văn:

於是總持王菩薩。見此希有之相。怪未曾有。即從座

起。叉手合掌。以偈問佛。如此神通之相。是誰所放。以偈問曰。

Hán văn: U thị, Tổng Trì Vương Bồ tát, kiến thử hy hữu chi tướng, quái vị tăng hữu, tức tùng tòa khởi, xoa thủ hợp chưởng, dĩ kế vấn Phật, như thử thần thông chi tướng, thị thù sở phóng.

(Việt dịch: Lúc đó, Tổng Trì Vương Bồ tát thấy tướng trạng hy hữu ấy thì lấy làm lạ, cho là việc chưa từng có, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, dùng kệ thỉnh hỏi Đức Phật xem tướng thần thông kia là do ai phóng ra).

Lược Giảng:

“Lúc đó, Tổng Trì Vương Bồ tát thấy tướng trạng hy hữu ấy thì lấy làm lạ, cho là việc chưa từng có”: bây giờ, Tổng Trì Vương Bồ tát tự nghĩ: “Kỳ lạ thật! Quả là hết sức kỳ lạ! Từ trước đến nay chưa bao giờ có chuyện kỳ lạ như vậy. Thế này là thế nào nhỉ?”

Quý vị xem, ngay cả Tổng Trì Vương Bồ tát mà còn không biết về hiện tượng ấy, chẳng trách khi tôi hỏi thì quý vị cũng đều không biết cả! Tổng Trì Vương Bồ tát thần thông quảng đại biết bao, thế mà Ngài vẫn không hiểu được; huống gì quý vị chỉ mới được nghe qua loa vài câu Phật Pháp thôi thì làm sao có thể biết được thứ đạo lý vi diệu dường ấy! Cho nên, mặc dù quý vị không trả lời được, tôi cũng thông cảm mà tha thứ cho quý vị!

Bây giờ, Tổng Trì Vương Bồ tát “liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay, dùng kệ thỉnh hỏi Đức Phật” Thích Ca Mâu Ni, “xem tướng thần thông kia là do ai phóng ra”.

Kinh Văn:

誰於今日成正覺。普放如是大光明。
十方剎土皆金色。三千世界亦復然。
誰於今日得自在。演放希有大神力。

無邊佛國皆震動。龍神宮殿悉不安。
今此大眾咸有疑。不測因緣是誰力。
為佛菩薩大聲聞。為梵魔天諸釋等。
惟願世尊大慈悲。說此神通所由以。

Hán văn:

Dĩ kê vấn viết:

“Thùy ư kim nhật thành Chánh giác
Phô phóng như thị đại Quang minh,
Thập phương sát độ giai kim sắc,
Tam Thiên thế giới diệc phục nhiên?

Thùy ư kim nhật đắc tự tại,
Diễn phóng hy hữu đại thần lực,
Vô biên Phật quốc giai chấn động,
Long thần cung điện tất bất an?

Kim thử đại chúng hàm hữu nghi,
Bất trắc nhân duyên thị thùy lực,
Vi Phật, Bồ tát, Đại Thanh văn,
Vi Phạm Ma thiên, Chư Thích đẳng?

Duy nguyện Thế Tôn đại từ bi,
Thuyết thử thân thông sở do dĩ.”

(Việt dịch:

Lời kê hỏi rằng:

*Hôm nay ai được thành Chánh Giác,
Phóng đại quang minh khắp thế này,
Mười phương sát-độ thành sắc vàng,
Tam thiên thế giới cũng như vậy?*

*Hôm nay ai chứng đắc tự tại,
Phô diễn đại thần lực hiếm có,
Vô biên nước Phật đều rung động.
Cung điện Long Thần cũng chẳng yên?*

*Đại chúng hôm nay có thắc mắc,
Chẳng rõ nhân duyên bởi sức ai?
Là Phật, Bồ tát, Đại Thanh Văn?
Hoặc trời Phạm, Ma, chư Đế Thích?*

*Chỉ mong Thế Tôn đại từ bi,
Nói rõ thân thông nọ do đâu.”)*

Lược Giảng:

Lời kệ hỏi rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! “**Hôm nay ai được thành Chánh Giác, Phóng đại quang minh khắp thế này, Mười phương sát độ thành sắc vàng, Tam thiên thế giới cũng như vậy?**”: Tổng Trì Vương Bồ tát bạch cùng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: "Bạch Đức Thế Tôn! Phải chăng hôm nay có ai được thành Phật? Cả đại địa đều chấn động và chói lòa ánh sáng. Có một thứ hào quang màu vàng rực rỡ soi chiếu khắp nơi, khiến cho các cõi nước trong mười phương và luôn cả cõi Tam Thiên Đại Thiên thế giới, hết thảy đều biến thành sắc vàng.

“**Hôm nay ai chứng đắc tự tại, Phô diễn đại thần lực hiếm có, Vô biên nước Phật đều rung động**”: chẳng hay hôm nay có vị Bồ tát nào chứng đắc được sức thân thông tự tại thế? Vị ấy thị hiện phóng ra sức đại thần thông hy hữu nhất, khiến cho tất cả mọi quốc độ của Phật đều rung động, đều xảy ra địa chấn. “**Cung điện Long Thần cũng chẳng yên**”? Đời sống của rồng ở chôn Long cung vốn rất bình yên, song nay thì cung điện cũng không được yên ổn nữa!

“**Đại chúng hôm nay có thắc mắc, Chẳng rõ nhân duyên bởi sức ai**”? Hiện tại tất cả đại chúng đều thắc mắc,

không hiểu nhân duyên này là như thế nào, ai đang vận dụng sức thần thông và ai phóng ra thứ ánh sáng này? Thỉnh cầu Đức Thế Tôn chỉ dạy cho chúng con được rõ. Đó “là Phật, Bồ tát, Đại Thanh Văn, hoặc trời Phạm, Ma, chư Đế Thích”? Hiện tượng địa chấn và hào quang có phải là do Phật thị hiện? Hay là do Bồ tát phóng ra? Hay là do hàng Đại Thanh-văn, A la hán phô diễn? Hoặc giả, hào quang này là do chư thiên cùng Ma vương ở trời Đại Phạm phóng ra? Hay là do các thần đất phóng ra?

“Chỉ mong Thế Tôn đại từ bi, Nói rõ thần thông nọ do đâu”: con nay cúi xin Đức Thế Tôn mở lòng từ bi rộng lớn mà nói rõ nguồn con, cho chúng con được biết thần thông quang minh này vốn từ đâu đến?

Kinh Văn:

佛告總持王菩薩言。善男子。汝等當知。今此會中。有一菩薩摩訶薩。名曰觀世音自在。從無量劫來。成就大慈大悲。善能修習無量陀羅尼門。為欲安樂諸眾生故。密放如是大神通力。

Hán văn: Phật cáo Tổng Trì Vương Bồ tát ngôn: "Thiện nam tử! Nhữ đẳng đương tri, kim thử hội trung, hữu nhất Bồ tát Ma ha tát danh viết Quán Thế Âm Tự Tại, tòng vô lượng kiếp lai, thành tựu đại từ đại bi, thiện năng tu tập vô lượng Đà La Ni môn, vi dục an lạc chư chúng sanh cố, mật phóng như thị đại thần thông lực."

(Việt dịch: Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ tát: "Thiện nam tử! Các ông nên biết, trong Pháp hội hôm nay có vị Bồ tát Ma ha tát hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, từ vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ đại bi và khéo tu tập vô lượng pháp môn Đà La Ni, vì muốn chúng sanh được an vui nên mật phóng sức đại thần thông như thế".)

Lược Giảng:

“Đức Phật bảo Tổng Trì Vương Bồ tát: “Thiện nam tử! Các ông nên biết, trong Pháp hội hôm nay có vị Bồ tát Ma ha tát hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại”: hiện trong đại hội này có một vị Đại Bồ tát tên là Quán Thế Âm và là một vị Bồ tát rất tự tại. Vị Bồ tát này “tự vô lượng kiếp đến nay đã thành tựu tâm đại từ đại bi”, công đức đại từ đại bi, “và khéo tu tập vô lượng pháp môn Đà La Ni, vì muốn chúng sanh được an vui nên mật phóng sức đại thần thông như thế”: chính vì muốn làm cho tất cả chúng sanh đều được bình yên, vui vẻ, nên Bồ tát Quán Thế Âm đã bí mật phóng ánh sáng đại quang minh, phô diễn sức đại thần thông như thế.

Kinh Văn:

佛說是語已

爾時觀世音菩薩。從座而起。整理衣服。向佛合掌。白佛言。世尊。我有大悲心陀羅尼咒。今當欲說。為諸眾生得安樂故。除一切病故。得壽命故。得富饒故。滅除一切惡業重罪故。離障難故。增長一切白法諸功德故。成就一切諸善根故。遠離一切諸怖畏故。速能滿足一切諸希求故。惟願世尊。慈悲聽許。

Hán văn:

Phật thuyết thị ngữ dĩ,

Nhĩ thời Quán Thế Âm Bồ tát tùng tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, hướng Phật hợp chưởng, bạch Phật ngôn: "Thế tôn! Ngã hữu Đại Bi Tâm Đà La Ni chú, kim đương dục thuyết, vi chư chúng sanh đắc an lạc cố, trừ nhất thiết bệnh cố, đắc thọ mạng cố, đắc phú nhiều cố, diệt trừ nhất thiết ác nghiệp trọng tội cố, ly chướng nạn cố, tăng trưởng nhất thiết bạch pháp chư công đức cố, thành tựu nhất thiết chư thiện căn cố, viên lý nhất thiết chư bố úy cố, tốc năng mãn túc nhất thiết chư hy cầu cố, duy nguyện thế-tôn từ ai thỉnh hứa."

(Việt dịch: Đức Phật nói những lời ấy xong,

Ngay lúc đó, Quán Thế Âm Bồ tát từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề, rồi chấp tay hướng về Đức Phật và bạch với Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn! Con có Chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, nay xin nói ra là vì muốn cho chư chúng sanh được an lạc, được trừ tất cả các bệnh, được thọ mạng dài lâu, được giàu có sung túc, được dứt trừ tất cả ác nghiệp trọng tội, được xa lìa chướng nạn, được tăng trưởng tất cả các công đức bạch pháp, được thành tựu tất cả các thiện căn, được xa lìa tất cả sự sợ hãi, được mau có đủ tất cả những thứ mong cầu. Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi hứa khả cho".)

Lược Giảng:

“Đức Phật nói những lời ấy xong...”: Sau khi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói xong thì thế nào?

“Ngay lúc đó, Quán Thế Âm Bồ tát từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề, rồi chấp tay hướng về Đức Phật và bạch với Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con có Chú Đại Bi Tâm Đà La Ni”: con có một thần chú tên là Đại Bi Tâm Đà La Ni Thần Chú và **“nay xin nói ra là vì muốn cho chư chúng sanh được an lạc”**: con nói ra Thần Chú Đại Bi này để làm cho hết thảy chúng sanh đều được vui vẻ, an ổn, không gặp nguy hiểm, không bị đe dọa, khủng bố; và **“được trừ tất cả các bệnh”**, bất cứ bệnh gì cũng có thể giải trừ được cả.

“Được thọ mạng dài lâu”: có người nếu trì tụng Chú Đại Bi thì được phước báo trường thọ, **“được giàu có sung túc”**: tiền của dồi dào, **“được dứt trừ tất cả ác nghiệp trọng tội”**: Quý vị xem, Chú Đại Bi có công năng diệt trừ hết thảy ác nghiệp của tất cả chúng sanh. ‘Ác nghiệp’ tức là bao gồm luôn cả các tội thuộc Ngũ Nghịch, Thập Ác. Cho nên, những nghiệp tội nghiêm trọng nhất, nặng nhất, đều có thể tiêu tan.

“Được xa lìa chướng nạn”: thoát khỏi mọi ma chướng, khó khăn, **“được tăng trưởng tất cả các công đức bạch**

pháp": ‘Bạch pháp’ (*pháp trắng*) tức là thanh tịnh pháp, thứ pháp trong sạch, không nhiễm ô. Pháp nhiễm ô tức là ‘hắc pháp’ (*pháp đen*); còn không nhiễm ô thì gọi là ‘bạch pháp’. ‘Công đức bạch pháp’ có nghĩa là công đức thanh tịnh.

“Được thành tựu tất cả các thiện căn”: chú Đại Bi còn có công năng khiến cho hết thảy căn lành đều được thành tựu.

“Được xa lìa tất cả sự sợ hãi”: nếu quý vị nào sợ đi máy bay thì hãy trì niệm Chú Đại Bi, bởi như thế sẽ giúp quý vị không còn sợ hãi nữa.

“Được mau có đủ tất cả những thứ mong cầu”: chú Đại Bi lại có thể giúp cho quý vị được mãn nguyện, khiến cho những hy vọng, ước muốn của quý vị đều được thành tựu một cách mau chóng.

“Cúi xin Đức Thế Tôn từ bi hứa khả cho”: con nay thỉnh cầu Đức Thế Tôn phê chuẩn sự thỉnh cầu của con, từ bi cho phép con tuyên thuyết Chú Đại Bi cho đại chúng cùng nghe!"

Kinh Văn:

佛言。善男子。汝大慈悲。安樂眾生。欲說神咒。
今正是時。宜應速說。如來隨喜。諸佛亦然。

Hán văn: Phật ngôn: "Thiện nam tử! Nhữ đại từ bi, an lạc chúng sanh, dục thuyết thần chú, kim chánh thị thời, nghi ưng tốc thuyết, Như Lai tùy hỷ, chư Phật diệc nhiên."

(Việt dịch: Đức Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông thật đại từ bi, vì sự an lạc của chúng sanh nên muốn tuyên thuyết thần chú. Nay chính là lúc ấy, vậy ông hãy mau nói ra. Như Lai tùy hỷ, và chư Phật cũng thế!)

Lược Giảng:

Đức Phật dạy: “Thiện nam tử! Ông thật đại từ bi”:
Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nghe Bồ tát Quán Thế Âm thỉnh cầu, muốn được tuyên thuyết Đại Bi Chú, bèn trả lời rằng:

Quán Thế Âm ơi, lòng từ bi của ông thật là quảng đại một cách phi thường, “**vì sự an lạc của chúng sanh nên muốn tuyên thuyết thân chú**”: ông hằng ao ước được nói ra Đại Bi Thân Chú, thì “**nay chính là lúc ấy**”: bây giờ chính là thời điểm thích hợp để tuyên thuyết Chú Đại Bi, “**vậy ông hãy mau nói ra. Như Lai tùy hỷ, và chư Phật cũng thế!**”: chẳng những Ta, Như Lai, tùy hỷ theo công đức của ông, mà cả mười phương chư Phật thấy đều tùy hỷ tán thán công đức đó.”

Kinh Văn:

觀世音菩薩重白佛言。世尊。我念過去無量億劫。有佛出世。名曰千光王靜住如來。彼佛世尊。憐念我故。及為一切諸眾生故。說此廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼。以金色手。摩我頂上。作如是言。

Hán văn: Quán Thế Âm Bồ tát trùng bạch Phật ngôn: “Thế tôn! Ngã niệm quá khứ vô lượng ức kiếp, hữu Phật xuất thế danh viết Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai. Bỉ Phật Thế Tôn, lân niệm ngã cố, cập vi nhất thiết chư chúng sanh cố, thuyết thử Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni, dĩ kim sắc thủ, ma ngã đánh thượng, tác như thị ngôn”

(Việt dịch: Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước, có đức Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai. Đức Phật Thế Tôn ấy vì thương nghĩ đến con cùng tất cả chúng sanh, nên đã tuyên thuyết Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni này, lại dùng tay kim sắc xoa đánh đầu con và dạy lời như vậy”)

Lược Giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Con nhớ vô lượng ức kiếp về trước”: ‘vô lượng ức kiếp’ tức là vô lượng vô biên, không biết rõ được là bao nhiêu kiếp, không cách nào tính ra được con số cụ thể. Quán Thế Âm Bồ tát nhớ lại một sự việc trong đời quá khứ, xảy ra từ vô

lượng kiếp về trước. Vào thuở ấy, “**có đức Phật ra đời hiệu là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai**”: Bảy giờ, “**Đức Phật Thế Tôn ấy**”, tức là Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai, “**vì thương nghĩ đến con cùng tất cả chúng sanh, nên đã tuyên thuyết Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni này**”. Rồi Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai “**lại dùng tay kim sắc xoa đánh đầu con (Quán Thế Âm Bồ tát) và dạy lời như vậy**”

Kinh Văn:

善男子。汝當持此心咒。普為未來惡世一切眾生。作大利樂。我於是時。始住初地。一聞此咒故。超第八地。我時心歡喜故。即發誓言

Hán văn: Thiện nam tử! Nhữ đương trì thủ tâm chú, phổ vi vị lai ác thế nhất thiết chúng sanh, tác đại lợi lạc. Ngã u thị thời. Thủy trụ Sơ Địa, nhất văn thủ Chú cố, siêu Đệ Bát Địa, ngã thời tâm hoan hỷ cố, tức phát thế ngôn.

(Việt dịch: Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này, vì khắp tất cả chúng sanh trong đời ác ở thời vị lai mà làm sự đại lợi lạc. Con lúc đó mới đang ở Sơ Địa, vừa nghe xong Chú này thì liền vượt lên Bát Địa. Bảy giờ, trong lòng hoan hỷ, con lập tức phát lời thế nguyện)

Lược Giảng:

“**Thiện nam tử! Ông nên thọ trì tâm chú này**”: Thuở ấy, Thiên Quang Vương Tĩnh Trụ Như Lai dặn dò Quán Thế Âm Bồ tát rằng: “**Này Thiện nam tử, ông cần phải thọ trì tâm chú này**”. Tâm chú nào ư? Đó là Đại Bi Tâm Chú, hay cũng gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Và ông hãy “**vì khắp tất cả chúng sanh trong đời ác ở thời vị lai mà làm sự đại lợi lạc**”: ông nên làm cho hết thảy chúng sanh ở đời sau đều được hưởng sự lợi ích và được an vui.

“**Con lúc đó mới đang ở Sơ Địa**”: Sơ Địa có tên là gì? Đó là Hoan hỷ Địa.

Khi ấy, Quán Thế Âm Bồ tát chỉ mới chứng đắc Sơ Địa; thế nhưng Ngài “**vừa nghe xong Chú này (tức là Chú Đại Bi) thì liền vượt lên Bát Địa**”: như thế tức là từ Sơ Địa, Quán Thế Âm Bồ tát đã vượt qua Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa, Thất Địa, tiến thẳng đến Bát Địa.

“Bấy giờ, do trong lòng hoan hỷ, con lập tức phát lời thệ nguyện”: Bồ tát Quán Thế Âm phát thệ nguyện gì?

Kinh Văn:

若我當來。堪能利益安樂一切眾生者。令我即時身
生千手千眼具足。發是願已。應時身上千手千眼悉皆具足。
。十方大地。六種震動。十方千佛。悉放光明。照觸我身。
。及照十方無邊世界。

Hán văn: Nhược ngã đương lai, kham năng lợi ích an lạc nhất thiết chúng sanh giả, linh ngã tức thời thân sanh thiên thủ thiên nhãn cụ túc! Phát thệ nguyện dĩ, ưng thời thân thượng thiên thủ thiên nhãn tất giai cụ túc, thập phương đại địa lục chủng chấn động, thập phương thiên Phật, tất phóng quang minh, chiếu xúc ngã thân, cập chiếu thập phương vô biên thế giới.

(Việt dịch: Nếu trong đời vị lai tôi có thể làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, thì xin khiến cho thân tôi lập tức sanh đủ ngàn tay ngàn mắt! Phát nguyện ấy xong thì trên thân liền ứng thời hiện đủ ngàn tay ngàn mắt. Lúc ấy, mười phương đại địa chấn động sáu cách; ngàn Đức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh soi đến thân con, cùng chiếu dọi vô biên thế giới ở khắp mười phương.)

Lược Giảng:

“Nếu trong đời vị lai tôi có thể làm lợi ích an lạc cho tất cả chúng sanh, thì xin khiến cho thân tôi lập tức sanh đủ ngàn tay ngàn mắt”: trong đời quá khứ ấy, Quán Thế Âm Bồ tát đã nguyện rằng: “Giả sử trong tương lai, tôi có thể trở

nên hữu ích đối với hết thảy chúng sanh, có thể mang lại sự an lạc cho muôn loài, thì tôi hy vọng rằng thần lực của Chú Đại Bi này hãy khiến cho một ngàn cánh tay và một ngàn con mắt mọc ra đầy đủ nơi nhục thân của tôi ngay tức khắc!”

“Phát nguyện ấy xong”: sau khi con lập nguyện, **“thì trên thân liền ứng thời hiện đủ ngàn tay ngàn mắt”**: ngay trên nhục thân của con (*thân của Bồ tát Quán Thế Âm*) liền hiện ra cả một ngàn cánh tay và một ngàn con mắt trong cùng một lúc.

“Lúc ấy, mười phương đại địa chấn động sáu cách”: khắp mười phương thế giới, đại địa rung động theo sáu cách khác nhau, gọi là ‘lục chủng chấn động’: Đó chính là 1) Chấn (*vang dội*); 2) Hồng (*gào lên*); 3) Kích (*đánh ra*); 4) Động (*động cựa*); 5) Dũng (*phun ra*); 6) Khởi (*vùng dậy*). Chấn, hồng, kích là những biến động thuộc về âm thanh; động, dũng, khởi là những biến hóa thuộc về hình thể.

“Ngàn đức Phật trong mười phương đều phóng ánh quang minh”: từ thế giới của ngàn đức Phật trong mười phương đều đồng thời phóng ra hào quang đại quang minh, hào quang ấy **“đọi đến thân con, cùng chiếu soi”**: tỏa ánh sáng rực rỡ tới **“vô biên thế giới ở khắp mười phương”**.

Kinh Văn:

從是已後。復於無量佛所。無量會中。重更得聞。親承受持是陀羅尼。復生歡喜。踊躍無量。使得超越無數億劫微細生死。

Hán văn: Tùng thị dĩ hậu, phục ư vô lượng Phật sở, vô lượng hội trung, trùng cánh đắc văn, thân thừa thọ trì thị Đà La Ni, phục sanh hoan hỷ, dũng dục vô lượng, tiện đắc siêu việt vô số ức kiếp vi tế sanh tử."

(Việt dịch: Từ đó về sau, trong vô lượng Phật sở, vô lượng Pháp Hội, con được nghe lại và đích thân nhận lãnh,

thọ trì Đà La Ni này, lại sanh hoan hỷ, phấn chấn vô lượng, nên được siêu vượt vi tế sanh tử trong vô số ức kiếp)

Lược Giảng:

“Từ đó về sau, trong vô lượng Phật sở, vô lượng Pháp Hội, con được nghe lại và đích thân nhận lãnh, thọ trì Đà La Ni này”: kể từ đó, tại vô lượng vô biên cõi nước của Phật cũng như tại vô lượng Pháp hội, con thường được nghe lại Chú Đại Bi Đà La Ni và tự thân con cũng thọ trì chú tông trì này. Con **“lại sanh hoan hỷ, phấn chấn vô lượng”**: con mừng rỡ đến nỗi muốn nhảy múa reo vui, **“nên được siêu vượt vi tế sanh tử trong vô số ức kiếp”**: lại còn được vượt qua biên dị sanh tử vô cùng vi tế trong vô số ức kiếp ở quá khứ?”

Kinh Văn:

從是以來。常所誦持。未曾廢忘。由持此咒故。所生之處。恒在佛前。蓮華化生。不受胎藏之身。

Hán văn: Tùng thị dĩ lai thường sở tụng trì, vị tăng phé vong. Do trì thử Chú cố, sở sanh chi xứ, hằng tại Phật tiền, liên hoa hóa sanh, bất thọ thai tạng chi thân.

(Việt dịch: Từ ấy đến nay. con thường xuyên trì tụng, chưa từng quên bỏ. Nhờ thọ trì Chú này nên con luôn được sanh ra tại Phật tiền, hóa sanh từ hoa sen, không còn thọ thân thai bào nữa)

Lược Giảng:

“Từ ấy đến nay con thường xuyên trì tụng, chưa từng quên bỏ”: kể từ khi ấy cho đến nay, con vẫn luôn tụng trì Chú Đại Bi, không một ngày xao lãng. “Nhờ thọ trì Chú này nên con luôn được sanh ra tại Phật tiền”, vào thời có Phật trụ thế, được **“hóa sanh từ hoa sen chứ không còn thọ thân thai bào nữa”**, không còn phải mang thân thể do cha mẹ hoài thai, cru mang nữa.

Kinh Văn:

若有比丘。比丘尼。優婆塞。優婆夷。童男。童女。
欲誦持者。於諸眾生起慈悲心。先當從我發如是願。

Hán văn: “nhược hữu Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, đồng nam, đồng nữ, dục tụng trì giả, ư chư chúng sanh khởi từ bi tâm, tiên đương tụng ngã phát như thị nguyện:...”

(Việt dịch: Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, đồng nam hay đồng nữ nào muốn trì tụng, thì nên phát khởi lòng từ bi đối với mọi chúng sanh, và trước tiên phải theo con mà phát những thệ nguyện như vậy...)

Lược Giảng:

“Nếu có Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tặc, Ưu bà di, đồng nam hay đồng nữ nào muốn trì tụng...”: Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch Phật rằng: “Giả sử có các Sư thầy hoặc các Sư cô, đã xuất gia, người nam hoặc người nữ còn tại gia, và đồng nam hoặc đồng nữ nào phát tâm muốn trì tụng Chú Đại Bi, “thì nên phát khởi lòng từ bi đối với mọi chúng sanh, và trước tiên phải theo con mà phát những thệ nguyện như vậy...”: trước hết, vị phát tâm ấy cần phải đối trước Quán Thế Âm Bồ tát mà lập mười lời thệ nguyện như sau...

Kinh văn:

- 1) 南無大悲觀世音。願我速知一切法。
- 2) 南無大悲觀世音。願我早得智慧眼。
- 3) 南無大悲觀世音。願我速度一切眾。
- 4) 南無大悲觀世音。願我早得善方便。
- 5) 南無大悲觀世音。願我速乘般若船。
- 6) 南無大悲觀世音。願我早得越苦海。
- 7) 南無大悲觀世音。願我速得戒定道。
- 8) 南無大悲觀世音。願我早登涅槃山。
- 9) 南無大悲觀世音。願我速會無為舍。

10) 南無大悲觀世音。願我早同法性身。

我若向刀山。刀山自摧折。

我若向火湯。火湯自枯竭。

我若向地獄。地獄自消滅。

我若向餓鬼。餓鬼自飽滿。

我若向修羅。惡心自調伏。

我若向畜生。自得大智慧。

Hán văn:

1) “nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tức tri nhất thiết pháp;

2) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đắc trí huệ nhãn;

3) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tức độ nhất thiết chúng;

4) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đắc thiện phương tiện;

5) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tức thừa Bát Nhã thuyền;

6) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đắc việt khổ hải;

7) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tức đắc giới định đạo;

8) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đăng Niết Bàn sơn;

9) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tức hội Vô vi xá;

10) nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, nguyện ngã tảo đồng pháp tánh thân.

Ngã nhược hương đao sơn, đao sơn tự tỳ chiết;

Ngã nhược hướng hỏa thang, hỏa thang tự khô kiệt;
Ngã nhược hướng Địa ngục, Địa ngục tự tiêu diệt;
Ngã nhược hướng Ngạ quỷ, Ngạ quỷ tự bảo mãn;
Ngã nhược hướng Tu la, ác tâm tự điều phục;
Ngã nhược hướng súc sanh, tự đắc đại trí huệ.”

Việt dịch:

(1) “*Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng biết tất cả pháp;*

2) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được Trí Huệ Nhân;*

3) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng độ các chúng sanh;*

4) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được thiện phương tiện;*

5) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng lên thuyền Bát nhã;*

6) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm vượt qua biển khổ;*

7) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng đắc Giới Định Đạo;*

8) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm lên núi Niết-bàn;*

9) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng về nhà Vô vi;*

10) *Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm đồng thân Pháp tánh.*

Nếu con hướng núi đao, núi đao tự sụp đổ;

Nếu con hướng nước sôi, nước sôi tự khô cạn;

Nếu con hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt;

Nếu con hướng ngạ quỷ, ngạ quỷ liền no đủ;

*Nếu con hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục
Nếu con hướng súc sanh, liền đắc đại Trí Huệ.)*

Lược Giảng:

Mười lời nguyện đó là:

1) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng biết tất cả pháp”**: ‘Nam mô’ nghĩa là gì? ‘Nam mô’ là tiếng Phạn, và có nghĩa là ‘quy mạng’. Do đó, **“Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát”**: có nghĩa là giao phó tất cả thân tâm, tính mạng của mình cho Quán Thế Âm Bồ tát.

‘Nam mô’ lại cũng có nghĩa là ‘kính đầu’, tức là cung kính quy y, cung kính quay về nương tựa. Như vậy, ‘nam mô Phật’ tức là cung kính quay về nương tựa Phật; ‘nam mô Pháp’ là cung kính quay về nương tựa Pháp; ‘nam mô Tăng’ là cung kính quay về nương tựa Tăng; và ‘nam mô Đại Bi Quán Thế Âm’ là cung kính quay về nương tựa Đức Quán Thế Âm Bồ tát đại từ đại bi.

Sau khi đã quay về nương tựa Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát rồi thì sao nữa? Thì hãy phát nguyện rằng: **“Con nguyện chóng biết tất cả pháp”**: cầu xin Quán Thế Âm Bồ tát gia bị, phù hộ cho con được hiểu rõ Phật Pháp một cách nhanh chóng. Ở đây, ‘biết’ (*tri*) tức là hiểu rõ, hiểu thấu đáo.

2) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được Trí Huệ Nhân”**: ở thế gian chúng ta, những người hiện đời có được Ngũ Nhân, Lục Thông đều là nhờ thưở trước họ đã từng trì tụng Chú Đại Bi và quy y với Quán Thế Âm Bồ tát, nên Trí Huệ Nhân khai mở và họ có được ‘con mắt trí tuệ’.

3) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng độ các chúng sanh”**: chúng ta cần ‘mau biết tất cả pháp, sớm được Trí Huệ Nhân’ để làm gì? Chính là để ‘chống độ các chúng sanh’.

4) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được thiện phương tiện”**: muốn độ tất cả chúng sanh thì chúng ta cần phải biết mọi pháp môn phương tiện ngõ hầu có thể tùy theo căn cơ của chúng sanh mà thuyết giảng thứ giáo pháp thích hợp, ‘tùy bệnh cho thuốc’. Do đó, sớm chúng đắc các pháp môn thiện xảo phương tiện là điều rất thiết yếu.

5) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng lên thuyền Bát-nhã”**: con lại quay về nương tựa Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát, và nguyện sẽ chóng được ngồi thuyền trí huệ Bát-nhã.

6) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm vượt qua biển khổ”**: sau khi được lên ngôi trên thuyền trí huệ Bát nhã rồi, con nguyện sẽ dùng con thuyền này để nhanh chóng vượt thoát biển khổ sanh tử."

7) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng được Giới Định Đạo”**: con cung kính quy y Đức Quán Thế Âm Đại Từ Đại Bi, và nguyện sẽ sớm thông đạt được đạo Giới, Định, Huệ."

8) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm lên núi Niết-bàn”**: sau khi đắc được Giới Định Đạo, con nguyện sẽ mau chóng lên được cõi Niết-bàn.

9) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng về nhà Vô vi”**: ‘nhà Vô vi’ tức là Vô vi pháp; do đó, **“chóng về nhà Vô vi”** có nghĩa là sớm chúng đắc pháp môn Vô vi vậy.

10) **“Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm đồng thân Pháp tánh”**: con xin cung kính quay về nương tựa Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát, và nguyện sẽ sớm chứng đắc tự thân của Pháp tánh.

“Nếu con hướng núi đao, núi đao tự sụp đổ”: khi niệm Chú Đại Bi, nếu con quay về hướng núi đao mà niệm, thì núi đao sẽ tự nhiên tan rã, đổ sụp xuống.

“**Nếu con hướng nước sôi, nước sôi tự khô cạn**”: nếu con hướng về địa ngục nước sôi mà niệm Chú Đại Bi, thì lửa sẽ lặn tắt và nước trong địa ngục cũng cạn khô.

“**Nếu con hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt**”: nếu con hướng về địa ngục mà niệm Chú Đại Bi, thì địa ngục sẽ biến thành Thiên đường (*không còn có địa ngục nữa*).

“**Nếu con hướng ngạ quỷ, ngạ quỷ liền no đủ**”: nếu con hướng về loài Ngạ quỷ mà niệm Chú Đại Bi, thì hết thảy Ngạ quỷ đều được no đủ, không còn bị cái khổ đói khát hành hạ nữa.

“**Nếu con hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục**”: nếu con hướng về những chúng sanh Tu la hung ác nhất mà niệm Chú Đại Bi, thì tâm địa độc ác của loài Tu-la sẽ tự nhiên được điều phục và tất cả đều phát tâm muốn quy y, hướng thiện.

“**Nếu con hướng súc sanh, liền đắc đại Trí Huệ**”: nếu con hướng về những súc sanh ngu muội mà niệm Chú Đại Bi, thì chúng sẽ có được trí huệ rộng lớn.

Kinh Văn:

發是願已。至心稱念我之名字。亦應專念我本師阿彌陀如來。然後即當誦此陀羅尼神咒。一宿誦滿五遍。除滅身中百千萬億劫生死重罪

Hán văn: Phát thị nguyện dĩ, chí tâm xưng niệm ngã chi danh tự, diệc ưng chuyên niệm ngã Bổn sư A Di Đà Như Lai; nhiên hậu tức đương tụng thử Đà La Ni thần chú. Nhất tức tụng mãn ngũ biến, trừ diệt thân trung bách thiên vạn ức kiếp sanh tử trọng tội."

(Việt dịch: Phát những nguyện này xong, hãy chí tâm xưng niệm danh hiệu của con và cũng phải chuyên niệm danh hiệu Đức Bổn Sư của con là Đức A Di Đà Như Lai; sau đó phải luôn trì tụng Thần Chú Đà La Ni này. Nếu mỗi đêm tụng đủ năm biến thì có thể tiêu trừ được trọng tội trong trăm ngàn muôn ức kiếp sanh tử)

Lược Giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch cùng Đức Phật: Sau khi các chúng sanh phát tâm thọ trì Chú Đại Bi đã **“phát những nguyện này xong, hãy chí tâm xưng niệm danh hiệu của con”** (*danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát*).

Quý vị muốn thọ trì Chú Đại Bi, thì trước tiên, mỗi người phải đối trước Quán Thế Âm Bồ tát mà lập mười thệ nguyện như trên; rồi kế đến là phải chí tâm xưng niệm danh hiệu của Ngài, tức là Quán Thế Âm Bồ tát. **“Chí tâm”** tức là thành tâm thành ý, một lòng một dạ.

“Và cũng phải chuyên niệm Đức Bổn Sư của con”: và các chúng sanh đó nếu chỉ niệm danh hiệu của con (*danh hiệu Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát*) thôi thì vẫn còn chưa đủ, họ cần phải chuyên tâm trì niệm cả danh hiệu của Bổn Sư của con nữa; Bổn Sư của con là ai ư? Chính là **Đức A Di Đà Như Lai**. Bởi uống nước nhớ nguồn, cho nên chúng ta cần phải biết nghĩ đến Đức Phật A Di Đà, vốn là Thầy của Quán Thế Âm Bồ tát tự thuở ban sơ. Do đó, chúng ta cũng cần phải niệm ‘Nam mô A Di Đà Phật’ nữa, chứ không phải chỉ niệm ‘Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát’ mà thôi.

“Sau đó, phải luôn trì tụng Thần Chú Đà La Ni này”: trước hết, các chúng sanh đó phải niệm danh hiệu của con (*Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát*); rồi tiếp đến là niệm danh hiệu Đức Bổn Sư của con (*Nam mô A Di Đà Phật*); và sau đó mới bắt đầu tụng Thần Chú Đà La Ni.

“Nếu mỗi đêm tụng đủ năm biến thì có thể tiêu trừ được trọng tội trong trăm ngàn muôn ức kiếp sanh tử”: mỗi tối, nếu quý vị có thể chuyên cần trì tụng Chú Đại Bi đủ năm biến, đều đặn như thế, thì có thể khiến cho bao nhiêu nghiệp chướng mà bản thân quý vị trót gây tạo đều được tiêu trừ. **“Trọng tội trong trăm ngàn muôn ức kiếp sanh tử”**: tức là những tội lỗi thâm trọng mà chúng ta đã tạo tác trong quá

trình luân hồi luân quản, sanh rồi chết, chết rồi lại tái sanh, lập đi lập lại mãi trong suốt cả hằng trăm ngàn vạn ức kiếp.

Kinh Văn:

觀世音菩薩復白佛言。世尊。若諸人天誦持大悲章句者。臨命終時。十方諸佛皆來授手。欲生何等佛土。隨願皆得往生。

Hán văn: Quán Thế Âm Bồ tát phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược chư nhân thiên tụng trì Đại Bi chương cú giả, lâm mạng chung thời, thập phương chư Phật giai lai thọ thủ; dục sanh hà đẳng phật độ, tùy nguyện giai đắc vãng sanh.”

(Việt dịch: Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chư nhân thiên tụng trì Thần Chú Đại Bi, thì lúc lâm chung, mười phương chư Phật đều đến cầm tay tiếp dẫn; và muốn sanh về cõi Phật nào cũng đều được tùy nguyện vãng sanh”.)

Lược Giảng:

“Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chư nhân thiên tụng trì Thần Chú Đại Bi, thì lúc lâm chung, mười phương chư Phật đều đến cầm tay tiếp dẫn”: giả sử các chúng sanh trong cõi người và cõi trời tụng trì Chú Đại Bi này thì đến lúc hấp hối, họ sẽ được chư Phật từ khắp mười phương hiện đến và đưa tay tiếp dẫn, đích thân nắm tay họ mà dắt về cõi nước của các ngài. “**Và muốn sanh về cõi Phật nào cũng đều được tùy nguyện vãng sanh**”: lại nữa, các chúng sanh này muốn sanh về cõi Phật nào thì đều được vãng sanh về cõi Phật đó, đúng như ước nguyện của họ.

Kinh Văn:

復白佛言。世尊。若諸眾生誦持大悲神咒。墮三惡道者。我誓不成正覺。

誦持大悲神咒者。若不生諸佛國者。我誓不成正覺。

誦持大悲神咒者。若不得無量三昧辯才者。我誓不成正覺。

Hán văn: Phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược chư chúng sanh tụng trì Đại Bi thần chú, đọa tam ác đạo giả, ngã thế bất thành Chánh Giác.

Tụng trì Đại Bi thần chú giả, nhược bất sanh chư Phật quốc giả, ngã thế bất thành Chánh Giác.

Tụng trì Đại Bi thần chú giả, nhược bất đắc vô lượng Tam muội biện tài giả, ngã thế bất thành Chánh Giác”.

(Việt dịch: Lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các chúng sanh tụng trì Thần Chú Đại Bi mà còn bị đọa vào ba ác đạo, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác.

Tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi nước của chư Phật, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác.

Tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu không chứng đắc vô lượng Tam muội và biện tài, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác”.)

Lược Giảng:

Đức Quán Thế Âm Bồ tát “**lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các chúng sanh tụng trì Thần Chú Đại Bi mà còn bị đọa vào ba ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác”**: như vậy, nếu tất cả những chúng sanh tụng trì Chú Đại Bi đều không còn bị đọa vào ba đường ác, thì Quán Thế Âm Bồ tát mới thành Phật!

“Tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi nước của chư Phật, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác”: giả sử có người trì niệm Thần Chú Đại Bi và phát nguyện muốn được sanh về quốc độ của đức Phật nào đó,

nếu người ấy không được toại nguyện thì Quán Thế Âm Bồ tát sẽ không thành Phật!

“Tụng trì Thần Chú Đại Bi, nếu không chứng đắc vô lượng Tam muội và biện tài, thì con nguyện sẽ không thành Chánh Giác”: giả sử có người trì niệm Thần Chú Đại Bi mà lại chẳng chứng được vô lượng Tam muội cùng đại biện tài (*không có được khả năng biện luận và giảng kinh thuyết pháp, cũng chẳng được khai mở đại trí huệ*) thì Quán Thế Âm Bồ tát cũng sẽ không thành Phật.

Kinh Văn:

誦持大悲神咒者。於現在生中。一切所求。若不果遂者。不得為大悲心陀羅尼也。惟除不善。除不至誠。

Hán văn: Tụng trì Đại Bi thần chú giả, u hiện tại sanh trung, nhất thiết sở cầu nhược bất quả toại giả, bất đắc vi Đại Bi Đà La Ni dã; duy trừ bất thiện, trừ bất chí thành.

(Việt dịch: *Tụng trì Thần Chú Đại Bi mà nếu ngay trong đời hiện tại, tất cả những sự mong cầu lại không được kết quả toại ý, thì không gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni; chỉ trừ bất thiện, trừ chẳng chí thành*)

Lược Giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch cùng Đức Phật rằng: Những người **“tụng trì Thần Chú Đại Bi mà nếu ngay trong đời hiện tại, tất cả những sự mong cầu lại không được kết quả toại ý, không được mãn nguyện”** thì **“Thần Chú này không gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni”**! Tuy nhiên, có một điều chúng ta cần phải lưu ý trước, đó là các trường hợp ngoại lệ; đó là những trường hợp nào? **“chỉ trừ bất thiện, trừ chẳng chí thành”**.

“Chỉ trừ bất thiện”: nếu quý vị một mặt thì tụng Chú Đại Bi, mặt khác lại đi giết người, cướp của, hoặc tà dâm, vọng ngữ, rượu thịt say sưa..., chẳng từ một việc xấu nào cả, thì hẳn nhiên là Thần Chú sẽ không hiển linh, không công

hiệu. ‘Bất thiện’ là bao gồm hết thấy mọi hành vi bất chánh, tà vạy như sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ và cả mong cầu điều bất thiện như trúng lô đề, cờ bạc, bất chính...

“Trừ chướng chí thành”: nếu quý vị tụng niệm qua loa cho có lệ, nói là muốn thử xem Chú Đại Bi có thật sự linh nghiệm hay không, như thế có nghĩa là quý vị không có lòng thành. Quý vị không có ý muốn thử, thì Chú sẽ linh ứng; song nếu quý vị muốn thử, thì Chú sẽ chẳng hiển linh! Vì sao ư? Vì Phật và Bồ tát không phải là đối tượng để cho quý vị tùy tiện thử thách, thí nghiệm (*các ngài không cần quý vị đến thử nghiệm!*) Chư Phật và chư Bồ tát có thể thử nghiệm chúng sanh, song chúng sanh không được phép thử nghiệm các ngài. Do đó, nếu quý vị rắp tâm muốn thử xem sự việc sẽ như thế nào, tức là quý vị không có lòng chí thành; mà không có lòng thành khẩn thiết tha thì chẳng thể nào có sự cảm ứng linh nghiệm được!

Kinh Văn:

若諸女人。厭賤女身。欲成男子身。誦持大悲陀羅尼章句。若不轉女身成男子身者。我誓不成正覺。生少疑心者。必不果遂也。

Hán văn: “Nhược chư nữ nhân yếm tiện nữ thân, dục thành nam tử thân, tụng trì Đại Bi Đà La Ni chương cú, nhược bất chuyển nữ thân thành nam tử thân giả, ngã thệ bất thành chánh giác; sanh thiếu nghi tâm giả, tất bất quả toại dã.”

(Việt dịch: *Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, muốn thành thân nam, tụng trì Thần Chú Đại Bi Đà La Ni, như không được chuyển thân nữ thành thân nam, thì con sẽ không thành Chánh Giác; người nào còn sanh chút lòng nghi tất không được toại nguyện*)

Lược Giảng:

“Nếu các người nữ chán ghét thân nữ, không muốn

phải sanh làm người nữ nữa, muốn thành thân nam, tụng trì Thần Chú Đại Bi Đà La Ni, như không được chuyển thân nữ thành thân nam, thì con thể sẽ không thành Chánh Giác”: sự ‘chuyển thân nữ thành thân nam’ này không phải là sẽ xảy ra ngay trong đời hiện tại, mà là ứng vào đời sau trong thời vị lai. Vậy, giả sử những người nữ ao ước được làm người nam đó siêng năng trì niệm Chú Đại Bi, mà đến đời sau họ lại không được sanh làm thân nam, thì Quán Thế Âm Bồ tát quyết sẽ không thành Phật.

“Người nào còn sanh chút lòng nghi tất không được toại nguyện”: tuy nhiên, nếu trong lòng quý vị có dấy lên dù chỉ một mảy may hoài nghi thì sự mâu nhiệm sẽ chẳng bao giờ xảy ra, và do đó tâm nguyện, mong cầu của quý vị sẽ không được thành tựu.

Kinh Văn:

若諸眾生。侵損常住飲食財物。千佛出世。不通懺悔。
縱懺亦不除滅。今誦大悲神咒。即得除滅。

Hán văn: “Nhuộc chur chúng sanh xâm tổn Thường Trụ ẩm thực tài vật, thiên Phật xuất thế bất thông sám hối, tụng sám diệc bất trừ diệt, kim tụng Đại Bi thần chú, tức đắc trừ diệt.”

(Việt dịch: Nếu các chúng sanh xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ, thì dẫu một ngàn đức Phật ra đời cũng chẳng được sám hối, mà dù có sám hối cũng không tiêu trừ được; nay tụng Thần Chú Đại Bi thì tức khắc được tiêu trừ)

Lược Giảng:

“Nếu các chúng sanh xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ”: Thường Trụ tức là nhà chùa. Những kẻ đến chùa ăn uống, tiêu thụ vật thực của chùa mà không cúng dường tiền lại, hoặc mượn đồ dùng của chùa rồi không chịu trả, lạm dụng tài vật của chùa... thì sẽ mang tội rất nặng. Tội ấy, **“thì dẫu một ngàn đức Phật ra đời, cũng chẳng được**

sám hối”: Chư Phật không thể hứa khả cho họ sám hối, “**mà dù có sám hối cũng không tiêu trừ được**”.

Cái tội xâm chiếm hoặc làm hao tổn thực phẩm và tài vật của chùa chiền rất nghiêm trọng, cho dù các chúng sanh đó có đối trước chư Phật mà khẩn cầu sám hối thì tội lỗi cũng chẳng thể tiêu tan. Thế nhưng, “**nay tụng Thần Chú Đại Bi, thì tức khắc được tiêu trừ**”: nếu ngay bây giờ họ trì tụng Chú Đại Bi, thì bao nhiêu tội chướng sẽ lập tức tiêu tan!

Kinh Văn:

若侵損食用常住飲食財物。要對十方師懺謝。然始除滅。今誦大悲陀羅尼時。十方師即來為作證明。一切罪障。悉皆消滅。

Hán văn: "Nhược xâm tổn thực dụng Thường Trụ âm thực tài vật, yếu đối thập phương Sư sám tạ, nhiên thủy trừ diệt; kim tụng Đại Bi Đà La Ni thời, thập phương Sư tức lai vi tác chứng minh, nhất thiết tội chướng, tất giai tiêu diệt."

(Việt dịch: Nếu xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ, thì phải đối trước mười phương Sư mà sám hối, mới có thể tiêu trừ; nay tụng Đại Bi Đà La Ni thì mười phương Sư liền đến chứng minh, tất cả tội chướng đều được tiêu tan)

Lược Giảng:

“**Nếu xâm tổn tài vật, đồ ăn thức uống của Thường Trụ, thì phải đối trước mười phương Sư mà sám hối, mới có thể tiêu trừ**”: những kẻ dám chiếm đoạt hoặc gây tổn thất hư hại cho tài sản, đồ ăn thức uống của nhà chùa, thì phải đối trước chư Đại Sư ở khắp mười phương (*cũng chính là mười phương chư Phật*) để sám hối tạ tội thì may ra nghiệp tội tà trời của họ mới có thể được tiêu tan.

Tuy nhiên, những kẻ đó nếu “**nay tụng Đại Bi Đà La Ni thì mười phương Sư liền đến chứng minh, tất cả tội chướng đều được tiêu tan**”: chỉ cần ngay bây giờ những kẻ

ấy bắt đầu thành khẩn tụng trì Chú Đại Bi, thì mười phương chư Phật sẽ đến để chứng giám cho họ, và mọi tội lỗi nghiệp chướng của họ liền được tiêu tan.

Kinh Văn:

一切十惡五逆。謗人謗法。破齋破戒。破塔壞寺。偷僧祇物。汙淨梵行。如是等一切惡業重罪。悉皆滅盡。

Hán văn: "Nhất thiết Thập Ác, Ngũ Nghịch, báng nhân báng Pháp, phá trai phá Giới, phá Tháp hoại Tự, thâm Tăng kỳ vật, ô tịnh Phạm hạnh; như thị đẳng nhất thiết ác nghiệp trọng tội, tất giai diệt tận."

(Việt dịch: Tất cả các tội Thập Ác, Ngũ Nghịch, báng nhân báng Pháp, phá trai phá Giới, phá chùa hủy tháp, trộm của Tăng-kỳ, làm nhơ Phạm hạnh thanh tịnh; bao nhiêu nghiệp ác tội nặng như thế đều được dứt sạch)

Lược Giảng:

“Tất cả các tội Thập Ác, Ngũ Nghịch...”

Thập Ác tức là mười việc ác: 1) Sát sanh; 2) Trộm cắp; 3) Tà dâm; 4) Tham lam; 5) Sân hận; 6) Si mê; 7) Nói lời thêu dệt; 8) Nói lời gian dối; 9) Nói lời hung ác; 10) Nói lời đâm thọc (nói lưỡi đôi chiều).

Ngũ Nghịch là năm tội nghịch tày trời: 1) Giết cha; 2) Giết mẹ; 3) Giết bậc A la hán; 4) Phá sự hòa hợp của Tăng chúng; 5) Làm cho thân Phật chảy máu.

“Báng nhân, báng Pháp”: ‘Báng nhân’ tức là hủy báng, chê bai, bôi nhọ người khác. Thí dụ, người ta vốn là một vị tu hành, có đạo đức, mà mình lại buông lời miệt thị: “Ui chao! Hắn là một kẻ chẳng ra gì, đừng nhắc tới nữa!”; như thế là hủy báng tha nhân vậy.

‘Báng Pháp’ tức là hủy báng Phật Pháp, hủy báng chư Tăng Ni, khinh chê lời Phật dạy.

“Phá trai, phá Giới”: Nếu quý vị đã nguyện là chỉ ăn chay, song lại không giữ lời, tùy tiện ăn thịt; như thế tức là quý vị ‘phá trai’ vậy. Nếu quý vị thọ Giới mà lại không giữ Giới, cứ làm những điều trái với Giới Luật, thì đó gọi là ‘phá Giới’.

“Phá chùa hủy tháp, trộm của Tăng kỳ, làm như Phạm hạnh thanh tịnh”: ‘Phá chùa hủy tháp’ tức là phá hoại, triệt hạ chùa chiền và tháp miếu thờ Phật; ‘trộm của Tăng kỳ’ là lấy cắp đồ đạc của người xuất gia; ‘làm như Phạm hạnh thanh tịnh’ là khiến cho người đang tu hạnh thanh tịnh bị ô uế, không giữ được hạnh trong sạch nữa.

Những tội lỗi kể trên đều rất nghiêm trọng, tuy thế, nếu quý vị đã trót phạm mà nay lại có thể thành tâm trì tụng Chú Đại Bi thì **“bao nhiêu nghiệp ác tội nặng như thế đều được dứt sạch”**.

Kinh Văn:

惟除一事。於咒生疑者。乃至小罪輕業。亦不得滅。
何況重罪。雖不即滅重罪。猶能遠作菩提之因。

Hán văn: "Duy trừ nhất sự, ư Chú sanh nghi giả, nãi chí tiểu tội khinh nghiệp, diệc bất đắc diệt, hà hưởng trọng tội? Tuy bất tức diệt trọng tội, do năng viễn tác Bồ đề chi nhân."

(Việt dịch: Chỉ trừ một việc, nếu đối với Thần Chú còn sanh lòng nghi thì ngay cả tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu trừ, huống hồ tội nặng? Tuy không thể tức khắc tiêu trừ được tội nặng, song vẫn có thể làm nhân xa của Bồ đề)

Lược Giảng:

Tuy nhiên, **“chỉ trừ một việc”**: câu này vô cùng quan trọng; vậy thì ngoại trừ trường hợp nào? Đó là trường hợp **“nếu đối với Thần Chú còn sanh lòng nghi”**.

Nếu quý vị cứ phân vân: “Không biết Chú này có linh nghiệm như thế thật không nhỉ? Có thật là có sự mâu nhiệm

đến thế không? Tuy nói rằng trì tụng Chú này thì được cảm ứng, nhưng đó chỉ toàn là nghe người ta kể lại chứ mình vẫn chưa được chứng kiến tận mắt; chẳng biết có đúng là như vậy hay không?"; tức là quý vị không có lòng tin đối với Thần Chú. Mà hễ quý vị không tin thì thế nào? Thì sẽ hoàn toàn không linh nghiệm! Vì sao ư? Bởi vì quý vị không đặt trọn lòng tin nơi Thần Chú!

Thí dụ, khi quý vị nhờ bạn bè làm giùm một việc gì đó, thì quý vị cần phải thật tâm tín nhiệm họ; bằng không, họ sẽ chẳng muốn giúp quý vị! Tương tự như thế, quý vị cần phải tuyệt đối tin tưởng vào Thần Chú này; bằng không, **“thì ngay cả tội nhỏ nghiệp nhẹ cũng không được tiêu trừ”**.

‘Đối với Thần Chú còn sanh lòng nghi’ cũng có nghĩa là không ‘y giáo phụng hành’, không làm đúng theo các đạo lý bao hàm trong Thần Chú. Thí dụ Quán Thế Âm Bồ tát căn dặn là hành giả mỗi ngày phải tụng Chú Đại Bi đủ năm biến, thì quý vị không tụng năm biến mà lại tụng bốn biến, còn nói rằng: “Bớt đi một biến thì đâu có gì quan trọng?! Tụng nhiều hay ít thì cũng vậy thôi; miễn có tụng là được rồi!”. Thế là, hôm nay lười biếng nên chỉ tụng một biến rồi nghỉ; hôm sau siêng năng hơn nên tụng luôn một lúc đến một trăm biến để bù lại! Như vậy thì có khác gì hôm nay ăn một lúc hết hai mươi chén cơm, rồi sang ngày mai thì không ăn gì cả? Không ăn gì cả thì đói chịu không nổi; còn ăn luôn hai chục chén cơm thì bụng no anh ách cũng chẳng dễ chịu tí nào! Việc tụng Chú Đại Bi tuy về hình tướng thì không hoàn toàn giống như việc ăn cơm, song tính cách thì cũng tương tự. Trong kinh đã dặn mỗi ngày tụng năm biến thì chúng ta phải mỗi ngày chăm chỉ tụng đủ năm biến; nhất định phải đều đặn như thế, chứ đừng tụng sáu biến, mà cũng chớ nên tụng bốn biến!

Có người phân trần: “Tôi vốn kém trí nhớ, nên cứ lẫn lộn, không biết là mình đã tụng đủ năm biến hay chỉ mới tụng bốn biến”! Nói như thế tức là quý vị hoàn toàn chẳng có tụng niệm

gì cả! Bởi quý vị không thể nhớ được kia mà! Tụng được bao nhiêu biến mà chính mình cũng không nhớ rõ, thì một biến cũng đều không có! Do đó, quý vị cần phải ghi nhớ cho rõ ràng rành mạch.

Lại có người thắc mắc: “Tôi vừa bắt đầu niệm Chú thì đầu óc cứ mơ màng màng; như thế có kể là có tụng không”? Như thế thì không kể; đó là ngủ gà ngủ gật chứ không phải là tụng Chú!

Có người thì kể lể: “Mỗi lần tôi tu Pháp là hai mắt cứ riu lại, mở không ra”! Như thế cũng không tính, bởi quý vị chỉ tu niệm một cách hồ đồ, điên đảo, thiếu sáng suốt. Quý vị cần phải y theo giáo pháp mà tu tập trong sự tỉnh táo, minh mẫn mới được!

Cũng có người tự biện hộ rằng: “Tôi chỉ phạm một vài sai sót nhỏ nhỏ thôi thì chắc cũng không sao; vị Thần của Chú không thể nào biết được! Hiện tại tôi chưa tụng Chú, thì vị Chú Thần chưa đến, vậy tôi có uống chút xiu rượu cũng chẳng hề gì!” Suy nghĩ như thế tức là quý vị **“còn sanh lòng nghi”**, không có tín tâm đối với Chú. Phải như thế nào mới gọi là thật sự có tín tâm đối với Chú? **Phải thành khẩn, không mảy may gợn chút hoài nghi, và phải theo đúng khuôn phép, nèn nếp mà tu hành!**

“Huống hồ tội nặng”: tội nhỏ nghiệp nhẹ mà còn không tiêu trừ được, thì tội lớn nghiệp nặng lại càng khó thể tiêu trừ hơn nữa!

“Tuy không thể tức khắc tiêu trừ được tội nặng, song vẫn có thể làm nhân Bồ đề về lâu xa”: mặc dù quý vị tụng Chú với lòng nghi thì tội nặng không thể được tiêu trừ ngay, song quý vị vẫn có thể gieo được cái nhân Bồ đề cho chính mình về sau. Hạt giống Bồ đề này, đến một đại kiếp nào đó trong tương lai sẽ nảy mầm Bồ đề và sẽ lớn mạnh, kết thành quả Bồ đề. Cho nên, một khi đã trồng cái nhân rồi, thì sớm muộn gì nó cũng đâm chồi nảy lộc, đơm hoa kết trái.

Kinh văn:

復白佛言。世尊。若諸人天誦持大悲心咒者。得十五種善生。不受十五種惡死也。其惡死者。

Hán văn: Phục bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Nhược chư nhân thiên tụng trì Đại Bi Tâm Chú giả, đắc thập ngũ chủng thiện sanh, bất thọ thập ngũ chủng ác tử dã”.

(Việt dịch: Ngài lại bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì Đại Bi Tâm Chú, thì sẽ được mười lăm loại thiện sanh và không phải chịu mười lăm loại ác tử”)

Lược giảng:

Ngài Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch Phật rằng: “**Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các hàng trời, người tụng trì Đại Bi Tâm Chú, thì sẽ được mười lăm loại thiện sanh**”. ‘Thiện sanh’ tức là sự sinh sống tốt lành.

Nếu loài người ở nhân gian hoặc chư thiên ở cõi trời có thể học thuộc và siêng năng thọ trì Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni cùng Chú Đại Bi, thì họ sẽ được mười lăm việc tốt lành; **“và không phải chịu mười lăm loại ác tử”**. ‘Ác tử’ là những cái chết tức tử do rủi ro, bất trắc. Nếu quý vị thành tâm trì tụng Chú Đại Bi thì sẽ tránh được mười lăm loại ‘ác tử’.

Kinh văn:

- 一者。不令其饑餓困苦死。
- 二者。不為枷禁杖楚死。
- 三者。不為怨家讎對死。
- 四者。不為軍陣相殺死。
- 五者。不為虎狼惡獸殘害死。
- 六者。不為毒蛇蚊蠍所中死。
- 七者。不為水火焚漂死。

八者。不為毒藥所中死。
九者。不為蠱毒害死。
十者。不為狂亂失念死。
十一者。不為山樹崖岸墜落死。
十二者。不為惡人厭魅死。
十三者。不為邪神惡鬼得便死。
十四者。不為惡病纏身死。
十五者。不為非分自害死。

Hán văn: “kỳ ác tử giả:

Nhất giả, bất linh kỳ cơ nga khôn khổ tử;
Nhị giả, bất vi già cầm trượng sở tử;
Tam giả, bất vi oán gia thù đối tử;
Tứ giả, bất vi quân trận tương sát tử;
Ngũ giả, bất vi hồ lang ác thú tàn hại tử;
Lục giả, bất vi độc xà ngoan yết sở trúng tử;
Thất giả, bất vi thủy hỏa phàn phiêu tử;
Bát giả, bất vi độc dược sở trúng tử;
Cửu giả, bất vi cô độc hại tử;
Thập giả, bất vi cuồng loạn thất niệm tử;
Thập nhất giả, bất vi sơn thọ nhai ngạn đọa lạc tử;
Thập nhị giả, bất vi ác nhân yếm my tử;
Thập tam giả, bất vi tà thần ác quỷ đắc tiện tử;
Thập tứ giả, bất vi ác bệnh triền thân tử;
Thập ngũ giả, bất vi phi phạm tự hại tử.”

Việt dịch: (“Các loại ác tử đó là:

Một là không bị chết vì đói khát, khôn khổ;
Hai là không bị chết vì gông, tù, đòn roi;

Ba là không bị chết vì oan gia thù nghịch;
Bốn là không bị chết vì chiến trận tương tàn;
Năm là không bị chết vì cạp, sói, ác thú tàn hại;
Sáu là không bị chết vì trúng độc rắn, rết, bò cạp;
Bảy là không bị chết vì nước cuốn, lửa thiêu;
Tám là không bị chết vì trúng phải độc dược;
Chín là không bị chết vì cổ độc tác hại;
Mười là không bị chết vì điên loạn, mất trí;
Mười một là không bị chết vì núi lở, cây ngã, vách đá sụp;
Mười hai là không bị chết vì kẻ ác thư ếm;
Mười ba là không bị chết vì tà thần, ác quỷ thừa cơ làm hại;
Mười bốn là không bị chết vì ác bệnh triền thân;
Mười lăm là không bị chết vì tự sát, tự tử.”)

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát bạch với Đức Phật: **“Các loại ác tử đó là: Một là không bị chết vì đói khát, khốn khổ”**: loại ‘ác tử’ (cái chết xấu) thứ nhất là ‘chết vì đói khát, khốn khổ’. Nếu quý vị tụng trì Chú Đại Bi thì sẽ không bao giờ bị đói khát, thiếu thốn. ‘Đói khát’ tức là không có cơm ăn nước uống, phải chịu đói chịu khát mà chết. ‘Khốn khổ’ tức là vô cùng vất vả cực khổ, không được vui sướng thanh thoi. Con người có thể bị chết do đói, do lạnh, hoặc do nghèo nàn khốn khổ; song nếu thành tâm trì tụng Chú Đại Bi thì chúng ta sẽ không phải lâm vào các hoàn cảnh đó.

“Hai là không bị chết vì gông, tù, đòn roi”: loại ác tử thứ hai là ‘chết vì gông, tù, đòn roi’. ‘Gông’ là thứ hình cụ đeo ở cổ tội nhân. Ở nước Mỹ không biết có thứ hình cụ này không, chứ ở nước Trung Hoa thì thời xưa người ta thường tròng cái gông vào cổ của kẻ phạm pháp, rồi bắt đi điểu qua các đường phố cho mọi người đều trông thấy. Nếu quý vị có thể thành tâm trì tụng Chú Đại Bi thì sẽ không bị chết do phải

mang gông cùm quá lâu ngày hoặc do tù đầy khổ sở, và cũng không bị đánh đập đến gãy tay gãy chân, đau đớn quá mà chết.

“Ba là không bị chết vì oan gia thù nghịch”: loại ác tử thứ ba là ‘chết vì oan gia thù nghịch’. Trên thế gian này, chúng ta hầu như ai cũng có ‘oan gia đối đầu’. ‘Oan gia’ (*kẻ có oán thù*) tức là kẻ chỉ có thù hận, oán ghét, chứ không có thiện duyên với quý vị. Những kẻ cứ mang lòng thù hận cũng rất đáng thương, vì tâm tư họ luôn trĩu nặng một nỗi phần uất, không thể nào giải tỏa được. Nói chung, họ bị bao phủ bởi một thứ oán khí u ám và sống trong sự thù ghét, hằn học (*tôi thù anh, anh hận tôi*). Chữ ‘thù’ này cũng đồng nghĩa với chữ ‘cừ’, có nghĩa là căm ghét, thù hận. Người ta thường do những việc không ưng ý mà sanh ra thù hận, chống đối lẫn nhau.

“Bốn là không bị chết vì chiến trận tương tàn”: loại ‘ác tử’ thứ tư là ‘chết vì chiến trận tương tàn’. Những người có tri tụng Thần Chú Đại Bi thì cho dù phải ra chiến trường chiến đấu với địch quân, cũng không bị chết vì tên bay đạn lạc. Cho nên, nếu quý vị nào có nhiệm vụ huấn luyện binh lính thì hãy dạy cho họ trì niệm Chú Đại Bi, để đến khi giao chiến họ không bị trúng đạn mà tử thương. Thế nhưng, nếu quý vị dùng Chú Đại Bi để huấn luyện binh lính đi gây chiến tranh, thì tuy không bị tử trận, song cũng chẳng thể đánh thắng được! Đó là vì Bồ tát không muốn nhân loại gây khởi chiến tranh, chém giết lẫn nhau.

“Năm là không bị chết vì cọp, sói, ác thú tàn hại”: loại ‘ác tử’ thứ năm là ‘chết vì bị cọp, sói, ác thú tàn hại’. Nếu quý vị trì tụng Chú Đại Bi thì sẽ không bị cọp beo, chó sói, hoặc những thú dữ khác cắn chết hay tàn hại.

“Sáu là không bị chết vì trúng độc rắn, rết, bò cạp”: loại ‘ác tử’ thứ sáu là ‘chết vì bị trúng độc của rắn, rết, bò cạp’. Rắn, rết (*một loại rắn thân màu đen tuyền*) và bò cạp đều có nọc độc; người nào chẳng may trúng phải nọc độc của chúng thì đành bó tay chịu chết, vô phương cứu chữa. Tuy nhiên, nếu

quý vị trì tụng Chú Đại Bi thì sẽ không bị nọc của các độc trùng đó làm hại đến tánh mạng.

“Bảy là không bị chết vì nước cuốn, lửa thiêu”: loại ‘ác tử’ thứ bảy là ‘chết vì bị nước cuốn, lửa thiêu’. Người trì tụng Chú Đại Bi thì ‘xuống nước không chìm, vào lửa không cháy’. Thế nào là ‘xuống nước không chìm, vào lửa không cháy’? Trước đây tôi có kể cho quý vị nghe một công án về vấn đề này, song vẫn có nhiều người chưa được nghe, vậy hôm nay tôi kể lại một lần nữa.

Thuở trước, có một Đạo sĩ nọ chuyên tu luyện công phu “xuất huyền nhập tẩn”. Công phu ‘xuất huyền nhập tẩn’ là gì? Người luyện được công phu này thì có thể khiến cho một hình nhân nho nhỏ xuất ra từ đỉnh đầu của mình để đi đây đi đó, và rồi vẫn có thể trở về nhập vào xác thân lại như cũ. Hình nhân xuất ra gọi là ‘xuất huyền’, trở về lại với nhục thân gọi là ‘nhập tẩn’. Vị Đạo sĩ ‘xuất huyền nhập tẩn’ này thường đi khắp nơi để tham vấn, học hỏi. Một hôm, ông đi ngang qua một ngôi chùa nhỏ, trong chùa chỉ có một thầy Tỳ kheo già và một chú Sa di còn nhỏ tuổi ở đó tu hành. Bấy giờ trời cũng vừa sập tối, ông bèn vào chùa xin tá túc qua đêm.

Đến khuya hôm ấy, vị Đạo sĩ ngồi tĩnh tọa, dùng công phu ‘xuất huyền’ mà xuất ra ngoài dạo chơi. Ông tới thăm Nhật Bản, rồi sang Đức, sang Úc... Tuy những nơi đó toàn là người ngoại quốc và ông cũng chẳng hiểu được ngôn ngữ của họ, song ông vẫn muôn viếng thăm các danh lam thắng cảnh cho thỏa lòng hiếu kỳ. Ông cứ thông thả dạo khắp đó đây, ung dung chiêm ngưỡng các kỳ quan của thế giới. Rất có thể là ông cũng đã đến Hoa Kỳ và ngắm nghía cầu Kim Môn (*Golden Gate Bridge*): “Ồ! Cầu Kim Môn có kiến trúc đẹp thật, quả là một công trình vĩ đại!”; rồi mãi mê nhìn ngắm đến quên mất chuyện trở về.

Sáng sớm hôm sau, lúc ăn điểm tâm, vị Tỳ kheo già bảo chú Sa di: “Con hãy vào mời ông khách ngủ trọ hôm qua ra dùng điểm tâm!”

Chú Sa di đến phòng dành cho vị Đạo sĩ thì thấy ông đang ngồi yên... bất động: “Ồ! Ông ấy ngồi mà viên tịch rồi!” Thế là chú hốt hải chạy đi báo cho vị Tỳ kheo hay: “Sur-phụ ơi! Ông khách xin tá túc tối qua đã viên tịch rồi!”

Vị Tỳ kheo vội vã vào xem thì thấy quả thật vị Đạo sĩ đã chết rồi. Thật ra, đó là vì trong khi ‘xuất huyền’ thì nhục thân của ông Đạo sĩ nọ không còn hô hấp, mà tim mạch cũng ngừng đập, nên tình trạng lúc ấy trông chẳng khác gì một xác chết vậy.

Vị Tỳ kheo già bảo: “Ồ! Ông ấy chết thật rồi! Thôi thì chúng ta hãy làm lễ hỏa táng cho ông ấy vậy”. Và chẳng mấy chốc thì nhục thân của vị Đạo-sĩ đã trở thành một đồng tro tàn!

Bấy giờ, vị Đạo sĩ sau khi ‘xuất huyền’? Đi du ngoạn thỏa thích rồi (*mà không tốn tiền mua vé máy bay!*), bèn tính chuyện trở về để ‘nhập tẩn’. Trở về, mới hay nhục thân của mình không còn ở chỗ cũ nữa, ông hốt hoảng lùng kiếm khắp nơi song vẫn không tìm ra. Thế là tới đền, ông liền tới ngôi chùa nhỏ nọ quát hỏi om sòm: “Các người đem cái ‘nhà’ của ta đi đâu? Hãy trả ‘nhà’ lại cho ta!” (*nhà là ám chỉ nhục thân của ông ta.*)

Vị Tỳ kheo già cùng chú Sa di nghe thấy thì kinh ngạc nhìn nhau: “Ai thế? Ai nói gì đấy?” Bởi vì tuy cũng là người tu hành, song họ chưa có được Ngũ Nhân, Lục Thông; bằng không, họ có thể nhìn thấy và biết rằng vị khách hôm nọ đã trở về. Chính vì chỉ nghe có tiếng nói chứ không thấy dáng người nên cả hai thầy trò đều cho rằng đó là ma quỷ đến quấy phá: “Ồ, đó hẳn là hồn ma của ông khách hôm nọ trở về đòi nhà chứ gì?!”

Hôm đầu tiên thì đêm đến ‘hồn ma’ của vị Đạo sĩ mới tới chùa để đòi nhà nhưng qua hôm sau thì trời vừa nhá nhem tối là ông đã đến rồi. Và kể từ đó, hôm nào ông cũng đến, có lúc ngay cả giữa ban ngày mà ông cũng đến kêu réo đòi nhà.

Trong khoảng hơn một tháng, ngày nào ông cũng đến chùa nằng nặc đòi nhà như thế, khiến cho lão Tỳ kheo và chú Sa di sanh lòng sợ hãi: “Chậc, trong chùa có ma thật rồi! Thế này thì e rằng chúng ta phải lánh đi nơi khác mà thôi; không thể nào ở đây được nữa”! Thế là họ quyết định bỏ chùa mà đi.

Chiều hôm đó, hai thầy trò đang chuẩn bị để ngày mai dọn đi, thì có một nhà Sư đến xin tá túc. Bấy giờ, vị Tỳ kheo già bảo chú Sa di: “Con hãy thưa với ông ấy rằng chúng ta hiện nay không cho khách ngủ trọ nữa! Lần trước đã xảy ra chuyện rắc rối quá rồi!”

Chú Sa di thưa lại với vị Sư mới đến: “Xin Thầy hãy đến nơi khác tá túc. Chùa chúng con hiện nay không cho ngủ trọ nữa ạ.”

Vị Sư nọ gạn hỏi: “Nhà chùa hiện nay không cho ngủ trọ nữa ư? Như thế có nghĩa là trước kia thì chùa vẫn cho khách ngủ trọ! Vậy thì tại sao bây giờ lại không cho nữa? Chú có thể cho ta biết nguyên do chăng?”

Chú Sa di bèn kể lễ sự tình: “Bởi vì trước kia có một ông khách xin tá túc và rồi viên tịch tại đây. Chúng con đã hỏa thiêu nhục thân của ông ấy, bây giờ ngày nào hồn ma của ông ấy cũng đến đòi nhà. Cho nên nay nhà chùa không dám cho khách ngủ trọ nữa, vả lại chùa chúng con cũng sắp dọn đi nơi khác rồi.”

Vị Sư nọ gật gù: “Ồ, thì ra là như thế! Không sao, ta có thể trị được ma quỷ. Ta có cách khiến cho con ma đó phải chịu đầu hàng, tòng phục.”

Nghe vị Sư nói như thế thì chú Sa di mừng rỡ reo lên: “Thế thì để con vào thưa lại với Sư phụ, xem Sư phụ định liệu ra sao!”. Nói dứt lời, chú hớn hở chạy về liêu phòng bạch cùng vị Tỳ kheo: “Bạch Sư phụ! Ông Sư mới đến ấy bảo rằng có thể trị được ma quỷ. Ông ấy muốn ngủ trọ một đêm, chẳng hay Sư phụ có bằng lòng chăng?”

Vị Tỳ kheo đáp với vẻ đần đo: “Ậy! Ông ta nói trị được ma quỷ là nói gạt con đấy! Chúng ta là người xuất gia mà điều không trị được ma quỷ, ông ấy cũng như chúng ta thôi, thì làm sao mà trị được chúng? Mà thôi, bất luận có trị được hay không thì chúng ta cũng cứ để cho ông ấy tá túc một đêm rồi hẵng hay!”. Chủ ý của vị Tỳ kheo là cứ thử xem sao; vị Sư nọ nếu trị được con ma này thì tốt, mà dẫu không trị nổi nó thì cũng không sao, đằng nào ông ta cũng chỉ ở nhờ có một đêm! Và thế là vị Sư nọ được mời ở lại chùa.

Bây giờ, vị Sư nọ hỏi hai thầy trò: “Chẳng hay ông khách nọ chết ở phòng nào? Bây giờ ông ta đòi trả nhà, thế thì ông ta ở đâu chui ra mà đòi nhà?”

Vị Tỳ kheo đáp: “Ông ấy ở tại liêu phòng phía tây. Ông ấy đến hôm trước thì hôm sau viên tịch; và cũng từ đó bắt đầu có ma quỷ đến đòi nhà. Hễ mặt trời vừa lặn là ông ấy lại đến; theo Thầy thì chúng ta phải làm gì bây giờ?”

Vị Sư nói: “Dễ thôi! Xin Sư phụ hãy chuẩn bị cho tôi một chậu nước thật lớn, đồng thời đốt một đồng lửa trong phòng của tôi. Sư phụ hãy làm theo lời tôi dặn đi, rồi đâu sẽ vào đấy thôi!”

Tối hôm đó, quả nhiên có tiếng kêu réo: “Bớ các người, các người đem cái nhà của ta đi đâu? Hãy trả nhà lại cho ta, mau lên!”

Khi ấy, nhà Sư biết trị quỷ mới cất tiếng hỏi: “Nhà của ông ư? Nhà của ông ở trong chậu nước ấy, ông vào trong đó mà tìm!”. Thế là vị Đạo sĩ liền nhảy vào chậu nước, loay hoay tìm kiếm, rồi nói: “Không có!”

Vị Sư nọ điềm nhiên hỏi lại: “Không có à? Thế thì phải ở trong đồng lửa đằng kia đấy thôi, ông mau đến đó tìm thử xem!”. Ông Đạo sĩ lại nhảy vào đồng lửa, chạy vô chạy ra sục sạo một lúc lâu, rồi thất vọng la lên: “Cũng không có! Nhà của ta không có trong đồng lửa này!”.

Bây giờ vị Sư mới chậm rãi hỏi: “Này Đạo sĩ? Ông bây giờ xuống nước không chìm, vào lửa không cháy; thế thì ông còn tìm ‘nhà’ để làm gì nữa?”. Nghe nói như thế, vị Đạo sĩ chợt khai ngộ: “Ừ nhỉ!” Và từ đó, ngôi chùa nhỏ được yên ổn, không bị ma quỷ quấy rầy nữa, và vị Tỳ kheo già cùng chú Sa-di cũng không phải dọn đi nơi khác.

Trên đây là một nguy cơ của việc sử dụng công phu ‘xuất huyền nhập tấn’. Tuy là có thể dạo chơi khắp nơi tùy thích, nhưng nếu không gặp được người thông hiểu hoặc có kinh nghiệm về công phu này, rủi ro bị kẻ khác thiêu mất xác thân của mình, thì sẽ không còn ‘nhà’ mà trở về nữa!

“Tám là không bị chết vì trúng phải độc dược”: loại ‘ác tử’ thứ tám là ‘chết vì trúng phải độc dược’. Thuở trước, Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã từng ăn thức ăn có trộn thuốc độc, và khi Ngài nôn ra lại thì các thức ấy đều biến thành rắn cả; Đó là vì những kẻ đố kỵ Ngài đã trộn nọc rắn vào thức ăn để đầu độc Ngài; song nhờ Ngài trì tụng Chú Đại Bi nên không bị chết bởi thuốc độc. Ngài bị đầu độc đến sáu lần; sau cùng Ngài tự nghĩ: “Cần gì mà phải rắc rối như thế nhỉ? Ta chỉ làm cho người khác thêm sanh ác tâm mà thôi!”. Và thế là Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma bèn giả vờ bị trúng độc mà chết, chứ sự thật thì Ngài không phải chết vì độc dược; vì sao? Vì Ngài có trì tụng Chú Đại Bi!

“Chín là không bị chết vì cổ độc tác hại”: loại ‘ác tử’ thứ chín là chết vì bị cổ độc tác hại. Ở Nam Dương, Singapore, Malaysia, Việt Nam, Thái Lan, và luôn cả ở tỉnh Quảng đông (*Trung Quốc*), người ta có luyện được những loại thuốc độc cực mạnh và vô cùng lợi hại, gọi là ‘cổ độc’. Có rất nhiều loại ‘cổ độc’; có loại chỉ cần ăn một chút xíu nhưng khi vào đến bụng thì nó lại phình to ra, khiến cho nạn nhân bị trướng bụng mà chết. Tuy nhiên, nếu quý vị thành tâm trì tụng Chú Đại Bi thì không có độc chất nào có thể hại được quý vị.

“Mười là không bị chết vì điên loạn, mất trí”: loại ‘ác

tử' thứ mười là 'chết vì bị điên loạn, mất trí'. Người trì tụng Chú Đại Bi thì không bị chết do điên cuồng mê loạn, hoặc do đầu óc không được tỉnh táo.

“Mười một là không bị chết vì núi lở, cây ngã, vách đá sụp”: loại 'ác tử' thứ mười một là 'chết vì núi lở, cây ngã, vách đá sụp'. Những người chuyên tâm trì tụng Chú Đại Bi thì không bị các cây to ngã xuống đè chết, không bị đá từ trên núi lăn xuống đè chết, và cũng không bị tường thành đổ sụp xuống đè chết.

“Mười hai là không bị chết vì kẻ ác thư ếm”: loại 'ác tử' thứ mười hai là 'chết vì bị kẻ ác thư ếm'. Có nhiều kẻ dùng 'ác chú' để trừ ếm, khiến cho người ta nằm mộng thấy những điều sợ hãi, hoặc dùng tà thuật để 'thư' cho người ta chết. 'Kẻ ác thư ếm' tức là kẻ ác ấy có 'tà chú' nên có thể âm thầm ám hại người khác; tương tự như trường hợp cô gái Ma Đăng Già dùng tà chú của phái ngoại đạo **"hoàng phát"** (tóc vàng) để bắt cóc Tôn giả A-Nan vậy. Tà chú có thể làm cho đầu óc người ta trở nên mê muội, không còn tri giác, cũng không còn sáng suốt để làm chủ chính mình nữa; do đó bị kẻ dùng chú không chế, sai sử một cách dễ dàng.

“Mười ba là không bị chết vì tà thần, ác quỷ thừa cơ làm hại”: loại 'ác tử' thứ mười ba là 'chết vì tà thần, ác quỷ thừa cơ làm hại'. Quý vị trì tụng Chú Đại Bi thì tà thần, ác quỷ không có cơ hội hãm hại hoặc giết chết quý vị.

“Mười bốn là không bị chết vì ác bệnh triền thân”: loại 'ác tử' thứ mười bốn là 'chết vì ác bệnh triền thân'. Người trì tụng Chú Đại Bi thì không bị mắc phải 'ác bệnh'. 'Ác bệnh' tức là các loại bệnh trầm trọng, ngặt nghèo, như bệnh tê bại, không nhúc nhích được, hoặc các bệnh nan y khác. Bệnh ung thư cũng thuộc loại 'ác bệnh' vậy.

Ở Hồng Kông có một vị Hòa Thượng rất nổi tiếng tên là Định Tây, ông mắc bệnh ung thư và sau hơn một năm thì chết

vì ‘ác bệnh’ này. Tôi tin rằng ông ta không thành tâm tin tưởng ở Chú Đại Bi! Tuy rằng ông bảo người ta tu hành song chính bản thân ông lại chẳng mấy chú ý dụng công tu tập, cho nên mới mắc ung thư.

Tôi bảo cho quý vị biết, ông ta là người rất háo danh, ở Hồng Kông chuyên môn ‘mua danh chuốc tiếng’! Ông rêu rao cùng khắp cả Hồng Kông rằng Pháp Sư Độ Luân (*Hòa thượng Tuyên Hóa*) là đệ tử của ông ta! Thật là hoang đường! Hoàn toàn không có chuyện đó! Tôi với ông ta phải nói là chẳng quen biết, chẳng liên can gì với nhau cả, thậm chí còn ở cách xa nhau cả mấy ngàn dặm đường!

Lúc tôi còn ở Đông Bắc thì ông ta hoàn toàn không biết gì về tôi cả. Chỉ có sau khi tôi đến Hồng Kông thì số người tín ngưỡng tôi rất đông đảo, ông bèn nói với mọi người rằng tôi là đệ tử của ông! Bởi rất nhiều người tin tưởng tôi, vậy nếu ông ta là sư phụ của tôi thì đương nhiên là ai nấy sẽ càng tôn kính ông ta hơn nữa, cũng tương tự như trường hợp một vị Pháp Sư nọ nói Hư Vân Lão Hòa Thượng là đệ tử của y vậy!

Lúc tôi ở Hồng Kông, có một người họ Trương nọ mắc bệnh ung thư mà sáu vị bác sĩ nổi tiếng là cao minh nhất của Hồng Kông thời ấy đều chẩn đoán về bệnh tình của anh ta rằng: “Nội trong một trăm ngày chắc chắn sẽ chết, không thể nào sống nổi!”

Họ Trương này quy y với tôi vào ngày 18 tháng 5 âm lịch, và sau lễ quy y thì tôi có khuyên anh ta nên phát tâm làm chút việc công đức. Tôi nói: “Nếu anh chịu làm đúng theo lời tôi dặn thì tôi bảo đảm rằng không phải chỉ nội trong một trăm ngày, mà ngoài một trăm ngày, anh vẫn chưa phải chết! Nhưng, phải nhớ là làm theo cách tôi đã bảo!”. Tức là phải làm gì?

Nhân vì lúc bấy giờ người xuất gia từ Đại Lục (*Trung Quốc*) tỵ nạn sang Hồng Kông rất đông, có đến ba, bốn ngàn vị, mà hầu hết đều bị thiếu thốn về mọi mặt; tôi bèn khuyên họ

Trương rằng: “Anh nên phát tâm cúng dường mỗi vị xuất gia hai mươi đồng và một súc vải Hoa-kỳ (*một súc vải có thể may được tới mấy bộ đồ*). Nếu anh có thể làm như thế để kết thiện duyên với những vị xuất gia này, tôi bảo đảm rằng anh sẽ chưa phải chết!”

Họ Trương liền phát nguyện, hứa sẽ y lời. Anh ta còn nói là nếu trong vòng một trăm ngày mà anh ta không chết, thì sẽ bỏ thí cho tôi hai trăm ngàn Mỹ kim. Anh ta là một người rất giàu có ở Hồng Kông, tài sản có đến bạc tỷ; song đều là do làm ăn bất chánh mà có được.

Đến kỳ hạn một trăm ngày mà bác sĩ đã chẩn định, họ Trương quả nhiên vẫn chưa chết. Trong thời gian này, vị Hòa Thượng bị ung thư mà tôi nói ban nãy (*bấy giờ chưa bị ung thư*), có giúp họ Trương lạy sám hối. Lạy sám gì? Lạy Dược Sư Sám, mỗi tuần mỗi lạy Sám Dược Sư. Thấy đã quá một trăm ngày mà họ Trương vẫn chưa chết, vị Hòa Thượng nọ bèn kể lể với anh ta rằng đó là nhờ công đức bái sám của mình!

Thật ra, chỉ vì họ Trương là người giàu có, chứ nếu là kẻ không có tiền thì ông Hòa Thượng nọ nhất định chẳng chịu bái sám cho! Và rốt cuộc là họ Trương nọ, với tôi thì chẳng thực hiện lời hứa; còn vị Hòa Thượng nọ thì đã có công bái sám nên được tặng cho năm ngàn đồng. Vị Hòa Thượng đó còn nói với họ Trương: “Năm ngàn đồng này là phí tổn hành lễ bái sám, nhờ công đức bái sám này mà anh khỏi phải chết đấy!”

Người họ Trương này chính là Trương Ngọc Giai. Sau đó, họ Trương sống thêm được tám năm nữa. Vào tháng giêng năm ấy, nhân ngày đầu năm, tôi nói với mọi người rằng: “Năm nay, nếu Trương Ngọc Giai có gặp phải chuyện gì mà đến khẩn cầu tôi, thì cho dù anh ta có quỳ trước cửa đến ba năm đi nữa, tôi cũng chẳng ngó ngang tới!”

Bởi tôi chờ đợi đã tám năm rồi mà anh ta vẫn chưa chịu thực hiện lời nguyện. Tôi không thể xem đó như món nợ, phải

đi đòi, tôi không thể gặp anh ta và nói: “Anh chưa chết, thế thì phải đưa tôi hai trăm ngàn Mỹ kim!”. Tôi không làm như thế được, cho nên tôi chỉ tuyên bố: “Tôi đợi đã tám năm rồi mà anh ta vẫn không phát tâm; vậy bắt đầu từ hôm nay trở đi, nếu có bất cứ chuyện gì xảy ra cho Trương Ngọc Giai, tôi đều không biết đến!”.

Sau khi tôi tuyên bố như thế chưa được bao lâu, Trương Ngọc Giai bệnh nặng trở lại và lâm vào tình trạng nguy kịch. Họ Trương bèn bảo người nhà đến tìm tôi, nhưng bao nhiêu lần tôi đều từ chối không gặp, thậm chí không mở cửa cho họ vào nữa: “Các người đến tìm tôi, song tôi không muốn tiếp các người!”. Đây là một việc mà hầu hết những người xuất gia ở Hồng Kông chẳng mấy ai làm được! Người giàu có như thế đến thăm mà còn không chịu tiếp, không cho gặp mặt, thì thật là... không thể hiểu nổi!!! Cho nên tôi bị rất nhiều người phê bình: “Thật là không thông hiểu Phật Pháp gì cả! Người ta tới xin gặp mà cứ không chịu cho gặp!”.

Có một lần, họ Trương cho người mang đến tặng tôi hai trăm đồng, tôi ném tiền ra ngoài cửa trả lại cho y. Do đó, những người xuất gia ở chỗ vị Hòa Thượng họ đều bất bình và chỉ trích tôi: “Ông ta không phải là người xuất gia! Người ta cúng dường mà không chịu nhận, lại còn ném trả lại nữa; tại sao ông ta lại quá quắt đến thế? Thật là chẳng biết điều chút nào!”.

Khoảng chừng ba tháng sau thì Trương Ngọc Giai chết vì chứng ung thư. Chẳng bao lâu sau thì vị Hòa Thượng họ cũng bị ung thư, bấy giờ có ai bái sám cho ông ta thì ông cũng không khỏi bệnh được. Ông ta có thể bái sám cho người khác được khỏi bệnh; thế mà bây giờ tất cả Hòa Thượng ở Hồng Kông đều bái sám, niệm Phật cho ông ta, thì lại không linh nghiệm, bệnh ông ta vẫn không thuyên giảm. Sau đó khoảng hơn một năm thì ông ‘Su-phụ giả mạo’ của tôi tạ thế. Đó cũng là ‘chết vì ác bệnh triền thân’ vậy.

“Mười lăm là không bị chết vì tự sát, tự tử”: loại ‘ác tử’ thứ mười lăm là ‘chết vì tự sát, tự tử’. ‘Tự sát, tự tử’ (*phi phận tự hại*) tức là tự đi tìm cái chết cho mình bằng cách uống thuốc độc, treo cổ, nhảy xuống giếng, lao xuống biển... hoặc vô số cách khác, vì chính mình không còn muốn sống nữa. Người trì tụng Chú Đại Bi thì không bao giờ tự hủy hoại đời mình.

Kinh văn:

誦持大悲神咒者。不被如是十五種惡死也。得十五種善生者。

一者。所生之處。常逢善王。

二者。常生善國。

三者。常值好時。

四者。常逢善友。

五者。身根常得具足。

六者。道心純熟。

七者。不犯禁戒。

八者。所有眷屬。恩義和順。

九者。資具財食。常得豐足。

十者。恒得他人。恭敬扶接。

十一者。所有財寶。無他劫奪。

十二者。意欲所求。皆悉稱遂。

十三者。龍天善神。恒常擁衛。

十四者。所生之處。見佛聞法。

十五者。所聞正法。悟甚深義。

Hán văn: “Tụng trì Đại Bi thần chú giả, bất bị như thị thập ngũ chủng ác tử dã, đắc thập ngũ chủng thiện sanh giả:

Nhất giả, sở sanh chi xứ, thường phùng thiện vương;
Nhị giả, thường sanh thiện quốc;
Tam giả, thường trị hảo thời;
Tứ giả, thường phùng thiện hữu;
Ngũ giả, thân căn thường đắc cụ túc;
Lục giả, đạo tâm thuần thực;
Thất giả, bất phạm cấm giới;
Bát giả, sở hữu quyền thuộc, ân nghĩa hòa thuận;
Cửu giả, tư cụ tài thực, thường đắc phong túc;
Thập giả, hằng đắc tha nhân cung kính phù tiếp;
Thập nhất giả, sở hữu tài bảo, vô tha kiếp đoạt;
Thập nhị giả, ý dục sở cầu, giai tất xưng toại;
Thập tam giả, long thiên thiện thần hằng thường ủng hộ;
Thập tứ giả, sở sanh chi xứ, kiến phật văn pháp;
Thập ngũ giả, sở văn chánh pháp, ngộ thậm thâm nghĩa.”

(Việt dịch: “Người nào tụng trì Thần Chú Đại Bi thì chẳng những không bị mười lăm loại ác tử như thế, mà còn sẽ được mười lăm loại thiện sanh:

*Một là sanh ra ở nơi thường gặp bậc thiện vương;
Hai là thường sanh ra ở thiện quốc;
Ba là thường gặp thời đại tốt;
Bốn là thường gặp thiện hữu;
Năm là thân căn thường được đầy đủ;
Sáu là Đạo tâm thuần thực;
Bảy là không phạm cấm giới;
Tám là tất cả quyền thuộc đều hòa thuận, có ân nghĩa;
Chín là đồ dùng, tiền tài, vật thực thường được đầy đủ;
Mười là luôn được người khác cung kính, giúp đỡ;
Mười một là tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt;*

*Mười hai là những việc mong cầu đều được toại nguyện;
Mười ba là long, thiên, thiện thân thường theo ủng hộ;
Mười bốn là sanh ở nơi nào cũng được thấy Phật nghe Pháp;
Mười lăm là được nghe Chánh Pháp và tỏ ngộ nghĩa lý
thâm sâu.)*

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát lại bạch cùng Đức Thế Tôn: **“Người nào tụng trì Thần Chú Đại Bi thì không bị mười lăm loại ác tử như vậy, mà sẽ được mười lăm loại thiện sanh”**. Mười lăm thứ ‘thiện sanh’ đó là gồm những gì?

“Một là sanh ra ở nơi thường gặp bậc thiện vương”: nếu quý vị tụng trì Chú Đại Bi thì sẽ được sanh trưởng ở những đất nước có vị quốc vương biết tu Ngũ Giới và hành Thập Thiện.

“Hai là thường sanh ra ở thiện quốc”: ‘Thiện quốc’ tức là một đất nước không có chiến tranh loạn lạc, không có giặc giã đao binh, không có lũ lụt, hỏa hoạn, và cũng không có các bệnh dịch hoành hành. Ngoài ra, dân chúng ở đất nước đó đều là những người rất lương thiện, ai nấy đều chung sống thuận hòa chứ không tàn sát lẫn nhau.

“Ba là thường gặp thời đại tốt”: trì tụng Đại Bi Chú, quý vị sẽ được sanh vào thời thái bình thịnh trị, không gặp cảnh chiến tranh giặc giã.

“Bốn là thường gặp thiện hữu”: ‘Thiện hữu’ tức là những người bạn tốt, biết khuyến khích quý vị học tập Phật Pháp, chăm chỉ tu hành.

“Năm là thân căn thường được đầy đủ”: nếu quý vị thường niệm Chú Đại Bi thì sáu căn (*mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý*) của quý vị đều vô cùng xinh đẹp, viên mãn.

“Sáu là Đạo tâm thuần thực”: ‘Thuần’ tức là thuần nhất, không hỗn tạp, không xen lẫn gì cả. ‘Thực’ tức là thành thực,

chín muôi. Vậy, nếu quý vị tụng trì Chú Đại Bi, thì cái tâm thuần thành tu Đạo của quý vị chẳng những kiên cố mà còn sắp thành thực nữa.

“Bảy là không phạm cấm giới”: phạm là tu Đạo, quý vị hề thọ giới nào rồi thì không được vi phạm giới đó. Trong Giới Luật có bảo quý vị chớ làm việc gì đó song quý vị vẫn cứ làm, như thế là **“phạm cấm giới”** vậy.

“Tám là tất cả quyền thuộc đều hòa thuận, có ân nghĩa”: tất cả bà con họ hàng của gia đình quý vị đều biết cảm ân báo đức lẫn nhau; quý vị tử tế với họ và họ cũng tử tế với quý vị, không ai có lòng ích kỷ hoặc mưu đồ lợi lộc riêng tư.

“Chín là đồ dùng, tiền tài, vật thực thường được đầy đủ”: quý vị được sở hữu rất nhiều tài bảo, vật dụng, đồ ăn thức uống, và luôn luôn sống trong sự sung túc, dư dả, không bao giờ bị thiếu thốn.

“Mười là luôn được người khác cung kính, giúp đỡ”: hề ai gặp quý vị cũng đều tỏ ra cung kính và sẵn lòng giúp đỡ quý vị.

“Mười một là tiền của châu báu không bị kẻ khác cướp đoạt”: các tài bảo của riêng quý vị thì không bị người khác đến tranh giành, cướp đoạt.

“Mười hai là những việc mong cầu đều được toại nguyện”: quý vị ao ước điều gì thì cũng đều được thỏa mãn, vừa lòng đẹp ý.

“Mười ba là long, thiên, thiện thần thường theo ủng hộ”: Thiên, long, bát bộ, cùng tất cả thiện thần đều luôn luôn phù hộ, che chở cho quý vị.

“Mười bốn là sanh ở nơi nào cũng được thấy Phật nghe Pháp”: nếu quý vị trì tụng Chú Đại Bi thì sanh ra ở xứ sở nào cũng đều được thấy Phật và được nghe Pháp. Nay tuy Đức Phật đã nhập Niết Bàn, song chúng ta trông thấy tượng

Phật thì cũng như được ‘thấy Phật’ và nghe giảng Phật Pháp tức là được ‘nghe Pháp’ vậy.

“Mười lăm là được nghe Chánh Pháp và tỏ ngộ nghĩa lý thâm sâu”: những điều quý vị được nghe thì đều thuộc về Chánh Pháp, và quý vị có thể hiểu được những đạo lý rất thâm sâu.

Kinh văn:

若有誦持大悲心陀羅尼者。得如是等十五種善生也。
一切天人。應常誦持。勿生懈怠。

Hán văn: “Nhược hữu tụng trì Đại Bi Tâm Đà La Ni giả, đắc như thị đẳng thập ngũ chủng thiện sanh dã, nhất thiết thiên nhân, ung thường tụng trì, vật sanh giải đãi.”

(Việt dịch: “Nếu người nào trì tụng Đại Bi Tâm Đà La Ni thì sẽ được mười lăm chỗ thiện sanh như thế. Tất cả hàng Trời, người, nên thường xuyên trì tụng, chớ sanh biếng nhác!”)

Lược giảng:

“Nếu người nào trì tụng Đại Bi Tâm Đà La Ni thì sẽ được mười lăm chỗ thiện sanh như thế. Tất cả hàng Trời, người, nên thường xuyên trì tụng, chớ sanh biếng nhác!”: hết thảy thiên nhân trên các cõi trời cũng như loài người chúng ta ở chốn nhân gian đều nên chuyên cần trì tụng Chú Đại Bi, và phải nhớ kỹ là đừng lười biếng, xao lãng! Chúng ta cần phải nhớ là chớ nên tham ăn, tham ngủ! Nếu quý vị có thể chú trọng việc trì niệm Chú Đại Bi như việc ăn uống, quan tâm đến việc trì tụng Chú Đại Bi như việc ngủ nghỉ, thì tốt biết bao. Phải luôn nghĩ rằng: “Hễ hôm nào mà không tụng Chú Đại Bi là cảm thấy như thiếu ăn thiếu ngủ vậy!”.

Quý vị hãy xem việc trì niệm Chú Đại Bi cũng thiết yếu như việc ăn uống, ngủ nghỉ; chớ nên giải đãi, lười biếng. Chuyển cái tâm thích ăn thành cái tâm thích trì tụng Chú Đại Bi, đổi cái tâm thích ngủ thành cái tâm thiết tha tụng trì Đại Bi Chú; quý vị xem, như thế chẳng phải là kỳ diệu sao?

Kinh văn:

觀世音菩薩說是語已。於眾會前。合掌正住。於諸眾生。起大悲心。開顏含笑。即說如是廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼神妙章句。

Hán văn: Quán Thế Âm Bồ tát thuyết thị ngữ dĩ, u chúng hội tiền, hợp chưởng chánh trụ, u chư chúng sanh, khởi đại bi tâm, khai nhan hàm tiếu, tức thuyết như thị Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni thần diệu chương cú.

(Việt dịch: Quán Thế Âm Bồ tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội chấp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, tươi mặt cười nụ, tuyên thuyết chương cú thần diệu Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.)

Lược giảng:

“Quán Thế Âm Bồ tát nói lời ấy rồi, liền ở trước chúng hội chấp tay đứng thẳng, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, tươi mặt cười nụ...”: ‘Tươi mặt cười nụ’ tức là miệng cười chúm chím, nét mặt lộ vẻ hân hoan. Nếu mặt mày quạu quọ, làm lì nhảnh nhó, thì gọi là ‘xụ mặt’. Quý vị cần phải rạng rỡ tươi vui, chứ đừng nên lúc nào cũng mặt ủ mày chau, hoặc sầm đen lại như đang giận ai vậy. (Ở Trung Hoa có ông Bao Công mặt sắt đen sì, song đó không phải là dấu hiệu của sự giận dữ!)

Kinh văn:

陀羅尼曰。
南無喝囉怛那哆囉夜耶。南無阿唎耶。婆盧羯帝爍鉢囉耶。
。菩提薩埵婆耶。摩訶薩埵婆耶。摩訶迦盧尼迦耶。唵。
薩皤囉罰曳。數怛那怛寫。南無悉吉利埵伊蒙阿利耶。婆
盧吉帝室佛囉楞馱婆。南無那囉謹墀。醯唎摩訶皤哆沙咩。
。薩婆阿他豆輸朋。阿逝孕。薩婆薩哆那摩婆薩多那摩婆
伽。摩罰特豆。怛姪他。唵阿婆盧醯。盧迦帝。迦羅帝。

夷醯唎。摩訶菩提薩埵。薩婆薩婆。摩囉摩囉。摩醯摩醯
 唎馱孕。俱盧俱盧羯蒙。度盧度盧罰闍耶帝。摩訶罰闍耶
 帝。陀羅陀羅。地利尼。室佛囉耶。遮羅遮羅。摩摩罰摩
 囉。穆帝隸。伊醯移醯。室那室那。阿囉參佛囉舍利。罰
 沙罰參。佛囉舍耶。呼盧呼盧摩囉。呼盧呼盧醯利。娑囉
 娑囉。悉利悉利。蘇嚧蘇嚧。菩提夜菩提夜。菩馱夜菩馱
 夜。彌帝利夜。那囉謹墀。地利瑟尼那。婆夜摩那。娑婆
 訶。悉陀夜。娑婆訶。摩訶悉陀夜。娑婆訶。悉陀喻藝。
 室幡囉夜。娑婆訶。那囉謹墀。娑婆訶。摩囉那囉。娑婆
 訶。悉囉僧阿穆佉耶。娑婆訶。娑婆摩訶阿悉陀夜。娑婆
 訶。者吉囉阿悉陀夜。娑婆訶。波陀摩羯悉陀夜。娑婆訶
 。那囉謹墀幡伽囉耶。娑婆訶。摩婆利勝羯囉耶。娑婆訶
 。南無喝囉怛那哆囉夜耶。南無阿唎耶。婆嚧吉帝。爍皤
 囉夜。娑婆訶。唵。悉殿都。漫多囉。跋陀耶。娑婆訶。

Hán văn:

Đà La Ni viết:

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô
 kiết đế, thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà
 da. Ma ha ca lô ni ca da. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đát na đát
 tả. Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a rị da. Bà lô kiết đế thất
 phật ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị ma ha bàn đa sa
 mế. Tát bà a tha đậu du bằng. A thệ dụng. Tát bà tát đá, na ma
 bà tát đa, na ma bà già. Ma phạt đặc đậu. Đát điệt tha. Án, a bà
 lô hê. Lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà
 tát bà. Ma ra ma ra. Ma hê ma hê, rị đà dụng. Cu lô cu lô yết
 mông. Độ lô độ lô, phạt già ra đế. Ma ha phạt già da đế. Đà la
 đà la. Địa ly ni. Thất phật ra da. Giá ra giá ra. Ma ma phạt ma
 ra. Mục đế lệ. Y hê di hê. Thất na thất na. A ra sam phật ra xá
 lợi. Phạt sa phạt sam. Phạt ra xá da. Hô lô hô lô ma ra. Hô lô
 hô lô hê rị. Ta ra ta ra. Tát ly tát ly. Tô rô tô rô. Bồ đề dạ, bồ đề
 dạ. Bồ đà dạ, bồ đà dạ. Di đế rị dạ. Na ra cẩn trì. Địa ly sát ni
 na. Ba dạ ma na. Ta bà ha. Tát đà dạ. Ta bà ha. Ma ha tát đà dạ.

Ta bà ha. Tất đà du nghệ. Thất bàn ra dạ. Ta bà ha. Na ra cần trì. Ta bà ha. Ma ra na ra. Ta bà ha. Tất lỗ tăng a mục khư da. Ta bà ha. Ta bà ma ha a tất đà dạ. Ta bà ha. Giả cát ra a tất đà dạ. Ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ. Ta bà ha. Na ra cần trì, bàn già ra da. Ta bà ha. Ma bà lợi thắng, yết ra da. Ta bà ha. Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a li da. Bà lô kiết đế. Thước bàn ra dạ. Ta bà ha. Án, tất điện đô. Mạn đà ra. Bạt đà da. Ta bà ha.

Lược giảng:

Lúc bảy giờ, Quán Thế Âm Bồ tát chấp hai tay lại và đứng ngay ngắn trước mặt Đức Phật cùng đại chúng, rồi sanh lòng đại từ đại bi thương xót tất cả chúng sanh, Ngài tươi cười rạng rỡ và **“lập tức tuyên thuyết chương cú thần diệu Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni. Đà La Ni đó như vậy:...”**

Hiện tại chúng ta đang nghiên cứu *Kinh Đại Bi Đà La Ni*, do đó tạm thời chưa giảng đến bài Chú Đại Bi này. Chỉ riêng một bài Chú này thôi cũng phải cần rất nhiều thời gian mới giảng giải cho tường tận được; do đó, bây giờ tôi chỉ giảng phần Kinh văn, còn ý nghĩa của Chú (*Chú nghĩa*) thì để khi nào có cơ hội tôi sẽ giải thích cặn kẽ sau. Và, luôn cả Chú Lăng Nghiêm cũng vậy, trong tương lai, nếu có cơ duyên thuận tiện thì tôi sẽ giảng nghĩa cho quý vị nghe; còn hôm nay thì tôi chỉ giải thích sơ lược về câu đầu và câu cuối của bài Chú Đại Bi này mà thôi.

Câu đầu tiên của Chú Đại Bi là “Nam Mô Hắc Ra Đất Na Đa Ra Dạ Da.”

‘Nam mô’ có nghĩa là quy y, quay về nương tựa; do đó câu chú trên trở thành ‘Quy y Hắc Ra Đất Na Đa Ra Dạ Da’ và có nghĩa là ‘quy y tận hư không, biên Pháp Giới, thập phương tam thế, vô tận vô tận Tam Bảo’ (*con về nương tựa vô lượng vô biên Tam Bảo ở tận cùng hư không và khắp cả Pháp Giới*

trong mười phương ba đời). Nói theo đồ hình thì đây là bốn thân của Quán Thế Âm Bồ tát. Nếu quý vị trì niệm câu chú này thì Quán Thế Âm Bồ tát sẽ giúp cho mọi sở cầu của quý vị đều được toại nguyện, viên mãn như ý.

Câu cuối cùng của bài Chú Đại Bi là “Án Tất Điện Đô. Mạn Đà Ra. Bạt Đà Da. Ta Bà Ha”. Câu này nghĩa là gì? Câu này hàm ý là tất cả mọi nguyện vọng thiết tha của hành giả đều sẽ mau chóng được thành tựu. Quý vị trì niệm câu Chú này thì những điều nguyện ước hoặc hy vọng của quý vị sẽ không những được thành tựu mà còn thành tựu một cách nhanh chóng nữa.

Trên đây là sơ lược về ý nghĩa của câu đầu và câu cuối của bài Chú Đại Bi.

Kinh Văn:

觀世音菩薩說此咒已。大地六變震動。天雨寶華。繽紛而下。十方諸佛。悉皆歡喜。天魔外道。恐怖毛豎。一切眾會。皆獲果證。或得須陀洹果。或得斯陀含果。或得阿那含果。或得阿羅漢果。或得一地。二地。三地。四地。五地。乃至十地者。無量眾生。發菩提心。

Hán văn: Quán Thế Âm Bồ tát thuyết thử Chú dĩ, đại địa lục biến chấn động, thiên vũ bảo hoa, tân phân nhi hạ. Thập phương chư Phật, tất giai hoan hỷ. Thiên ma ngoại đạo, khủng bố mao thụ. Nhất thiết chúng hội, giai hoạch quả chứng: hoặc đắc Tu Đà Hoàn quả, hoặc đắc Tư Đà Hàm quả, hoặc đắc A Na Hàm quả, hoặc đắc A La Hán quả, hoặc đắc Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa, nãi chí Thập Địa giả. Vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm.

(Việt dịch: Quán Thế Âm Bồ tát tuyên thuyết Chú này xong, đại địa chấn động sáu cách, trời mưa hoa báu xuống la tả, mười phương chư Phật thấy đều hoan hỷ; thiên ma ngoại đạo sợ hãi đến dựng lông tóc. Tất cả chúng hội đều được quả

chúng, hoặc đặc quả Tu-đà-hoàn, hoặc đặc quả Tu-đà-hàm, hoặc đặc quả A-na-hàm, hoặc đặc quả A la hán, hoặc đặc Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa, Ngũ Địa, cho đến Thập Địa; vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm.)

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát tuyên thuyết Chú này xong, đại địa chấn động sáu cách... ‘Đại địa’ (*cõi đất lớn*) tức là mặt đất mà chúng sanh chúng ta đang cư ngụ. Như đã đề cập trong phần trước, sáu loại chấn động của đại địa (*lục chủng chấn động*) là chấn, hồng, kích, động, dững và khởi.

- 1) Chấn tức là chấn động (*vang dội, rung động*);
- 2) Hồng là gầm rống, gào thét;
- 3) Kích có nghĩa là va chạm, đập vào nhau. (*Chấn, hồng và kích là những chấn động thuộc về âm thanh.*)
- 4) Động tức là động cựa hướng về phía trên;
- 5) Dững là dững hiện, hàm ý phun vọt lên trên;
- 6) Khởi tức là vùng dậy, khởi lên. (*Động, dững và khởi là những chấn động về mặt hình thể.*)

Sáu loại chấn động này lại có thể biến chuyển thành mười tám thứ chấn động khác nhau mà trước đây tôi đã có giảng rồi, và tôi tin rằng quý vị vẫn còn nhớ cho nên không cần phải giảng tỉ mỉ lại nữa!

Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng chấn động của đại địa. Sáu loại chấn động có thể xảy ra do:

- 1) ở thế gian có người thành Phật;
- 2) có người chứng đặc quả vị A la hán;
- 3) có chư Phật hoặc Bồ tát tuyên thuyết kinh điển Đại Thừa.

Ba sự kiện trên là thuộc về phương diện thiện (*điềm lành*) và khi xảy ra thì cả đại địa đều chấn động sáu cách.

Ngoài ra, địa chấn cũng có thể xảy ra do:

- 1) có Ma vương xuất hiện (*Ma vương có thể dùng ma lực của mình để làm cho đại địa biến thành chấn động sáu cách*);
- 2) có thiên tai nhân họa xảy ra bởi nghiệp cảm của chúng sanh;
- 3) trời đất phát sinh tai biến.

Địa chấn thì có loại tốt, có loại không tốt. Địa chấn xảy ra bởi ba nguyên nhân đầu thì không gây tổn hại gì cho nhân loại cả; còn địa chấn bởi ba nguyên nhân sau thì đều là những tai họa đối với loài người. Thế nhưng, mức độ tác hại do địa chấn gây ra, như tôi vừa nói ban nãy, còn tùy thuộc vào nghiệp cảm của chúng sanh nữa. Mặc dù nói rằng nếu nghiệp lực của chúng sanh quá nặng thì biến cố sẽ xảy ra, nhưng nếu ở nơi đáng lẽ phải có tai ương giáng xuống đó mà có bậc thánh nhân (*Phật, Bồ tát, A la hán*) ra đời, thì tai ương của nơi đó có thể sẽ chuyển dời sang nơi khác, hoặc có thể từ họa lớn biến thành họa nhỏ, hoặc từ họa nhỏ biến thành tiêu tan. Cho nên, ở thế gian này chẳng có gì là nhất định cả. Vừa rồi chỉ là sơ lược về ý nghĩa cùng tình hình của hiện tượng địa chấn; nếu đi sâu vào chi tiết, thì còn có rất nhiều quan hệ và nguyên nhân vi tế khác vô cùng phức tạp.

“Trời mưa hoa báu xuống lá tả”: các thiên nữ ở cõi trời đua nhau rải hoa báu xuống, cứ hết đóa này đến đóa khác liên tiếp rơi xuống như mưa.

“Mười phương chư Phật thấy đều hoan hỷ; thiên ma ngoại đạo sợ hãi đến dựng lông tóc”: lúc bấy giờ, tất cả chư Phật trong mười phương đều sanh tâm hoan hỷ; còn các Ma vương và hàng ngoại đạo trên cõi trời thì đều rùng mình khiếp sợ, sợ đến nổi bao nhiêu lông tóc đều dựng đứng lên cả.

“Tất cả chúng hội đều được quả chứng, hoặc đắc quả Tu Đà Hoàn, hoặc đắc quả Tư Đà Hàm, hoặc đắc quả A Na Hàm, hoặc đắc quả A La Hán”: sau khi nghe Quán Thế Âm

Bồ tát tuyên thuyết Chú Đại Bi xong, trong đại chúng có rất nhiều vị chứng được Sơ Quả A La Hán, Nhị Quả A La Hán, Tam Quả A La Hán hoặc Tứ Quả A La Hán.

Hoặc đặc Nhất Địa, Nhị Địa, Tam Địa, Tứ Địa cho đến Thập Địa: lại nữa, trong Pháp Hội cũng có rất nhiều vị chứng đắc được các địa vị của Bồ tát Đại Thừa như Nhất Địa (*Hoan Hỷ Địa*), Nhị Địa (*Ly Cấu Địa*), Tam Địa (*Phát Quang Địa*), Tứ Địa (*Diệm Huệ Địa*), Ngũ Địa (*Nan Thắng Địa*), Lục Địa (*Hiện Tiền Địa*), Thất Địa (*Viễn Hành Địa*), Bát Địa (*Bát Động Địa*), Cửu Địa (*Thiện Huệ Địa*), và Thập Địa (*Pháp Vân Địa*).

“**Vô lượng chúng sanh phát Bồ Đề tâm**”: ngoài ra, ngay lúc ấy còn có vô lượng vô biên chúng sanh phát khởi tâm Bồ Đề rộng lớn.

Kinh văn:

爾時。大梵天王從座而起。整理衣服。合掌恭敬。白觀世音菩薩言。善哉大士。我從昔來。經無量佛會。聞種種法。種種陀羅尼。未曾聞說如此無礙大悲心大悲陀羅尼神妙章句。惟願大士。為我說此陀羅尼形貌狀相。我等大眾。願樂欲聞。

Hán văn: Nhĩ thời, Đại Phạm Thiên Vương từ tòa nhi khởi, chỉnh lý y phục, hợp chưởng cung kính, bạch Quán Thế Âm Bồ tát ngôn: “thiện tai, Đại Sĩ! Ngã từng tích lai, kinh vô lượng Phật hội, văn chủng chủng Pháp, chủng chủng Đà La Ni, vị tăng văn thuyết như thử Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni thần diệu chương cú. Duy nguyện Đại Sĩ, vi ngã thuyết thử Đà La Ni hình mạo trạng tượng, ngã đẳng đại chúng, nguyện nhạo dục văn.”

(Việt dịch: Lúc bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề, cung kính chấp tay, bạch cùng Quán Thế Âm Bồ tát rằng: “Lành thay, Đại Sĩ! Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật Hội, được nghe

vô số Phật Pháp và vô số môn Đà La Ni, song chưa từng được nghe tuyên thuyết chương cú thần diệu Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Bi Đà La Ni như thế này. Chỉ mong Đại Sĩ vì tôi mà nói về hình mạo tướng trạng của Đà La Ni ấy; tôi cùng đại chúng đều ưa thích muốn nghe.)

Lược giảng:

“**Lúc bấy giờ Đại Phạm Thiên Vương từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa y phục cho chỉnh tề...**”: quý vị đều có biết đôi chút về vị Đại Phạm Thiên Vương này. Đại Phạm Thiên Vương có ba con mắt, tay cầm phát trần màu trắng (*bạch phát*), và cỡi con trâu trắng (*bạch ngưu*). Ngài ngồi Thiên, ngủ nghỉ ngay trên mình trâu và cảm thấy rất tự tại, rất thú vị; bởi Ngài nhận thấy mình được ung dung tự tại nhất, cho nên nơi Ngài ở được gọi là Đại Tự Tại Thiên, một cảnh trời cao nhất trong Sắc Giới Thiên.

Vậy, sau khi đứng dậy và vuốt lại vạt áo thiên y (*thiên y cỡi trời không phải may vá*) của mình cho ngay ngắn rồi, Đại Phạm Thiên Vương “**cung kính chấp tay, bạch cùng Quán Thế Âm Bồ tát rằng: “Lành thay, Đại Sĩ!”**” Ngài quả là một vị Bồ tát vĩ đại nhất! “**Từ trước đến nay, tôi đã trải qua vô lượng Phật Hội**”: tôi đã từng được tham dự vô lượng vô biên Phật Hội, số nhiều đến không thể đếm xuể, đồng thời tôi cũng “**được nghe vô số Phật Pháp và vô số môn Đà La Ni**”, vô số Tổng Trì, “**song chưa từng được nghe tuyên thuyết chương cú thần diệu Vô Ngại Đại Bi Tâm Đại Bi Đà La Ni như thế này**”: tôi chưa bao giờ được nghe thấy một chương cú thần diệu, nhiệm màu như Thần Chú Đại Bi này.

“**Chỉ mong Đại Sĩ vì tôi mà nói về hình mạo tướng trạng của Đà La Ni ấy. Tôi cùng đại chúng đều ưa thích muốn nghe**”: hiện nay toàn thể đại chúng chúng tôi ở trong Pháp Hội này đều thiết tha mong được lắng nghe Đại Sĩ nói rõ về hình tướng của Chú Tổng Trì này!”

Kinh Văn:

觀世音菩薩告梵王言。汝為方便利益一切眾生故。作如是問。汝今善聽。吾為汝等略說少耳。

Hán văn: Quán Thế Âm Bồ tát cáo Phạm Vương ngôn: “nhữ vi phương tiện lợi ích nhất thiết chúng sanh cố, tác như thị vấn, nhữ kim thiện thính, ngô vi nhữ đẳng, lược thuyết thiểu nhĩ.”

(Việt dịch: Quán Thế Âm Bồ tát bảo Phạm Vương rằng: “Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh nên hỏi như thế; vậy nay Ông hãy khéo lắng nghe, Ta sẽ vì các Ông mà lược thuyết đôi điều.”)

Lược giảng:

“**Quán Thế Âm Bồ tát bảo Phạm Vương rằng: “Ông vì phương tiện lợi ích cho tất cả chúng sanh nên hỏi như thế; vậy nay Ông hãy khéo lắng nghe, Ta sẽ vì các Ông mà lược thuyết đôi điều.”**”: bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ tát nói với Đại Phạm Thiên Vương rằng: “Vì muốn đem lại sự lợi ích cho hết thảy chúng sanh nên Ông mới đến đây nghe Pháp và đặt câu hỏi như thế. Vậy, Đại Phạm Thiên Vương ơi! Bấy giờ Ông hãy chú ý lắng nghe, Ta sẽ vì đại chúng các Ông mà nói sơ lược đôi chút về đạo lý này!”

Kinh Văn:

觀世音菩薩言。大慈悲心是。平等心是。無為心是。無染著心是。空觀心是。恭敬心是。卑下心是。無雜亂心是。無見取心是。無上菩提心是。當知如是等心。即是陀羅尼相貌。汝當依此而修行之。大梵王言。我等大眾。今始識此陀羅尼相貌。從今受持。不敢忘失。

Hán văn: Quán Thế Âm Bồ tát ngôn: “Đại Từ Bi tâm thị, Bình Đẳng tâm thị, Vô Vi tâm thị, Vô Nhiễm Trước tâm thị, Không Quán tâm thị, Cung Kính tâm thị, Tỳ Hạ tâm thị, Vô

Tạp Loạn tâm thị, Vô Kiến Thủ tâm thị, Vô Thượng Bồ Đề tâm thị. Đương tri thư thị đẳng tâm, tức thị Đà La Ni tướng mạo, như đương y thử nhi tu hành chi!”

Đại phạm vương ngôn: “ngã đẳng đại chúng, kim thủy thức thử Đà La Ni tướng mạo, tòng kim thọ trì, bất cảm vong thất.”

(Viết dịch: Quán Thế Âm Bồ tát bảo: “Đó là tâm Đại Từ Bi, là tâm Bình Đẳng, là tâm Vô Vi, là tâm Vô Nhiễm Trước, là tâm Không Quán, là tâm Cung Kính, là tâm Tỳ Hạ, là tâm Vô Tạp Loạn, là tâm Vô Kiến Thủ, là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nên biết các thứ tâm ấy đều là tướng mạo của môn Đà La Ni này; vậy ông nên y theo đó mà tu hành.

Đại Phạm Vương thưa rằng: “Tôi và đại chúng nay mới được biết đến tướng mạo của môn Đà La Ni này. Từ nay chúng tôi xin thọ trì, chẳng dám quên lãng.”)

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát bảo Đại Phạm Thiên Vương rằng: Ông muốn biết Đại Bi Tâm Đà La Ni là gì ư? Ta nói cho Ông rõ: **“Đó là tâm Đại Từ Bi.”**

Đại Từ Bi Tâm chính là Đại Bi Tâm Đà La Ni. Lòng ‘từ’ có thể ban vui, tâm ‘bi’ có thể cứu khổ; do đó nếu quý vị có được lòng từ bi bao la, rộng lớn thì đó chính là Chú Đại Bi vậy. Quý vị đã nghe rõ cả chưa? Đại Bi Tâm chính là Đại Bi Chú, Đại Bi Chú chính là Đại Bi Tâm. Quý vị có tâm Đại Bi tức là quý vị đang niệm Chú Đại Bi; nếu quý vị không có tâm Đại Bi tức là quý vị chưa niệm Chú Đại Bi vậy!

Hằng ngày, cho dù từ sáng đến tối quý vị luôn làm rằm tụng niệm: “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da...,” nhưng nếu quý vị không có lòng đại từ đại bi thì đó không phải là niệm Chú Đại Bi. Trái lại, nếu quý vị chẳng hề niệm Chú Đại Bi, song thâm tâm lúc nào cũng tôn giữ tâm lòng đại từ đại bi, thì đó chính là quý vị đang trì niệm Chú Đại Bi vậy! Quý vị hiểu rõ cả rồi chứ? Cho nên, song song với việc niệm Chú, quý

vị cần phải nuôi dưỡng cái tâm Đại Từ Bi nữa, như thế mới là chân chánh niệm Chú!

“Là tâm Bình Đẳng”: chú Đại Bi là gì? Đó là cái tâm bình đẳng, cái tâm không phân biệt. Tâm bình đẳng là một cái tâm ‘vô đẳng vô thiên’ (*không phe nhóm, chẳng thiên vị*); và cái tâm ấy chính là Chú Đại Bi.

Chúng ta không nên niệm Chú Đại Bi với lòng ích kỷ, phân biệt: ‘Người này là anh em của tôi thì tôi phải gần gũi anh ta hơn. Cô kia là bạn của tôi, thì tôi phải thân thiết với cô ta hơn. Người ấy không có quen biết gì với tôi cả, vậy tôi nên tránh xa hẳn...’; bởi như thế tức là không có tâm bình đẳng.

‘Bình đẳng’ tức là đối với anh em ruột thịt cũng vậy mà không phải là anh em ruột thịt thì cũng vậy; chúng ta xem tất cả đều như nhau, chẳng hề phân biệt thân sơ. Đối với bạn bè, anh em, và ngay cả người dung kẻ lạ, chúng ta đều nên đãi ngộ ngang nhau, giống nhau. Nếu quý vị cư xử tử tế với anh em của mình, thì đối với mọi người khác, quý vị cũng nên tử tế giống như với anh em của quý vị vậy; như thế mới gọi là có tâm bình đẳng. Và nếu quý vị hiếu thảo với cha mẹ, thì quý vị cũng nên xem những người tuổi tác đều như cha mẹ mình, và cũng quan tâm, hiếu thuận với họ giống như với cha mẹ mình; đó là có tâm bình đẳng vậy.

Nói tóm lại, tâm bình đẳng là cái tâm ‘vô đẳng, vô thiên’. Quý vị có tâm bình đẳng, tức là có niệm Chú Đại Bi; không có tâm bình đẳng tức là không niệm Chú Đại Bi vậy.

“Là tâm Vô Vi”: ‘Vô vi’ có nghĩa là không làm; thế thì ‘không làm’ điều gì? Đó là không làm những việc tà vạy, không khởi tà niệm, không sanh tà tri tà kiến. Cái tâm luôn nhắc nhở quý vị chớ nên làm điều xấu xa bại hoại, được gọi là tâm vô vi. Quý vị không làm điều xấu điều ác, tức là quý vị đang niệm Chú Đại Bi! Nếu quý vị vừa niệm Chú Đại Bi lại vừa làm điều sai trái, tức là quý vị không có tâm vô vi; và như thế có nghĩa là quý vị không niệm Chú Đại Bi vậy!

“Là tâm Vô Nhiễm Trước”: tâm vô nhiễm trước là cái tâm sáng trong thanh tịnh, không chấp trước, không tạp niệm, không vọng tưởng, không tà niệm, không dục niệm; nói rõ hơn, là không có các ý tưởng dâm dục. Nếu quý vị không có lòng tham đắm sắc dục, tức là quý vị có tâm vô nhiễm trước. Trái lại, nếu quý vị có những ý nghĩ dâm ô tà vạy, dục vọng nặng nề, tức là trong tâm quý vị có sự nhiễm trước, bợn nhơ; mà niệm Chú Đại Bi với cái tâm nhiễm trước thì không phải là niệm Chú Đại Bi! Cho nên, những người hiện đang trì niệm Chú Đại Bi đều cần phải chú ý đến đoạn kinh văn này!

“Là tâm Không Quán”: chúng ta cần phải quán tưởng về tánh ‘không’ của tất cả các pháp. Có ‘không quán’, thấy được các pháp đều là ‘không’, thì quý vị sẽ không còn chấp trước gì nữa cả.

“Là tâm Cung Kính”: quý vị nên hiền từ, hòa nhã, có lòng cung kính đối với mọi người. Hãy xem tất cả chúng sanh đều là Phật, và vì thế mình phải sanh tâm cung kính đối với họ.

“Là tâm Tỳ Hạ”: tâm tỳ hạ tức là lòng khiêm cung, nhún nhường mà kính cẩn. Chúng ta nên luôn luôn giữ lòng khiêm cung đối với mọi người, chứ đừng sanh tâm cống cao ngã mạn.

“Là tâm Vô Tạp Loạn”: quý vị không nên có cuồng tâm dã tánh, không nên có cái tâm tạp loạn.

“Là tâm Vô Kiến Thủ”: khi quý vị trông thấy sự vật thì trong lòng liền mê chấp, sanh khởi kiến hoặc; hễ có kiến hoặc tất có sự chấp giữ (*sở thủ*).

“Là tâm Vô Thượng Bồ Đề”: quý vị phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì đó chính là Chú Đại Bi; nếu quý vị không có Đạo tâm Vô Thượng Bồ Đề, thì không phải là niệm Chú Đại Bi vậy.

“Nên biết các thứ tâm ấy đều là tướng mạo của môn Đà La Ni này; vậy Ông nên y theo đó mà tu hành”: Quán Thế Âm Bồ tát bảo Đại Phạm Thiên Vương rằng: “Ông phải

biết rằng mười cái tâm kể trên (*tâm Đại Từ Bi, tâm Bình Đẳng, tâm Vô Vi, tâm Vô Nhiễm Trước, tâm Không Quán, tâm Cung Kính, tâm Tỳ Hạ, tâm Vô Tạp Loạn, tâm Vô Kiến Thủ, và tâm Vô Thượng Bồ Đề*) chính là tướng mạo của Chú Đại Bi. Các Ông hãy y chiếu theo mười thứ tâm này để tu hành và trì tụng Chú Đại Bi.”

Sau khi nghe Quán Thế Âm Bồ tát tuyên thuyết như thế, **“Đại Phạm Vương thưa rằng: Tôi và đại chúng nay mới được biết đến tướng mạo của môn Đà La Ni này”**. Tất cả chúng tôi trong Pháp Hội nhờ được nghe Ngài, bậc Đại sĩ Đại Bồ tát, thuyết giảng nên mới nhận thức được tướng mạo của pháp môn Tổng Trì này. **“Từ nay chúng tôi xin thọ trì”**: và phát nguyện rằng bắt đầu từ hôm nay chúng tôi sẽ tụng trì Thần Chú Đại Bi, chương cú thần diệu Đại Bi Tâm Đà La Ni **chẳng dám quên lãng!**

Vì sao ư? Vì pháp môn này đích thực là:

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp,

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.

Một pháp môn cao siêu, vi diệu thì rất là khó tìm, khó được gặp; thế mà nay:

Ngã đẳng kiến văn đắc thọ trì.

Bây giờ, chúng ta không chỉ may mắn được nghe, được thấy, mà còn được thọ trì nữa! Vì thế, chúng ta phải:

Nguyện giải vô thượng chân thật nghĩa.

Vậy, mỗi người trong chúng ta cần phải phát nguyện hiểu được pháp yếu vô thượng này, lãnh hội được diệu lý chân thật này, và vĩnh viễn không bao giờ dám lãng quên.

Đại Phạm Thiên Vương có bản lãnh lớn lao như thế, thông dong tự tại như thế, mà nghe được Chú Đại Bi rồi còn hứa là chẳng dám quên, huống hồ là chúng ta? Nếu quý vị thờ

ơ lãnh đạm, tùy tiện bỏ qua, không lo trì niệm, bỏ quên Chú Đại Bi tuốt ngoài chín tầng mây, cách xa tới mười vạn tám ngàn dặm, thì đến lúc quý vị muốn tìm lại, e rằng không dễ gì còn tìm thấy được nữa!

Kinh Văn:

觀世音言。若善男子。善女人。誦持此神咒者。發廣大菩提心。誓度一切眾生。身持齋戒。於諸眾生。起平等心。常誦此咒。莫令斷絕。住於淨室。澡浴清淨。著淨衣服。懸旛燃燈。香華百味飲食。以用供養。制心一處。更莫異緣。如法誦持。是時當有日光菩薩。月光菩薩。與無量神仙。來為作證。益其效驗。

Hán văn: Quán Thế Âm ngôn: “Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân, tụng trì thủ thân Chú giả, phát quang đại Bồ đề tâm thệ độ nhất thiết chúng sanh, thân trì trai giới, u chur chúng sanh khởi bình đẳng tâm, thường tụng thủ chú mặc lệnh đoạn tuyệt, trú u tịnh thất, thảo dục thanh tịnh, trước tịnh y phục, huyền phan nhiên đăng, hương hoa bách vị ẩm thực dĩ dụng cúng dường, chế tâm nhất xứ cánh mặc dị duyên, như pháp tụng trì, thị thời đương hữu Nhật Quang Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, dữ vô lượng thần tiên, lai vi tác chứng ích kỳ hiệu nghiệm.”

(Việt dịch: Quán Thế Âm Bồ tát nói: “Nếu kẻ thiện nam hay người thiện nữ nào trì tụng Thần Chú này phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn, thệ độ tất cả chúng sanh, thân trì trai giới, đối với chúng sanh khởi tâm bình đẳng, thường tụng Chú này, chớ để gián đoạn. Lại nên ở chốn tịnh thất, tắm gội sạch sẽ, mặc y phục tinh khiết, treo phướn đốt đèn, dùng hương hoa cùng đồ ăn thức uống trăm vị để cúng dường, kèm tâm một chỗ, chớ theo dị duyên, trì tụng đúng Pháp. Lúc ấy sẽ có Nhật Quang Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, cùng vô lượng thần tiên đều đến chứng minh, làm tăng sự hiệu nghiệm.”)

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát nói: “**Nếu kẻ thiện nam hay người thiện nữ nào trì tụng Thần Chú này, phải phát tâm Bồ-đề rộng lớn, thề độ tất cả chúng sanh**”: người trì tụng Chú Đại Bi không nên có tâm lượng nhỏ hẹp, không nên có lòng ích kỷ, không nên có lòng mưu lợi riêng tư, không nên có lòng đố kỵ, không nên có tâm chướng ngại; mà cần phải phát huy cái tâm Bồ đề bao la (*cái tâm giác ngộ rộng lớn*) và phải phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh, làm cho tất cả chúng sanh đều được xa lìa khổ não, hưởng sự an vui.

Lại nữa, người ấy cần phải “**thân trì trai giới**”: phải giữ chay tịnh và phải thọ trì Ngũ Giới (*không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu*); đồng thời phải “**đối với chúng sanh khởi tâm bình đẳng**”: xem muôn loài chúng sanh đều như nhau.

“**Thường tụng Chú này, chớ để gián đoạn**”: Chúng ta cần phải tụng Chú Đại Bi thật đều đặn, liên tục, không được gián đoạn. Nếu quý vị tùy tiện chỉ tụng một chốc lát rồi nghỉ, nghỉ ngơi chán rồi mới tụng tiếp, như thế là làm cho Chú bị gián đoạn, không được liên tục.

“**Lại nên ở chốn tịnh thất**”: lại nữa, người trì tụng Chú Đại Bi cần phải sống ở nơi thanh tịnh, chẳng có pháp nhiệm ô; đồng thời phải thường xuyên “**tắm gội sạch sẽ, mặc y phục tinh khiết**”.

Do đó, chúng ta tốt nhất là đừng mặc những y phục và giày vớ dành cho lúc tụng Kinh lạy Phật khi vào nhà vệ sinh. Tuy rằng nhà vệ sinh cũng rất sạch sẽ, nhưng dù sao thì đó cũng là nơi để phóng uế; cho nên đến nhà vệ sinh thì phải cởi áo Giới và áo tràng ra, và thay giày dép khác nữa. Trước đây tôi đã kể cho quý vị nghe rồi: Ấn Quang Lão Pháp Sư mỗi lần vào nhà vệ sinh là Ngài đều thay quần áo và giày vớ khác; rồi khi dùng nhà vệ sinh xong thì Ngài lại thay đồ, mặc lại y bào.

Trong suốt mười tám năm sống ở núi Phổ Đà, Ngài luôn luôn giữ nếp hành trì như thế. Người chân chánh trì giữ Giới Luật thì ngay cả những sai trái nhỏ nhất nhất, vi tế nhất, họ cũng không hề vi phạm. Vì thế, quý vị cần phải nhớ kỹ: Phải cởi y bào và thay giày dép khác trước khi vào nhà vệ sinh; tuyệt đối không được mặc Giới y và áo tràng mà vào nhà vệ sinh!

“Treo phướn, đốt đèn, dùng hương hoa cùng đồ ăn thức uống trăm vị để cúng dường”: kẻ đèn, người thiện nam tín nữ đó nên treo phướn lên cao và thắp đèn cho sáng; đồng thời sắm sửa hương thơm, các loại hoa muôn màu muôn sắc, cùng đồ ăn thức uống đủ mùi đủ vị để cúng dường Tam Bảo.

“Kềm tâm ở một chỗ, chớ theo dị duyên”: quý vị phải kiềm giữ cái tâm mình ở một chỗ, trong lòng không sanh vọng tưởng, chẳng khởi tạp niệm, và cũng đừng xen vào những duyên sự khác. ‘Chớ theo dị duyên’ tức là không phan duyên, tâm trí không vương mắc, không nghĩ ngợi những sự việc khác nữa.

“Trì tụng đúng Pháp”: nêu người thiện tín đó y chiếu theo phương pháp và những chỉ dẫn trên đây mà tụng trì Chú Đại Bi, thì **“lúc ấy sẽ có Nhật Quang Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, cùng vô lượng thần tiên đều đến chứng minh, làm tăng sự hiệu nghiệm”**: Nhật Quang Bồ tát và Nguyệt Quang Bồ tát là hai vị Bồ tát phát nguyện hộ trì Chú Đại Bi đặc lực nhất, hễ người nào trì niệm Chú Đại Bi thì hai vị Bồ tát này sẽ phù hộ, che chở người đó từng giây từng phút. Bấy giờ, ngoài hai vị Bồ tát Nhật Quang và Nguyệt Quang ra, còn có vô lượng vô biên thần tiên khác cũng đến để chứng giám cho người thiện tín đó: ‘Ừ, có người đang trì tụng Chú Đại Bi ở đây, vậy ta phải đến phù hộ cho người đó mới được!’, và khiến cho những mong cầu của người tụng Chú đều được hiệu nghiệm. ‘Hiệu nghiệm’, cũng gọi là ‘ứng nghiệm’, hoặc ‘linh nghiệm’, tức là đạt được sự linh ứng thiêng liêng, mau nhiệm.

Kinh Văn:

我時當以千眼照見。千手護持。從是以往。所有世間經書。悉能受持。一切外道法術。韋陀典籍。亦能通達。誦持此神咒者。世間八萬四千種病。悉皆治之。無不差者

Hán văn: “Ngã thời đương dĩ thiên nhãn chiếu kiến thiên thủ hộ trì, tòng thị dĩ vãng sở hữu thế gian kinh thư tất năng thọ trì, nhất thiết ngoại đạo pháp thuật, Phệ đà điển tịch, diệc năng thông đạt. Tụng trì thủ thân Chú giả, thế gian bát vạn tứ thiên chủng bệnh tất giai trị chi, vô bất si giả; diệc năng sử lệnh nhất thiết quỷ thần, hàng chư thiên ma, chế chư ngoại đạo.”

(Việt dịch: “*Bảy giờ, Ta dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay hộ trì, làm cho người ấy từ đó về sau có thể thọ trì tất cả sách vở thế gian, thông đạt tất cả điển tịch Phệ-đà cùng pháp thuật của ngoại đạo. Người nào tụng trì Thần Chú này thì có thể trị được tám vạn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, chẳng bệnh nào không khỏi; lại cũng có thể sai khiến được tất cả quỷ thần, hàng phục thiên ma, chế phục ngoại đạo.*”)

Lược giảng:

“**Bảy giờ, Ta dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay hộ trì**”: Quán Thế Âm Bồ tát nói tiếp: “Lúc ấy, Ta sẽ dùng một ngàn con mắt để dõi theo và duỗi một ngàn cánh tay ra để che chở, hộ trì người tụng Chú Đại Bi đó. Chẳng những thế, Ta còn **“làm cho người ấy từ đó về sau có thể thọ trì tất cả sách vở thế gian, thông đạt tất cả điển tịch Phệ-đà (kinh điển của ngoại đạo) cùng pháp thuật của ngoại đạo. Người nào tụng trì Thần Chú này thì có thể trị được tám vạn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, chẳng bệnh nào không khỏi”**.

Thế gian này có tới tám vạn bốn ngàn thứ bệnh mà Chú Đại Bi đều có thể trị lành được tất cả. Bất luận là bị ung thư hoặc mắc phải bệnh gì đi nữa, nếu quý vị thành tâm thiết tha tụng niệm Chú Đại Bi thì đều được khỏi bệnh. Những bệnh nan y, bất cứ thuốc men gì cũng không chữa trị được, thì Chú

Đại Bi đều có thể trị lành được; vì thế mà nói là “**vô bất si giả**” (chẳng bệnh nào không khỏi).

Trong câu ‘vô bất si giả’ chữ ‘si’ hàm ý lành bệnh, khỏi bệnh. Theo Hán tự, chữ ‘si’ này nếu có thêm chữ ‘bệnh’ đứng bên cạnh thì thành ra chữ ‘sái’, có nghĩa là lành bệnh, hết bệnh. Như vậy, câu trên sẽ là ‘vô bất sái giả’, và ngụ ý là chẳng có bệnh nào mà không thuyên giảm, chẳng có bệnh nào mà không trị lành cả!

Ngoài ra, người trì tụng Chú Đại Bi “**lại cũng có thể sai khiến được tất cả quỷ thần**”. ‘Sai khiến được tất cả quỷ thần’ là thế nào? Tức là người ấy bảo làm việc gì thì các quỷ thần liền răm rắp làm việc đó, bảo đi đâu thì lập tức đi đấy. Chẳng những thế, người ấy còn có thể “**hàng phục thiên ma, chế phục ngoại đạo**” nữa.

Kinh Văn:

若在山野。誦經坐禪。有諸山精雜魅魍魎鬼神。橫相惱亂。心不安定者。誦此咒一遍。是諸鬼神。悉皆被縛也

Hán văn: Nhược tại sơn dã, tụng Kinh tọa Thiền, hữu chư sơn tinh tạp mị vọng lượng quỷ thần, hoành tương não loạn, tâm bất an định giả, tụng thử Chú nhất biến, thị chư quỷ thần tất giai bị phục dã.”

(**Việt dịch:** “Nếu ở chốn sơn dã tụng Kinh tọa Thiền mà có các sơn tinh, tạp mị, vọng lượng, quỷ thần, hoành hành não loạn làm cho tâm không được an định, tụng Chú này một biến thì các quỷ thần đó đều bị trói lại hết.”)

Lược giảng:

“Nếu ở chốn sơn dã tụng Kinh tọa Thiền mà có các sơn tinh, tạp mị, vọng lượng, quỷ thần, hoành hành não loạn làm cho tâm không được an định...”: giả sử quý vị sống ở chốn núi non vắng vẻ, không người lai vãng, mà tụng Kinh hay ngồi Thiền, thì thường có các quỷ thần như sơn yêu thủy

quái, ly mị vọng lượng đến quấy nhiễu, tác oai tác quái, khiến cho quý vị bị loạn tâm. Bây giờ, nghĩ đến việc tụng Kinh thì quý vị cảm thấy rất phiền muộn, chán chường: ‘Tụng Kinh để làm gì kia chứ?’; hoặc muốn ngồi Thiền nhưng vừa ngồi xuống thì vọng tưởng lại mon men dấy lên: ‘Ngồi thế này thật không thoải mái chút nào. Hết đau chân thì lại mỏi lưng mỏi cổ, ê ẩm cả người. Ui chao, thôi đứng dậy quách cho rồi!’.

Vì sao lại như thế? Đó là vì quý vị bị chúng ma tới quấy nhiễu, chọc phá, làm cho quý vị thấy trong lòng bứt rứt xốn xang, không thể nào ngồi yên được. Chúng lại tỉ tê dụ dỗ: ‘Ngồi Thiền để làm gì? Thôi, đừng tu hành nữa, theo bọn tôi đi chơi đi, ngoài kia có nhiều trò vui chơi náo nhiệt lắm! Bạn ở đây thì phải nào là tụng Kinh, nào là ngồi Thiền, lại còn phải tuân theo đủ các thứ quy củ luật lệ rắc rối nữa, chẳng thú vị gì cả! Hãy mau mau nhập bọn làm quyến thuộc với chúng tôi đi! Xem kìa, thế giới của chúng ta thật là nhộn nhịp v.v...’

Ma Vương còn có thể xui khiến quý vị sanh khởi những vọng tưởng như: ‘Nam nữ hành dâm là không thành vấn đề’. Chúng ma là những kẻ phá hoại, chúng đến cốt để phá hoại **Định tâm**, phá hoại **Giới tâm** và phá hoại **Huệ tâm** của quý vị, làm cho **Giới Định Huệ** của quý vị đều tiêu tan.

Muốn tu hành theo Bồ tát Đạo thì quý vị cần phải có mười thứ tâm; thế nhưng hễ bị Ma Vương quấy phá thì mười thứ tâm ấy liền bị lung lay, không thể an trụ vững vàng được nữa! Bây giờ, tâm quý vị vốn **trụ** ở đức ‘**Tín**’ song nay thì tín tâm không còn nữa; mà không có tín tâm thì sẽ sanh lòng “**bất tín**”.

Quý vị muốn giữ tâm trì niệm, nhớ nghĩ muốn chuyên chú tụng Kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, thì Ma Vương lại xui khiến quý vị trở nên ngần ngừ do dự: ‘Thôi, đi ngủ một giấc cho khỏe!’. Và như thế là cái lòng niệm tưởng tu hành của quý vị cũng tiêu tan.

“**Niệm tâm**” không có thì lòng tinh tấn cũng chẳng còn,

quý vị không còn hăng hái tu học nữa: ‘Có chắc là tu hành thì sẽ thành Phật được hay không? Biết đâu đó chỉ là chuyện hoang đường, không đáng tin?’. Và thế là cái tâm tinh tấn này cũng chẳng **trụ** được nữa.

“**Tâm tinh tấn**” không **trụ** thì không có tâm trí huệ; “**Huệ tâm**” cũng chẳng **trụ** được.

“**Huệ tâm**” không **trụ** thì không có “**Định tâm**”; “**Định tâm**” cũng chẳng **trụ** được.

“**Định**” không **trụ** thì không có “**tâm Bất thối**”; “**Bất Thối tâm**” liền biến thành “**Thối tâm**”. Hễ sanh tâm thối chuyển thì sẽ không còn lòng hộ trì Phật Pháp; bấy giờ quý vị sẽ khởi những vọng tưởng như: ‘Mình cần gì phải cúng dường Tam Bảo? Đê Tam Bảo cúng dường cho mình chẳng tốt hơn ư?’. Như có những cư sĩ đòi hỏi Tam Bảo phải hộ pháp cho họ, đó cũng là điển hình của trường hợp tâm Hộ Pháp không **trụ** vậy.

“**Tâm Hộ Pháp**” không **trụ** thì “**tâm Hồi hướng**” cũng không **trụ**; không có tâm hồi hướng.

“**Tâm Hồi hướng**” không có thì “**Giới tâm**” cũng chẳng **trụ**, quý vị cũng chẳng còn chú ý thọ trì **Giới luật** nữa.

Và cuối cùng là “**Nguyện tâm**” cũng chẳng **trụ** nữa; thế thì còn phát nguyện gì nữa? Bấy giờ quý vị sẽ nghĩ ngợi lẩn thẩn: ‘Tôi không phát nguyện, không hứa hẹn điều gì cả. Tôi muốn thế nào thì cứ thế ấy, tự do biết bao! Tội gì lập nguyện rồi chính mình lại bị ràng buộc bởi lời nguyện đó? Như thế thì gò bó quá, mất tự do nhiều quá!’. Thế là “**Nguyện tâm**” cũng chẳng **trụ** nữa.

Như vậy, mười “**Trụ tâm**” biến thành mười “**Bất trụ tâm**”. Vì sao quý vị lại có mười “**bất trụ tâm**” ư? Đó là do sự phá hoại của Ma Vương! Ma Vương chui luôn len lỏi vào mọi ngõ ngách trong tâm quý vị, khiến tư tưởng của quý vị có sự biến chuyển.

“**Tụng Chú này một biến thì các quỷ thần đó đều bị trói lại hết**”: nếu quý vị gặp phải tình trạng như trên, trong lòng cảm thấy phiền não, bứt rứt rối loạn, đó là bởi Ma Vương muốn phá hoại quý vị; bây giờ, quý vị hãy tụng Chú Đại Bi một biến, tức thì các quỷ thần và Ma Vương sẽ bị tóm bắt và trói gô lại.

Kinh Văn:

若能如法誦持。於諸眾生。起慈悲心者。我時當救一切善神龍王金剛密跡。常隨衛護。不離其側。如護眼睛。如護己命。

Hán văn: “Nhược năng như pháp tụng trì, ư chư chúng sanh, khởi từ bi tâm giả, ngã thời đương sắc nhất thiết Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích, thường tùy vệ hộ, bất ly kỳ trắc, như hộ nhãn tinh, như hộ kỷ mạng.”

(Việt dịch: “Nếu người ấy có thể tụng trì đúng pháp, đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, thì lúc đó Ta sẽ sai bảo tất cả Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích, thường theo hộ vệ, không rời bên mình, như gìn giữ tròng mắt, như bảo hộ tánh mạng của chính họ vậy.”)

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát dạy tiếp: “**Nếu người ấy có thể tụng trì đúng pháp...**”. Thứ ‘**pháp**’ mà Quán Thế Âm Bồ tát nói đến ở đây là pháp gì? Đó là pháp “**Tứ Thập Nhị Thủ Nhân**” (*pháp môn Bốn Mười Hai Bàn Tay*)! Quý vị phải biết rằng: Hiện tại tôi giảng *Kinh Đại Bi* bởi vì quý vị cần phải hiểu rõ mọi chỉ dẫn để có thể tu tập cho đúng pháp.

“**Y pháp thọ trì**” tức là tu tập và hành trì đúng theo những gì đã dạy trong pháp Tứ Thập Nhị Thủ Nhân, và đó không phải chỉ tụng lầu lầu một mạch từ “Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da. Nam Mô A Lị Da...” cho đến hết bài Chú Đại Bi là đủ. Không phải đơn thuần như thế! Cho nên, đôi

với pháp môn này, quý vị cần phải được **“chân truyền”**, tức là phải được chính thức và thật sự truyền dạy một cách đúng đắn thì mới được; bằng không, nếu không được chân truyền, mà chỉ toàn là nói suông và xem kinh nghĩa thôi, thì chẳng thể nào hiểu nổi!

Vậy, nếu người trì tụng Chú Đại Bi chẳng những trì tụng đúng theo giáo pháp mà còn có thể **“đối với chúng sanh khởi lòng từ bi, thì lúc đó Ta sẽ sai bảo tất cả Thiện Thần, Long Vương, Kim Cang Mật Tích, thường theo hộ vệ, không rời bên mình”**: Ở đây, ‘Ta’ tức là tiếng tự xưng của Quán Thế Âm Bồ tát; Ngài nói rằng: “Lúc bấy giờ, Ta (*Quán Thế Âm Bồ tát*) sẽ ra lệnh cho chư vị Thiện Thần, Long Vương, Hộ Pháp Kim Cang, Mật Tích Bồ tát, phải luôn luôn theo sát bên mình người trì tụng Chú Đại Bi ấy.” Như vậy tức là có tám vạn bốn ngàn vị Kim Cang Tạng Bồ tát thường xuyên sát cánh, kề cận bên mình người đó để bảo vệ.

Do đó, những người tụng trì Đại Bi Chú, tu trì Đại Bi Pháp, cần phải nhớ là không nên sanh dục niệm, chớ khởi những vọng tưởng về *desire*; bởi chư Hộ Pháp Thiện Thần đều theo sát bên quý vị, mà nếu tâm trí quý vị cứ lớn vồn thứ vọng tưởng đó, thì các ngài nhận thấy: “Tên này thật là tệ, chẳng giữ gìn quy củ gì cả! Thôi, ta không muốn che chở, bảo vệ hắn nữa!”

Cho nên, quý vị tu pháp thì không được sanh vọng tưởng, không được mơ mộng nhớ nhung cô bạn gái này hay cậu bạn trai nọ! Nếu quý vị cứ mơ tưởng vẩn vơ như thế, Kim Cang Tạng Bồ tát sẽ phải lấy bảo chùy đánh cho quý vị thức tỉnh, và quý vị nếu không đau đầu thì cũng nhức mình nhức mẩy. Cho nên, nếu quý vị bị nhức đầu hoặc cơ thể cảm thấy đau đớn khó chịu, đó có thể là do bị Kim Cang Tạng Bồ tát trừng phạt đấy; Ngài bảo: “Nhà người thật là tồi tệ, chẳng tuân giữ quy củ gì cả! Hư hỏng quá sức!”

Cho nên, quý vị cần phải thận trọng hơn, đừng bê bối câu thả thả nữa; không được một mặt thì tụng Chú Đại Bi, mặt khác

lại khởi tà tri tà kiến, dấy sanh vọng tưởng! Hễ tâm quý vị vừa dấy động thì chư Bồ tát Hộ Pháp lập tức biết được ngay; bởi các Ngài có Ngũ Nhân Lục Thông, có thể thấy tường tận được con người của quý vị từ ngoài vào trong như nhìn xuyên qua lớp thủy tinh trong suốt vậy!

Quý vị chớ tưởng rằng: “Vô lý, các Ngài làm sao biết được những ý nghĩ thầm kín của tôi?” Nếu các Ngài không biết, thì các Ngài đã không được tôn xưng là Phật, là Bồ tát, là Hộ Pháp! Thế nên, quý vị chớ hoài công đánh lừa các ngài vô ích. Quý vị không được có lòng cầu may hoặc lừng khừng: “Không sao đâu! Chỉ là vọng tưởng trong đầu mà thôi, đâu thành vấn đề!” Quý vị phải biết, cái vọng tưởng này vừa dấy khởi thì tâm quý vị liền trở thành tâm nhiễm ô chứ không phải là tâm Đại Bi nữa!

“Như gìn giữ tròng mắt, như bảo hộ tánh mạng của chính họ vậy”: Chư vị Hộ Pháp sẽ che chở bảo vệ người trì Chú Đại Bi chẳng khác nào bảo vệ đôi mắt hoặc sanh mạng của chính các Ngài vậy.

Kinh Văn:

說偈勅曰

我遣密跡金剛士。烏芻君荼耆俱尸
八部力士賞迦羅。常當擁護受持者
我遣摩醯那羅延。金毗羅陀迦毗羅。常當擁護受持者
我遣婆馱娑樓羅。滿善車鉢真陀羅。常當擁護受持者
我遣薩遮摩和羅。鳩闌單吒半祇羅。常當擁護受持
我遣畢婆伽羅王。應德毗多薩和羅。常當擁護受持者

Hán văn:

Thuyết kệ sắc viết:

“Ngã khiển Mật Tích Kim Cang sĩ,
Ô Sô Quân Trà Ương Câu Thi,

Bát bộ lực sĩ Thường Ca La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiên Ma Hê Na La Diên,
Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiên Bà Cấp Ta Lâu La,
Mãn thiện Xa Bát Chân Đà La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiên Tát Giá Ma Hòa La,
Cưu Lan Đan Tra Bán Chỉ La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiên Tất Bà Già La Vương,
Ung Đức Tỳ Đa Tát Hòa La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.”

(Việt dịch:

Lại thuyết kệ sắc lệnh rằng:

*“Ta sai Mật Tích Kim Cang Sĩ,
Ô Sô, Quân Trà, Ương Câu Thi,
Bát Bộ Lực sĩ Thường Ca La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Ma Hê Na La Diên,
Kim Tỳ La Đà Ca Tỳ La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Bà Cấp Ta Lâu La,
Mãn Thiện Xa Bát Chân Đà La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Tát Giá Ma Hòa La,
Cưu Lan Đan Tra Bán Chỉ La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Tát Bà Già La Vương,
Ứng Đức Tỳ Đa Tát Hòa La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”)*

Lược Giảng:

Lại thuyết kệ sắc lệnh rằng:... Bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ tát nói một bài kệ, ra lệnh cho tất cả các Thiện Thần đều phải che chở, ủng hộ người thọ trì Chú Đại Bi. **“Ta sai Mật Tích Kim Cang Sĩ, Ô Sô, Quân Trà, Ương Câu Thi.”** Đây là tên của các vị Kim Cang Hộ Pháp. Mỗi vị Kim Cang đều có thần lực riêng của mình. Có câu ‘ai có sở trường nấy’ - chư vị Hộ Pháp cũng vậy, vị nào cũng có sở trường hoặc đặc điểm của vị ấy.

Thí dụ, có vị Hộ Pháp thì phát nguyện rằng: “Nếu có người nào tụng Chú Đại Bi được một trăm lẻ tám (108) biến, thì tôi sẽ thường xuyên túc trực để ủng hộ người đó; cho dù phải hy sinh tánh mạng, tôi cũng quyết bảo vệ người trì Chú ấy cho bằng được!”

Trong khi đó, có vị lại nguyện rằng: “Nếu có người nào tụng được dù chỉ một chữ hoặc một câu của Chú Đại Bi, thì tôi sẽ vĩnh viễn ủng hộ và bảo vệ người đó!”

Cũng có vị Hộ Pháp nguyện rằng: “Nếu có người nào, đừng nói là tụng Chú Đại Bi, cho dù chỉ nghe được danh hiệu ‘Chú Đại Bi’ thôi, thì tôi nguyện sẽ bảo vệ và khiến cho mọi điều mong cầu của người đó đều được thành tựu, muốn gì được nấy.”

Tuy rằng mỗi vị Kim Cang Hộ Pháp đều lập một lời thệ nguyện khác nhau, nhưng tựu trung, tất cả đều cùng chung một mục đích, đó là gì? Đó là ủng hộ người trì Chú Đại Bi, ủng hộ

người nghe Chú Đại Bi, ủng hộ người có tín tâm chân chánh đối với Chú Đại Bi.

Trong Kinh có nói rằng, nếu chúng ta “**còn sanh chút lòng nghi, ắt không được kết quả toại nguyện**”; cho nên, nếu quý vị không có tín tâm đối với Chú Đại Bi, thì quý vị sẽ không thể có được sự thành tựu.

Có người nói rằng: “Tôi tụng Chú rất nhiều mà sao chẳng thấy linh nghiệm, chẳng thấy công hiệu gì cả?” Đó không phải là do Chú không công hiệu, mà là vì quý vị thiếu đức tin, thiếu thành khẩn, đầu óc lúc nào cũng lớn vờn những ý tưởng hoài nghi: “Tại sao không linh nghiệm? Tại sao không thấy có công hiệu gì cả?”; vì thế mà công hiệu gì, linh nghiệm gì cũng đều không xảy ra cả! Cho nên, nếu muốn có được sự cảm ứng chân chánh thì tâm quý vị phải hoàn toàn không còn mảy may hoài nghi.

Đúng ra, nếu tụng Chú Đại Bi mà không thấy hiệu nghiệm thì quý vị phải hồi quang phản chiếu, tự hỏi chính mình: “Ồ! Phải chăng vì mình thiếu thành tâm, nên mới không đạt được sự tương ứng với năng lực bất khả tư nghì của Chú?”

Quý vị không được nói rằng: “Chú Đại Bi không linh nghiệm, những điều giảng nói trong Chú đều là hoang đường, không có thật!” Chúng ta tuyệt đối không được có lòng hoài nghi như thế!

Quán Thế Âm Bồ tát nói rằng: “Ta sai Mật Tích Kim Cang Sĩ”. ‘Sai’ tức là sai khiến, ra lệnh. Gọi là ‘**mật tích**’ (*hành tung bí mật, kín đáo*) bởi lẽ cho dù những vị Kim Cang Hộ Pháp này đứng ngay bên cạnh quý vị, quý vị cũng không nhìn thấy được và cũng chẳng hề hay biết. Tất cả các vị Kim Cang Lực Sĩ đều có sức mạnh phi thường.

“**Ô Sô, Quân Trà, Ương Câu Thi**”: là tên của các vị Hộ Pháp phiên âm từ tiếng Phạn và vẫn được giữ nguyên như thế trong bài Chú chứ không phiên dịch ra, cho nên bây giờ chúng

ta cũng không cần phải giải thích ý nghĩa của những tên gọi đó. Quý vị chỉ cần nhớ rằng đó là các vị Kim Cang Hộ Pháp đến để bảo vệ người trì tụng Chú Đại Bi, như vậy là đủ rồi! Bởi Kim Cang Tạng Bồ tát có tới tám vạn bốn ngàn vị, rất đông đảo chứ không phải chỉ có mấy vị trên đây mà thôi đâu! Cho nên, những tên gọi này, nếu quý vị không hiểu thì cũng không sao!

“Bát Bộ Lực Sĩ Thường Ca La”: ‘Bát Bộ’ tức là Thiên Long Bát Bộ (*trời, rồng, cùng tám bộ chúng*). ‘Thường Ca La’ là tên của một vị Lực sĩ thuộc Bát Bộ.

“Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: những vị Hộ Pháp kể trên đều được lệnh của Quán Thế Âm Bồ tát là phải luôn luôn bảo vệ, trợ giúp những người trì tụng Chú Đại Bi.

“Ta sai Ma Hê Na La Diên”: ‘Ma Hê Na La Diên’ chính là thiên chúng của cõi trời Ma Hê Thủ La. ‘Na La Diên’ có nơi dịch là ‘đại mạng xà’; tuy nhiên, bất kể đó là ai, nói chung thì tất cả đều cùng một mục đích là hộ Pháp mà thôi.

Quán Thế Âm Bồ tát cũng phái Ma Hê Na La Diên, cùng với các vị Hộ Pháp như **“Kim Tỳ La Đà, Ca Tỳ La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”**.

“Ta sai Bà Cấp, Ta Lô La”: Quán Thế Âm Bồ tát lại nói tiếp: “Không phải chỉ có các Kim Cang Lực-sĩ nói trên mà thôi đâu, Ta còn ban sắc lệnh, khiến các Kim Cang Lực-sĩ, Thiện Thần Hộ Pháp là Bà Cấp, Ta Lô La, **“Mãn Thiện, Xa Bát, Chân Đà La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”**. Họ sẽ luôn luôn kề cận để bảo vệ và giúp đỡ những người trì Chú Đại Bi”.

“Ta sai Tát Giá Ma Hòa La, Cưu Lan, Đan Tra, Bán Chỉ La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: ‘Đan Tra’ chính là vị ‘Ca Tra’ được nhắc đến ở câu ‘Ca Tra Bồ Đan Na’ trong Chú Lăng Nghiêm. Tất cả những vị Hộ Pháp này đều được lệnh của Quán Thế Âm Bồ tát là phải theo dõi để bảo vệ kẻ trì Chú Đại Bi.

“**Ta sai Tất Bà, Già La Vương, Ung Đức, Tỳ Đa Tát Hòa La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì**”: đây là tên của các vị quý vương hoặc thần vương. Các vị này cũng được lệnh phải thường xuyên kê cận để che chở cho những kẻ thọ trì, tụng niệm Chú Đại Bi.

Kinh Văn:

我遣梵摩三鉢羅。五部淨居炎摩羅。常當擁護受持者
我遣釋王三十三。大辯功德婆怛那。常當擁護受持者
我遣提頭賴吒王。神母女等大力眾。常當擁護受持者
我遣毗樓勒叉王。毗樓博叉毗沙門。常當擁護受持者
我遣金色孔雀王。二十八部大仙眾。常當擁護受持者
我遣摩尼跋陀羅。散支大將弗羅婆。常當擁護受持者
我遣難陀跋難陀。婆伽羅龍伊鉢羅。常當擁護受持者
我遣修羅乾闥婆。迦樓緊那摩睺羅。常當擁護受持者
我遣水火雷電神。鳩槃荼王毗舍闍。常當擁護受持者

Hán văn:

“Ngã khiển Phạm Ma Tam Bát La,
Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiển Thích Vương Tam Thập Tam,
Đại biện công đức Bà Đát Na,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiển Đề Đầu Lại Tra Vương,
Thần Mẫu Nữ đẳng đại lực chúng,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

(Việt dịch:

*Ta sai Phạm Ma Tam Bát La,
Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam,
Đại Biện Công Đức Bà Đát Na,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương,
Cả Thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.)*

Lược Giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát nói tiếp: **“Ta sai Phạm Ma Tam Bát La, Ngũ Bộ Tịnh Cư Diêm Ma La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”**: ‘Phạm Ma Tam Bát La’ là tên của một vị Hộ Pháp ở cõi trời; còn ‘Diêm Ma La’ là tên của vị Hộ Pháp thuộc Ngũ Bộ ở cung trời Tịnh Cư. Các vị Hộ Pháp này được lệnh phải luôn luôn theo bảo vệ kẻ tụng trì Chú Đại Bi.

“Ta sai Thích Vương Tam Thập Tam, Đại Biện Công Đức Bà Đát Na, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: ‘Thích Vương’ tức là vua Đế Thích, Thiên Chủ của cõi trời Ba Mươi Ba. ‘Đại Biện Công Đức Bà Đát Na’ tức là vị Hộ Pháp có tài biện luận và công đức rộng lớn tên Bà Đát Na. Tất cả những vị Hộ Pháp này đều được Quán Thế Âm Bồ tát phái đi phù hộ những người thành tâm trì tụng Chú Đại Bi.

“Ta sai Đề Đầu Lại Tra Vương, Cả Thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.” ‘Đề Đầu Lại Tra Vương’ là một trong bốn vị Tứ Đại Thiên Vương. ‘Thần Mẫu Nữ’ tức là ‘Quý Tử Mẫu’ (*mẹ của những quý con*), thống lãnh bộ chúng Đại Lực; các quý thần thuộc hạ của bà

đều có sức mạnh phi thường, riêng bản thân bà thì không.

Vì sao gọi là ‘Quý Tử Mẫ’? Ban đầu, đáng lẽ bà có thể được gọi là ‘Thần Tử Mẫ’, nhưng vì bà có hành vi giống như loài quỷ (*cứ đi bắt cóc con của người ta để ăn thịt*) nên mới bị gọi là ‘Quý Tử Mẫ’. Nhà nào có trẻ sơ sinh là Quý Tử Mẫ liền tới bắt về ăn; cả trẻ con chùng hai, ba tuổi cũng bị bà bắt ăn thịt nữa. Bà Quý Tử Mẫ có một ngàn (1.000) đứa con trai; những đứa con nít mà bà đi khắp nơi để lũng bắt và mang về không phải chỉ một mình bà mà cả bầy quỷ con cùng xúm lại chia nhau ăn.

Một hôm, chư Hộ Pháp Thiện Thần thấy hành vi của Quý Tử Mẫ càng ngày càng quá đáng và không đúng với giáo pháp, bèn quyết định đến bạch với Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Bạch Đức Thế Tôn! Hiện nay trẻ con ở thế gian bị Quý Tử Mẫ bắt ăn thịt gần hết, chỉ còn lại một số rất ít! Nhân loại ở thế gian sắp bị tuyệt chủng tới nơi rồi; vậy chúng con phải làm gì bây giờ?”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo: “Không sao, việc này không phải là một vấn đề to tát lắm! Ta đã có cách giải quyết rồi!” Và thế là Đức Phật phái Mật Tích Kim Cang đi bắt đứa nhỏ nhất trong bầy quỷ con một ngàn đứa của Quý Tử Mẫ về và đem bỏ vào trong bình bát của Phật. Đức Phật lật úp cái bát lại, khiến đứa nhỏ bị nhốt trong bát, không thoát ra được.

Chú quỷ con bị nhốt một mình trong bát thì sợ hãi khóc òa, Quý Tử Mẫ nghe tiếng khóc liền nhận ra đó là tiếng đứa con út của mình, bèn ra lệnh cho chín trăm chín mươi chín (999) đứa con còn lại đến hè nhau nhấc cái bát lên cho chú quỷ út chạy ra, nhưng không thể nào nhấc lên nổi. Thấy thế, Quý Tử Mẫ bèn dùng sức thần thông để lật ngược cái bát lên, song cái bát vẫn chẳng chịu nhúc nhích.

Ban đầu Quý Tử Mẫ chỉ nghĩ là lên cướp lại đứa con mà thôi, nhưng bây giờ thấy cướp không được thì chỉ còn cách tới

hỏi thẳng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “Tại sao Ngài lại bắt cóc con tôi và nhốt nó dưới bình bát của Ngài như thế? Chao ôi! Nó khóc lóc thảm thiết thế kia mà Ngài chẳng động chút lòng từ bi nào cả ư?”

Quý vị xem, bà Quý Tử Mẫu này dám chỉ trích người khác là không có lòng từ bi; thế còn bà ăn thịt con của người ta thì thử hỏi bản thân bà có được chút lòng từ bi nào chẳng?

Bây giờ, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni mới từ tốn hỏi lại: “À! Người có đông con thế kia thì mất đi một đứa cũng chẳng hề chi! Người có tới một ngàn đứa con lận, nếu bớt đi một đứa bé này thì có sao đâu?”

Quý Tử Mẫu đáp: “Không được! Tôi thì một đứa cũng không thể thiếu được!”

Đức Phật ôn tồn hỏi: “Người ăn thịt con của người ta, thế thì người có lòng từ bi chẳng?”

Quý Tử Mẫu phân trần: “Tôi nào muốn như thế đâu! Ngài cho rằng tôi thích ăn thịt con nít lắm sao? Nếu không ăn thì cái thân già nua này chịu đói không nổi! Bởi thịt trẻ con thì mềm mại, thơm ngon vô cùng, mà răng của tôi thì cũng không còn tốt cho lắm, cho nên tôi mới phải ăn thịt của chúng đây thôi!”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại hỏi: “Người ăn thịt con của người ta thì được, còn Ta mới bắt một đứa con út của người thôi mà người đã đau khổ, cuống quýt đến thế kia! Vậy thì người nghĩ tâm trạng của những kẻ làm cha làm mẹ trong thiên hạ mà bị mất con là như thế nào?”

Quý Tử Mẫu vẫn bướng bỉnh: “Tôi đâu cần phải bận tâm về họ nhiều như thế! Tôi chỉ lo ăn cho no bụng mình là đủ rồi!”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nghiêm giọng phán: “Thế ư? Nếu thế thì Ta cũng chẳng bận tâm về chuyện của người nữa! Ta chẳng cần biết là người có bị mất con hay không! Người có bản lãnh thì cứ đem nó về đi!”

Quý Tử Mẫu nghe Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói như thế thì lại tìm cách lật bát, nhưng không tài nào lật lên được. Chẳng còn cách nào khác, Quý Tử Mẫu bèn đến quỳ trước mặt Đức Phật mà khóc lóc năn nỉ, thỉnh cầu Ngài mở lòng từ bi mà thả con bà ra.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni dạy: “Được! Người muốn Ta trả đũa con lại cho người, thì cũng được thôi! Ta không ăn thịt con của người đâu, bởi vì Ta không giống như người, Ta chỉ ăn chay, cho nên, đừng nói là thịt người lớn hay con nít, bất cứ loại thịt nào Ta cũng không ăn cả!”

Quý Tử Mẫu nghe nói như thế thì tự nghĩ: “Ồ! Thì ra người này không ăn thịt!”; và thắc mắc: “Thế thì Ngài làm sao sống được?”

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đáp: “Ta đi hóa duyên các nơi, xin thức ăn chay.”

Quý Tử Mẫu nói: “Thế nhưng tôi biết đi đâu để hóa duyên? Ngài là Phật nên có thể đi hóa duyên; còn tôi thì đâu làm như thế được. Tôi nào phải là người xuất gia!”

Đức Phật nói: “Thôi được! Nếu từ nay về sau người sẵn sàng không ăn thịt trẻ con nữa, thì Ta sẽ bảo các đệ tử của Ta mang thức ăn chay bố thí cho người, miễn sao người không ăn thịt trẻ con nữa là được.”

Quý Tử Mẫu hớn hở thưa: “Nếu tôi có thức ăn đầy đủ thì đương nhiên là tôi khỏi ăn thịt trẻ con cũng được.”

Thế là, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thả chú quý con ra và trả lại cho Quý Tử Mẫu. Do nhân duyên này mà những người xuất gia khi thọ trai đều có lệ **“thí thực”**. ‘Thí’ là bố thí, ban phát; ‘thực’ là phạn thực, cơm ăn. Lúc thí thực, quý Thầy, Cô dành ra một ít thức ăn và xưng rằng:

Đại bàng kim xí điều,
Khoáng dã quý thần chúng,

La-sát Quỷ Tử Mẫu,
Cam lồ tất sung mãn.

Nghĩa

*Chim đại bàng cánh vàng,
Quý thần nơi khoáng dã,
Mẹ con quỷ La-sát,
Đầy đủ nước cam-lồ.*

Rồi họ tụng một bài Chú và mấy mẹ con của bà Quỷ Tử Mẫu thấy đều có được thức ăn no đủ, không còn bị đói khát và do đó không phải ăn thịt con nít nữa.

Cho nên, chúng ta nhờ không bị Quỷ Tử Mẫu ăn thịt nên bây giờ mới còn sống và lớn lên cao ráo, khỏe mạnh, lại có được cơ hội học hành, làm việc. Nếu không nhờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giáo hóa được Quỷ Tử Mẫu, thì e rằng nhân loại trên thế giới sẽ không được đông đúc như hiện nay. Ngoài ra, từ đó Quỷ Tử Mẫu chẳng những không ăn thịt con nít mà còn trở thành kẻ hộ Pháp đắc lực cho Phật Giáo nữa.

Vậy, khi có người chuyên tâm và theo đúng như giáo pháp mà trì tụng Chú Đại Bi, thì Quán Thế Âm Bồ tát gọi Quỷ Tử Mẫu và bảo rằng: “Này Quỷ Tử Mẫu, đã đến lúc ngươi có thể tạo đôi chút công đức rồi đó. Có người đang thọ trì Chú Đại Bi này của Ta, vậy ngươi hãy mau mau đi bảo vệ người ấy.” Thế là Quỷ Tử Mẫu liền thống lãnh một ngàn đứa con trai lực lưỡng, khỏe mạnh, cùng nhau đi hộ Pháp, cho nên nói là cả Thần Mẫu Nữ, chúng Đại Lực, thường theo ủng hộ kẻ thọ trì’.

Kinh Văn:

我遣毗樓勒叉王。毗樓博叉毗沙門。常當擁護受持者
我遣金色孔雀王。二十八部大仙眾。常當擁護受持者
我遣摩尼跋陀羅。散支大將弗羅婆。常當擁護受持者
我遣難陀跋難陀。婆伽羅龍伊鉢羅。常當擁護受持者

我遣修羅乾闥婆。迦樓緊那摩睺羅。常當擁護受持者
我遣水火雷電神。鳩槃荼王毗舍闍。常當擁護受持者

Hán văn:

“Ngã khiến Tỳ Lô Lặc Xoa Vương,
Tỳ Lô Bác Xoa Tỳ Sa Môn.
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiến Kim Sắc Không Tước Vương,
Nhị Thập Bát Bộ đại tiên chúng,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiến Ma Ni Bạt Đà La,
Tán Chi Đại Tướng Phát La Bà,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiến Nan Đà, Bạt Nan Đà,
Bà Già La Long Y Bát La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiến Tu La, Càn Thát Bà,
Ca Lôu, Khẩn Na, Ma Hầu La,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.

Ngã khiến Thủy Hỏa Lôi Điện Thần,
Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà,
Thường đương ủng hộ thọ trì giả.”

(Việt dịch:

“Ta sai Tỳ Lô Lặc Xoa Vương,
Tỳ Lô Bác Xoa Tỳ Sa Môn,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.

*Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương,
Hai mươi tám bộ Đại Tiên chúng,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Ma Ni Bạt Đà La,
Tán Chi Đại Tướng, Phát La Bà,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà,
Bà Già La Long, Y Bát La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Tu La, Càn Thát Bà,
Ca Lôu, Khẩn Na, Ma Hầu La,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.*

*Ta sai Thủy, Hỏa, Lôi, Điện Thần,
Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà,
Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì.”)*

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát nói tiếp: **“Ta sai Tỳ Lô Lặc Xoa Vương, Tỳ Lô Bác Xoa Tỳ Sa Môn, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”**: đây đều là tên của các vị Hộ Pháp Thần Vương của Tứ Đại Thiên Vương. Các vị này từng giây từng khắc theo bảo vệ người trì tụng Chú Đại Bi.

“Ta sai Kim Sắc Khổng Tước Vương, Hai mươi tám bộ Đại Tiên chúng, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: ‘Khổng Tước Vương’ chính là Đại Bàng Kim Sí Điều (*chim đại bàng cánh vàng*). ‘Hai mươi tám bộ Đại Tiên chúng’ tức là ‘nhị thập bát tú’ (*hai mươi tám vì tinh tú*). Lúc giảng *Kinh Lăng Nghiêm* tôi đã giảng cho quý vị nghe cả rồi.

“Ta sai Ma Ni Bạt Đà La, Tán Chi Đại Tướng Phát La Bà, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: Quán Thế Âm Bồ tát lại phái Ma Ni Bạt Đà La cùng Tán Chi Đại Tướng Phát La Bà, vốn là những vị Kim Cang Hộ Pháp, đến ủng hộ người trì Chú Đại Bi.

“Ta sai Nan Đà, Bạt Nan Đà, Bà Già La Long, Y Bát La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: Nan Đà và Bạt Nan Đà đều là những vị Long Vương; còn Bà Già La Long và Y Bát La là Hộ Pháp của Long Vương.

“Ta sai Tu La, Càn Thát Bà, Ca Lô, Khẩn Na, Ma Hầu La, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: Quán Thế Âm Bồ tát lại phái A Tu La cùng với Nhạc Thần Càn Thát Bà của Ngọc Đế, và luôn cả Ca Lô Na, Khẩn Na La, Ma Hầu La thuộc Thiên Long Bát Bộ, tất cả phải thường xuyên theo phò hộ người trì tụng Chú Đại Bi.

“Ta sai Thủy, Hỏa, Lôi, Điện Thần, Cưu Bàn Trà Vương, Tỳ Xá Xà, Thường theo ủng hộ kẻ thọ trì”: ‘Thủy, hỏa, lôi điện thần’ tức là thủy thần (*thần nước*), hỏa thần (*thần lửa*), lôi thần (*thần sấm*) và điện thần (*thần sét*). Cưu Bàn Trà và Tỳ Xá Xà vốn là quý, nay đều biến thành kẻ hộ pháp và cùng nhau bảo vệ người trì Chú. Cho nên, quý vị chỉ cần niệm Chú Đại Bi thì ngay cả ma cũng đến hộ pháp cho quý vị.

Kinh Văn:

是諸善神。及神龍王。神母女等。各有五百眷屬。大力夜叉。常隨擁護誦持大悲神咒者。

Hán văn: “Thị chư thiện thần, cập thần Long Vương, Thần Mẫu Nữ đẳng, các hữu ngũ bách quyến thuộc đại lực Dạ Xoa, thường tùy ủng hộ tụng trì Đại Bi thần chú giả.”

(Việt dịch: “Các vị thiện thần cùng thần Long Vương, thần Mẫu Nữ này, mỗi vị có năm trăm Đại Lực Dạ-xoa làm quyến thuộc, thường theo ủng hộ người trì tụng Thần Chú Đại Bi.”)

Lược giảng:

“Các vị thiện thần cùng thần Long Vương, thần Mẫu Nữ này, mỗi vị có năm trăm Đại Lực Dạ-xoa làm quyền thuộc”: Tất cả các vị thiện thần hộ Pháp kể trên (*Thiên Long Bát Bộ, Tứ Thiên Vương, cùng hết thầy long chúng, quỷ chúng, thần chúng, và hết thầy Kim Cang Lực Sĩ, thần Long Vương, thần Mẫu Nữ,...*) mỗi một vị đều có năm trăm quyền thuộc. Những quyền thuộc ấy toàn là quỷ Đại Lực Dạ Xoa và tất cả đều “thường theo ủng hộ người trì tụng Thần Chú Đại Bi”.

Kinh Văn:

其人若在空中山曠野。獨宿孤眠。是諸善神。番代宿衛。辟除災障。若在深山。迷失道路。誦此咒故。善神龍王。化作善人。示其正道。若在山林曠野。乏少水火。龍王護故。化出水火。觀世音菩薩。復為誦持者。說消除災禍清涼之偈。

Hán văn: “Kỳ nhân nhược tại không sơn khoáng dã, độc túc cô miên, thị chư thiện thần, phiên đại túc vệ, tích trừ tai chướng. Nhược tại thâm sơn, mê thất đạo lộ, tụng thử Chú cổ, Thiện Thần Long Vương, hóa tác thiện nhân thị kỳ chánh đạo. Nhược tại sơn lâm khoáng dã, phật thiếu thủy hỏa, long vương hộ cố, hóa xuất thủy hỏa.”

(Việt dịch: “Người đó, nếu ở nơi không sơn khoáng dã ngủ nghỉ một mình, các thiện thần này sẽ thay phiên túc trực bảo vệ, ngăn trừ tai chướng; nếu ở nơi thâm sơn quên đường lạc lối, tụng trì Chú này, thiện thần, Long Vương sẽ hóa làm thiện nhân chỉ đúng đường về; nếu ở nơi núi rừng khoáng dã, thiếu thốn nước lửa, Long Vương vì ủng hộ sẽ biến hóa ra nước lửa.”)

Lược giảng:

Quán Thế Âm Bồ tát nói tiếp: “Người đó, nếu ở nơi không sơn khoáng dã ngủ nghỉ một mình...”: không sơn, tức

là nơi vắng vẻ, không có người ở, khoáng dã, là nơi rất hoang vu, rất ít người lai vãng. Như vậy, giả sử người trì Chú Đại Bi đó sống đơn độc một mình ở chốn núi rừng hoang vắng để tu hành, thì **“các thiện thần này sẽ thay phiên túc trực bảo vệ”**: ‘thay phiên (*phiên đại*)’ tức là luân phiên, lần lượt thay phiên nhau. Chẳng hạn vị thiện thần này túc trực bảo vệ trong hai tiếng đồng hồ, sau đó có vị khác đến thay thế; vị mới đến này canh gác được hai tiếng đồng hồ thì lại có một vị khác nữa đến gác thay. Hoặc là, vị rông này đến túc trực bảo vệ được hai giờ đồng hồ thì có vị thần đến bảo: “Hết phiên của ngài rồi, ngài hãy về nghỉ đi. Bây giờ đến lượt tôi bảo vệ người này!” Rồi hai tiếng đồng hồ sau thì có thể là đứa con trai lớn của Quỷ Tử Mẫu xuất hiện và nói: “Hết phiên trực của ngài rồi đây, chắc ngài cũng *tired* lắm rồi. Ngài hãy về nghỉ ngơi đi, tôi sẽ ở đây tiếp tục bảo vệ người này!”. Đó gọi là ‘phiên đại túc vệ’, tức là thay phiên nhau túc trực để sẵn sàng bảo vệ người trì Chú Đại Bi.

“Ngăn trừ tai chướng”: người trì Chú Đại Bi đó nếu có tai nạn gì thì đều được tiêu trừ, tai qua nạn khỏi, bình an vô sự; nếu có chướng ngại gì thì cũng được hóa giải, không thể xảy ra.

“Nếu ở nơi thâm sơn mà quên đường lạc lối, tụng trì Chú này, thiện thần, Long Vương sẽ hóa làm thiện nhân chỉ đúng đường về”: giả sử quý vị đi vào sâu trong núi và bị lạc đường, mất phương hướng, không phân biệt được đông tây nam bắc là đâu với đâu; lại thêm cây cối um tùm rậm rạp che khuất ánh sáng mặt trời, khiến cho quý vị càng thêm hoang mang bối rối, không biết phải theo hướng nào mà đi cho đúng. Bây giờ, nếu quý vị có thể tụng niệm Chú Đại Bi thì chư thiện thần cùng Long Vương sẽ biến thành người để chỉ đường cho quý vị: “Hãy đi về phía này!” và dẫn đường cho quý vị.

“Nếu ở nơi núi rừng khoáng dã, thiếu thốn nước lửa, Long Vương vì ủng hộ sẽ biến hóa ra nước lửa.”: giả sử người trì tụng Chú Đại Bi phải ở chốn thâm sơn cùng cốc, hoang vu

vắng vẻ, chịu thiếu thốn mọi bề, hoàn toàn không có nước và cũng chẳng có lửa, thì Long Vương vì muốn bảo vệ và giúp đỡ người đó, sẽ biến hóa ra nước và lửa cho người đó dùng.

Bây giờ tôi tổng hợp bài Chú Đại Bi, tóm tắt ý nghĩa toàn bài bằng bốn câu kệ như sau:

Đại Bi Đại Chú thông địa thiên,
Nhất bách nhất thiên Thập Vương hoan,
Đại bi đại từ năng khử bệnh,
Nghịet kính nhất chiếu biển cao huyền.

Nghĩa

*Đại Chú Đại Bi xuyên trời đất,
Ngàn ngày trăm biến, mười vua vui,
Đại từ đại bi trừ bệnh tật,
Gương nghịet soi tới, biển treo cao!*

“Đại Bi Đại Chú thông địa thiên”: (*Đại Chú Đại Bi xuyên trời đất*): Ở đây có Đại Chú đại từ đại bi, vốn là **“Chú trung chi vương”** (*vua trong các loại Chú*), thông thiên triệt địa, suốt trời thấu đất. Một khi quý vị niệm Chú Đại Bi thì các vị thần ở cõi trời đều kính cẩn đến lắng nghe. Cả các loài quỷ cũng vậy, ai nấy đều cung kính chấp tay và quỳ xuống yên lặng lắng nghe quý vị tụng Chú Đại Bi. Vì sao Chú Đại Bi có công năng hàng phục thiên ma, chế ngự ngoại đạo? Bởi vì bè lũ thiên ma ngoại đạo hễ nghe tới Chú Đại Bi thì chẳng khác nào nhận được hiệu lệnh, tất cả đều phải răm rắp y theo mệnh lệnh mà thi hành.

“Nhất bách nhất thiên Thập Vương hoan”: (*ngàn ngày trăm biến, mười vua vui*): Một ngàn ngày tức là ba năm. Nếu quý vị mỗi ngày có thể tụng Chú Đại Bi đủ một trăm lẻ tám (108) biến, và cứ đều đặn tụng niệm như thế trong ba năm; hoặc là mỗi ngày tụng một ngàn biến và tụng suốt ba năm thì càng tốt hơn nữa, thì Thập Điện Diêm Quân (*mười vua Diêm La cai quản mười điện*) ở địa ngục sẽ sanh lòng hoan hỷ, và

bảo rằng: “Hay lắm! Người này đang tu Chú Đại Bi!” Nếu có thể tu pháp Đại Bi, niệm Chú Đại Bi một trăm lẻ tám biến, đồng thời lại có thể tu pháp Bốn Mươi Hai Thủ Nhân nữa, thì sẽ được rất nhiều lợi ích, công hiệu gấp bội,

“Đại bi đại từ năng khử bệnh”: (*đại từ đại bi trừ bệnh tật*): Như tôi đã nói ở phần trước, trên thế gian này có tám vạn bốn ngàn thứ bệnh, nếu quý vị thành tâm trì niệm Chú Đại Bi thì đều trị lành được cả.

“Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền”: (*gương nguyệt soi tới, biển treo cao*): Trong địa ngục, ở chỗ của Thập Điện Diêm Quân có một đài gương, trên đó đặt một tấm gương soi, gọi là ‘nghiệt kính đài’ (*đài gương soi tội*). Vì sao gọi là ‘nghiệt kính đài’? Khi đọa địa ngục, nhìn vào gương soi tội này thì quý vị sẽ thấy hiện lên tất cả những tội nghiệt mà mình đã gây tạo lúc còn sống. Mọi hành vi, việc làm của quý vị đều hiện ra trong gương, rõ ràng từng cảnh mục, từng chi tiết, chẳng khác nào trên màn ảnh xi-nê vậy. Chẳng hạn trước kia quý vị đã từng giết người, thì trong gương sẽ hiện rõ cảnh giết chóc đó. Quý vị hoặc là đã từng ăn trộm ăn cướp, làm điều bất chánh, ăn gian nói dối, rượu chè cờ bạc... nhất nhất mọi hành vi của quý vị trước đây đều hiện ra đầy đủ trong tấm ‘nghiệt kính’, chẳng sót điều gì.

Nếu quý vị là người trì tụng Chú Đại Bi thì khi dùng nguyệt kính để soi sẽ không thấy hiện lên gì cả, bởi mọi tội nghiệt mà quý vị gây ra đều đã tiêu tan, không còn nữa. Bây giờ, trong địa ngục sẽ treo cho quý vị một tấm biển, trên đó có viết rằng: “Tất cả quỷ thần đều phải cung kính, tôn trọng người này. Đây là một người thọ trì Chú Đại Bi.” Và đó là ý nghĩa của câu “nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền.”

Kinh văn:

觀世音菩薩。復為誦持者。說消除災禍清涼之偈。

若行曠野山澤中。逢值虎狼諸惡獸。

蛇玩精魅魍魎鬼。聞誦此咒莫能害。

Hán văn:

Quán Thế Âm Bồ tát phục vị tụng trì giả, thuyết tiêu trừ tai họa thanh lương chi kệ:

“Nhược hành khoáng dã sơn trạch trung,
Phùng trị hồ lang chư ác thú,
Xà, ngoan, tinh, mị, vọng lượng quý,
Văn tụng thử chú mạc năng hại.”

Việt dịch: (Quán Thế Âm Bồ tát lại vì kẻ tụng trì mà tuyên thuyết bài kệ Thanh Lương tiêu trừ tai họa rằng:

“Nếu vào chốn núi hồ hoang vắng,
Gặp những cọp, sói, các thú dữ,
Rắn, rít, tinh, mị, quỷ vọng lượng...,
Nghe tụng Chú này chẳng dám hại.”)

Lược giảng:

“Quán Thế Âm Bồ tát lại vì kẻ tụng trì mà tuyên thuyết bài kệ Thanh Lương tiêu trừ tai họa rằng...”: lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ tát lại vì những người trì tụng Chú Đại Bi mà nói bài kệ tụng về việc tiêu trừ mọi tai chướng, đạt được sự thanh lương, thanh thời, thanh thân.

“Nếu vào chốn núi hồ hoang vắng”: ‘Khoáng dã’ là nơi rất hoang vu vắng vẻ, cách cả mấy trăm dặm, mấy ngàn dặm không có người ở. Giả sử có người tụng trì Chú Đại Bi mà phải đi trong chốn núi rừng hoang vu, hoặc trong đầm lầy, hoặc ở sa mạc, thì người ấy có thể “gặp những cọp, sói, các thú dữ, rắn, rít, tinh, mị, quỷ vọng lượng...”: người ấy có thể gặp phải loài cọp dữ hoặc chó sói vô cùng hung hãn, hoặc vô số loài ác thú, ác điều khác. Ngoài ra, cũng có thể phải đương đầu với loài rắn đen, hoặc yêu tinh và các loài quỷ li mị, vọng lượng nữa.

“**Nghe tụng Chú này chẳng dám hại**”: tuy nhiên, nếu nghe thấy quý vị tụng Chú Đại Bi thì chúng chẳng thể nào đến làm hại quý vị được, không có cách nào làm phiền hoặc gây trở ngại cho quý vị được.

Kinh văn:

若行江湖滄海間。毒蛇蛟龍摩竭獸。
夜叉羅刹魚鼈鱉。聞誦此咒自藏隱。

Hán văn:

“Nhược hành giang hồ thương hải gian,
Độc xà, Giao long, Ma kiệt thú,
Dạ xoa, La sát, ngư, quy, miết,
Văn tụng thử chú tự tàng ẩn.”

(Việt dịch:

“*Nếu đi biển cả hoặc sông hồ,
Rắn độc, giao long, loài Ma kiệt,
Dạ xoa, La sát, cá, rùa, trạnh,
Nghe tụng Chú này tự lẩn trốn.*”)

Lược giảng:

“**Nếu đi biển cả hoặc sông hồ**”: ‘Thương hải’ (*biển xanh*) tức là ‘đại hải’ biển cả. Giả sử quý vị phải đi qua con sông lớn, ao hồ lớn hoặc biển lớn, và những nơi đó thường có các loài “**rắn độc, giao long, loài Ma kiệt, Dạ xoa, La sát, cá, rùa, trạnh**” cư ngụ. ‘Giao long’ là một loại rồng độc. ‘Ma kiệt’ là một loại đại quái thú sống ở dưới nước hoặc trên lục địa. Lại còn có thể có quỷ Dạ xoa, quỷ La sát, đại ngư tinh, đại điều quy tinh, miết tinh. “**Nghe tụng Chú này tự lẩn trốn**”: Nếu quý vị niệm Chú Đại Bi thì những quái vật đó sẽ không làm hại quý vị, mà đều chạy trốn mất biệt, chẳng còn tác oai tác quái nữa!

Kinh văn:

若逢軍陣賊圍繞。或被惡人奪財寶。
至誠稱誦大悲咒。彼起慈心復道歸。

Hán văn:

“Nhược phùng quân trận tặc vi nhiều,
Hoặc bị ác nhân đoạt tài bảo,
Chí thành xung tụng đại bi chú,
Bỉ khởi từ tâm phục đạo quy.”

(Việt dịch:

“Nếu gặp quân trận giặc bao vây,
Hoặc bị người ác đoạt tiền của,
Chí thành xưng tụng Chú Đại Bi,
Họ phát từ tâm, tự quay về.”)

Lược giảng:

“**Nếu gặp quân trận giặc bao vây**”: giả sử đất nước gặp cảnh chiến tranh, quý vị phải xông pha trước quân trận cùng giao chiến với địch quân; hoặc bị bọn thỏ phi bao vây, muốn sát hại quý vị; “**hoặc bị người ác đoạt tiền của**”: hoặc gặp bọn người bất lương, cướp đoạt tiền bạc tài sản của quý vị.

Trong hoàn cảnh đó, quý vị hãy “**chí thành xưng tụng Chú Đại Bi**”: Thế nào gọi là ‘chí thành’? Đó là chuyên tâm nhất ý, thiết tha thành khẩn, không có vọng tưởng nào khác.

“**Họ phát từ tâm, tự quay về**”: ‘Họ’ tức là bọn thỏ phi, những tên đạo tặc. Kẻ đạo tặc vốn không có lòng từ bi, mà chỉ có tánh ‘Tu la’; nhưng nhờ ‘cảm ứng đạo giao’ do quý vị niệm Chú Đại Bi, cho nên mặc dù là người không có từ bi tâm, cũng phải sanh lòng từ bi, không muốn cướp đoạt của cải nữa, mà tự động rút lui, trở về. Họ đến từ nơi nào thì trở về lại nơi đó.

Kinh văn:

若為王官收錄身。囹圄禁閉杻枷鎖。
至誠稱誦大悲咒。官自開恩釋放還。

Hán văn:

“Nhuộc vi vương quan thâm lục thân,
linh ngữ cầm bế nữu già tỏa,
chí thành xung tụng đại bi chú,
quan tự khai ân thích phóng hoàn.”

(Việt dịch:

“Nếu bị lệnh vua quan bắt bớ,
Giam cầm, xiềng xích, lại gông cùm,
Chí thành xung tụng Chú Đại Bi,
Quan tự khai ân phóng thích về.”)

Lược giảng:

“**Nếu bị lệnh vua quan bắt bớ, giam cầm, xiềng xích, lại gông cùm**”: nếu quý vị có phạm pháp hoặc không phạm pháp mà bị chính phủ bắt giam vào tù. ‘Linh ngữ’ tức là nhà tù. ‘Cầm bế’ có nghĩa là bị nhốt, bị giam giữ trong ngục, tù túng, không còn được tự do nữa. ‘Nữu’ là còng tay, xích chân. ‘Già tỏa’ là gông đầu và xiềng xích. Lại còn buộc quý vị phải đeo còng nơi tay, cùm nơi chân, cổ bị đóng gông đeo xiềng. “**Chí thành xung tụng Chú Đại Bi, Quan tự khai ân phóng thích về**”: gặp cảnh ngộ như thế, quý vị thành tâm khẩn thiết tụng niệm Chú Đại Bi Đà La Ni, thì quan sẽ khai ân. ‘Khai ân’ tức là ân xá, tha thứ, nhận thấy rằng quý vị vô tội, bèn phóng thích, cho quý vị trở về nhà.

Kinh văn:

若入野道蠱毒家。飲食有藥欲相害。
至誠稱誦大悲咒。毒藥變成甘露漿。

Hán văn:

“Nhược nhập dã đạo cô độc gia,
âm thực hữu dục dục tương hại,
chí thành xung tụng đại bi chú,
độc dục biến thành cam lồ tương.”

(Việt dịch:

“Vào nhà ngoại đạo dùng tà thuật,
Ở thức uống, ăn có yếm độc,
Chí thành xung tụng Chú Đại Bi,
Thuốc độc biến thành nước Cam Lồ.”)

Lược giảng:

Vào nhà ngoại đạo dùng tà thuật (nguyên văn câu Hán Việt: “Nhược nhập dã đạo, cô độc gia.”), ‘Dã đạo’ tức là bàng môn tả đạo, bởi vì họ không giữ chánh quy nên gọi là ‘dã đạo’. ‘Cô’, ở Trung Hoa gọi là ‘lạc cãng đầu’ [luò gàng tóu], có một loại ‘cô thuật’ là cho người ta uống ly nước trà, uống vào thì bị trúng ‘cô’; hoặc cho một chút thức ăn, ăn vào cũng trúng ‘cô’; hoặc là để một món đồ gì đó ngoài đường, quý vị nhặt lên thì liền bị trúng độc. Bà Ma Đăng Già (*phái ngoại đạo Hoàng Phát*) đã dùng chú Tiên Phạm Thiên, đều gọi là ‘cô độc’. Đây đều gọi là ‘cô độc gia’.

“**Ở thức uống, ăn có yếm độc.**”: hoặc là trong thức ăn, họ trộn ‘cô độc’ vào để ám hại quý vị.

“**Chí thành xung tụng Chú Đại Bi**”: lúc bấy giờ, nếu quý vị chí thành xung tụng Thần Chú Đại Bi Đà La Ni, thì ‘thuốc độc biến thành nước Cam Lồ’ Tuy là “cô độc,” cũng sẽ biến thành mùi vị cam lồ!

Kinh văn:

女人臨難生產時。邪魔遮障苦難忍。
至心稱誦大悲咒。鬼神退散安樂生。

Hán văn:

“Nữ nhân lâm nạn sanh sản thời,
tà ma già chướng khổ nan nhần,
chí tâm xưng tụng đại bi chú,
quỷ thần thoái tán an lạc sanh.”

*(Việt dịch: “Phụ nữ lâm nguy lúc sanh sản,
Tà ma ngăn trở, khổ khó cam,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Quỷ thần rút lui, sanh bình yên.”)*

Lược giảng:

“**Phụ nữ lâm nguy lúc sanh sản**”: Việc sanh nở có trường hợp sanh khó, người mẹ đau đớn quằn quại có khi suốt một hai ngày mà vẫn không sanh được; thậm chí ba hôm, năm hôm cũng chưa sanh được. Ôi! Lúc đó người mẹ đau đớn tột cùng!

“**Tà ma ngăn trở, khổ khó cam**”: Vì sao sản phụ lại lâm vào tình cảnh ấy? Bởi vì có yêu ma quỷ quái đến cản trở, làm cho sản phụ vô cùng đau đớn khổ sở, không dễ gì mà chịu đựng được. Tôi còn nhớ ở Đông Bắc, lúc tôi đang thủ hiệu bên mộ phần thân mẫu, có một phụ nữ họ Đường nọ đau đẻ (*chuyển dạ*) đã ba hôm mà vẫn chưa sanh được. Về sau người nhà đến tìm tôi để thỉnh giáo, hỏi tôi phải làm sao cho sản phụ sanh nở được dễ dàng. Tôi bèn khuyên họ niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ tát và tụng Chú Đại Bi. Về nhà trì niệm chưa được bao lâu thì quả nhiên sanh được; tuy nhiên đứa bé sơ sinh thì đã chết rồi, còn người mẹ thì được vô sự, không việc gì. Cho nên, đây đều có sự cảm ứng đặc biệt của Quán Thế Âm Bồ tát cả.

“**Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi, Quỷ thần rút lui, sanh bình yên**”: Lúc bấy giờ, quý vị chí thành khẩn thiết trì niệm Chú Đại Bi Đà La Ni, thì quỷ thần nghe thấy sẽ bỏ chạy tán loạn, sản phụ sẽ không bị nguy hiểm nữa.

Kinh văn:

惡龍疫鬼行毒氣。熱病侵陵命欲終。
至心稱誦大悲咒。疫病消除壽命長。

Hán văn:

“Ác long dịch quỷ hành độc khí,
nhiệt bệnh xâm lăng mạng dục chung,
chí tâm xưng tụng đại bi chú,
dịch bệnh tiêu trừ thọ mạng trường.”

*(Việt dịch: “Ác long, dịch quỷ gieo độc khí,
Bệnh sốt xâm nhập sắp mạng chung,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Bệnh dịch tiêu trừ, tuổi thọ tăng.”)*

Lược giảng:

“**Ác long, dịch quỷ gieo độc khí**”: ‘Rồng’ thì có rồng ở trên trời (*thiên long*), có rồng sống ở biển, có rồng sống trên đất liền. Rồng lại có rất nhiều chủng loại; rồng độc (*độc long*), rồng dữ (*ác long*), rồng đen (*hắc long*), rồng trắng (*bạch long*), rồng lửa (*hỏa long*), và còn có cả rồng vàng (*kim long*) nữa. Tại miền Đông Bắc nước Trung Hoa, có một tỉnh lỵ có tên là tỉnh Hắc Long Giang, bởi có dính líu tới chuyện một con rồng đen. Con rồng đen này thường xuất hiện trên sông nước, cho nên con sông đó được gọi là “Hắc Long Giang.”

‘Dịch’ tức là ôn dịch. Bệnh ôn dịch, hoặc là bệnh tả (*hoắc loạn*=*hùo luan*), hoặc các bệnh truyền nhiễm khác, đều do loài ‘dịch quỷ’ tác oai tác quái. Loài ‘dịch quỷ’ này đem vi khuẩn mầm bệnh hại người gieo rắc khắp nơi, người nào hít phải khí độc do chúng tán rải thì liền sanh bệnh, có thể chết.

“**Bệnh sốt xâm nhập sắp mạng chung**”: Bệnh nhân bị nóng sốt, bệnh thâm nhập vào cơ thể, sắp kết thúc sanh mạng, cái chết đang cận kề.

“Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi, bệnh dịch tiêu trừ, tuổi thọ tăng”: Nếu quý vị có thể chí thành khẩn thiết niệm Chú Đại Bi thì bệnh ôn dịch sẽ bị tiêu tan, không còn nữa, thọ mạng cũng có thể lâu dài hơn.

Kinh văn:

龍鬼流行諸毒腫。癰瘡膿血痛叵堪。
至心稱誦大悲咒。三唾毒腫隨口消。

Hán văn:

Long quỷ lưu hành chư độc thũng,
ung sang huyết thống phả kham,
chí tâm xưng tụng đại bi chú,
tam thóa độc thũng tùy khẩu tiêu.

(Việt dịch:

*“Rồng, quỷ lưu hành bệnh thũng độc,
Ung nhọt lở loét đau nhức nhối,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Thối qua ba lần độc thũng tiêu.”*)

Lược giảng:

“Rồng, quỷ lưu hành bệnh thũng độc”: Có loài rồng hoặc quỷ thường đi gieo rắc mầm độc, trúng vào ai thì khắp mình mây đều bị sưng phù lên.

“Ung nhọt lở loét đau nhức nhối”: Hoặc là sanh bệnh ung thư, mọc ra nhiều mụn nhọt. ‘Ung nhọt’ tức là trên người mọc ra một vài cục u. ‘Sang’ là mụn nhọt có khi lở loét máu mủ chảy ra. Các chứng bệnh này vô cùng đau đớn khổ sở, người bệnh không thể nào chịu đựng nổi, cho nên nói là ‘thống phả kham’ tức là không dễ gì mà nhẫn chịu được, nhức nhối đến nỗi không cách nào chịu đựng thêm nữa.

“Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi”: Lúc bấy giờ, nếu quý vị chí tâm thành khẩn tụng Chú Đại Bi, thì chỉ cần **“thối qua**

ba lần đọc thũng tiêu.” Quý vị niệm Chú Đại Bi, rồi lấy hơi thổi ra ba lần nơi mụn nhọt đó. “Tam thóa” tức là ba luồng hơi thổi. Ba hơi thổi này quý vị thấy thì rất bình thường, song lại làm cho chỗ sưng xẹp xuống và tiêu tan; rất là kỳ lạ!

Kinh văn:

眾生濁惡起不善。厭魅咒咀結怨讎。
至心稱誦大悲咒。厭魅還著於本人。

Hán văn:

Chúng sanh trước ác khởi bất thiện,
yém mị chú thư kết oán thù,
chí tâm xưng tụng đại bi chú,
yém mị hoàn trước ư bản nhân.

(Việt dịch:

“Chúng sanh ác trước khởi lòng ác,
Trù ếm thư chú kết oán thù,
Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi,
Trù ếm trở về người trù yém.”)

Lược giảng:

“**Chúng sanh ác trước, lòng bất thiện**”: có nhiều chúng sanh, quý vị bảo họ sanh thiện tâm thì họ không chịu nghe theo, nhưng bảo họ hãy thường xuyên sanh lòng bất thiện, tâm đố kỵ, tâm chướng ngại, thì họ lại nảy sanh những thứ tâm ấy rất dễ dàng.

“**Trù ếm thư chú kết oán thù**”: ‘Yém mị chú thư’ tức là tà chú, tà thuật thư ếm hại người. Có phái ngoại đạo đường như có một loại chú thư. Trong Mật Tông chẳng hạn, có một loại chú mà kẻ nào niệm được bài chú này, tu luyện được thứ phép thuật này, thì nội trong bảy ngày, kẻ ấy bảo quý vị chết thì quý vị sẽ chết, bảo quý vị sống thì quý vị được sống. Cho nên, Mật Tông xem ra cũng rất lợi hại! Quý vị nào có bạn bè

theo Mật Tông thì cần phải cẩn thận một chút! Nếu quý vị đắc tội với họ, thì coi chừng họ sẽ niệm chú cho quý vị chết! Thế nhưng, đây chính là một thứ tánh nết của A tu la, không có tâm từ bi. Như vậy tức là ‘yếm mị’.

Họ làm một ‘tiêu nhân’ tức là một hình nhân nho nhỏ, trên đó có ghi rõ ‘sinh thân bất tự’ (*năm tháng ngày giờ sinh viết theo can chi*) của quý vị; rồi hôm nay thì lấy kim chọc vào mắt hình nhân cho mù, ngày mai dùng kim đâm vào tai hình nhân cho điếc, ngày mốt lấy kim châm vào cổ họng hình nhân và bảy giờ quý vị sẽ bị đứt hơi mà chết! Đây là phép thuật của bàng môn tả đạo. Tuy nhiên, quý vị chớ nên sợ hãi, chỉ cần quý vị có thể niệm Chú Đại Bi, thì họ có dùng phép thuật gì cũng đều không công hiệu cả.

“**Kết oán thù**”: ‘Kết’ tức là cột vào với nhau; ‘oán thù’ tức là thù hận vô cùng sâu nặng.

“**Chí tâm xưng tụng Chú Đại Bi**”: bảy giờ, quý vị chí thành khẩn thiết xưng tụng Thần chú Đại Bi, thì “**trừ ếm trở về nơi bản nhân**”: Họ muốn ám hại người khác, nhưng các phép thuật độc ác đó lại trở về nơi thân họ, khiến họ tự thọ quả báo!

Kinh văn:

惡生濁亂法滅時。婬欲火盛心迷倒。
棄背妻婿外貪染。晝夜邪思無暫停。

Hán văn:

Ác sanh trược loạn pháp diệt thời,
dâm dục hỏa thịnh tâm mê đảo,
khí bối thể tế ngoại tham nhiễm,
trú dạ tà tư vô tạm đình.

(Việt dịch:

“Chúng sanh ác trược thời Mật Pháp,
Lửa dâm thiêu đốt, tâm mê loạn,

*Ngoại tình, bỏ vợ, bỏ chồng con,
Ngày đêm tà tưởng không dừng nghỉ.”)*

Lược giảng:

“**Khi Pháp diệt, ác sanh trực loạn**”: Thời Mạt Pháp, đây đây tội ác, cõi Ngũ trực ác thế rồi ren loạn lạc, Phật Pháp cũng bị hủy diệt. Lúc bấy giờ, “**lửa dâm lớn mạnh, tâm mê đảo**.” Một số người trong chúng ta hiện nay, tâm dâm dục nặng hơn tâm học Phật Pháp. Những người đó không hề nghĩ rằng: “Hằng ngày tôi đều nghiên cứu Phật Pháp, không ngừng tìm tòi học hỏi. Ngũ không được thì tôi nghiên cứu Phật Pháp; lúc thức dậy thì tôi càng nên học hỏi Phật Pháp nhiều hơn nữa!” Họ không nghĩ như thế! Trần trọc, ngũ không được, họ lại sanh tâm dâm dục, cứ thấy rằng nghiên cứu Phật Pháp chẳng ý vị gì cả. Một khi dâm tâm dậy khởi, họ cảm thấy đó là điều vô cùng thích thú kỳ diệu, và đó là một thứ vô minh đang chi phối họ đến tâm thần điên đảo, mê muội!

Quán Thế Âm Bồ tát đã sớm biết rằng con người ở thời Mạt Pháp là như vậy (*tâm trí mê loạn điên đảo*). ‘Mê’ tức là không còn tỉnh táo, sáng suốt nữa. Cũng như người nào đó, gặp bạn gái là mừng rỡ tíu tít, quên hết mọi chuyện chung quanh; như thế cũng gọi là ‘mê đảo’, confused! Thật là kỳ lạ! “**Vợ chồng ruồng bỏ, sanh ngoại tình**”. ‘Khí’ tức là phao khí, bỏ rơi, ruồng bỏ. ‘Bối’ tức là vị bối. ‘Thê’ là vợ; ‘tê’ tức là chồng. Hoặc là người vợ lén lút tìm người đàn ông khác, kiếm tình phu; hoặc là người chồng vụng trộm tìm người đàn bà khác, kiếm tình phụ. ‘Tham nhiễm’ tức là vì phát tiết lửa dâm dục; cho nên đây gọi là ‘ngoại tham nhiễm’, ra ngoài để tham nhiễm.

“**Ngày đêm tà tưởng chẳng tạm dừng**”: Ban ngày tư tưởng đến việc này, tối đến cũng nghĩ ngợi về chuyện này, trong từng giây từng khắc, cái ý nghĩ tà vạy, không chánh đáng này cứ không ngừng lớn vồn trong đầu óc. Quý vị cũng biết đấy, có nhiều người đi nhà thờ không phải để làm lễ Misa, mà

chủ yếu là để tìm đối tượng; cả nam và nữ đều có tư tưởng như thế. Có người thì đến trường không phải để học hành, mà là muốn tìm đối tượng. Vậy, lửa dâm dục đương mạnh mẽ, dù là tạm thời cũng không đình chỉ được.

Kinh văn:

若能稱誦大悲咒。婬欲火滅邪心除。
我若廣讚咒功力。一劫稱揚無盡期。

Hán văn:

Nhược năng xưng tụng đại bi chú,
dâm dục hỏa diệt, tà tâm trừ.
Ngã nhược quảng tán chú công lực,
nhất kiếp xưng dương vô tận kỳ.”

(Việt dịch:

“Nếu thường xưng tụng Chú Đại Bi,
Lửa dâm dục tắt, tà tâm dứt.
Công lực Thần Chú nếu xưng tán
Hết kiếp xưng dương không cùng tận.”)

Lược giảng:

“**Nếu thường xưng tụng Chú Đại Bi**”: Trong lúc này, nếu quý vị có thể xưng niệm Chú Đại Bi, thì “**lửa dâm dục tắt, tà tâm dứt**”: Lửa dâm dục trong lòng quý vị sẽ tàn lụi dần dần rồi tắt ngấm, và tà tâm cũng từ từ được trừ khử.

Giảng đến đây tôi muốn lưu ý quý vị một điều, quý vị, bất luận là nam hay nữ, nếu tâm dâm dục quá lớn mạnh, sung mãn, thì quý vị có thể ngày ngày chí thành khẩn thiết xưng tụng Chú Đại Bi, lâu dần dâm tâm sẽ bị tiêu diệt, tà tri tà kiến cũng bị trừ khử!

“**Công lực Thần Chú nếu xưng tán**”: Quán Thế Âm Bồ tát nói rằng: “Nếu tôi tán thán công đức từ năng lực của Chú Đại Bi một cách rộng rãi, thì e rằng **hết kiếp xưng dương**

không cùng tận. Cho dù tôi có xung dương tán thán Chú Đại Bi trong mọi thời, ở mọi chốn, tại mọi kiếp, thì cũng không thể nào nói hết được!”

Kinh văn:

爾時觀世音菩薩告梵天言。誦此咒五遍。取五色線作索。咒二十一遍。結作二十一結。繫項。此陀羅尼是過去九十九億恒河沙諸佛所說。

Hán văn: Nhĩ thời Quán Thế Âm Bồ tát cáo Phạm Thiên ngôn: “Tụng thủ chú ngũ biến, thủ ngũ sắc tuyến tác sách. Chú nhị thập nhất biến, kết tác nhị thập nhất kết hệ hạng. Thủ Đà La Ni thị quá khứ cửu thập cửu ức hằng hà sa chư Phật sở thuyết.”

(Việt dịch: *Lúc bấy giờ, Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Thiên (Vương) rằng: “Nếu chúng sanh nào muốn tiêu trừ tai ương ma nghiệp, thì nên lấy chỉ ngũ sắc xe làm sợi niệt. Trước tiên tụng năm biến, kế đến tụng hai mươi một biến, cứ tụng mỗi biến lại thắt một gút, cho đến hai mươi một gút như vậy, rồi đeo nơi cổ. Tâm Chú Đại Bi này là do chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật quá khứ đã từng tuyên thuyết.”*)

Lược giảng:

Lúc bấy giờ, sau khi thuyết xong bài kệ, “**Quán Thế Âm Bồ Tát bảo Phạm Thiên rằng:… tụng Chú này năm biến…**” Vì sao lại tụng năm biến? Bởi vì trên thế giới này có năm bộ lớn (*Ngũ Đại Bộ*):

- Phương Đông là A Súc Bộ, còn gọi là Kim Cang Bộ;
- Phương Nam là Bảo Sanh Bộ;
- Phương Tây là Liên Hoa Bộ;
- Phương Bắc là Yết Ma Bộ;
- Trung ương là Phật Bộ.

Năm biến Chú là tiêu biểu cho năm bộ nói trên. Năm bộ này cai quản cả năm đại ma quân (*Đông, Tây, Nam, Bắc,*

Trung) của thế gian. Ma cũng có Đông, Tây, Nam, Bắc, Trung; Ngũ Bộ thống nhiếp Ngũ Đại Ma.

Như vậy, quý vị niệm Chú Đại Bi năm biến, rồi “**lấy chỉ ngũ sắc xe làm sợi niệt**”: “**Ngũ sắc**” tức là năm màu: xanh (*duong*), vàng, đỏ, trắng, đen. Màu xanh là tiêu biểu cho phương Đông, màu đỏ là phương Nam, màu trắng là phương Tây, màu đen là phương Bắc, và màu vàng là trung ương. Đó là tượng trưng cho Ngũ Phương, Ngũ Bộ.

“**Tác sách**” tức là bện thành sợi dây.

“**Tụng Chú hai mươi một biến, thắt làm hai mươi một gút, rồi đeo vào cổ**”: Bây giờ quý vị tụng Chú Đại Bi hai mươi một biến, và thắt hai mươi một gút thắt trên sợi dây ngũ sắc, xong lấy đeo nơi cổ.

“**Đà La Ni này là do chín mươi chín ức hằng hà sa chur Phật đời quá khứ tuyên thuyết**”: Đại Bi Đà La Ni này là pháp mà số chur Phật trong quá khứ bằng số cát trong 99 ức con sông Hằng đã nói ra.

Kinh văn:

彼等諸佛。為諸行人修行六度未滿足者。速令滿足故。未發菩提心者。速令發心故。若聲聞人未證果者。速令證故。若三千大千世界內。諸神仙人未發無上菩提心者。速令發心故。若諸眾生未得大乘信根者。以此陀羅尼威神力故。令其大乘種子法芽增長。以我方便慈悲力故。令其所須。皆得成辦。

Hán văn: “Bỉ đẳng chur Phật, vị chur hành nhân tu hành lục độ vị mãn túc giả, tốc linh mãn túc cố, vị phát bồ đề tâm giả, tốc linh phát tâm. Nhược thanh văn nhân vị chứng quả giả, tốc linh chứng quả. Nhược tam thiên đại thiên thế giới nội, chur thần tiên nhân vị phát vô thượng bồ đề tâm giả, tốc linh phát tâm cố, nhược chur chúng sanh vị đắc đại thừa tín căn giả dĩ thử Đà La Ni oai thần lực cố, linh kỳ đại thừa chúng tử pháp

nha tăng trưởng, dĩ ngã phương tiện từ bi lực cố, linh kỳ sở tu, giai đắc thành biện.

(Việt dịch: Các đức Phật ấy vì thương xót muốn cho người tu hành: Công đức lục độ Ba La Mật chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; Mâm bồ đề chưa phát, mau được phát sanh; Hàng thanh văn chưa chứng may được chứng quả; Các vị thần tiên trong cõi Tam Thiên Đại Thiên chưa phát lòng bồ đề, mau được phát tâm Bồ Đề. Nếu chúng sanh nào chưa được tin căn đại thừa, do sức oai thần của đà la ni này, hột giống đại thừa tự sanh mầm và tăng trưởng. Lại do sức từ bi phương tiện của ta, khiến cho sự mong cầu của họ đều được thành tựu.)

Lược giảng:

“**Các đức Phật ấy**”: tất cả các đức Phật, tất cả các đức Phật trong quá khứ đã từng tuyên thuyết thần chú Đại Bi, “**vì thương xót muốn cho người tu hành**”: vì tất cả người tu hành, vì thương xót người ‘tu hành Lục Độ Ba La Mật’. Thế nào là Lục Độ Ba La Mật?, Lục độ đó là: ‘Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ’. Bố thí để chế ngự lòng san tham, trì giới để chế ngự huỷ phạm, nhẫn nhục để chế ngự nóng giận, tinh tấn để chế ngự giải đãi, thiền định để chế ngự tán loạn, trí huệ để chế ngự ngu si.

Bố thí chế ngự lòng tham: bản chất con người vốn có lòng tham nên phải thực hành bố thí. Vậy nếu không có tâm tham thì có cần bố thí sao? Càng nên bố thí! Cho nên nói, thực hành bố thí thì không còn tâm tham lam, keo kiệt.

Trì giới chế ngự huỷ phạm: trì giới sẽ giữ quy củ, người không giữ quy củ chính là không giữ giới, người không giữ giới chính là không tin Phật pháp. Sau khi đức Phật nhập diệt ‘**giới luật chính là thầy của đệ tử Phật**’.

Nhẫn nhục chế ngự nóng giận: quý vị là người nóng tính thì cần phải tu hạnh nhẫn nhục, đừng vì một chuyện nhỏ nhặt mà nóng giận, không nên có tâm ích kỷ. Không có tâm ích kỷ

thì sẽ không có sự nóng giận, không nóng giận thì chính là tu hạnh nhẫn nhục.

Tinh tấn chế ngự giải đãi: quý vị có lười biếng không? Nếu có thì cần tinh tấn.

Thiền định chế ngự tán loạn: quý vị thích suy nghĩ vẩn vơ và theo đuổi vọng tưởng, vui thích thì sanh tâm phan duyên, vậy thì cần tu công phu thiền định; Có thiền định rồi tán loạn của bạn đều tiêu tan.

Trí tuệ chế ngự ngu si: ngu si, vì sao có sự ngu si? Vì là không có trí tuệ, nếu tu trí tuệ thì ngu si dần tiêu trừ.

“Công đức lục độ Ba La Mật chưa đầy đủ, mau được đầy đủ; Mâm bồ đề chưa phát, mau được phát sanh”: khi Bồ tát thực hành Lục độ chưa đầy đủ thì khi tụng chú Đại Bi liền đầy đủ. Người chưa phát tâm bồ đề niệm chú Đại Bi thì rất nhanh phát Bồ đề tâm.

“Hàng Thanh văn chưa chứng may được chứng quả”: bậc nhị thừa Thanh Văn chưa chứng đắc sơ quả, nhị quả tam quả, tứ quả A La Hán, niệm chú Đại Bi liền nhanh chứng quả.

“Các vị thần tiên trong cõi Tam Thiên Đại Thiên chưa phát lòng Bồ đề, mau được phát tâm Bồ Đề”: nếu trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới có các Tiên nhân và mọi người chưa phát tâm Bồ đề, niệm chú Đại Bi liền nhanh được phát tâm Vô Thượng Bồ đề.

“Nếu chúng sanh nào chưa được tín căn đại thừa, do sức oai thần của đà la ni này, hạt giống đại thừa tự sanh mầm và tăng trưởng”: nếu các chúng sanh chưa tin vào pháp đại thừa, niệm chú Đại Bi, do thần lực của chú khiến cho căn lành đại thừa, hạt giống đại thừa, và mầm pháp bồ đề nảy mầm.

“Lại do sức từ bi phương tiện của ta”: ngài Quán Thế Âm nói, ta dùng năng lực, phương tiện từ bi của ta để **“khiến cho sự mong cầu của họ”**: khiến cho tất cả chúng sinh, bất cứ

mong cầu gì “**đều được thành tựu**”: đều được những điều mong muốn. Đạt được mọi mong muốn và đạt được mong cầu của bản thân, đây gọi là thành tựu, nghĩa là việc gì cũng thành tựu. Chỉ cần quý vị kiên trì trì tụng ‘**Chú Đại Bi**’, quý vị có thể đạt được những gì quý vị mong cầu, mãn nguyện như ý.

Kinh văn:

又三千大千世界。幽隱闇處。三塗眾生。聞我此咒。皆得離苦。有諸菩薩未階初住者。速令得故。乃至令得十住地故。又令得到佛地故。自然成就三十二相。八十隨形好。若聲聞人。聞此陀羅尼。一經耳者。修行書寫此陀羅尼者。以質直心如法而住者。四沙門果。不求自得。

Hán dịch: Hựu tam thiên đại thiên thế giới, u âm ám xứ, tam đồ chúng sanh, văn ngã thử chú, giai đắc ly khổ, hữu chư Bồ tát vị giai sơ trú giả, tốc linh đắc cố, nãi chí linh đắc thập trú địa cố. hựu linh đắc Phật địa cố, tự nhiên thành tựu tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo, nhược thanh văn nhân, văn thử Đà La Ni, nhất kinh nhĩ giả, tu hành thư tả thử Đà La Ni giả, dĩ chất trực tâm như pháp nhi trú giả, tứ sa môn quả, bất cầu tự đắc.

(Việt dịch: Lại nữa, trong tam thiên đại thiên thế giới, những chúng sanh ở nơi ba đường ác, ở chỗ sâu kín tối tăm, nghe thần chú của ta đây, đều được là khổ. Các vị Bồ Tát chưa lên bậc sơ trụ, mau được siêu lên, cho đến mau chứng ngôi thập trụ. Mau đến quả vị Phật, thành tựu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình. Nếu hàng Thanh văn một phen được nghe qua chú này, hoặc biên chép, tu hành môn Đà la ni này, dùng tâm chất trực như pháp mà trú, thì 4 quả sa môn không cầu tự được.)

Lược giảng:

“Lại nữa” là lại nói thêm một lần nữa, “**tam thiên đại thiên thế giới**”: tam thiên đại thiên thế giới, trong những bài giảng trước tôi đã nói nhiều lần, sợ có người không nhớ, cho

nên tôi lại giảng lại. Một mặt trời và một mặt trăng, một núi Tu di, bốn Châu thiên hạ thì gọi là một thế giới. Một ngàn núi Tu di, một ngàn mặt trời và mặt trăng, một ngàn Tứ thiên hạ thì gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn cái tiểu thiên thế giới thì gọi là trung thiên thế giới, và một ngàn trung thiên thế giới thì gọi là đại thiên giới. Vì nói một ngàn (*thiên*) ba lần nên gọi là tam thiên đại thiên thế giới.

“Những chúng sanh ở nơi ba đường ác, ở chỗ sâu kín tối tăm”: tam thiên đại thiên thế giới, tuy có nhiều mặt trời, nhiều mặt trăng, nhiều núi Tu Di, nhưng cũng có nhiều nơi sâu kín, tối tăm. ‘U’ chính là đen tối,; ‘án’ chính là nhìn không thấy; “ám xứ” nghĩa là không có ánh sáng, là chỗ mà con người không nhìn thấy được, không nghe được. Đây là nơi tối tăm. Nơi tối tăm là ở chỗ nào vậy? Chính là tam đồ - Tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh; lại có thuyết nói tam đồ là huyết đồ, đao đồ và hoả đồ. Tóm lại mà nói, ba loại này đều là nơi không tốt để sống; mặc dù là chỗ không tốt nhưng vẫn có những loại chúng sanh sống ở đó, vì bị sanh bởi nghiệp báo của mình, nên sống ở những nơi này.

Ở nơi chỗ tối tăm này sẽ không bao giờ nhìn thấy mặt trời, mặt trăng, nhưng **“nghe thần chú của ta đây”**: nếu được nghe chú này của ta; chú này là chú gì? Là chú Đại Bi. **“đều được lìa khổ”**: tất cả đều rời khỏi đau được an lạc. Tại sao xa rời được khỏi đau? Vì nghe thấy chú Đại Bi cho nên xa lìa khỏi đau. Đây là chúng sanh trong ba ác đạo nghe đến chú Đại Bi thì được lợi ích.

“Các vị Bồ Tát”: còn có tất cả Bồ tát; những vị Bồ tát này là những vị Bồ tát mới phát sơ tâm, **“vị giai sơ trú giả”**: chưa đạt đến quả vị sơ trụ. Quý vị biết sơ trụ là gì không? Không có ai biết? Trên bảng còn ghi rõ ràng, quả tu đã giảng qua, quý vị đều quên rồi? Thập tín, ‘phát tâm trụ’ này chính là trụ thứ nhất, sơ trụ. Vị Bồ tát chưa đạt đến sơ trụ, nếu niệm chú Đại Bi có năng lực làm cho đạt đến quả vị sơ trụ, **“cho**

đến mau chứng ngôi thập trụ”: thậm chí cho đến địa vị thập trụ và thập địa.

Thập trụ là gì? Chính là quán đánh trụ. Còn Thập địa, đầu tiên là hoan hỷ địa, hai là phát quang địa, cho đến thứ mười pháp vân địa. Tại sao là thập trụ địa? Thập trụ là từ phát tâm trụ đến quán đánh trụ. Địa này đã giảng qua từ hoan hỷ địa cho đến pháp vân địa. **“Mau đến quả vị Phật”**: lại khiến Bồ tát đạt đến quả Phật địa. Phật địa chính là diệu giác. **“Thành tựu 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình”**: tự nhiên thành tựu được ba mươi hai tướng và tám mươi vẻ đẹp của chư Phật.

“Nếu hàng Thanh văn một phen được nghe”: nếu bậc nhị thừa Thanh Văn, nghe **“qua chú này”** nghe thấy qua tai một lần chú Đại Bi Tâm Đà La Ni này mà **“hoặc biên chép”**: có thể dùng bút để biên chép lại, **“tu hành môn Đà la ni này”**: hay có thể tu hành. **“dùng tâm chất trực”**: chất trực nghĩa là không quanh co, tà vạy. Chất trực là Trực tâm, trực tâm chính là đạo tràng. Quý vị dùng tâm chất trực, thì có thể đạt đến quả vị mà quý vị mong muốn. **“Như pháp mà trú”**: Y theo pháp Đại Bi mà ‘trú’. ‘Trú’ chính là tu hành. **“bốn quả sa môn”**, là sơ quả, nhị quả, tam, tứ quả, tứ quả A la hán. **“không cầu tự được”**: quý vị tự mình không cầu cũng đắc được quả A la hán.

Kinh văn:

若三千大千世界內。山河石壁。四大海水。能令湧沸。須彌山及鐵圍山。能令搖動。又令碎如微塵。其中眾生。悉令發無上菩提心。

Hán văn: Nhược tam thiên đại thiên thế giới nội, sơn hà thạch bích, tứ đại hải thủy, năng linh dũng phát, tu sơn sơn cập thiết vi sơn, năng linh dao động, hựu linh, hựu linh toái như vi trần, kỳ trung chúng sanh, tất linh phát vô thượng bồ đề tâm.

(Việt dịch: Công lực của thần chú này có thể khiến cho nước sông, hồ, biển cả trong cõi Tam Thiên Đại Thiên dâng

trào, sôi sục. Vách đá, núi nhỏ, núi Tu Di và núi Thiết Vi thấy đều rung động. Lại có thể làm cho tan nát như bụi nhỏ, những chúng sanh ở trong ấy đều phát tâm Bồ Đề)

Lược giảng:

“Nước sông, hồ, biển cả trong cõi Tam Thiên Đại Thiên”: ở trong Tam Thiên Đại Thiên thế giới, nước sông, hồ, bốn biển lớn (tứ đại hải). “Có thể làm cho nước biển sôi lên”: khi quý vị trì tụng “Chú Đại Bi”, thì có thể làm cho nước biển dâng trào, sôi sục. Hán văn dùng từ ‘dũng phát’, ‘Dũng’ có nghĩa là tăng lên; ‘phát’ có nghĩa là nóng lên. “Vách đá, núi nhỏ, núi Tu Di và núi Thiết Vi”: núi Tu Di chính là núi Diệu Cao; núi Thiết Vi chính là ngọn núi bao xung quanh bốn bề địa ngục, “thấy đều rung chuyển”: chú Đại Bi có năng lực khiến cho núi Thiết Vi và núi Tu Di rung chuyển. “nghiền nát như bụi nhỏ”: lại có năng lực nghiền nát khiến cho đá sắt trong hai quả núi kia thành như hạt bụi., “những chúng sanh trong ấy”: tất cả chúng sanh ở trong núi Thiết Vi và Tu Di, “đều phát tâm Bồ Đề”: tất cả chúng sanh ở hai núi ấy nhờ năng lực của chú mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Kinh văn:

若諸眾生現世求願者。於三七日。淨持齋戒。誦此陀羅尼。必果所願。從生死際。至生死際。一切惡業。並皆滅盡。三千大千世界內。一切諸佛菩薩。梵釋四天王。神仙龍王。悉皆證知。

Hán văn: Nhược chư chúng sanh hiện thế cầu nguyện giả, ư tam thất nhật, tịnh trì trai giới, tụng thử đà la ni, tất quả sở nguyện, tụng sanh tử tế, chí sanh tử tế, nhất thiết ác nghiệp, tịnh giai diệt tận, tâm thiên đại thiên thế giới nội, nhất thiết chư Phật, Bồ tát, phạm thích, tư thiên vương, thần tiên long vương, tất gia chứng tri.

(Việt dịch: Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại muốn mong cầu việc chi, nên giữ trai giới nghiêm sạch trong 21

ngày và tụng trì chú Đại Bi Đà La Ni, tất đều được toại nguyện. Nếu thường chỉ tâm trì tụng, thì từ kiếp sống chết này đến kiếp sống chết khác, tất cả các nghiệp ác đều mau tiêu diệt. Tất cả chư Phật, Bồ Tát, Phạm Thiên, Đế Thích, Tứ thiên vương, thần, tiên, long vương, thầy đều chứng biết cho.)

Lược giảng:

“**Nếu tất cả chúng sanh**”: nếu tất cả chúng sanh, “**trong đời hiện tại muốn mong cầu việc chi**” ở hiện đời cầu nguyện, có nguyện vọng, có chỗ mong cầu, rất mong muốn nguyện vọng này thành tựu, “**trong 21 ngày**”: trong thời gian ba bảy hai mươi một ngày; “**giữ trai giới nghiêm sạch**”: Hán văn dùng từ ‘*tịnh trì trai giới*’: ‘tịnh’ chính là thanh tịnh; ‘trì’ chính là thọ trì chú Đại Bi; ‘trai’ chính là ăn chay, không ăn tất cả thịt; ‘giới’ là nghiêm giữ giới luật. “**tụng trì chú Đại Bi Đà La Ni tất cả đều được toại nguyện**”: tụng trì thần chú Đại Bi và cầu nguyện nơi chú Đại Bi thì tất cả mọi mong cầu chắc chắn nhất định đều thành tựu.

“**Từ kiếp sống chết này đến kiếp sống chết khác**”: tức là từ nơi này sanh tử đến nơi kia sanh tử; chính là từ kiếp sống sinh tử này đến kiếp sống sinh tử khác. “**tất cả các nghiệp ác**”: tất cả ác nghiệp tạo ra trong đời quá khứ, “**đều mau tiêu diệt**”: tất cả đều được tiêu diệt. “**Trong tam thiên thế giới, tất cả Chư Phật, Bồ tát**”: tất cả chư Phật, chư Bồ tát, “**Phạm Thiên, Đế Thích, Tứ thiên vương**”: Phạm Thiên Vương, Đế Thích và Tứ Đại Thiên Vương, “**thần, tiên, long vương**”: thần, tiên, long vương, “**thầy đều chứng biết cho**”: họ đều tác chứng cho quý vị, nói: “tội của quý vị đã tiêu rồi”.

Kinh văn:

若諸天人誦持此陀羅尼者。其人若在江河大海中沐浴。其中眾生。得此人沐身之水。霑著其身。一切惡業重罪。悉皆消滅。即得轉生他方淨土。蓮華化生。不受胎身溼卵之身。何況受持讀誦者。若誦持者。行於道路。大風時

來。吹此人身毛髮衣服。餘風下過。諸類眾生。得其人飄身風吹著衣者。一切重障惡業。並皆滅盡。更不受三惡道報。常生佛前。當知受持者。福德果報不可思議。

Hán văn: Nhược chư thiên nhân tụng trì thử Đà La Ni giả, kỳ nhân nhược tại giang hà đại hải trung mộc dục, kỳ trung chúng sanh, đắc thử nhân mộc thân chi thủy, triêm trữ kỳ thân, nhất thiết ác nghiệp trọng tội, tất giai tiêu diệt, tức đắc chuyển sanh địa phương tịnh độ, liên hoa hoá sanh, bất thọ thai sanh ẩm noãn chi thân, hà hưởng thọ trì độc tụng giả, nhược tụng trì giả, hành u đạo lộ, đại phong thời lai, suy thử nhân thân, mao phát y phục, dư phong hạ quá, chư loại chúng sanh, đắc kỳ nhân phiêu thân phong suy trước y giả, nhất thiết chúng chướng ác nghiệp, tịnh giai diệt tận, cánh bất thọ tam ác đạo báo, thường sanh Phật tiền, đương trì thọ trì giả, phước đức quả báo bất khả tư nghĩ.

(Việt dịch: Hàng trời, người nào thường thọ trì tâm chú này. Như tắm gội trong sông, hồ, biển cả, nếu những chúng sanh ở trong đó được nước tắm gội của người này thuần nhuần thân thể thì bao nhiêu nghiệp nặng tội ác thấy đều tiêu diệt, liền được siêu sinh về tha phương Tịnh Độ. Hóa sanh nơi hoa sen, không còn thọ thân thai, noãn, thấp nữa. Các chúng sanh ấy chỉ nhờ chút ảnh hưởng mà còn được như thế, hưởng chi là chính người trì tụng? Như người tụng chú đi trên đường, có ngọn gió thổi qua mình, nếu những chúng sanh ở sau được ngọn gió của kẻ ấy lướt qua y phục thì tất cả nghiệp ác, chướng nặng thấy đều tiêu diệt, không còn đọa vào tam đồ, thường sanh ở trước chư Phật. Cho nên, phải biết quả báo phước đức của người trì tụng chú thật không thể nghĩ bàn!)

Lược giảng:

“Nếu như tất cả hàng trời người thọ trì chú Đà La Ni này”: tất cả hàng trời hay người niệm chú Đại Bi, “tắm gội trong sông, hồ, biển cả”: nếu tắm ở trong sông hoặc trên hồ, biển cả; “những chúng sanh ở trong đó được nước tắm gội

của người này thâm nhuần thân thể thân thì bao nhiêu nghiệp nặng tội ác thấy đều tiêu diệt”: nếu tất cả chúng sanh đang ở trong các sông, biển, ao hồ đó được thấm ướt bởi nước tắm của chư thiên nhân trì tụng thân chú Đại Bi thì tất cả các nghiệp chướng đều tiêu diệt. Thân thể quý vị tắm nước này mà nước này chạm đến thân thể người khác thì tội người khác cũng tiêu diệt! **“liền được siêu sinh về tha phương Tịnh Độ”**, thì có thể sanh đến các cõi tịnh độ khác. **“Hóa sinh nơi hoa sen”**: sanh ra ở những cõi nước Tịnh độ, được sinh ra từ hoa sen báu; **“không còn thọ thân thai, noãn, thấp nữa”**, không phải chịu từ trong bụng mẹ sinh ra, cũng không phải thấp sanh, phải noãn sanh nữa. **“Các chúng sanh ấy chỉ nhờ chút ảnh hưởng mà còn được như thế, huống chi là chính người trì tụng”**: những chúng sanh khác chỉ nhờ chút ảnh hưởng như thế mà còn được vô lượng lợi ích như vậy, huống gì quý vị là người thọ trì đọc tụng.

“Nếu có người trì tụng chú đi trên đường”: nếu có ai có thể trì tụng chú Đại Bi khi đi trên đường; **“có ngọn gió thổi qua mình”**: bất ngờ cơn gió thổi đến, khi thổi đến thân thể người thọ trì chú Đại Bi, hoặc thổi qua tóc, hoặc thổi qua y phục; **“nếu những chúng sanh ở sau được ngọn gió của kẻ ấy lướt qua y phục thì tất cả nghiệp ác, chướng nặng thấy đều tiêu diệt”**: Gió này từ thân những người đang tụng chú thổi qua hễ các chúng sanh nào gặp được làn gió này thì tất cả nghiệp ác, chướng nặng (*Giết cha, giết mẹ, giết tổ sư, giết A la hán, làm thân Phật chảy máu*) thấy đều tiêu trừ. **“không còn đọa vào tam đồ”**: lại càng không bị sanh vào ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, không thọ khổ trong ba ác đạo. **“Thường sanh ở trước chư Phật”**: và luôn luôn sanh ra ở trước chư Phật. **“Người trì tụng chú”**: quý vị thử nghĩ xem: **“Những người trì chú Đại Bi khi gió thổi qua thì các chúng sanh nhận được làn gió ấy thì các ác nghiệp tiêu trừ, được nhiều lợi ích như vậy”**; vậy thì người trực tiếp trì tụng **“phước đức thật không thể nghĩ bàn”**: quý vị thọ trì chú Đại Bi thì

được phước đức và quả báo không thể nghĩ bàn, không có điều gì để nói và cũng không có cách nào để biết.

※ ※ ※

Bây giờ nói về chủ đề: “ Trong thời đại khoa học, tại sao người phương Tây xuất gia?

Ngày nay, khoa học phát triển một cách phi thường, càng ngày càng tiến bộ, càng ngày càng có nhiều phát hiện mới lạ; thế nhưng, sự phát hiện này đến bao giờ mới là tột đỉnh, mới là rốt ráo? Sự “rốt ráo” này có thể nói là sẽ xảy ra ở vào bất cứ thời điểm nào, song cũng có thể nói là bất tận, không có ngày cùng tận, không thể nào hoàn tất được. Hiện tại, nền khoa học của chúng ta được gọi là tiến bộ, nhưng sau 500 năm thì sự tiến bộ của khoa học ngày hôm nay lại bị xem là lạc hậu! Nền khoa học của 500 năm sau sẽ là tân kỳ; song đến 500 năm sau nữa, thì cái được mệnh danh là “khoa học tân kỳ” của 500 năm về trước lại trở thành lạc hậu, còn khoa học của 500 năm sau lại là mới mẻ. Hiện giờ người ta cho rằng những gì của quá khứ là xưa cũ; song sau 500 năm nữa, trong tương lai, tất cả những thứ tân kỳ của hiện tại cũng đều sẽ bị xem là xa xưa, lỗi thời. Cho nên, khoa học và triết học không có ngày cùng tận; có thể nói là “càng chạy càng xa,” chẳng có kết thúc.

Đặc biệt là khoa học và triết học ngày nay tuy có phát triển, nhưng những lợi ích mà chúng mang lại cho con người thì ít hơn so với những điều bất lợi! Đó chính là tình trạng “cái hại nhiều hơn cái lợi”, đối với nhân loại thì sự giúp ích không nhiều hơn sự sát hại. Vì sao? Trước kia, khi khoa học chưa phát triển đến thế này thì người ta không bị chết nhiều như vậy; song le, hiện tại khoa học phát triển càng nhanh chóng thì trong tương lai, nhân loại sẽ bị chết càng nhiều hơn, thậm chí có thể đi đến chỗ tận diệt! Nếu loài người bị hủy diệt thì khoa học, triết học còn ích dụng gì cho nhân loại nữa chứ? Chắc chắn là không còn hữu dụng nữa!

Hiện tại tuy rằng khoa học và triết học phát triển như thế, nhưng đối với những tai họa trên thế giới, thì vẫn chưa thể tiêu diệt được. Thí dụ như việc nảy sinh nhiều căn bệnh quái lạ mà với sự phát triển của khoa học, con người vẫn chưa có cách nào chữa trị hoặc trừ khử được, đó là một điểm. Rồi lại còn chiến tranh nữa, khoa học phát triển đến cực điểm thì chiến tranh sẽ càng khốc liệt bởi các vũ khí giết người mỗi ngày một tinh vi, kỳ diệu hơn; sự tinh vi kỳ diệu đó chẳng phải sẽ đưa nhân loại vào chỗ chết sao? Nước này gây chiến với nước khác, nhà nọ tranh chấp với nhà kia, người này gây gổ với người nọ, tất cả đều hổ tương tàn sát lẫn nhau; cứ như thế thì biết đến bao giờ mới chấm dứt được? Anh đề phòng tôi, tôi đề phòng anh; anh muốn hủy diệt tôi, tôi cũng muốn hủy diệt anh, tất cả đều hổ tương hủy diệt lẫn nhau. Và rốt cuộc sẽ có một ngày tất cả đều “cùng về chỗ chết” và lúc đó thì mọi người đều sẽ không còn việc gì để làm nữa!

Không phải chỉ có nạn chiến tranh là khó ngăn chặn, khó dập tắt thôi đâu, mà còn có nào là nạn lũ lụt (*không biết được là sẽ xảy ra lúc nào, ở nơi đâu*), nạn hỏa hoạn (*suốt ngày toàn nghe tiếng xe cứu hỏa hụ còi inh ỏi, ồn ào hơn tất cả*), nạn gió bão (*hễ cuồng phong thổi tới thì gây chết chóc cho biết bao nhiêu người*)... Chỉ mấy hôm trước đây, ở Đài Loan có nạn gió bão xảy ra gây thiệt hại cho cả mấy trăm người. Vào lúc khoa học tiến bộ đến đường này, vẫn chưa có cách nào khiến cho những tai ương như thế biến mất, không còn xảy ra. Trông thấy tình trạng này, nếu muốn tiêu diệt tai ương, chúng ta cần phải nghiên cứu đạo lý của nhân sinh, cần phải thấu hiểu các chân lý của nhân sinh, rồi sau đó mới có thể biết được căn nguyên, mầm mống của các tai ương. Thế thì, muốn tránh tai ương, điều thiết yếu là mọi người đều phải “sửa sai, hướng thiện”! Vì sao những tai ương này xảy ra? Đó đều là do cộng nghiệp của mọi người cảm vờ ra; nghiệp tụ tập lại với nhau nên mới có loại tai họa này xảy ra. Rồi lại còn nạn động đất nữa, đây là một thứ tai họa rất đáng sợ, nó khiến mọi người

đều nom nớp lo âu. Rất nhiều người ở thành phố San Francisco lo sợ sẽ có nạn động đất xảy ra. Thế nhưng, chẳng có cách gì tiêu diệt được các tai ương này bởi vì đó là do nghiệp chướng của chúng sanh chiêu cảm mà ra!

Nói đến “nghiệp” thì chỉ có Phật giáo mới có thể giải thích một cách tường tận về nguồn gốc, đạo lý của tướng nghiệp mà thôi. Do đó, chúng ta cần phải phát tâm xuất gia, nghiên cứu Phật Pháp; phải hiểu rõ Phật Pháp thì mới có thể chẩn cứu toàn thể nhân loại, thật sự cứu vớt nhân loại ra khỏi cảnh nước sôi lửa bỏng được. Chúng ta phát tâm xuất gia là để nghiên cứu đạo lý của Phật giáo, dùng tinh thần từ bi vĩ đại của Phật giáo mà dẫn thân cứu độ tất cả chúng sanh, khiến cho mọi tai ương trên thế giới đều vô hình trung bị tiêu diệt. Cho nên, bây giờ chúng ta cần phải phát tâm buông bỏ các pháp của thế gian để nghiên cứu pháp xuất thế gian.

Trong lúc cả vũ trụ người ta đang hồ tương cạnh tranh, đua nhau sáng chế các lợi khí giết người để sát phạt nhau một cách điên cuồng, thì kỳ lạ thay, có những người lại muốn xuất gia, muốn học tập pháp môn không giết người! Có thể nói rằng sự kiện này sẽ làm cho toàn thể nhân loại trên khắp vũ trụ đều phải vô cùng kinh ngạc! Tôi hy vọng trong lúc nhân loại còn đang trong cơn kinh ngạc, thì quý vị đều có thể tỉnh ngộ, mọi người đều biết hồi quang phản chiếu, học tập pháp môn không giết người này.

Thế giới này là do tâm con người tạo thành. Con người có tâm hiếu sát, thích chém giết, thì cả thế giới này sẽ biến thành một bãi chiến trường, một thế giới của chiến tranh. Con người có lòng hiếu sanh, độ lượng, thì thế giới này sẽ biến thành một thế giới hòa bình, hạnh phúc. Thế nên, hiện nay có được những người Tây phương có thể giác ngộ trước, phát tâm học tập về tôn giáo, về pháp môn không hiếu sát, đối với hiện tại mà nói thì đây là một bước khởi đầu. Tôi hy vọng sau này, tất cả người Tây phương cũng như người Đông phương, đều sẽ sửa đổi tâm hiếu chiến thành tâm từ bi, từ bỏ tâm sân hận

để đổi lấy tâm từ bi hỷ xả, và có thể cùng nhau nghiên cứu đạo Phật. Đây đối với người Tây phương chỉ là mở đầu của sự giác ngộ; mong rằng trong tương lai chúng ta có thể chuyên hóa các vị tổng thống của phương Tây trở thành những vị tổng thống ủng hộ Phật giáo!

Bây giờ tôi sẽ công bố tên của những người Tây phương xuất gia (*tại Chùa Kim Sơn Thánh Tự*).

Người thứ nhất tên là Quả Tiền, tự là Hằng Khiêm. Trước đây, khi chưa xuất gia, chú ấy cho rằng thế giới này không có gì đáng trân trọng, và đã sống như một khách nhàn du, chu du đây đó, không có gia đình để trở về. Thế nhưng, bây giờ gặp được Phật Pháp rồi, chú bèn lấy chón xuất gia làm chỗ nương tựa để quay về.

Người thứ hai tên là Quả Ninh, tự là Hằng Tịnh. Quả Ninh vốn cũng tự cho rằng đời người thật vô vị, chẳng có ý nghĩa gì cả. Về sau, khi nhân duyên đến, chú ấy đã gặp được Phật Pháp và biết được rằng chân lý chân chánh vốn nằm trong giáo lý đạo Phật, nên bèn xin xuất gia.

Người thứ ba tên là Quả Hiện, tự là Hằng Thọ. Quả Hiện là một thanh niên trẻ tuổi cũng rất khác người. Chú ấy có ý muốn nghiên cứu về chân lý của nhân sinh, muốn tìm hiểu nơi quay về rốt ráo, cùng vấn đề sanh tử, cho nên chú đã xuất gia.

Người thứ tư tên là Quả Dật, tự là Hằng Ân. Cô thanh nữ này trước kia cũng có ý tưởng muốn chân chánh thấu hiểu về vấn đề nhân sinh, nay gặp được Phật Pháp mới biết rằng đây chính là những gì đáng cho con người nghiên cứu tìm hiểu, cho nên cô đã xuất gia tu hành.

Người thứ năm tên là Quả Tu, tự là Hằng Trì. Quả Tu vốn đã nhận thức rất rõ ràng về thế giới này, cô ta đã có được cái nhìn thấu suốt và đã có thể buông bỏ hết mọi thứ, một lòng tha thiết muốn tu Đạo. Cô ta có nói mấy câu như sau:

Quả tất năng đắc,

Tu chư phúc đức,

Hằng niệm Định, Huệ,
Tri Giới thành Phật.

*(Quả sẽ đắc được,
Tu mọi phước đức,
Hằng nhớ Định, Huệ,
Tri Giới thành Phật.)*

Bôn câu này là do chính Quả Tu sáng tác, rất có ý nghĩa.

Trên đây chỉ là sơ lược về nhân duyên xuất gia của năm Phật tử người Tây phương; nếu muốn kể chi tiết e rằng phải cần nhiều thời gian mới nói hết được!

Kinh văn:

誦持此陀羅尼者。口中所出言音。若善若惡。一切天魔外道。天龍鬼神聞者。皆是清淨法音。皆於其人起恭敬心。尊重如佛。

Hán văn: Tụng trì Đà La Ni giả, khẩu trung sở xuất ngôn âm, nhược thiện nhược ác, nhất thiết thiên ma ngoại đạo, thiên long quỷ thần văn giả, giai thị thanh tịnh pháp âm, giai ư kỳ âm khởi cung kính tâm, tôn trọng như Phật.

(Việt dịch: Lại nữa, người trì tụng Đà La Ni này. Khi thốt ra lời nói chi, hoặc thiện hoặc ác, tất cả thiên ma ngoại đạo, thiên, long, quỷ thần đều nghe thành tiếng pháp âm thanh tịnh. Đối với người ấy khởi lòng cung kính, tôn trọng như Phật.)

Lược giảng:

“**Người trì tụng Đà La Ni này**”: quý vị chỉ học thuộc, hay học một cách đơn thuần mà không trì tụng thì cũng vô ích. Quý vị phải **‘trì tụng’**. **‘Tụng’** chính là không cầm kinh, không cầm chú mà vẫn niệm được chú Đại Bi. **‘Tri’** nghĩa là không phải ngày nay tụng mà ngày mai không tụng, rồi hôm sau lại tụng; **‘Tri’** chính là ý nghĩa kiên trì, trì tụng không gián đoạn. Hôm nay, quý vị niệm một trăm biến thì ngày mai quý vị

niệm một trăm biến, hôm sau cũng niệm một trăm biến, mỗi ngày đều như vậy không gián đoạn, đây gọi là ‘trì’; Quý vị làm gián đoạn thì không gọi là ‘trì’! Không thể hôm nay là hoa sen, ngày mai là hoa súng được.

Có người cho rằng: ‘Tôi thuộc rồi, tôi ghi nhớ trong lòng, thì không cần trì tụng’. Đó đều là vô ích, nhất định cần phải sáng tối tu hành như vậy không gián đoạn, một mảy may đều không lười biếng, không có tâm giải đãi, đây mới là trì tụng Đà la ni. Đà la ni này chính là tổng trì. Tổng trì là “tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa”; cũng chính là tam nghiệp thân khẩu ý quý vị tổng trì không phạm giới. Thân quý vị không tạo “sát, đạo, dâm”, tâm không sanh “tham, sân, si”, khẩu không khởi ác khẩu, nói dối, nói lời thêu dệt, nói lười đời chiêu; đây gọi là thân khẩu ý thanh tịnh, đây mới là chân chính trì tụng Đà la ni.

Quý vị thường niệm chú Đại Bi, **“khi thốt ra lời nói chi”**: trong miệng phát ra âm thanh **“hoặc thiện hoặc ác”**: nếu thiện thì đó là lời nói tốt, nếu ác thì đó là lời nói xấu. Khi quý vị tụng Chú Đại Bi, ngay từ đầu không nên có bất kỳ lời nói ác ý nào, nhưng thỉnh thoảng quý vị vô tình nói ra những lời ác khẩu. Nói như thế không xóa nghĩa là: “À! Cứ chửi người khác thôi, lời ác khẩu này cũng là âm thanh của Pháp thanh tịnh!”. “Không phải, như vậy quý vị vô hình chung đã tạo khẩu nghiệp”. **“Tất cả thiên ma ngoại đạo, thiên, long, quỷ thần”**: nếu là lời nói ác, đương nhiên người nghe sẽ biết là những lời nói xấu. Còn nếu không biết là nói ác, thì người này giản đơn chính là không biết điều thiện, điều ác. Nhưng đây là nói chư thiên trên trời, hoặc là thiên ma trên trời, hoặc là ngoại đạo, hoặc rồng trên trời, hoặc quỷ thần. Họ đều có ngũ thông phải không? (*Họ chắc chắn biết điều gì thiện, điều gì ác*). Tuy nhiên, thần lực không thể nghĩ bàn của “Thần Chú Đại Bi” đã làm gián đoạn nhĩ căn của tất cả chúng sanh trời, thiên ma, ngoại đạo, quỷ thần nên khi họ nghe thấy âm thanh hoặc thiện hay ác này, **“tất cả đều là tiếng Pháp âm thanh tịnh”**: chúng

cũng đều biến thành Pháp âm thanh tịnh và cũng chính là thuyết pháp cho họ. **“Đối với người ấy khởi lòng cung kính”**: Hàng ngày những chúng sanh trời người, thiên ma, ngoại đạo đều sanh tâm cung kính, tâm lễ bái người trì chú này, **“tôn trọng như Phật”**: họ tôn trọng người tụng trì chú Đại Bi này như là tôn trọng mười phương chư Phật.

Kinh văn:

誦持此陀羅尼者。當知其人即是佛身藏。九十九億恒河沙諸佛所愛惜故。

Hán văn: Tụng trì thử Đà La Ni giả, đương tri kỳ nhân tức thị Phật thân tạng, cửu thập cửu ức hằng hà sa chư Phật ái tích cố.

(Viết dịch: Người nào trì tụng Đà La Ni này nên biết người ấy chính là tạng Phật thân. Vì 99 ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý.)

Lược giảng:

“Người nào trì tụng Đà La Ni này”: người có thể tụng chú Đại Bi, **“nên biết người ấy chính là tạng Phật thân”**: quý vị nên biết, người này chính là tạng thân của Phật; cũng chính là nhất định hiện thân Phật. Tại sao? Vì lực gia trì của tam muội. Tuy quý vị chưa thành Phật, nhưng có năng lực khiến quý vị có chân tướng quang minh giống như thân Phật; Đây là lực gia trì của chú Đại Bi, công đức của chú Đại Bi sẽ giúp quý vị. Nhưng khi tụng trì Chú Đại Bi thì phải tuân thủ quy củ, giữ giới luật, không thể nói tôi là tạng thân của Phật, muốn làm gì thì làm. Tại sao là tạng thân Phật?. **“Vì 99 ức hằng hà sa chư Phật đều yêu quý”**: bởi vì chín mươi chín ức hằng hà sa chư Phật thời quá khứ đều phát nguyện rằng: “Những ai tụng trì chú Đại Bi, tôi sẽ ủng hộ người đó giống như ủng hộ mười phương chư Phật vậy”.

Kinh văn:

當知其人即是光明藏。一切如來光明照故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân tức thị quang minh tạng, nhất thiết như lai quang minh chiếu cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng quang minh, vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình.)

Lược giảng:

“**Nên biết rằng người ấy chính là tạng quang minh**”: khi Quý vị tụng chú Đại Bi, thì xuất hiện nhiều loại ánh sáng, “**vì ánh sáng của tất cả Như Lai đều chiếu đến nơi mình**”: vì mười phương Như Lai đều phóng quang chiếu đến quý vị.

Kinh văn:

當知其人是慈悲藏。恒以陀羅尼救眾生故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị từ bi tạng, hằng dĩ Đà La Ni cứu chúng sanh cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng từ bi, vì thường dùng Đà La Ni cứu độ chúng sanh.)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng từ bi**”: nếu Quý vị có thể tụng chú Đại Bi thì chính là người có lòng đại từ, đại bi. Tại sao? “**vì thường dùng Đà la ni cứu độ chúng sanh**”: vì quý vị thường dùng chú Đa la ni cứu độ tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh đều xa rời khổ đau đến bên bờ an lạc, tiêu tai tật bệnh, tội diệt phước sanh.

Kinh văn:

當知其人是妙法藏。普攝一切諸陀羅尼門故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị diệu pháp tạng, phổ nhiếp nhất thiết chư Đà La Ni môn cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp, vì nhiếp hết tất cả các môn các môn Đà La Ni.)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng diệu pháp**”: nên biết người tụng chú Đại Bi chính là hội tụ của diệu pháp. Tại sao? “**Vì nhiếp hết tất cả các môn các môn Đà la ni**”: vì Đại Bi Đà la ni có năng lực rộng thâm nhiếp hết tất cả các môn Đà la ni khác. Thâm nhiếp này giống như cục nam châm hút sắt vậy, hội tụ thu hút đà la ni khác lại với nhau. Cho nên, quý vị tụng trì chú Đại Bi chính là quý vị cùng thâm nhiếp các pháp vi diệu.

Kinh văn:

當知其人是禪定藏。百千三昧皆現前故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị thiền định tạng, bách thiên tam muội giai hiện tiền cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng thiền định vì trăm ngàn tam muội thấy đều hiện tiền.)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng thiền định**”: người có thể tụng trì chú Đại Bi chính là kho tàng thiền định. Tại sao? “**vì trăm ngàn tam muội thấy đều hiện tiền**”: vì có trăm ngàn tam muội luôn luôn hiện tiền. Cái gọi là trăm ngàn tam muội hiện tiền không có nghĩa là cả trăm, ngàn Tam-muội đồng thời hiện ra, cũng không phải là không đồng thời hiện ra. Đó chính là một thứ cảnh giới vi diệu bất khả tư nghị, không diễn tả bằng lời nói được! “Tam-muội” chính là định lực; cả trăm, ngàn môn Tam muội khác nhau đều có thể xuất hiện cùng một lúc. Thế thì, nói “không đồng thời hiện ra” là thế nào? Bởi vì nếu quý vị hiện xuất một Tam muội, nếu chỉ thành tựu được một loại Tam muội mà thôi, thì đây không phải là “đồng thời hiện ra.” Tuy nhiên, có đôi khi, quý vị hiện xuất

một loại Tam muội mà có thể bao gồm được tất cả các Tam muội khác, thì đó gọi là “đồng thời hiện ra” vậy.

Kinh văn:

當知其人是虛空藏。常以空慧觀眾生故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị hư không tạng, thường dĩ không huệ quán chúng sanh cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng hư không, vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sanh.)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng hư không**”: quý vị nên biết, người này giống như hư không tạng, “**vì hằng dùng không huệ quán sát chúng sanh**”: vì thường dùng trí tuệ như hư không để quán nhân duyên của chúng sanh.

Kinh văn:

當知其人是無畏藏。龍天善神常護持故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị vô úy tạng, long thiên thiện thần thường hộ trì cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng vô úy vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì.)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng vô úy**”: nên biết người này không có sợ hãi, “**vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì**”: vì có thiên long bát bộ tất cả thiện thần thường ủng hộ người này.

Kinh văn:

當知其人是妙語藏。口中陀羅尼音無斷絕故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị diệu ngữ tạng, khẩu trung Đà La Ni âm vô đoạn tuyệt cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ vì tiếng Đà la ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt.)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng diệu ngữ**”: quý vị nên biết, người thường tụng chú Đại Bi chính là diệu ngữ tạng (*kho tàng lời nói hay*), ngôn ngữ của chú họ tụng trì đều là ngôn ngữ không thể nghĩ bàn. “**Vì tiếng Đà la ni trong miệng tuôn ra bất tuyệt**”: vì trong miệng họ thường luôn niệm chú Đại Bi. Bất tuyệt chính là luôn luôn niệm, không gián đoạn. Xưa, tôi gặp rất nhiều thầy Tỳ kheo như vậy, từ sáng đến tối chuyên trì chú Đại Bi, không nghĩ ngợi việc gì khác, trì đến độ tất cả vọng tưởng đều không có.

Kinh văn:

當知其人是常住藏。三災惡劫不能壞故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị thường trú tạng, tam tai ác kiếp bất năng hoại cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng thường trú vì tam tai, ác kiếp không thể làm hại.)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng thường trú**”: quý vị nên biết người này là kho tàng thường trú. “**vì tam tai**”: tam tai là gì? Hôm qua không phải đã giảng qua rồi sao? Thủy tai, hỏa tai và phong tai. “Nước làm ngập sơ thiên, lửa đốt cháy nhị thiên, gió thổi bay tam thiên”, hiện tại trên thế giới cũng có thủy tai, hỏa tai, và phong tai nhưng chỉ là nhỏ. Lớn là khi nước thì nhấn chìm cả cõi sơ thiên, lửa thiêu đốt cả cõi nhị thiên, gió cuốn phăng cả cõi tam thiên. Đừng nói là ở nhân gian mà trên cõi trời cũng hứng chịu ba tai họa như vậy. “**Ác kiếp**”: chính là sự hoành hành của nạn đao binh, thủy, hỏa, ôn dịch, “**không thể làm hại**”: quý vị thường niệm chú Đại Bi thì những kiếp nạn trên đây không đến nơi thân quý vị.

Niệm chú Lăng Nghiêm, hiển nhiên công đức không thể nghĩ bàn; niệm chú Đại Bi cũng như vậy, có sức mạnh xoay chuyển trời đất, dời sông lấp biển. Tu pháp Tứ Thập Nhị Thủ Nhân thành công rồi, quý vị có thể di chuyển núi Tu Di, quý vị có thể dời thế giới này sang thế giới khác, còn thế giới kia sẽ được dời đến thế giới này; và mọi người trên thế giới này không biết rằng quý vị đã di dời nó! Quý vị xem có vi diệu không? Từ phương bắc dời đến phương nam, dời đến hàng vạn dặm, nhưng người khác không biết là có sự di dời, đây mới là chân chánh di dời! Quý vị phải tu thành rồi thì quý vị mới có năng lực như vậy, có thể nói nơi này không tốt thì quý vị dời đến nơi khác, hoặc dời thế giới khác đến thế giới này, hoặc di chuyển thế giới này sang thế giới khác, không cần ngồi hoá tiền. Quý vị thấy có vi diệu không? Nhưng quý vị cần phải tu thành tựu tu không tốt thì không được.

“Bất năng hoại cố”: tất cả kiếp nạn đều không thể phá hoại, cho nên gọi là tạng thường trú.

Kinh văn:

當知其人是解脫藏。天魔外道不能稽留故。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị giải thoát tạng, thiên ma ngoại đạo bất năng khê lưu cố.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát vì thiên ma ngoại đạo không thể bức hại.)

Lược giảng:

“Nên biết người ấy chính là tạng giải thoát”: quý vị nên biết, người niệm chú Đại Bi thì được kho tàng giải thoát, vì **“thiên ma ngoại đạo không thể bức hại.”**: tất cả đều tự do, thiên ma ngoại đạo cũng không thể quấy nhiễu, giam giữ quý vị, không thể kiểm soát quý vị. Bình thường quý vị có chút kỹ năng, đôi khi thiên ma ngoại đạo sẽ bắt quý vị làm quyền thuộc; nhưng nếu quý vị có thể tụng chú Đại Bi, thì chúng sẽ không có cách nào để bắt giữ quý vị.

Kinh văn:

當知其人是藥王藏。常以陀羅尼療眾生病故。

Hán văn: *Đương tri kỳ nhân thị dược vương tạng, thường dĩ Đà La Ni liệu chúng sanh bệnh cố.*

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng dược vương vì thường dùng Đà la ni trị bệnh chúng sanh.)

Lược giảng:

Chú Đại Bi có thể trị tất cả bệnh trên thế gian, thế giới có tám vạn bốn ngàn loại bệnh, chú Đại Bi đều có thể trị. Nhưng quý vị cần thành tâm trì tụng, mới có năng lực công hiệu này. Nếu quý vị không thành tâm trì tụng, bình thường cũng không trì tụng, đợi đến khi người bệnh đến, quý vị nói: “Ồ! Tôi giúp anh một biến chú Đại Bi, anh sẽ lành bệnh”. Niệm một biến? Quý vị niệm mười biến cũng không có công hiệu! Hằng ngày phải tu pháp Đại Bi, tụng chú Đại Bi thì đến lúc dùng mới có linh nghiệm, mới có năng lực.

Hằng ngày, nếu quý vị không tu, không tụng, nói là: “Bây giờ, tôi bắt đầu niệm, khi tôi cần sử dụng chú tôi mới niệm”. Công hiệu cũng sẽ có nhưng không lớn. Giống như hằng ngày quý vị không đào giếng, đợi khát nước, muốn đi uống nước nói: “Chỗ này của tôi không có nước, tôi muốn đào một cái giếng!”. “A, khi đào giếng thì phải đợi mấy ngày mới có nước chứ”. Quý vị nói: “Tôi sẽ đào giếng liền và sẽ có nước uống ngay bây giờ”. Làm gì có đạo lý này! Tụng trì chú Đại Bi cũng như vậy.

Hằng ngày quý vị tụng trì chú Đại Bi khi dùng đến sẽ giống như kho tàng thuốc, tất cả các phương thuốc đều có trong chú Đại Bi; quý vị niệm chú Đại Bi thì tất cả các bệnh đều không đến nơi thân quý vị.

Kinh văn:

當知其人是神通藏。遊諸佛國得自在故。其人功德。讚不可盡。

Hán văn: Đương tri kỳ nhân thị thần thông tạng, du chư Phật quốc đắc tự tại cố. kỳ nhân công đức, tán bất khả tận.

(Việt dịch: Nên biết người ấy chính là tạng thần thông vì được tự tại dạo chơi nơi 10 phương cõi Phật. Công đức người ấy khen ngợi không thể cùng!)

Lược giảng:

“**Nên biết người ấy chính là tạng Thần Thông**”: quý vị nên biết rằng người niệm Chú Đại Bi này có thần thông, “**vì được tự tại dạo khắp các cõi Phật.**” Người đó, trong lúc Thiền định, dù đang ngồi hay nằm, đều có thể đến các quốc độ của chư Phật. Muốn đến cõi nước của đức Phật nào, người ấy chỉ cần nghĩ tới cõi nước đó, chẳng hạn như: “Tôi muốn đi xem cho biết thế giới Cực Lạc trông như thế nào!”; thì liền nhập Thiền định và đến ngay thế giới Cực Lạc! Vì sao lại được như thế? Đó chính là do oai lực của Chú Đại Bi đã trợ giúp, khiến cho người ấy có thể du hành đến các cõi nước của chư Phật.

“Dạo khắp” ở đây ám chỉ sự du hành của tự tánh, chứ không phải mang theo “cái túi da hôi thối” này mà dạo chơi ở thế giới Cực Lạc đâu! Nếu cái thân này cùng theo đến thế giới Cực Lạc thì nó không thể trở về lại thế giới này được nữa, mà dù cho có trở về thì cũng không dễ gì mà có được sự thông dong tự tại! “**Công đức của người ấy tán thán không cùng tận.**” Dù có khen ngợi đến thế nào đi nữa thì cũng không thể kể cho hết công đức của người trì tụng Chú Đại Bi này được!

Kinh văn:

善男子。若復有人。厭世間苦。求長生樂者。在閒淨處。清淨結界。咒衣著。若水。若食。若香。若藥。皆咒一百八遍服。必得長命。

Hán văn: Thiện nam tử, nhược phục hữu nhân, yếm thế gian khổ, cầu trường sanh giả, tại nhàn tịnh xứ, thanh tịnh kết giới, chú y trước, nhược thủy, nhược thực, nhược hương, nhược dược, giai chú nhất bách bát biên phục, tất đắc trường mạng.

(Việt dịch: Nay thiện nam tử! Nếu kẻ nào chán sự khổ ở thế gian muốn cầu thuốc trường sanh, thì nên an trụ nơi chỗ vắng lặng sạch sẽ. Kết giới thanh tịnh và thật hành một trong các phương pháp như sau: Hoặc tụng chú vào trong áo mà mặc. Hoặc tụng chú vào nước uống, thức ăn, chất thơm, dược phẩm mà dùng. Nên nhớ mỗi thứ đều tụng 108 biến, tất sẽ được sống lâu.)

Lược giảng:

Đoạn này nói người muốn trường sanh bất lão, muốn sống mãi, vĩnh viễn không chết. Có một loại ngoại đạo, nói sanh đến thiên quốc thì sống mãi, nhưng phải thoát khỏi bọc da hôi thối này. Trong giáo lý nhà Phật, nói đến thế giới Cực lạc, sinh ra từ hoa sen thì không còn đọa lạc nữa; cũng không cần túi da hôi thối, thân thể giả tạm này. Nhưng, nếu quý vị muốn không bỏ thân thể hôi dơ này mà vẫn được trường sanh bất tử, thì cũng có một cách! Bồ tát Quán Thế Âm có phương pháp có thể giúp quý vị, vậy nó như thế nào?

“Nay Thiện nam tử”: thiện nam tử nghĩa là bao hàm cả nam lẫn nữ, thiện nam và thiện nữ là người tu mười điều thiện và giữ năm giới. **“Nếu có kẻ nào chán sự khổ ở thế gian”**: giả sử có người nào ghét cảnh khổ đau, sanh rồi chết, chết rồi sanh ở thế gian, **“cầu thuốc trường sanh”**: họ muốn cả đời này không chết, mà cũng lại không sanh, mãi mãi được sự sống trường sanh. Có phương pháp này, làm như thế nào? Quý vị ở trong **“chỗ vắng lặng sạch sẽ”**. Hán văn dùng từ ‘nhàn tịnh’, ‘Nhàn’ là nhàn nhã, là nơi vắng người, ‘tịnh’ chính là thanh tịnh, đây là nơi rất yên tĩnh. **“Kết giới thanh tịnh”**: Ở nơi này dùng chú Đại Bi kết thành kết giới. Phương pháp kết giới ở sau sẽ đề cập đến.

“Hoặc tụng chú vào trong áo”: lấy y phục của quý vị, niệm một trăm lẻ tám biến chú Đại Bi. **“Hoặc tụng chú vào nước uống, thức ăn, chất thơm, dược phẩm mà dùng”**: nếu quý vị muốn uống nước thì trì một trăm lẻ tám biến chú Đại Bi

sau đó mới uống; Quý vị muốn ăn đồ gì niệm một trăm lễ tám biến chú Đại Bi sau đó mới ăn; Hoặc đốt hương cũng niệm một trăm lễ tám biến sau đó mới đốt; hoặc uống thuốc cũng niệm một trăm lễ tám biến chú Đại Bi rồi mới uống. **“Mỗi thứ đều tụng 108 biến”**: tất cả niệm một trăm lễ tám biến sau đó mới sử dụng. ‘Phục’ chính là quần áo, là mặc quần áo; Đồ uống, đồ ăn, hương hoa, thuốc cũng đều như vậy tụng như vậy.

Đây là đặt tất cả các đồ vật này lại chung với nhau và trì vào đó một trăm lễ tám biến? Hay đọc riêng lễ mỗi vật một trăm lễ tám biến? Có những người tâm ý lười biếng nên đặt ra ý tưởng tuyệt vời này: “nếu tôi gộp lại với nhau rồi trì vào một trăm lễ tám biến, tôi sẽ được tất cả”. Điều đó cũng tốt, nhưng hiệu quả sẽ kém hơn, vì nó đã phân tán rồi. Quý vị niệm mỗi cái một trăm lễ tám biến tuy mất nhiều thời gian nhưng hiệu nghiệm rất lớn. Nếu muốn hiệu quả nhỏ thì tiết kiệm được một ít thời gian, nhưng khi trì chú xong thì làm sao? Thời gian để làm gì? Nếu quý vị muốn ngủ, thì không cần niệm thần chú. Vì vậy, tôi lựa chọn trì tụng thần chú một trăm lễ tám biến.

“Tất sẽ được sống lâu”: nhất định mạng sống được lâu dài; dài là bao lâu? Không ai biết được, bởi không có giới hạn bao lâu miễn là quý vị muốn. Quý vị nói: ‘Ồ! Tôi không muốn sống trường thọ nữa’, quý vị có thể chết bất cứ lúc nào quý vị muốn, tùy thuận duyên đều có thể vãng sanh, cũng rất tự do. Vậy nên, cuộc đời quý vị dài bao lâu, không ai biết, không ai quyết định thay quý vị.

Kinh văn:

若能如法結界。依法受持。一切成就。其結界法者。取刀。咒二十一遍。劃地為界。或取淨水。咒二十一遍。散著四方為界。或取白芥子。咒二十一遍。擲著四方為界。或以想到處為界。或取淨灰。咒二十一遍為界。或咒五色線二十一遍。圍繞四邊為界。皆得。若能如法受持。自然剋果。

Hán văn: Nhược năng như pháp kết giới, y pháp thọ trì, nhất thiết thành tựu, kỳ kết giới giả, thủ đao, chú nhị thập nhất biến, hoạch địa vi giới, hoặc thủ tịnh thủy, chú nhị thập nhất biến, tán tứ phương vi giới, hoặc thủ bạch giới tử, chú nhị thập nhất biến, trích trước tứ phương giới, hoặc dĩ tướng đáo xứ vi giới, hoặc thủ tịnh hôi, chú nhị thập nhất biến, hoặc chú ngũ sắc tuyền nhị thập nhất biến, vi nhiều tứ biên vi giới, giai đắc, nhược năng như pháp thọ trì, tự nhiên khắc quả.

(Việt dịch: Nếu có thể kết giới đúng pháp, và y như pháp mà thọ trì, thì mọi việc đều thành tựu. Phép kết giới như thế nào? Hoặc tụng chú vào lưỡi dao sạch, rạch đất xung quanh làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào nước sạch, rải 4 phương làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào hạt cải trắng, liêng ra bốn phía làm giới hạn. Hay dùng tâm tưởng đến chỗ nào thì chỗ đó là giới hạn. Hoặc tụng chú vào tro sạch, rải xung quanh làm giới hạn. Hoặc tụng chú vào chỉ ngũ sắc, treo vây bốn bên làm giới hạn. Mấy phương pháp trên đây, dùng cách nào cũng được. Nên nhớ mỗi thứ đều phải tụng cho đủ 21 biến. Nếu tụng trì đúng pháp, tự nhiên sẽ được hiệu quả.)

Lược giảng:

“**Nếu có thể kết giới đúng pháp**”: nếu quý vị có thể y theo pháp kết giới, “**Y như pháp thọ trì**”: y theo pháp thọ trì chú Đại Bi, cũng chính là tu theo phương pháp này, cho đến tu trì Tứ Thập Nhị Thủ Nhân pháp; “**mọi việc đều thành tựu**”: tất cả đều thành tựu, mong cầu điều gì đều được thành tựu. “**Phép kết giới thế nào?**”: vậy làm thế nào để kết thúc pháp kết giới? Bây giờ, tôi sẽ nói cho quý vị.

“**Lưỡi dao sạch**”: quý vị tìm một con dao, tìm con dao để làm gì? Có phải để giết người? Không phải giết người, mà là chém vào đất, rạch vào đất. “**Tụng đủ 21 biến**”: sau khi quý vị cầm dao và trì đủ hai mươi một biến chú Đại Bi, xong rồi quý vị cũng phải tiến thành “**tam thoá**”, bên trên có phải đã giảng qua “**tam thoá**” rồi? Sau khi quý vị tam thoá xong, sau

đó **“vạch đất xung quanh làm giới hạn”**: quý vị đến chỗ cần kết giới, quý vị muốn diện tích dài ngắn bao nhiêu và ở khu vực nào, thì dùng dao vạch thành cái rãnh làm ranh giới ở vùng đất mình đã chọn. Trong giới hạn của quý vị đã vạch ra, thiên ma, ngoại đạo, yêu tinh quỷ quái cũng đều không thể tiến vào được. Chúng có thể ở ngoài, nhưng chúng không thể vào được; vì đây là sự vi diệu của chú Đại Bi. Quý vị kết giới rồi nơi này chính là phạm vi của quý vị.

“Hoặc tụng chú vào nước sạch”: bây giờ phần nhiều kết giới đàn thường sử dụng nước sỏi tịnh, vì đề có nước sỏi tịnh để, dùng một cốc nước sạch, làm cách như này để thành nước sỏi tịnh. Nước sỏi tịnh **“tụng đủ 21 biến”**: quý vị niệm hai mươi một biến vào cốc nước. Sau đó khi có pháp hội gì, thời có thể làm sỏi tịnh; sỏi tịnh cũng chính là kết giới. Mọi người niệm chú Đại Bi, cầm ly nước sạch, vẩy nước bằng cảnh Dương Liễu như thế này, **“rải 4 phương làm giới hạn”**: nước sỏi tịnh rải đến nơi nào thì đó chính là phạm vi của kết giới.

“Hoặc tụng chú vào hạt cải trắng”: hoặc dùng hạt cải trắng, đây là một loại hạt cải, **“Tụng đủ 21 biến”**: niệm hai mươi một biến chú Đại Bi, **“liêng ra bốn phía làm giới hạn”**: rải bốn phương, hạt cải đến nơi nào, nơi đó chính là phạm vi của kết giới.

“Hay dùng tâm tưởng đến chỗ nào thì chỗ đó là giới hạn”: hoặc quý vị nghĩ đến nơi nào thì nơi đó là giới hạn. Ví dụ, khi tôi nghĩ: "À! Tôi nghĩ ánh trăng làm giới hạn." Khi đó ánh trăng được bao gồm trong kết giới của tôi; nghĩ về mặt trời làm giới hạn, mặt trời cũng được bao gồm trong kết giới của tôi; nghĩ về tứ bộ châu là một trong những giới hạn của tôi, tứ bộ châu đều là những nơi nằm trong kết giới của tôi.

“Hoặc tụng chú vào tro sạch”: hoặc lấy tro sạch, tức là tro ở lư hương, **“tụng đủ 21 biến rải xung quanh làm giới hạn”**: niệm đủ hai mươi một biến, quý vị rải đến chỗ nào chỗ đó là giới hạn. **“Hoặc tụng chú 21 biến vào chỉ ngũ sắc”**: hoặc

dùng chỉ ngũ sắc niệm hai mươi một biến, **“treo quanh bốn bên làm giới hạn”**: treo xung quanh bốn bên làm giới hạn.

Cho nên, không có cách nhất định, phương pháp kết giới này **“Cách nào cũng được”**: chúng ta dùng cách nào cũng được; **“Giai đặc”**: chính là đều có thể. Điều này rất tiện lợi, quý vị không có cái này thì có cái kia, không có chỉ ngũ sắc thì có tro, không có tro thì có nước sạch, không có nước sạch thì có hạt cải trắng, không có hạt cải trắng thì có dao. Quý vị làm cách nào đều cũng được. Quý vị thích cách nào thì dùng cách đó, Hoặc tôi nghĩ thế này: ‘Ôi! Nghĩ rằng trong vòng 500 dặm xung quanh nằm trong kết giới của mình’. **“Nếu tụng trì đúng pháp”**: nếu quý vị như pháp thọ trì, **“tự nhiên sẽ được hiệu quả”**: chính là tự nhiên có năng lực đạt đến quả, có thể chứng được quả này, “hiệu quả”: chính là có thể được hiệu quả. *(Đây là phần kinh văn Đức Phật giảng về cách làm kết giới đàn khi tụng chú Đại Bi, những ai tụng chú Đại bi thì nên kết giới đàn này rồi trì tụng sẽ đúng như pháp)*

Kinh văn:

若聞此陀羅尼名字者。尚滅無量劫生死重罪。何況誦持者。若得此神咒誦者。當知其人已曾供養無量諸佛。廣種善根。若能為諸眾生拔其苦難。如法誦持者。當知其人即是具大悲者。成佛不久。所見眾生。皆悉為誦。令彼耳聞。與作菩提因。是人功德無量無邊。讚不可盡。

Hán văn: Nhược văn thử Đà La Ni danh tự giả, thượng diệt vô lượng kiếp trọng tội, hà hưởng tụng trì giả. Nhược đắc thử thần chú tụng giả, đương trì kỳ nhân dĩ tăng cúng dường vô lượng chư Phật, quảng chủng thiện căn, nhược năng vi chư chúng sanh bạt kỳ khổ nạn, như pháp tụng trì giả, đương trì kỳ nhân tức thị cụ đại bi giả, thành Phật bất cửu, sở kiến chúng sanh, giai tất vi tụng, linh bị nhĩ văn, dữ tác bồ đề nhân, thị nhân công đức vô lượng vô biên, tán bất khả tận.

(Việt dịch: Chúng sanh nào nghe danh tự của môn Đà la

ni này còn được tiêu diệt tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp, huống chi là tụng trì? Nếu người nào được thần chú này mà tụng trì, phải biết kẻ ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành. Nếu như kẻ nào có thể giúp chúng sanh tiêu trừ khổ nạn, tụng trì đúng pháp nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi, không bao lâu nữa sẽ thành Phật. Cho nên, hành giả khi thấy mọi loài, đều nên vì chúng tụng trì chú này, khiến cho chúng được nghe để cùng gây nhân Bồ Đề, thì sẽ được vô lượng, vô biên công đức.)

Lược giảng:

“Chúng sanh nào nghe danh tự của môn Đà la ni này”: nếu quý vị nghe thấy tên “Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Từ Đại Bi Quảng Đại Viên Mãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni” thần diệu chương cú này, **“còn được tiêu diệt tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp”**: quý vị vừa nghe thấy liền diệt tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp. Có người nói: “Tôi đã nghe rất nhiều lần, tôi có thể diệt rất nhiều tội nặng sanh tử trong vô lượng kiếp rồi”. Quý vị đã diệt vô lượng tội nặng sanh tử, nhưng quý vị lại tạo vô lượng tội nặng sanh tử; cho nên tội đã diệt không nhiều bằng tội đã tạo, vậy thì cũng như không diệt! Vì sao vậy? Bởi vì quý vị không thể y pháp tu hành; không tuân thủ giới luật, nêu y pháp tu hành, tuân thủ giới luật thì mới có thể diệt sạch hoàn toàn. **“Huống chi là tụng trì”**: nghe đến danh hiệu này, còn có thể diệt được tội nghiệp của quý vị nhiều như vậy, huống chi là quý vị có thể tụng trì Chú Đại Bi!

“Nếu người nào được thần chú này mà tụng trì”: người nào được thần chú rồi trì tụng, nếu ai có thể tụng trì thần chú này. **“phải biết kẻ ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật”**: quý vị nên biết, người ấy đã cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ rồi. Quý vị phải biết, các quý vị cũng đã cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ rồi, mới có thể gặp được “Đại Bi Tâm Đà La Ni”! Nếu quý vị chưa từng cúng

đường vô lượng chư Phật, nhất định quý vị sẽ không nghe được vào tai; giả sử nếu nghe được thì nghe từ tai bên này, lọt qua tai bên kia, rồi cũng không thể giữ lại ở chỗ của quý vị; **“gieo nhiều căn lành.”**: quý vị cúng dường vô lượng chư Phật, rộng trồng các thiện căn mới gặp được thần chú Đại Bi.

“Nếu như kẻ nào có thể giúp chúng sanh tiêu trừ khổ nạn”: nếu quý vị lại có thể tụng Chú Đại Bi, quán tưởng nhớ bỏ khổ nạn cho tất cả chúng sanh, **“tụng trì đúng pháp”**: trì tụng theo pháp Đại Bi. Điều quan trọng nhất của quý vị chính là tụng trì đúng theo pháp, quý vị không tụng trì đúng như pháp thì không có lợi ích gì.

“Nên biết người ấy là bậc có đủ tâm đại bi”: quý vị phải biết được người ấy, chính là hóa thân của Đại Bi Quán Âm Bồ Tát, đầy đủ tâm đại bi. **“Không bao lâu nữa sẽ thành Phật”**: không lâu thì nhanh chóng thành Phật. **“Hành giả khi thấy mọi loài”**: những người trì tụng chú Đại Bi khi tất cả chúng sanh mà họ nhìn thấy, **“đều nên vì chúng tụng trì chú này”**: đều vì những chúng sanh này mà tụng trì Chú Đại Bi; **“khiến cho chúng nghe được”**: khiến cho tất cả chúng sanh, đều chính tai nghe được Chú Đại Bi, cùng với danh từ Chú Đại Bi. **“cùng gây nhân Bồ Đề”**: bởi vì họ nghe được Chú Đại Bi hoặc nghe được danh từ Chú Đại Bi, đều có thể làm nhân Bồ Đề xa. **“Thì sẽ được vô lượng, vô biên công đức”**: những người thường xuyên niệm Chú Đại Bi, và khiến cho tất cả chúng sanh nghe được âm thanh của Chú Đại Bi sẽ được vô lượng vô biên công đức, **“tán bất khả tận”**: không cách nào có thể tán thán cùng tận được công đức này của người ấy.

Kinh văn:

若能精誠用心。身持齋戒。為一切眾生懺悔先業之罪。亦自懺謝無量劫來種種惡業。口中馭馭誦此陀羅尼。聲聲不絕者。四沙門果。此生即證。其利根有慧觀方便者。十地果位。剋獲不難。何況世間小小福報。所有求願。無不果遂者也。

Hán văn: “Nhuộc năng tinh thành dụng tâm, thân trì trai giới, vị nhất thiết chúng sanh sám hối tiên nghiệp chi tội, diệc tự sám tạ vô lượng kiếp lai chủng chủng ác nghiệp. Khâu trung tấp tấp tụng thử Đà La Ni, thanh thanh bất tuyệt giả, tứ Sa môn quả, thử sanh tức chứng. Kỳ lợi căn hữu tuệ quán phương tiện giả, Thập địa quả vị, khắc hoạch bất nan, hà huống thế gian tiêu tiêu phước báo; sở hữu cầu nguyện, vô bất quả toại giả dã”.

(Việt dịch: Nếu như dụng tâm tinh thành, thân giữ gìn trai giới, vì tất cả chúng sanh sám hối nghiệp ác đời trước, tự mình cũng sám hối những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay. Nơi miệng liên tục, đều đặn tụng Đà la ni này âm thanh liên tiếp không dứt, thì trong đời hiện tại liền chứng được bốn đạo quả của bậc Sa Môn. Nếu là hạng lợi căn, có phương tiện huệ quán thì quả vị thập địa còn chứng được không lấy gì làm khó, huống gì là những phước báo nhỏ nhất ở thế gian. Những việc như thế, nếu có mong cầu, đều được toại nguyện.)

Lược giảng:

“**Nếu như dụng tâm tinh thành**”: hán văn dùng từ ‘Nhuộc năng’ chính là “nếu như, giả như”; ‘tinh’ là gì?, chuyên nhất gọi là ‘tinh’; ‘thành’ chính là chí thành. Chuyên nhất không xen tạp, chỉ có một lòng như vậy.

Tiếp theo làm gì? “**Thân trì trai giới**”: ‘Thân’ chính là thân thể; ‘trì’ chính là thọ trì; ‘trai’ chính là ăn chay, không ăn thịt; ‘giới’ chính là ngăn trừ tất cả việc ác, không làm các việc ác, tuân thủ giới luật. “**Vì tất cả chúng sanh sám hối nghiệp ác đời trước**”: tất cả chúng sanh đều có tội nghiệp, quý vị cần tinh chuyên trì Giới Luật, vì tất cả chúng sanh sám hối tội nghiệp đời trước; “**tự mình cũng sám hối**”: đây không phải là vì chính mình, nhưng cũng là vì chính mình, bởi vì chính mình cũng là vì chúng sanh, cho nên nói sám hối cho chúng sanh, cũng chính là sám hối cho chính mình. “**những ác nghiệp đã gây ra từ vô lượng kiếp đến nay**”: vô lượng kiếp lai, chính là

từ vô thủy kiếp đến bây giờ. Vô lượng kiếp đến nay, tất cả ác nghiệp đã tạo trong đời đời kiếp kiếp là vô lượng vô biên.

“Nơi miệng liên tục, đều đặn tụng Đà la ni này”: Hán văn dùng từ ‘táp táp (駉駉)’ là âm thanh ngựa đi đường; nói đến âm thanh quý vị niệm Chú Đại Bi thì cần liên tục, một câu này qua, câu sau lại nối tiếp, “Nam mô hất ra đất na đa ra dạ da...”. Lúc nào cũng niệm Đà La Ni này như vậy, cũng giống như âm thanh ngựa chạy vậy. **“Âm thanh liên tiếp không dứt”**: liên tiếp không dứt tức là không ngừng, niệm một tiếng rồi lại một tiếng. Không phải là niệm Chú Đại Bi, có vọng tưởng, rồi dừng lại; mà phải chuyên nhất tâm mình, tâm niệm chuyên nhất.

“Bốn đạo quả của bậc Sa Môn”: chính là Sơ quả A La Hán, Nhị quả A La Hán, Tam quả A La Hán, Tứ quả A La Hán; **“trong đời hiện tại”**: trong đời này có thể chứng được quả A La Hán; nhưng quý vị phải thành tâm trì tụng. **“Nếu là hàng lợi căn”**: lợi căn chính là có căn lành, trí huệ; **“có phương tiện huệ quán”**: người có trí huệ để quán sát, hiểu rõ được tất cả pháp môn phương tiện. Thì **“Thập địa quả vị, khắc hoạch bất na”** nghĩa là **“quả vị thập địa còn chứng được không lấy gì làm khó”**: các quả vị thập địa, chính là Hoan hỷ địa, Ly cấu địa, Phát quang địa, Diễm huệ địa, Nan thắng địa, Hiện tiền địa, Viễn hành địa, Bất động địa, Thiện huệ địa, Pháp vân địa. Quả vị Thập địa này, chính là quả vị của Bồ Tát. Tuy là nói quả vị của Bồ Tát không dễ gì đạt được, nhưng quý vị niệm Chú Đại Bi, thì không khó đạt được. ‘Khắc’ là có thể; ‘khắc hoạch’ chính là có thể đạt được. Quả vị Thập địa vốn dĩ rất khó đạt được, nhưng bởi vì hiện giờ quý vị tụng trì Chú Đại Bi, vậy thì không còn gì khó khăn nữa. **“Huống gì là những phước báo nhỏ nhặt ở thế gian”**: huống chi là phước báo nhỏ nhoi ở thế gian chứ! Thế nào gọi là phước báo nhỏ nhặt ở thế gian? Làm quốc vương, làm tông thống, hoặc làm người giàu có nhất; đây đều là phước báo nhỏ nhoi ở thế gian, không được xem là vượt trội gì!

“**Tất cả những điều mong cầu**”: tất cả những gì quý vị mong cầu, “**không gì là không thành tựu cả**”: không có gì là không như ý mãn nguyện. Nhưng quý vị còn nhớ không? Trừ một điều. Trừ điều gì vậy? Phải trừ bỏ tâm nghi ngờ. Quý vị “**nếu còn sanh chút lòng nghi, tất không được toại nguyện**”: nếu quý vị có một chút tâm nghi ngờ giống như một sợi tóc cũng không đạt được nguyện vọng này; cho nên cần phải thật thật sự tin tưởng. Tôi thường nói:

Quý vị không thể xả bỏ lòng nghi thì không thể sanh tín;

Quý vị không thể xả bỏ mê thì không thể được ngộ;

Quý vị không thể xả tà thì không thể quy chánh;

Quý vị không thể xả giả thì không thể thành chân;

Quý vị không thể xả tử thì không thể dứt sanh.

Vì vậy, không thể sanh tâm nghi ngờ, người sanh chút ít tâm nghi thì không thể được như ý nguyện. Câu “**tất cả đều thành tựu**”: là tất cả đều thành tựu nhưng phải không có tâm nghi ngờ; có một chút tâm nghi ngờ thì không thành tựu.

Kinh văn:

若欲使鬼者。取野鬪髑淨洗。於千眼像前設壇場。以種種香華飲食祭之。日日如是。七日必來現身。隨人使令。若欲使四天王者。咒檀香燒之。由此菩薩大悲願力深重故。亦為此陀羅尼威神廣大故。

Hán văn: “Nhuộc dục sử quý giả, thủ dã độc lâu tịnh tẩy, ư thiên nhãn tượng tiền thiết đàn tràng. Dĩ chủng chủng hương hoa ẩm thực tế chi, nhật nhật như thị, thất nhật tất lai hiện thân, tùy nhân sử linh. Nhuộc dục sử tứ thiên vương giả, chú đàn hương thiêu chi, do thử Bồ Tát đại bi nguyện lực thâm trọng cố, diệc vị thử Đa La Ni uy thần quảng đại cố”.

(Việt dịch: Nếu người nào muốn sai khiến quỷ thần, thì tìm một chiếc xương sọ ở những ngôi mộ hoang, đem về rửa

sạch. Kế đó thiết lập đàn tràng để chiếc xương ấy trước tượng Thiên Nhân, chí tâm tụng chú. Mỗi ngày đều dùng hương hoa, cùng các thứ ăn uống cúng tế vong linh. Đúng 7 ngày như thế, quỷ sẽ hiện thân, tùy theo mệnh lệnh của người ấy sai bảo.)

Lược giảng:

“**Nếu người nào muốn sai khiến quỷ thần**”: quý vị muốn chi phối quỷ thần, kêu quỷ thần làm việc cho quý vị. Giảng Kinh Đại Bi Đà La Ni đến chỗ này, hôm qua thầy Quả Ninh nói: “Thật kỳ lạ! Pháp này thật kỳ lạ”. Điều này chẳng có gì kỳ lạ cả, đây đều là việc thường có trên thế giới, chỉ là chúng ta chưa hiểu rõ đạo lý này, khi chưa hiểu được pháp này, bèn cho rằng rất kỳ lạ. Cũng giống như nhân loại chúng ta chưa bao giờ đặt chân lên mặt trăng và mọi người thấy lạ khi chúng ta lên mặt trăng và lấy vài viên đá về trái đất, mọi người cho rằng những viên đá này khác với đá trên trái đất. Vốn dĩ là đá trên mặt trăng cùng với đá trên trái đất cũng giống nhau, không có gì khác biệt, chẳng phải là đá trong mặt trăng quý giá như đá kim cương. Tuy không quý giá như thế, nhưng dùng vài trăm tỷ để lấy về, tuy cũng là đá, nhưng vẫn quý giá. Bởi vì chúng sanh chúng ta không biết được đạo lý của pháp, cho nên nhìn thấy pháp này, cảm thấy rất kỳ lạ; thật ra đều là không rời tự tánh.

Bây giờ, là nói sai khiến quỷ thần. Sự việc sai khiến quỷ thần này, vốn là rất bình thường; nhưng người thông thường không thể sai khiến quỷ thần, cho nên cảm thấy người có thể sai khiến quỷ thần rất lạ lùng. Người thời xưa, rất nhiều, rất nhiều người có thể sai khiến quỷ thần. Thế nào gọi là sai khiến quỷ thần? Tức là kêu quỷ thần đến làm việc; có thể kêu quỷ thần đến quét nhà cho quý vị, lau bàn, nấu cơm, hoặc là mua một ít đồ, đây đều là việc có thể làm được. Nhưng người hiện nay đều không tu pháp này, cũng không tin pháp này, cho nên hiện nay không còn ai có thể sai khiến quỷ thần nữa.

Quý vị biết ở Trung Quốc có một người tên là Kỳ Hiều Đường không? Ông ta sống vào thời đại triều Thanh của

Trung Quốc. Kỳ Hiểu Đường là một người rất thông minh, ông tham gia thi khoa cử, bởi vì trình độ văn chương của ông quá xuất chúng, quan chủ khảo ganh ghét ông, cho nên ông không thi đỗ, ông bèn đi xuất gia. Ông ta xuất gia thì có năm con quỷ đến giúp ông làm việc. Năm con quỷ này vốn là gì? Không phải nói đây là ngũ quỷ sao? Lúc đầu ông đấu pháp với năm con quỷ ấy, năm con quỷ ấy không đấu lại ông, bèn quy y với ông. Quy y ông, bèn theo ông học pháp, ông kêu chúng làm việc gì thì chúng làm việc đó. Vì vậy, có việc gì ngoài mấy ngàn dặm, ông phái quỷ đến xem xét, thu thập một số thông tin, giống như gián điệp hiện nay vậy. Gián điệp của các quốc gia hiện nay, mọi người có thể nhìn thấy họ, như vậy vẫn chưa phải là bí mật; còn loại gián điệp này, người không nhìn thấy chúng, nhưng chúng có thể nhìn thấy người. Kỳ Hiểu Đường nói: “Người đến bên đó xem người nào đó đang làm gì?”, chúng liền đến nơi đó xem xét, trở về báo cáo với chủ nhân; bất luận là nơi nào cũng như vậy. Đây chính là tu pháp Đại Bi rất tinh, có thể sai khiến quỷ thần. Người sai khiến được quỷ này, ở đây nói quỷ nhưng trong loại quỷ cũng bao gồm thần rồi.

Hán văn dùng từ **“Thủ dã độc lâu, tịnh tẩy”** nghĩa là **“tìm một chiếc xương sọ ở những ngôi mộ hoang, đem về rửa sạch”**: thế nào gọi là ‘ngôi mộ hoang’? Chính là mộ phần tro tro không có chủ, cũng không có người chăm sóc. Ở Trung Quốc, người có con cái, thì sẽ có nghĩa trang, người chết đều được an táng cùng chỗ với nhau; đây gọi là mộ phần có chủ, có người quản, có con cháu quản. Còn ‘ngôi mộ hoang’? Là mộ phần tro tro không có con cháu, không có người quản, không có người đến cúng tế; quý vị lấy xương cốt bên trong mộ phần đó, lấy ra một khúc. Trên thân thể của người chết, bất luận là khúc xương nào cũng gọi là ‘độc lâu’. Vì sao phải lấy xương sọ ở những ngôi mộ hoang này vậy? Bởi vì xương sọ ở những ngôi mộ hoang này không có người cúng tế, cũng không có người quan tâm đến cho họ. Lúc này quý vị lấy xương của họ về, dùng

nước rửa sạch, đừng để có một chút thịt nào trên đó, phơi khô; rửa sạch sẽ rồi, cũng không còn mùi hôi thối nữa.

“Trước tượng Thiên Nhân”: Chính là ở trước tôn tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. Hơn một tháng sau, quý vị đến Hồng Kông, thì sẽ nhìn thấy tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát mà tôi đặt ở Hồng Kông; nhưng chỗ tôi không có đầu lâu, cho nên không cần đến nơi đó để xem có đầu lâu hay không! **“Thiết lập đàn tràng”**: chính là thiết lập một nơi, bất kỳ người nào không thể vào trong đó, giống như kiết giới vậy. Như đàn tràng của chúng ta, ở trong là cúng dường tượng Thiên Nhân. Nhưng trong pháp này không phải là cúng dường tượng Thiên Nhân, mà là thờ cúng đầu lâu.

“Dùng hương hoa, cùng các thứ ăn uống cúng tế vong linh”: hằng ngày phải thay hương, hoa nhiều lần; khi dùng cơm, dùng thức ăn để cúng tế, dâng cúng cho họ. **“Mỗi ngày đều”**: ngày nào cũng như vậy.

“Đúng 7 ngày như thế, quỷ sẽ hiện thân”: sau đúng bảy ngày, hồn của chiếc hộp sọ, chính là con quỷ ấy sẽ hiện ra. Bởi vì họ là xương đầu lâu hoang dã, không được ai đến cúng tế, vào lúc này, có người đến cúng tế họ, họ cũng sẽ đến hưởng những sự cúng tế này; sau bảy ngày, hoặc là ban ngày, quý vị sẽ nhìn thấy họ; hoặc là vào ban đêm sẽ nhìn thấy họ. Nhưng khi quý vị nhìn thấy, đừng nên sợ hãi, nói: “Ôi! Quỷ đến rồi!”. Bởi vì quý vị cúng họ, tức là quý vị muốn gọi họ đến; nếu lúc đó quý vị sợ hãi, thì họ sẽ cho rằng quý vị không phải chủ nhân, và họ sẽ làm chủ nhân của quý vị, muốn đến sai khiến quý vị! Quỷ sẽ nói: “Ngươi tìm ta đến để làm gì? Được thôi! Theo làm quyến thuộc của ta đi!”. Quý vị bị họ dọa, dọa đến chết, vậy thì bị họ bắt đi rồi, quý vị bị họ bắt đi thì phải nghe sự chỉ huy của họ. Nếu quý vị không sợ họ, họ nhất định hỏi quý vị: “Anh có yêu cầu gì với tôi? Kêu tôi làm gì?”. Vậy thì quý vị có thể kêu họ làm việc gì đó. Lúc ấy, quý vị nhớ kỹ

đừng quên Chú Đại Bi. Nếu quên niệm Chú Đại Bi, ô! Con quý ấy sẽ giận dữ - quý giận dữ thì nguy lắm! **“Tùy theo mệnh lệnh”**: quý vị muốn kêu họ làm gì thì họ làm việc đó, quý vị nói: ‘Hãy dời ngọn núi ở phía trước ra phía sau’. Họ cũng có thể dời. Nói tóm lại, đều có thể làm được.

Kinh văn:

若欲使四天王者。咒檀香燒之。由此菩薩大悲願力深重故。亦為此陀羅尼威神廣大故。

Hán văn: Nhược dục sử tứ thiên vương giả, chú đàn hương thiêu chi, do thử Bồ Tát đại bi nguyện lực thâm trọng cố, diệc vị thử Đà La Ni uy thần quảng đại cố”.

(Việt dịch: Như hành giả muốn sai khiến Tứ Thiên Vương, thì tụng chú này vào gỗ đàn hương rồi đốt lên, sẽ thấy hiệu quả. Sở dĩ được như thế cũng là do nguyện lực đại từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát sâu nặng, lại cũng do oai thần rộng lớn của đà la ni này.)

Lược giảng:

“Như hành giả muốn sai khiến Tứ Thiên Vương”: quý vị nói: “Tôi không muốn sai khiến quý thần, tôi muốn sai khiến Tứ đại Thiên vương, gọi Tứ đại Thiên vương làm việc cho tôi”. Điều này cũng có thể làm được. Làm thế nào? **“tụng chú này vào gỗ đàn hương rồi đốt lên”**: quý vị dùng gỗ đàn hương rồi niệm Chú Đại Bi vào; nhưng không chỉ mỗi niệm Chú Đại Bi. Nếu quý vị không hiểu rõ chỗ này, hoặc quý vị chỉ niệm Chú Đại Bi, như vậy thì lại không làm được. Vẫn còn hai bài chú, là chú gì? Một là Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni, hai là Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni. Hai bài chú này, phải niệm mỗi bài chú 108 biến, Chú Đại Bi cũng phải niệm 108 biến, sau đó quý vị đốt đàn hương lên. Ở đây không nói đến Tứ Đại Thiên Vương có hiện thân ngay không; nhưng nếu quý vị thành tâm một chút, quý vị chú nguyện một lần không hiện thân, quý vị chú nguyện tiếp, thậm chí là quý vị tụng chú để

thấp hương hằng ngày. Gia trì vào hương xong rồi, quý vị lại thấp lên, sau đó lại gia trì nén hương thứ hai, ngày nào cũng thấp như vậy; cũng phải đợi đến ngày thứ bảy, vào lúc ấy, Tứ Đại Thiên Vương sẽ hiện thân.

Đại sư Lục Tổ Huệ Năng ở chùa Nam Hoa, trái tọa cụ trong chùa, tất cả chùa Nam Hoa chu vi lớn khoảng 50, 60 dặm, đều được tọa cụ phủ kín; bốn góc chùa có Tứ Thiên Vương hiện thân, đứng ở bốn góc. Vì sao vậy? Cũng chính là vì bình thường Lục Tổ tu pháp Đại Bi, cho nên đến khi cần dùng Tứ Đại Thiên Vương, ngài nói: “Các ông hãy đến để canh giữ bốn phía cho ta!”. Tứ Đại Thiên Vương đều hiện thân! Ôi! Tứ Thiên Vương hình dáng uy phong lẫm liệt. Ông Trần Á Tiên vừa thấy liền nói: “Đây đúng là một Hòa thượng có thần thông thật phi thường”. Thế là ông ta liền dâng hiến cúng dường toàn bộ nơi đó. Đây cũng đều là do pháp Đại Bi mà Lục Tổ tu, mới có thành tựu như vậy.

“Được như thế cũng là do nguyện lực đại từ bi của Quán Thế Âm Bồ Tát sâu nặng”: bởi vì đại nguyện lực đại bi của Bồ tát Quán Thế Âm, đã phát lời nguyện: “Có người nào có thể trì Chú Đại Bi, tất cả sở cầu, nhất định được thành tựu”, cho nên nguyện lực vừa sâu vừa nặng. **“Lại cũng do oai thần rộng lớn của Đà la ni này”**: cũng là vì oai thần linh cảm của Đại Bi Đà la ni, rộng lớn vô biên, ngoài sức tưởng tượng.

Kinh văn:

佛告阿難。若有國土。災難起時。是土國王。若以正法治國。寬縱人物。不枉眾生。赦諸有過。七日七夜。身心精進。誦持如是大悲心陀羅尼神咒。令彼國土。一切災難悉皆除滅。五穀豐登。萬姓安樂。

Hán văn: Phật các A Nan: Nhược hữu quốc độ, tai nạn khởi thời, thị độ quốc vương, nhược dĩ chánh pháp trị quốc, khoan túng nhân vật, bất uông chúng sanh, xá chư hữu quá, thất nhật thất dạ, thân tâm tinh tấn, trì tụng như thị Đại Bi Tâm

Đà La Ni thần chú, linh bí quốc độ, nhất thiết tai nạn tất giai trừ diệt, ngũ cốc phong đăng, vạn tánh an lạc.

(Việt dịch: Đức Phật lại gọi ngài A Nan mà bảo: Này A Nan! Khi trong một nước có tai nạn nổi lên nếu muốn được an ổn, vị quốc vương ở xứ ấy phải biết dùng chánh pháp trị dân, có độ lượng khoan hồng, không làm oan uổng trăm họ, tha kẻ tù phạm, và giữ thân tâm tinh tấn tụng trì Đại Bi Tâm Đà la ni thần chú. Hành trì như thế luôn 7 ngày đêm thì trong cõi nước ấy tất cả tai nạn thảy đều tiêu tan, ngũ cốc phong thịnh, dân chúng được an vui.)

Lược giảng:

“Đức Phật lại gọi ngài A Nan mà bảo”: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khi nói xong đoạn kinh văn trước, bèn nói với vị Tôn giả Khánh Hỷ, cũng là Tôn giả A Nan, ngài là vị tổ thứ hai của Ấn Độ. Đức Phật nói **“Này A Nan, khi trong một nước”**: nếu có quốc gia nào, **“có tai nạn nổi lên”**: thế nào gọi là ‘tai’? Thế nào gọi là ‘nạn’? Tai có tam tai, nạn có bát nạn. Tam tai: chính là thủy tai, hỏa tai, phong tai. Bát nạn, không lẽ chỉ có tám nạn? Không phải, có rất nhiều rất nhiều nạn. Hễ điều gì không dễ vượt qua được đều gọi là nạn, nạn chính là vào thời gian ấy rất khó vượt qua, cho nên có lúc kết hợp với chữ ‘kiếp’, gọi là kiếp nạn. Kiếp là tiếng Phạn, vốn gọi là kiếp-ba. Dịch sang tiếng Trung Hoa là chữ kiếp, chữ **‘khứ’** thêm một nét **‘lưỡi’** của lưỡi đao là thành chữ **‘nhận’**, nghĩa là kiếp nạn thì không dễ thì không dễ dàng gì vượt qua được, cũng giống như đi qua lưỡi đao, quý vị muốn đi qua thì phải đối mặt với cái chết, cho nên gọi là kiếp nạn. Kỳ thực, giống như nạn nước, nạn gió, nạn lửa, hoặc là động đất, hoặc là mưa đá, hoặc là lũ lụt, đây đều là tai nạn; hoặc ôn dịch hoành hành, đây đều gọi là tai nạn.

Vào lúc xảy ra tai nạn, **“vị quốc vương ở xứ ấy”**: quốc vương trong quốc gia này, **“phải biết dùng chánh pháp trị dân”**: nếu ông ấy thực hành Phật pháp, hoặc là ông thọ năm

giới, tu thập thiện, hành Bồ tát đạo, **“độ lượng khoan dung”**: ‘khoan’ nghĩa là mở rộng; ‘dung’ nghĩa là thả ra. Không giam người dân vào lao ngục gọi là ‘khoan dung’; không nhốt thú vật vào chuồng, đây cũng gọi là ‘khoan dung’. **“Không làm oan uổng trăm họ”**: không làm oan uổng, tức là không tùy tiện giết chúng sanh. Cũng tức là đoạn tâm giết hại, không giết chúng sanh. **“tha kẻ tù phạm”**: bất luận là lỗi làm gì, đều tha thứ cho tội nhân, thả họ ra, không trách những người người có lỗi. **“Hành trì luân 7 ngày đêm”**: trong thời gian bảy ngày bảy đêm, **“giữ thân tâm tinh tấn”**: thân cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn, thân tâm đều cùng tinh tấn. Tinh tấn làm gì? **“tụng trì Đại Bi Tâm Đà la ni thần chú”**: chính là ngày đêm đều niệm Chú Đại Bi, tu Pháp môn tổng trì Đà la ni.

Thì **“trong cõi nước ấy”**: vị quốc vương ấy luôn nghĩ tưởng đến điều gì? Chỉ nghĩ rằng khiến cho quốc gia, **“tất cả tai nạn thủy đều tiêu tan”**: tất cả tai nạn, bất luận là nạn lớn hay nạn nhỏ, là tam tai bát nạn cũng vậy, là tam tai cửu nạn cũng vậy, là tam tai thập nạn cũng thế, tất cả đều được trừ diệt. **“Ngũ cốc phong thịnh”**: ‘Ngũ cốc’, chính là các loại đã trồng như: thóc, lúa, kê, lúa mì, các loại đậu, tất cả các loại ngũ cốc mà quốc gia ấy trồng. ‘Phong’ nghĩa là đầy đủ; ‘thịnh’ nghĩa là thu hoạch rất tốt, ngũ cốc được đưa ra chợ bán và cất trữ trong nhà. **“dân chúng được an vui”**: ‘dân chúng’, tức là bá tánh thông thường. Nếu không có tai họa thì dân chúng không có tai nạn, đều được an lạc. An cũng ăn không no, mặc cũng mặc không ấm, như vậy đều chịu khổ, vậy thì không an lạc.

※ ※ ※

Lần này, trong số năm vị xuất gia – ba vị Tỳ kheo, hai vị Tỳ kheo-ni, về mặt tên và thứ tự, đều là chuyện không thể nghĩ bàn. Năm người này, người xuất gia đầu tiên là Quả Tiên; ‘tiên’ là trước nhất cho nên khi thầy vừa đến quy y, liền đặt tên “Quả Tiên” cho thầy. quả nhiên là khi xuất gia rồi có người muốn đến tranh với thầy ấy, chạy đến trước thầy ấy, dù chạy

đến trước thầy, cũng không vượt qua được, bởi vì thầy ấy đã ở đằng trước rồi.

Còn Quả Ninh, bởi vì trước đây tâm của thầy không an ổn, không an ổn điều gì vậy? Bản thân thầy đã đấu tranh trong lòng rất lâu: “Phải làm thế nào đây?”. Cho nên khi quy y, tôi đặt tên cho thầy là Quả Ninh, phải an ninh, lại gọi là Hằng Tĩnh. Tên của Quả Tiên, gọi là Hằng Khiêm, khiêm tốn.

Người thứ ba là Quả Hiện, tôi cũng không hiểu vì sao lại đặt cho Quả Hiện cái tên này! Vốn là Quả Tiên xuất gia trước và thọ giới Sa Di trước Quả Hiện; nhưng tôi lại không nói cho rõ ràng mà chính chú ấy cũng không hiểu rõ cho lắm.

Lần này đi thọ giới, Quả Hiện không được đi, vì chú ấy đã nổi nóng và tự cầm dao chặt đứt một ngón tay của mình; thiếu mất một ngón tay thì đành phải thọ giới trễ một chút vậy. Lúc chặt ngón tay, chú ấy không cho tôi biết; nếu chú thưa với tôi trước, hỏi tôi một tiếng, rằng: “Con muốn chặt ngón tay có được không?”, thì có lẽ đã không bị tụt lại đằng sau như thế. Chú ấy đã không nói rõ với tôi, mà âm thầm chạy tới nhà bếp tự chặt đứt một ngón tay, và làm cho tám thớt cắt rau cải bị ô uế. Tôi nói là cũng còn dùng được, cho nên không cần phải thay tám thớt mới! Ấy da, như thế vẫn dùng tám thớt đó để cắt rau cải thì ăn vào có thể bị thành tinh không? Cũng chẳng hề chi, thì thành yêu tinh thôi! Quả Hiện vì thế mà phải nằm bệnh viện mất mấy hôm, nay thì Quả Tiên đã đi Đài Loan trước rồi!

Trong số các Tỳ Khuru Ni, Quả Dật xin xuất gia trước cho nên sẽ đứng trước Quả Tu; Quả Tu thì xin xuất gia sau, cho nên xếp theo thứ tự thọ giới mà tính thì cô ta đứng hàng thứ tư trong số các Tỳ Khuru và Tỳ Khuru Ni.

Lần này đến Đài Loan, các con nhất định phải giữ gìn đạo phong của Phật Giáo Giảng Đường chúng ta! Đừng để khi đến Đài Loan, nhìn thấy mọi người đều ăn hai bữa, ba bữa, sáng thức dậy cũng ăn, buổi tối cũng ăn, buổi trưa lại ăn, chúng ta

cũng ăn một chút. Các con ăn, cũng được, nhưng đối với Phật giáo nước Mỹ, không phải là tốt cho lắm. Nếu con nhất định nói là: “Con muốn đi ngược với Phật giáo nước Mỹ, không làm theo điều đó!”. Vậy thì có thể tùy tiện. Muốn ăn hai bữa, ba bữa đều được; bởi vì con đến đó, chịu ảnh hưởng bên đó, không nghe giáo hóa của sư phụ, không học pháp của sư phụ, mà học những pháp bên Đài Loan rồi! Thầy cũng không miễn cưỡng các con, “Sư phụ dẫn vào cửa, tu hành tại cá nhân”. Hiện nay, vào trong cánh cửa Phật giáo rồi, có thể nói là độ các con vào trong cửa rồi. Khi mê, thầy đưa các con vào trong cửa; hiện nay các con khai ngộ rồi, tự các con làm thế nào, do chính các con (*quyết định*). Sau khi con thọ giới, các con thích như thế nào thì đó là việc của bản thân các con.

Thứ tự thầy sắp xếp cho các con hôm nay, đó là một cảnh giới không thể nghĩ bàn trong âm thầm. Thầy đặt tên cho các con, không chỉ các con, mà đặt tên cho bất kỳ người nào cũng có nhân duyên của nó. Việc này, tuy không phải là quá lớn, nhưng cũng không hề nhỏ, bởi vì có liên hệ về nhân trước quả sau.

Khi Đại sư Liên Trì thọ giới, chính ngài đến trước đức Phật mà lạy Phật, niệm Phật, bái sám, được đức Phật đến xoa đánh truyền giới cho ngài, đồng thời Đại sư Trí Giả cũng đến truyền giới cho ngài. Vì vậy Đại sư Liên Trì không đến Đài Loan, cũng không đến Hong Kong cũng thọ được giới Cụ túc.

Hiện nay, nếu Quả Hiện thành tâm một chút, có thể siêng năng lạy Phật, niệm Phật, thì không chừng sẽ đắc được Cụ Túc Giới ngay tại đây; tuy nhiên, chú ấy có đắc giới hay không thì tôi đều biết rõ. Nếu đắc giới, thì càng tốt; nếu chưa đắc giới, thì cứ từ từ lại càng tốt hơn nữa. Đắc hay không đắc thì đều nên từ từ mà thỉnh cầu, thế nào cũng được Bồ Tát đến gia trì cho! Quý vị đến Đài Loan thọ giới, cần ghi nhớ là phải dũng mãnh tinh tấn, chớ nên chảng có chút tinh tấn gì cả. Nếu Quả Hiện, người ở lại, không được đi Đài Loan, thật sự “hiện thân thuyết pháp,”

đắc được giới rồi; còn quý vị sang tận Đài Loan mà lại không đắc giới, thì quý vị thật là uổng công phí sức vậy!

Kinh văn:

又若為於他國怨敵。數來侵擾。百姓不安。大臣謀叛。疫氣流行。水旱不調。日月失度。如是種種災難起時。當造千眼大悲心像。面向西方。以種種香華。幢旛寶蓋。或百味飲食。至心供養。其王又能七日七夜。身心精進。誦持如是陀羅尼神妙章句。

Hán văn: Hựu nhược vi u tha quốc oán địch, sắc lai xâm nhiều, bách tánh bất an, đại thần mưu phản, dịch khí lưu hành, thủy hạn bất điều, nhật nguyệt thất độ, như thị chủng chủng tai nạn khởi thời, đương tạo Thiên Nhân Đại Bi Tâm tượng, diện hướng nam phương, dĩ chủng chủng hương hoa, tràng phan bảo cái, hoặc bách vị ẩm thực, chí tâm cúng dường. Kỳ vương hựu năng thất nhật thất dạ, thân tâm tinh tấn, tụng trì như thị đà la ni thần diệu chương cú.

(Việt dịch: Lại trong một xứ, nếu gặp những tai ương dồn dập như: bị nước nghịch đem binh xâm lấn. Dân tình rối loạn không yên, quan đại thần mưu phản. Bệnh dịch lưu hành, mưa nắng không điều hòa hoặc hạn, nguyệt thất độ v.v... Khi các tai họa như thế xảy ra, muốn diệt các thứ tai họa ấy. Vị quốc vương phải lập đàn tràng, tạo tượng Thiên Nhân Đại Bi để day mặt về phương Tây. Sắm các thứ hương, hoa, tràng phan, bảo cái, hoặc trăm thức ăn uống mà chí tâm cúng dường. Rồi trong 7 ngày đêm thân tâm tinh tấn, đọc tụng Đại Bi Đà La Ni chương cú thần diệu.)

Lược giảng:

Sức mạnh của Chú Đại Bi là không thể nghĩ bàn, chỗ kỳ diệu của Chú Đại Bi cũng không thể nghĩ bàn, cảm ứng của Chú Đại Bi cũng không thể nghĩ bàn.

Đức Phật nói tiếp: “**Lại nếu bị nước thù nghịch khác**”

‘Hựu’ tức là lại thêm nữa; lại có một lực lượng khác, lực lượng nào? Không phải của nước mình mà là của nước oán địch khác. ‘Oán địch’ có nghĩa là có cừ oán, thù nghịch. **“Rất nhiều lần xâm lấn, quá nhiều”** Tiếng Trung Hoa, chữ ‘số’ (數) vốn được đọc là ‘shù’ (音樹), nhưng ở đây thì đọc là ‘shuò’ (音朔) và có nghĩa là rất nhiều. Đây là chữ trong *Luận Ngữ*, nằm ở câu ‘sự quân sát, tư nhục hỹ!’ Cho nên, quý vị nào đã từng đọc sách *Luận Ngữ*, thì sẽ biết đây là chữ ‘sát’ (âm shuò); nếu chưa hề xem qua sách *Luận Ngữ*, thì quý vị sẽ cho đây là chữ ‘số’ (âm shù). Thật ra, đọc là ‘số’ thì cũng được, vì cũng có nghĩa là ‘nhiều’; thế nhưng, đọc là ‘sát’ thì hàm ý là “rất nhiều lần”-rất nhiều lần bị nước thù nghịch khác xâm lấn, nhiễu loạn. Thế nào gọi là ‘học thức’? Như trường hợp chữ ‘sát’ này chẳng hạn, nếu là người không có học thức thì sẽ đọc là ‘số’; nhưng nếu quý vị có học thức thật sự thì cho dù không được ai chỉ bảo, quý vị vẫn biết và đọc là ‘sát’. Có người sẽ thắc mắc: ‘Thế chẳng hay Thầy có học thức chân thật chăng?’ Tôi không có học thức chân thật, vẫn còn là thứ học thức ‘giả thật’ mà thôi! “Vậy thì tại sao Thầy lại biết mà đọc như thế?” Chẳng qua là có nhiều người đọc như thế, cho nên tôi cũng cứ thế mà đọc theo thôi!

“Dân tình rối loạn không yên”: dân chúng đều kinh sợ bất an, vì sao vậy? Bởi thường xuyên có kẻ cướp đến cướp bóc; **“Quan đại thần mưu phản”**: ‘đại thần’ là chức vị quan trọng như Thừa tướng; ‘mưu phản’ là có người tạo phản, thành ra ‘có lý để tạo phản’. **“Bệnh dịch lưu hành”**: ‘dịch’ tức là ôn dịch. Bệnh ôn dịch, hoặc là bệnh tả, hoặc các bệnh truyền nhiễm khác, đều do loài ‘dịch quỷ’ tác oai tác quái. Loài ‘dịch quỷ’ này đem vi khuẩn mầm bệnh hại người gieo rắc khắp nơi, người nào hít phải khí độc do chúng tán rải thì liền sanh bệnh, có thể chết.

“Mưa nắng không điều hòa”: vì sao mưa không điều hòa vậy? Bởi vì lẽ ra mưa một tháng, nhưng lại mưa liên tục ba tháng, làm chìm chết hoa màu, bởi vì nước quá nhiều! Tôi

ngĩ các quý vị có thể hiểu được. Thế nào gọi là hạn? Lẽ ra là trời sẽ mưa nhưng lại không mưa và cả ngày trời cũng không mưa.

Hiện nay, Trương Quả Tuệ và Đàm Quả Thức đều đang ở đây, tôi nói về may mắn của mình, hai người làm chứng cho tôi, để mọi người tin tôi, đây không phải phải là nói năng khoác lác. Ở Hồng Kông thi thoảng hay bị hạn hán, có khi một năm, nửa năm cũng không mưa. Tây Lạc Viên của tôi, vốn dĩ không có nước, bởi vì xây dựng Tây Lạc Viên nên nơi đó có nước, nước từ khe núi chảy ra. Khi nước vừa chảy ra mang lại cho tôi rất nhiều phiền phức. Phiền phức gì? Hàng xóm bên cạnh đều đến lấy nước. Vừa thấy chỗ tôi có nước, người này đến lấy, người kia cũng đến lấy, thùng nước vừa đặt xuống đã hơn 20 người túc trực sẵn để lấy nước. Về sau tôi hết cách, dùng lưới thép chặn lại; chặn lại rồi, thì không còn người đến lấy nước nữa! Có phải vậy không Trương Quả Tuệ?

Vào lúc đó, sáu tháng không có mưa, nước của tôi cũng không có! Nước trên núi chảy xuống rất ít, đồng thời có mùi kim loại rất nặng, quả thật là không thể dùng. Vào lúc ấy, quý vị có nhớ Lưu Quả Quyên không?

Lúc đó tôi ra lệnh cho Lưu Quả Quyên, nói rằng: “Trong vòng ba ngày, cô phải cầu mưa xuống cho tôi! Hằng ngày cô phải niệm Phật, nếu như cô không cầu được mưa thì sau này đừng đến gặp tôi nữa”. Tôi nói với cô ấy như vậy. Lưu Quả Quyên liền hoang mang, cô ấy sợ nhất là không được gặp sư phụ; sợ không gặp cho nên có thể làm bất cứ điều gì, bình thường thỉnh thoảng cô ấy hay đến gặp tôi. Người đệ tử nhiều năm này hoang mang rồi, vì vậy ngày nào cô cũng cầm một xôi chuỗi niệm ở đó, niệm Chú Đại Bi, khoảng ba ngày, cả cơm cũng quên ăn, cô ấy sợ không cầu được mưa.

Trong thời gian hơn nửa năm ấy, tất cả các Phật Đường, chùa chiền, am miếu, trai đường, Đông Phổ Đà, Tây Phổ Đà... ở Hương Cảng đều cầu mưa, song cầu xin rỗng rã suốt mấy

tháng trời mà trời vẫn chưa đổ mưa. Ở chỗ tôi, sau khi tôi kỳ hạn cho Quả Quyên nếu nội trong ba ngày mà cầu không được mưa thì dừng đến gặp mặt tôi, thì chỉ khoảng hai ngày rưỡi sau là trời bắt đầu đổ mưa. Trời vừa đổ mưa thì tất cả các Phật Đường đều rầm rộ đăng báo ‘quảng cáo’ nơi này thì nói rằng: ‘Con mưa này là nhờ chúng tôi cầu nguyện mà được đấy!’; nơi khác lại đưa tin: ‘Con mưa này là do Phật Đường chúng tôi cầu xin đấy!’ Ái chà! Tất cả các Phật Đường đều có công lao, duy chỉ có Chùa Tây Lạc Viên là không báo công cũng chẳng báo đức; và mưa thì cứ thế mà trút xuống!

Vì sao có thể như vậy được? Vì sao tôi giới hạn cho cô ta ba ngày để cầu mưa xuống vậy? Thật ra, tôi nói cho quý vị biết, không cần ba ngày, ngày hôm nào tôi bảo mưa xuống thì sẽ có mưa! Chẳng qua là tôi bảo vị đệ tử lâu năm này niệm Phật nhiều chút, tích công đức nhiều chút, để cô ấy vì mọi người mà cầu mưa, cho nên giao bài tập cho cô ấy. Tôi biết không cần tới ba ngày, chỉ một ngày tôi gọi mưa xuống, thì lập tức có mưa. Vì sao vậy? Bởi vì tôi có đệ tử là mười con rồng; mười con rồng ấy, tôi nói con rồng nào muốn mưa thì sẽ cho tôi chút mưa. Giống như sáu đệ tử xuất gia của tôi bên Mỹ, tôi kêu họ làm chút gì đó thì họ đều phải làm; nếu không làm thì không cần đệ tử đó nữa, tôi không miễn cưỡng. Giống như chú tiểu Sa di này, chặt đi một ngón tay, đuổi chú ra ngoài. Vài tháng sau, bây giờ chú muốn trở về. Tôi vừa nghĩ thấy như thế không được! Mặc kệ là chú nghe lời hay không nghe lời, đợi một thời gian rồi tính tiếp! Vốn là nếu cho chú trở về thì có rất nhiều người phản đối, không muốn cho chú trở về; nhưng tôi nói không gọi chú trở về thì tự nhiên chú tự động trở về.

Tôi lại gặp phiền toái rồi! phiền toái gì? Có một người đến gặp tôi và nói và nói: "Ngài nói rằng sẽ không có động đất ở San Francisco, vậy sẽ không có động đất sao? Điều ngài nói đã không thành sự thật!". Không tệ! Vào một ngày đầu tiên của tháng Ba năm ngoái, một người nào đó ở San Francisco nói rằng có một trận động đất vào tháng Tư và tháng Năm, và

tôi đã nói: "Sẽ không xảy ra động đất, những việc này chỉ như một hạt bụi. Tôi còn ở San Francisco một ngày, thì tôi không cho phép có động đất xảy ra! Khi tôi rời đi, tôi không quan tâm đến nó". Khi nói đến động đất, tôi nói thế này: 'Nếu một trận động đất lớn, thì nó sẽ thành một trận động đất nhỏ, một trận động đất nhỏ tôi nói không có gì hết'.

Năm ngoái, một số người đã tin tôi và yêu cầu tôi không rời San Francisco. Vì nếu tôi rời San Francisco, San Francisco có thể chìm xuống biển, vì vậy, tôi không thể rời San Francisco, nếu tôi rời đi, San Francisco sẽ không có biện pháp nào để phòng ngừa. Tôi nói: "Đừng sợ, San Francisco sẽ không có động đất đâu." Có người nói chắc chắn là tôi sẽ sai, bởi vì nó đã được tính toán một cách khoa học, động đất chắc chắn sẽ xảy ra. Nhưng tôi vẫn tuyên bố chắc chắn rằng: "Tôi không cho phép động đất xảy ra, đừng lo lắng".

Tuy nhiên, một số người giàu có đã không tin điều đó và rời khỏi San Francisco. Có một số việc quý vị không nên sợ, không sợ chính là biện pháp. Sau đó có một trận động đất, và trận động đất này sẽ rất nhỏ. Tại sao? Vì có hộ pháp giúp đỡ, tôi biết thiên long bát bộ, hộ pháp thiện thân, nhất định ủng hộ, vì cái gì? Hộ pháp thiên long bát bộ luôn ủng hộ chúng sanh.

"Nhật nguyệt thất độ": 'Nhật' là mặt trời, tức là ban ngày; 'nguyệt' là mặt trăng, tức là ban đêm; 'thất độ' là thất thường, mất cân bằng, có lúc thì mặt trời chiếu gay gắt, có lúc thì mặt trăng tròn dịu mát. Hiện tượng này không phải là gia tăng dần dần từng ngày một, hoặc là mỗi ngày mỗi giảm thiểu từ từ; mà là khoảng cách đột nhiên kéo dài hoặc đột nhiên thu ngắn lại. Đây gọi là 'nhật nguyệt thất độ', là không cân bằng; và chính là biểu hiện của một loại thiên tai.

"Khi các tai họa như thế xảy ra, muốn diệt các họa ấy": thật ra, khi các loại tai họa như thế này xảy ra, **"tạo tượng Thiên Nhân Đại Bi"**: quý vị nên dựng tượng Quán Thế Âm Bồ Tát, **"để day mặt về phương Tây"**: vì Phật A Di Đà ở

phương Tây, mà đức Phật A Di Đà là thầy của Bồ tát Quán Thế Âm, cho nên đệ tử cung kính hướng về thầy.

Như sáu người đệ tử của tôi, khi nghe có người khen ngợi sư phụ của họ, rằng: “Thật là bất khả tư nghĩ! Thầy của quý vị quả đúng là có thần thông! Ông ta nói ra điều gì cũng linh nghiệm cả. Chà! Nói có mưa là có mưa xuống ngay!”; thì họ hoan hỷ lắm. Thế nhưng, nếu có người nhục mạ sư phụ của họ ngay trước mặt họ, như nói rằng: “Ông Sư phụ của quý vị cái gì cũng không hiểu cả, quý vị theo ông ta thì học được cái gì chứ? Quý vị càng học thì càng ngu si hơn, càng học lại càng mê muội thêm mà thôi!”; thì có thể họ liền tức tối đáp trả: “Mấy người dám ăn nói như thế à? Tôi phải đánh chết mấy người!” Và, như thế là họ sắp phạm giới rồi, có phải vậy không? Thế nhưng, họ không nên làm như thế. Họ cần phải nhịn nhục. Họ phải biết nhẫn nại!

“Sắm các thứ hương, hoa”: mua sắm các loại hương thơm, các loại hoa. **“tràng phan bảo cái”**: sử dụng tràng phan và bảo cái để cúng dường, **“hoặc trăm thức ăn uống”**: có trăm vị thức ăn, thức uống để cúng dường, **“mà chí tâm cúng dường”**: quý vị chí tâm cúng dường ai? Đó là cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát.

“Rồi trong bảy ngày đêm”: vị Quốc vương này lại có thể bảy ngày, bảy đêm, **“thân tâm tinh tấn”**: thân cũng tinh tấn, tâm cũng tinh tấn. Tinh tấn để làm gì? **“đọc tụng Đại Bi Đà La Ni chương cú thần diệu”**: đọc tụng chương cú thần diệu của chú Đại Bi Đà La Ni.

Kinh văn:

外國怨敵。即自降伏。各還政治。不相擾惱。國土相通。慈心相向。王子百官。皆行忠赤。妃后綵女。孝敬向王。諸龍鬼神。擁護其國。雨澤順時。果實豐饒。人民歡樂。

Hán văn: Ngoại quốc oán địch, tức tự hàng phục, các hoàn chính trị, bất tương ưu não, quốc độ tương thông, từ tâm tương hướng, vương tử bất quan, giai hành trung xích, phi hậu thái nữ, hiếu kính hướng vương, chư long quý thân, ủng hộ kỳ quốc, vũ. Vũ trạch thuận thời, quả thực phong nhiêu, nhân thị hoan lạc.

(Việt dịch: Thì ngoại bang đến đánh tự nhiên quy hàng, chánh trị yên ổn, không còn làm hại, lân bang hòa hảo, thương mến lẫn nhau, trong triều từ vương tử cho đến trăm quan đều hết dạ trung thành, nơi cung vi, hoàng hậu, phi tần khởi lòng hiếu kính đối với vua, các thiên, long, quý thân đều ủng hộ trong nước khiến cho mưa gió thuận hòa, hoa quả phong nhiêu, nhân dân vui vẻ.)

Lược giảng:

“Ngoại bang đến đánh”: giặc của nước ngoài đến xâm lược, **“tự nhiên quy hàng, chánh trị yên ổn”**: các giặc nước ngoài đến chiếm đánh đều tự nhiên quy hàng, hàng phục, quân giặc đó đều tự trở về đất nước của mình, hoặc có chiếm đất đai thì đều trả lại, **“không còn làm hại”**: không còn nhiều hại đất nước quý vị nữa, **“lân bang hòa hảo”**: hai nước đều giao hảo, đều làm bạn tốt, **“thương mến lẫn nhau”**: hai nước thân thiện với nhau và giúp đỡ lẫn nhau, trở thành bạn bè.

“Trong triều từ vương tử cho đến trăm quan”: các hoàng tử và các quan chức; **“đều hết dạ trung thành”**: hết lòng trung thành, một lòng một dạ thờ vua, không lừa dối. **“Hoàng hậu, phi tần”**: hoàng hậu và tất cả các phi tần, mỹ nữ trong cung vua; **“khởi lòng hiếu kính đối với vua”**: đối với nhà vua thì đều một lòng hiếu kính.

“Các thiên long, quý thân”: Thiên long, tôi nói với mọi người tôi có mười đệ tử là rồng quy y tôi, quý vị có tin không? Có người nghĩ rồng là không có thật, rồng cũng là một trong những hộ pháp đây! Quý thì có quý xấu và quý tốt. Thế nào là

quỷ tốt? Quý vị xem các vị quỷ vương ở trong kinh Địa Tạng đó, Chủ Tài quỷ vương, Chủ Mạng quỷ vương, Đạm Tinh Khí quỷ vương, Nhiếp Độc quỷ vương, Đây đều là các vị quỷ tốt. Thần cũng có thiện thần và ác thần. Thần thì cũng giống như quỷ, nhưng thần thông của chúng lớn hơn. **“Đều ủng hộ trong nước”**: những thiên long quỷ thân đều đến ủng hộ đất nước có người trị chú.

“Mưa gió hòa thuận”: sao gọi là mưa gió hòa thuận? Chính là khi trời mưa, thì mưa rơi xuống, khi không có mưa thì trời nắng, thời tiết điều hòa. **“Hoa quả phong nhiêu”**: ‘quả’ là chỉ tất cả các loại quả, ‘thực’ cũng có thể là chỉ tất cả các loại quả, cũng có thể hiểu là ngũ cốc; ‘phong nhiêu’ chính là rất nhiều; năm ngoái thu năm trăm cân, nhưng năm nay đã tăng lên hai ngàn cân, tăng thêm gấp ba lần, đây chính là phong nhiêu. Quý vị hiểu không? Hiểu rồi, vậy tôi không giảng nữa. **“Nhân dân vui vẻ”**: tất cả quý vị đều biết tiếng Trung Quốc, vì vậy khi tôi nói đến đây, tất cả các quý vị đều cười.

Kinh văn:

又若家內遇大惡病。百怪競起。鬼神邪魔耗亂其家。
惡人橫造口舌。以相謀害。室家大小內外不和者。常向千
眼大悲像前。設其壇場。至心念觀世音菩薩。誦此陀羅尼
。滿其千遍。如上惡事。悉皆消滅。永得安隱

Hán văn: Hựu nhược nội gia ngộ đại ác bệnh, bách quái cạnh khởi, quỷ thần tà ma hao loạn kỳ gia, ác nhân hoàng tạo khẩu thiệt, dĩ tương mưu hại, chí gia đại tiểu nội ngoại bất giả, thường hướng thiên nhãn đại bi tượng tiền, thiệt kỳ đàn tràng, chí tâm niệm Quán Thế Âm bồ tát, giảng thử đà la ni, mãn kỳ thiên biến, như thượng ác sự, tất giai tiêu diệt, vĩnh đắc an ổn.

(Việt dịch: Lại nếu trong nhà có những tai nạn như: quấy thuộc có bệnh hiểm nghèo, trăm quái nổi dậy, quỷ thần tà ma quấy phá, người ác gieo tiếng thị phi, hoặc vu khống để hãm hại, cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau,

tiền của hao mòn, gia đình rối loạn. Muốn diệt những tai nạn ấy, gia chủ phải thiết lập đàn tràng, thường hướng về tượng Thiên Nhân Đại Bi, chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng đà la ni này đủ ngàn biến, thì tất cả việc xấu như trên thấy đều tiêu diệt, gia đình được vĩnh viễn an vui.)

Lược giảng:

“Trong nhà có những tai nạn như quyền thuộc có bệnh hiểm nghèo”: trong nhà chính là trong gia đình, trong phòng có người bị bệnh nặng, không thầy thuốc nào chữa được; **“trăm quái nổi dậy, quỷ thần tà ma quấy phá”**: tại sao như vậy? Vì trong nhà có quỷ thần, ma quái nhiễu loạn, quấy phá. **“Người ác gieo tiếng thị phi”**: có thể có nhiều người xấu bịa đặt chuyện thị phi này nọ, chuyện có nói không, chuyện không nói có, toàn là “không gió mà dậy sóng”, tạo ra điều thất thiệt; **“vu không để hãm hại”**: hoặc muốn kích động bất hòa, vu khống hại quý vị; **“cho đến trong ngoài lớn nhỏ chẳng hòa thuận nhau”**: cho đến mọi người lớn nhỏ trong nhà đều không hòa thuận với nhau, bạn bè thân thích bên ngoài cũng bất hòa, trong ngoài đều bất hòa. Lúc này **“muốn diệt những nạn đó”**: muốn những nạn đó được tiêu trừ thì phải làm sao? **“thường hướng về tượng Thiên Nhân Đại Bi”**: quý vị nên thường hướng đến trước tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát. **“Thiết lập đàn tràng”**: thiết lập đàn tràng, quý vị nên ở trong một đàn tràng, **“chí tâm niệm danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát”** chí tâm thành khẩn niệm Bồ Tát Quán Thế Âm, và **“tụng đà la ni này đủ ngàn biến”** quý vị niệm chú đại bi đủ một ngàn biến, **“thì tất cả việc xấu như trên”**: tất cả những điều ác nói ở trên đều được tiêu diệt, không còn nữa; **“gia đình được vĩnh viễn an vui”**: Sẽ không bao giờ có chuyện bất an xảy ra nữa, gia đình quý vị sẽ luôn bình an vô sự.

Kinh văn:

阿難白佛言。世尊。此咒名何。云何受持。佛告阿難

。如是神咒。有種種名。一名廣大圓滿。一名無礙大悲。一名救苦陀羅尼。一名延壽陀羅尼。一名滅惡趣陀羅尼。一名破惡業障陀羅尼。一名滿願陀羅尼。一名隨心自在陀羅尼。一名速超上地陀羅尼。如是受持。

Hán văn: A nan bạch Phật ngôn. Thế tôn, Thử chú danh hà, vân hà thọ trì, Phật cáo A nan, như thị thân Chú, hữu chủng chủng danh, nhất danh Quảng Đại Viên Mãn, nhất danh Vô Ngại Đại Bi, nhất danh Cứu Khổ Đà La Ni, nhất danh Diên Thọ Đà La Ni, nhất danh Diệt Ác Thú Đà La Ni, nhất danh Phá Ác Nghiệp Chương Đà La Ni, nhất danh Mãn Nguyên Đà La Ni, nhất danh Tùy Tâm Tự Tại Đà La Ni, nhất danh Tốc Siêu Thánh Địa Đà La Ni, như thị thọ trì.

(Việt dịch: Ngài A Nan lại bạch Phật rằng:

Bạch đức Thế Tôn! Chú này tên gọi là gì? Con nên thọ trì như thế nào?

Đức Phật nói với A Nan:

Thần chú này có nhiều tên khác nhau như sau:

Quảng đại viên mãn đà la ni; Vô ngại Đại Bi đà la ni; Cứu khổ đà la ni; Diên thọ Đà la ni; Diệt ác thú đà la ni; Phá ác nghiệp chương đà la ni; Mãn nguyên đà la ni; Tùy tâm tự tại đà la ni; Tốc siêu thánh địa đà la ni.

Ông nên y như thế mà thọ trì.)

Lược giảng:

“**Ngài A Nan lại bạch Phật rằng**”: lúc đó, ngài A Nan lại bạch Phật; “**Bạch đức Thế Tôn! Chú này tên gọi là gì?**”: Bạch Đức Thế Tôn, thần chú này có tên là gì? Quý vị nghĩ xem, ngài A nan nghe Đức Quán Thế Âm Bồ tát giảng lâu như vậy, mà còn không biết danh tự của thần chú này? “**Con nên thọ trì như thế nào?**”: nay được thần chú rồi phải giữ gìn, thọ trì và trì tụng thần chú này như thế nào? “**Đức Phật nói với A**

Nan”: Đức Phật nói với ngài A Nan, **“Thần chú này có nhiều tên khác nhau như sau”**: Đức Phật bảo ngài A nan thần chú này không chỉ có một tên, mà có nhiều tên. Giống như Steve, còn có tên Quả Chiêm. Hay như Quả Ninh còn có tên là Hằng Tĩnh, những cái tên rất hay. Thần chú cũng như vậy, có rất nhiều tên gọi khác nhau.

“Quảng đại viên mãn đà la ni”: thần chú này vô cùng rộng lớn và tròn đầy.

“Vô ngại Đại Bi đà la ni”: vô ngại Đại bi là không có chỗ chướng ngại mà lại đầy đủ đại bi

“Cứu khổ đà la ni”: cứu khổ đà la ni là câu thần này chú có năng lực cứu bạt tất cả những bệnh khổ.

“Diên thọ đà la ni”: khi có người sắp chết, quý vị trì tụng **“Chú Đại Bi”** cho người đó! Thì họ được sống trường thọ cho nên chú này gọi là chú trường thọ.

“Diệt ác thú đà la ni”: diệt ác thú thì tiêu trừ các cõi ác thú địa ngục, ác quỷ, súc sanh, a tu la, bốn ác thú đều tiêu diệt.

“Phá ác nghiệp chướng đà la ni”: chú này có công năng phá trừ tất cả các nghiệp chướng xấu ác. Thế nhưng, quý vị chớ nên cho rằng bởi Chú Đại Bi là Đà La Ni có thể phá trừ các nghiệp ác, bèn niệm chú này rồi tha hồ tạo ác tác nghiệp, thì cũng được phá trừ: **“Cho dù mình có gây tạo một chút nghiệp chướng đi chăng nữa thì đã có Chú Đại Bi sẵn sàng giải trừ cho mình. A! Nếu mình mặc sức gây tạo, thì Chú Đại Bi cũng sẽ tận lực phá trừ, giống như ‘phá trận’ vậy.”** Chẳng phải như thế đâu! Những nghiệp chướng xấu ác trước kia của quý vị thì Chú Đại Bi có thể phá giải được; song nay quý vị đã biết rõ rằng nghiệp chướng này đích thị là nghiệp chướng xấu ác, thì lẽ ra quý vị không nên tạo tác nữa mới phải! Nếu nay quý vị còn tiếp tục gây thêm nghiệp chướng xấu ác nữa, thì đừng nói là một cái Đà La Ni, cho dù một vạn cái Đà La Ni cũng không thể nào phá nổi nghiệp chướng xấu ác **“biết rõ mà vẫn**

cổ phạm” của quý vị được! Cho nên, quý vị cần phải hiểu rõ điểm này.

“Mãn nguyện đà la ni”: còn có tên gọi khác là viên mãn, mọi mong cầu đều được được thành tựu. Quý vị nói ‘Tôi muốn phát tài’, quý vị niệm chú Đại Bi thì sẽ phát tài, sẽ giàu có. Quý vị lại nói: ‘Tôi muốn trở thành quan chức’, thần chú cũng sẽ đáp ứng mong muốn của quý vị. Quý vị lại nói: ‘Tôi có đủ thứ, tôi muốn đánh bạc với Renault!’. ‘Tôi có thể trì tụng “Chú Đại Bi” được không? Tôi sẽ trúng xổ số chứ, viết mười thì trúng chín, hoặc mười lô. Liệu có được không?’ Điều này thì tôi không biết, tôi không đảm bảo điều này (*I don't ensure this*). Nếu quý vị cầu chính nghĩa thì tôi chắc chắn thành tựu, nếu quý vị cầu điều bất thiện thì sẽ không thành tựu.

“Tùy tâm tự tại đà la ni”: thần chú còn có tên gọi là Tùy tâm tự tại; Tâm quý vị muốn gì thì sẽ được như mong muốn.

“Tốc siêu thánh địa đà la ni”: thần chú còn có tên là tốc siêu thánh địa; Có nghĩa người niệm thần chú này sẽ rất nhanh đến địa vị Thập địa Bồ tát.

“Ông nên y như thế mà thọ trì”: cũng như những danh hiệu trên, quý vị phải nương theo danh hiệu để tu tập và giữ gìn.

※ ※ ※

Lần này quý vị đến Đài Loan để xin thọ giới, và một trong những người xin thọ giới đã hỏi tôi, đến đó có thể ăn thịt không? Quý vị đoán xem người đó là ai? Để tôi nói cho quý vị biết là ai đã hỏi tôi. Tôi nói có thể ăn thịt; Ăn thịt gì đây? Lần này phải ăn thịt Lãng Nghiêm. Một người khác lại hỏi tôi, thế có thể uống rượu không? Quý vị đừng hỏi là ai hỏi, chỉ những người thích uống rượu mới hỏi thôi: Tôi lại nói với anh ta có thể uống rượu; uống rượu gì? Uống rượu Đại Bi. Hãy dùng Đại Bi làm rượu, dùng Lãng Nghiêm làm thịt; Vậy còn cơm thì sao? Cơm đương nhiên phải ăn; Ăn cơm gì? Ăn cơm Pháp Hoa; hãy lấy “Kinh Pháp Hoa” và coi như cơm ăn.

Khi quý vị đang ở trên máy bay, đừng sợ, tôi nói cho quý vị biết, quý vị đã ăn no thịt Lãng Nghiêm, uống đủ rượu Đại Bi, ăn no cơm Pháp Hoa rồi thì không sợ gì hết. Chiếc máy bay đó nếu xảy ra chuyện, cũng không sao hết! Bởi vì đã có 3 bảo bối này bảo hộ, cộng thêm các vị 5 người, chính là bốn loại bảo bối. Vì vậy, đừng sợ! Nhưng nếu quý vị thật sự hiểu điều mà tôi đã nói với quý vị, quý vị mới có thể uống rượu này, ăn thịt này và ăn cơm này; nếu quý vị không hiểu, thì cần xem lại!

※ ※ ※

Kinh văn:

阿難白佛言。世尊。此菩薩摩訶薩。名字何等。善能宣說如是陀羅尼。佛言。此菩薩名觀世音自在。亦名撚索。亦名千光眼。善男子。此觀世音菩薩。不可思議威神之力。已於過去無量劫中。已作佛竟。號正法明如來。大悲願力。為欲發起一切菩薩。安樂成熟諸眾生故。現作菩薩

Hán văn: A nan bạch Phật ngôn, Thế Tôn, thử bồ tát ma ha tát, danh tự hà đẳng, thiện năng tuyên thuyết như thị đà la ni. Phật ngôn, thử bồ tát danh Quán Thế Âm Tự Tại, diệc danh Nhiên Sách, diệc danh Thiên Quang Nhãn. Thiện nam tử, thử Quán Thế Âm bồ tát, bất khả tư nghì oai thần chi lực, dĩ ư quá khứ vô lượng kiếp trung, dĩ tác Phật cánh, hiệu Chánh Pháp Minh Như Lai, đại dĩ nguyện lực, vị dục phát khởi nhất thiết bồ tát, an lạc thành thực chư chúng sanh cố, hiện tác bồ tát.

(Việt dịch: Ngài A Nan lại bạch Phật:

Bạch đức Thế Tôn! Vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát này, ngài ấy tên là gì, mà khéo tuyên thuyết môn Đà la ni như thế?

Đức Phật bảo:

Vị Bồ Tát ấy hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại, cũng tên là Nhiên Sách, cũng gọi là Thiên Quang Nhãn.

Này thiện nam tử! Quán Thế Âm Bồ Tát thần thông oai lực không thể nghĩ bàn. Trong vô lượng kiếp về trước từng

thành Phật hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai. Vì nguyện lực đại bi, vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát, vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh, ngài mới giảng tích hiện làm Bồ Tát.)

Lược giảng:

“Ngài A Nan lại bạch Phật”: Ngài A nan chính là em họ của đức Phật, là con trai của vua Hộ Phạn. Là bậc đa văn đệ nhất trong hàng đệ tử của đức Phật. Sao gọi là đa văn? Chính là nghe và nhớ là đệ nhất. Ngài ấy vừa nghe qua nhớ mãi không quên. Tại sao ngài có trí nhớ siêu phàm như vậy? Bởi vì, ở quá khứ ngài đã tu định lực, tu rất nhiều, định lực đầy đủ, cho nên ngài không bị tán loạn. Vì không tán loạn nên khi nghe qua là ngài nhớ mãi không quên. Bởi thế, kinh điển đức Phật nói, ngài A nan nói lại không sót một chữ, toàn bộ kinh điển đều lưu xuất ra. Ngài A nan và đức Phật tướng mạo gần như giống nhau, đức Phật có ba mươi hai tướng tốt, ngài A nan có ba mươi tướng tốt, tướng mạo của ngài đặc biệt viên mãn. Cái tên A nan là được phiên âm từ tiếng Phạn có nghĩa Khánh Hỷ (*Vui mừng*). Sao gọi là vui mừng? Vì khi ngài ra đời cũng chính là ngày đức Phật thành đạo; ngày Phật thành đạo, cũng là ngày ngài ra đời nên gọi là Khánh Hỷ.

A Nan bạch đức Phật: **“Thế Tôn”**: sao gọi là Thế Tôn? Thế là thế gian, tôn là tôn quý nhất của thế gian và xuất thế gian. **“Vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát này”**: vị Bồ tát này; **“ngài ấy tên là gì, mà khéo tuyên thuyết môn Đà la ni như thế?”**: ngài ấy tên là gì?, ‘tuyên thuyết’ có nghĩa là tuyên truyền, thuật lại, nói ra; là thần chú Đại Bi Đà la Ni, đây là nói về Đà la ni ở phần trước.

“Đức Phật bảo”: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo ngài A nan; **“Vị Bồ Tát ấy hiệu là Quán Thế Âm Tự Tại”**: tên của vị Bồ tát này là Quán Thế Âm Tự Tại. Quán chính là quán sát, cũng chính là dùng năng lực trí huệ quán sát. Quán sát cái gì? Quán sát âm thanh của thế giới. Âm thanh thế giới chính là cảnh giới sở quán. Cảnh giới sở quán của ngài là gì? Đó là các

loại cảnh giới của tất cả chúng sanh; bao gồm chúng sanh thiện, chúng sanh ác, chúng sanh cang cường, chúng sanh nhu nhược, đủ loại hình sắc; tất cả âm thanh của chúng sanh là cảnh giới Bồ tát này quán sát. Dùng trí huệ năng quán, quán sát cảnh giới của tất cả chúng sanh. Vì sao Ngài ấy có thể có được năng lực như thế? Vì ngài có đại định, cho nên được tự tại, tự tại này là gì? Cũng chính là biểu hiện của định lực. Nếu không có định lực thì không tự tại, không tự tại thì bị tám loại gió (*Bát Phong*) xoay chuyển.

Tám loại gió này đã giảng qua rất nhiều lần, tôi không biết quý vị có nhớ hay không? Nhưng hôm nay cũng có thể nói điều này một lần nữa. Tám loại gió chính là tám loại cảnh giới, người không có định lực khi gặp tám loại cảnh giới thì liền bị xoay chuyển, người có định lực thì không bị tám loại cảnh giới này xoay chuyển. Thời nhà Tống, Tô Đông Pha¹ và ngài thiền sư Phật Ấn² thường đàm đạo cùng nhau. Mỗi ngày Tô Đông Pha đều ngồi thiền ở Giang Nam Yên, cảm thấy cảnh giới của mình rất cao; cảm giác mình ngồi trên hoa sen vàng như như bất động, liễu liễu thường minh. Ô! Loại cảnh giới này không có chỗ nào cao hơn! Liền viết ra bài thơ:

Khê thủ thiên trung thiên
Hào quang chiếu đại thiên
Bát phong xuy bất động
Đoan tọa tử kim liên.

Nghĩa

*Khấu đầu đánh lễ Đấng Pháp Vương
Hào quang tỏa sáng chiếu đại thiên*

¹ Tô Đông Pha tức Tô Thức (Chữ Hán: 苏轼, 8/1/1037–24/8/1101), tự Từ Chiêm, một tự khác là Hòa Trọng, hiệu Đông Pha cư sĩ nên còn gọi là Tô Đông Pha, là nhà văn, nhà thơ nổi tiếng Trung Quốc thời Tống. Ông được mệnh danh là một trong *Bát đại gia Đường Tống*.

² Thiền sư Phật Ấn (1032-1098) là bậc danh tăng thời nhà Tống, pháp danh là Liễu Nguyên, tự Giác Lão, họ Lâm quê ở Nhiêu Châu, Phù Lương (xưa thuộc quận Bà Dương, tỉnh Giang Tây nay là trấn Cảnh Đức tỉnh Giang Tây)

Tám gió thổi, tâm không động

Nghiêm trang ngồi trên sen vàng

Khê thủ thiên trung thiên: ‘Khê thủ’ chính là khấu đầu, ‘thiên trung thiên’ là Phật; đức Phật là trời trên cõi trời, là thánh trên các bậc thánh, ở trên cảnh giới tối cao cũng không có ai cao hơn đức Phật, ở cảnh giới thấp nhất thì cũng không có ai thấp hơn đức Phật. Phật là tận hư không, biến khắp pháp giới, cho nên không có cao, không có thấp.

Tô Đông Pha hướng Phật đánh lễ ‘hào quang chiếu đại thiên’: ông ta cảm thấy ông ta phát ra ánh sáng hào quang, hào quang này chiếu khắp trời đất, chiếu đến tam thiên đại thiên thế giới. Sau đó, ông nói tám gió thổi không động: Tám gió là gì? Bây giờ, tôi sẽ giảng để quý vị rõ hơn một chút: Tám loại gió là “khen, chê, khổ, vui, lợi, suy, được, mất cũng có thuyết nói là phi báng, và danh tiếng”.

Khen là gì? Chính là tán thán, khen ngợi. Ví dụ có người nói: “Này anh, anh đúng thật là có tâm đại Bồ đề, anh thật sự là đại hộ pháp, công đức của anh rất lớn!”. Bên trái có người tâng bốc, bên phải có người tâng bốc, không biết có tới bao nhiêu người tâng bốc nữa, có thể tâng bốc đến trời, lên tới cả tầng trời tam thập tam, hay trời tứ thập! Lúc này quý vị cảm thấy: Ô, mình không tề! Nếu không, làm thế nào anh ấy có thể khen ngợi mình? Khi nghĩ như vậy thì lòng bay bổng theo mây, lên xuống hí hửng, con tim đập lộn nhịp không ngừng. Những người người ưa tâng bốc như vậy, sau khi được khen ngợi thì như lâng lâng, như ở trên mây. Đây chính là quý vị đã bị cơn gió khen ngợi thổi bay.

Chê, chính là chê cười, mỉa mai, châm biếm. Mỉa mai là gì? Khi quý vị học Phật thì họ dùng điệu bộ chua ngoa để nói: “Anh học Phật, ồ học Phật có gì tốt!”. Anh ta nói với giọng dài như dao đâm vào tai, đó gọi là giễu cợt, mỉa mai. Nói chung, dù quý vị không muốn nghe nhưng họ vẫn nói, dù quý vị có vênh tai hay bịt lỗ tai thì họ vẫn nói vậy. Điều đó làm quý vị mất bình tĩnh, một khi quý vị mất bình tĩnh, quý vị sẽ tức giận,

ngọn lửa giận cao tận ba ngàn trượng. Đây là một cơn gió chế giễu khiến quý vị nổi giận lên.

Khô có nghĩa là rất cay đắng, rất cay đắng, giống như khi ăn thứ gì vào quý vị thấy đắng thì rất khó chịu. Đối diện với khô thì sẽ lo lắng, khi lo lắng thì tức giận, khi tức giận thì gần như toàn bộ máu trên người đều bị đốt khô, khi khô rồi thì miệng đắng ngắt, răng sẽ đau, tai sẽ đau,..., tất cả bệnh gì đều do đây mà đến! Cơn gió đắng này đã thổi quý vị vào bao nhiêu vấn đề, như cau mày, mờ mắt, điếc và đau răng. Đây là đau khổ!

Vui là niềm vui, hạnh phúc. Mọi người quý vị gặp đều là những người rất vui vẻ, mọi người đều đối xử tốt với quý vị, quý vị ăn ngon, mặc đẹp, sống tốt, đi lại bằng những chiếc xe sang, cho nên lúc này quý vị rất hạnh phúc. Niềm vui chốc lát làm quý vị quên đi bốn tâm của mình. Sống giữa niềm vui khiến cho quý vị đánh mất đi nhiệm vụ tìm đường trở về Phật quốc. Tất cả chỉ vì ngọn gió hạnh phúc, khiến người ta mê muội, như thể họ đã thành tiên hoặc thành Phật. Khi đó, quý vị sẽ quên tu hành, chỉ vì quý vị đã hạnh phúc! Hạnh phúc cũng là một cơn gió độc nên đừng nghĩ rằng hạnh phúc là tốt.

Lợi, tức là lợi ích, đạt được lợi ích. Khi quý vị mua cổ phiếu với giá 500 đô la nhưng ba ngày sau nó tăng gấp bốn lần, trị giá hai nghìn đô la, lần này được lãi rất nhiều. Quý vị nghĩ “Ồ! Lần này tôi có thể giàu lên rồi”. Điều này cũng là bị gió thổi lay chuyển.

Suy chính là suy bại. Ví dụ nhà quý vị có một trăm phòng nhưng bất chợt bị cháy và lan ra hết tất cả. Ngọn lửa thiêu rụi tất cả, cả ngôi nhà bị cháy hết, lúc này quý vị thấy rất tệ hại. Đây là suy.

Đắc chính là được. Khi quý vị đi trên đường nhặt được 500 đô la thì lòng rất vui.

Mất, sau khi quý vị có được rồi không lâu lại mất nên buồn, chợt vui đó, rồi lại buồn.

Hủy chính là hủy báng, phỉ báng; dự cũng chính là khen quý vị. Hủy-dự (*hủy báng- khen ngợi*) và xưng-cơ (*khen chê*) đều giống nhau, cho nên đối-xung cơ thay cho hủy-dự cũng được. Nếu quý vị không có định lực thì sẽ bị tám gió này cuốn bay, và ngược lại nếu quý vị có định lực thì bát phong đến bạn không bị dao động. Đây gọi là tám gió thổi không động.

Tô Đông Pha cho rằng mình “bát phong suy bất động, đoan tọa tử kim liên”: Ông ta cho rằng mình đạt đến trình độ như ngòi trên hoa sen màu tím, như như bất động, liễu liễu thường minh. Thật tuyệt vời! Ông ta nghĩ. Điều mình ngộ không thể dùng ngôn từ nào mà diễn tả được, chỉ mượn tam bốn câu kệ để trình bày. Lúc này mới hạ bút viết rồi gửi đến thiền sư Phật Ấn nhờ ngài ấn chứng sở đắc của mình. Thiền sư Phật Ấn rất vui, sai thị giả gửi lại trả lại bài kệ, không nói gì chỉ viết bốn chữ ở cuối bài thơ. Bốn chữ đơn giản dễ hiểu, đó là: “Đánh rắm, đánh rắm”. Tô Đông Pha xem xong. Hả! Tôi viết thơ hay như vậy, sao ngài lại nói tôi là “đánh rắm”? Thật bực mình!

Lúc này, không cần “tám gió” hay “một gió” mà chỉ cần hai chữ “đánh rắm” của thiền sư đã làm Tô Đông Pha nhảy dựng lên. Ông ta đi vội vã qua sông từ Giang Nam đến Giang Bắc đến chùa Kim Sơn hỏi thiền sư Phật Ấn cho rõ ràng.

Vừa vào cửa liền tức giận nói: “Này hòa thượng, sao thầy lại mắng tôi?”

Thiền sư đáp: "Ta mắng ngươi làm gì? Ai mắng ngươi?"

Đông Pha: Tôi làm bài thơ này là sự kiến giải sự tu hành của tôi, tôi tu hành đến trình độ viết bài thơ này, tại sao nói tôi đánh rắm?"

Thiền sư đáp: Ông nói “bát phong suy bất động” sao tôi chỉ đề hai chữ “đánh rắm” thôi mà ông đã liền nhảy dựng mà qua sông rồi.

Tô Đông Pha nghe nói vậy liền nghĩ: Ô! Đúng! Đúng là chẳng ra làm sao cả, không có gì để nói. Đều là tại ta không có

công phu; nếu có đủ công phu, tám gió không lay động, đánh hai cái rắm làm sao đã nhảy dựng lên?

Thế là Tô Đông Pha vội cúi đầu đánh lễ, xin thiên sư chỉ dạy thêm, để về tụng công tu tập.

Vì sao Tô Đông Pha nhận được thơ phải lập tức qua sông từ Giang Nam đến chùa Kim Sơn ở Giang Bắc. Đó cũng chỉ vì công phu không tự tại mà thôi. Nếu như ông ta tự tại giống như Bồ tát Quán Thế Âm thì sẽ không vội vã đến hỏi cho ra lẽ. Lúc đó đánh rắm hay không đánh rắm cũng không quan trọng, muốn nói gì cũng được, tâm vẫn không lay động; Đó chính là công phu. Khi ấy Thiên sư Phật Ấn sẽ khâm phục ông. Nhưng hiện thực thì Tô Đông Pha đã gục ngã dưới hai chữ “đánh rắm” của Thiên Sư.

“Cũng tên là Nhiên Sách”: vị Bồ Tát này luôn cầm một sợi dây, không phải Ngài Quán Thế Âm hiện tướng “tứ thập nhị thủ” có một tướng cầm sợi dây Nhiên Sách sao? Sợi dây làm bằng lụa, Nhiên Sách chính là sợi dây này; **“cũng gọi là Thiên Quang Nhãn”**: cũng còn có tên gọi khác là Thiên Quang Nhãn.

“Thiện nam tử”: Đức Phật gọi A nan là thiện nam tử. **“Quán Thế Âm Bồ Tát thần thông oai lực không thể nghĩ bàn”**: thần lực oai đức của ngài Quán Âm không thể suy nghĩ, tưởng tượng được, không thể dùng ngôn từ mà nói. **“Trong vô lượng kiếp về trước”**: trong vô lượng kiếp về trước, Ngài đã trải qua số kiếp quá khứ nhiều vô lượng vô biên; **“từng thành Phật”**: ngài đã thành Phật, **“hiệu là Chánh Pháp Minh Như Lai”**: ngài thành Phật tên là gì? Tên của ngài là Chánh Pháp Minh Như lai. **“Vì nguyện lực đại bi”**: vị Bồ tát này, vì không quên nguyện lực của mình, đây là lời nguyện đại bi của ngài trong quá khứ; **“vì muốn làm duyên phát khởi cho tất cả các hàng Bồ Tát”**: ngài muốn cho tất cả Bồ tát đều phát Bồ Đề tâm, hành Bồ tát đạo, **“vì muốn an vui thành thực cho chúng sanh”**: vì muốn đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sanh, **“ngài mới giáng tích hiện làm Bồ Tát”**: cho nên thị hiện làm bồ tát,

ngài vốn là Chánh Pháp Minh Như Lai, nay là Bồ tát Quán Thế Âm.

Kinh văn:

汝等大眾。諸菩薩摩訶薩。梵釋龍神。皆應恭敬。莫生輕慢。一切人天。常須供養。專稱名號。得無量福。滅無量罪。命終往生阿彌陀佛國

Hán văn: Nhữ đẳng đại chúng, chư Bồ tát ma ha tát, phạm thích long thần, giai ung cung kính, mạc sanh khinh mạn, nhất thiết nhân thiên, thường tu cúng dường, chuyên xưng danh hiệu, đắc vô lượng phước, diệt vô lượng tội, mạng chung vãng sanh A Di Đà Phật quốc.

(Việt dịch: Vây ông và đại chúng, các hàng Bồ Tát Ma Ha Tát. Phạm vương, Đế Thích, Long, Thần đều nên cung kính, chớ sanh lòng khinh mạn, xem thường. Nếu tất cả hàng trời, người thường xưng niệm, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được vô lượng phước diệt vô lượng tội, mạng chung sanh về cõi nước của Phật A Di Đà.)

Lược giảng:

“**Vây ông và đại chúng**”: Đúc Phật bảo A nan và tất cả đại chúng có mặt trong pháp hội hay không có mặt trong pháp hội, “**các hàng Bồ Tát Ma Ha Tát**”: tất cả Bồ tát và đại Bồ tát, “**Phạm vương, Đế Thích, Long, Thần**”: Đế Thích chính là vua trời Đế Thích. Phạm Vương chính là Đại Phạm Thiên Vương vua cõi trời Tịnh Cư, rất tự tại, nên cũng có tên là trời Đại Tự Tại. Đế Thích chính là Đế Thích Thiên, cũng chính là thiên chủ; Ở chú Lăng Nghiêm gọi ông là Nhân Đà La. “Nam mô nhân-đà-la-da” chính là chỉ cho Đế Thích. “**Long**” chính là rồng ở trên trời, “**Thần**”: tất cả thần. “**đều nên cung kính**”: đều phải cung kính Quán Thế Âm Bồ tát, “**chớ sanh lòng khinh mạn, xem thường**”: không được xem thường, khinh mạn Quán Thế Âm Bồ tát. “**Nếu tất cả hàng trời, người**”: tất cả người ở thế gian và người ở cõi trời, “**thường xưng niệm, cúng dường Quán Thế Âm Bồ Tát**”: nên thường cúng dường

Quán Thế Âm, chuyên tâm xưng danh hiệu ngài, “**sẽ được vô lượng phước diệt vô lượng tội**”: được vô lượng phước, diệt vô lượng tội, “**mạng chung sanh về cõi nước của Phật A Di Đà**”: khi lâm chung nhất định sanh về thế giới Tây Phương Cực Lạc. Vì đức Phật A Di Đà là thầy của Bồ Tát Quán Thế Âm. Quý vị niệm danh hiệu đệ tử của Ngài thì tương lai sẽ sinh về Thế Giới Tây Phương Cực Lạc.

Kinh văn:

佛告阿難。此觀世音菩薩所說神咒。真實不虛。若欲請此菩薩來。咒拙具羅香三七遍燒。菩薩即來。(註: 拙具羅香。安息香也。)

Hán văn: Phật cáo A nan, thử Quán Thế Âm bồ tát sở thuyết thần chú, chân thật bất hư, nhược dục thỉnh thử Bồ Tát lai, chú chuyết cụ la hương tam thất biến thiêu, bồ tát tức lai. (Chú: Chuyết cụ la hương, an tức hương dã.)

(Việt dịch: Đức Phật bảo ngài A Nan: Thần chú của Quan Thế Âm Bồ Tát nói ra đây, chân thật không dối. Nếu muốn thỉnh Bồ Tát đến, nên tụng chú vào hương chuyết cụ la 21 lần rồi đốt lên thì Bồ tát sẽ giáng lâm (Ghi chú: Chuyết Cụ La chính là hương An Tức).

Lược giảng:

Đức Phật bảo ngài A nan, “**Thần chú của Quan Thế Âm Bồ Tát nói ra đây**”: thần chú Đại Bi do Bồ tát Quán Thế Âm nói là “**chân thật không dối**”. thần chú này có công đức lớn không thể nghĩ bàn, thần lực không thể nghĩ bàn, có năng lực diệt vô lượng tội, tăng vô lượng phước, là lời chân thật không giả. “**Nếu muốn thỉnh Bồ Tát đến**”: nếu có người muốn thỉnh Ngài quang lâm tới đạo tràng thì “**nên tụng chú vào hương Chuyết Cụ La 21 lần rồi đốt lên**”: Chuyết Cụ La chính là hương An Tức, ở ở hiệu thuốc bắc có loại hương này, tam thất biến chính là ba nhân bảy bằng 21 lần. Quý vị niệm 21 biến trú vào hương An Tức rồi đốt lên “**Bồ Tát sẽ giáng lâm**”: thì Bồ tát sẽ giáng lâm đạo tràng hoặc Pháp hội.

Kinh văn:

若有貓兒所著者。取弭哩吒那。燒作灰。和淨土泥。捻作貓兒形。於千眼像前。咒鑿鐵刀子一百八遍。段段割之。亦一百八段。遍遍一咒。一稱彼名。即永差不著。(註：弭哩吒那。死貓兒頭骨也。)

Hán văn: Nhược hữu miêu nhi sở trước giả, thủ nhị lý tra na, thiêu tác hôi, hòa tịnh độ nê, niệp tác miêu nhi hình, u thiên hình tượng tiền, chú tấn thiết đao tử nhất bách bát thiên, đoạn đoạn cát chi, diệp nhất bách bát đoạn, biến biến nhất chú, nhất xung bỉ danh, tức vỹn sai bất trước. (Chú: nhị lý tra na, Tử miêu nhi đầu cốt dã.)

(Việt dịch: Nếu kẻ nào bị loài ma mèo dựa thân hành bệnh. Nên tìm một hộp sọ của con mèo đã chết, đốt tan ra thành tro, rồi trộn với đất sét sạch, nặn thành hình mèo. Khi hoàn thành để hình ấy trước tượng Thiên Nhân, tụng 108 biến chú Đại Bi vào lưỡi dao rồi chặt hình mèo thành 108 đoạn. Mỗi lần tụng xong một biến thì chém xuống một dao, kêu tên mèo một lần. Làm như thế bệnh nhân sẽ an lành, ma mèo vĩnh viễn không dám phá hoại.). (Chú thích: Nhị lý tra na là hộp sọ của một con mèo đã chết)

Lược giảng:

Vài ngày trước, Quả Ninh có một người họ hàng đến thăm và nhân tiện hỏi tôi có giảng kinh ‘Kinh Đại Bi Đà la ni’ như thường lệ không. Bởi vì anh ta cho rằng những điều trong “Kinh Đại Bi tâm Đà la ni” rất kỳ lạ, anh ta sợ người thân của mình nghe thấy và cho đó là những điều hoang đường, càng không tin vào đạo Phật rồi sinh tâm phỉ báng. Kỳ thật những điều trong kinh dạy chẳng có gì lạ cả, chẳng qua người phương Tây họ chưa gặp qua nên cho rằng những việc này là kỳ lạ. Còn ở Ấn Độ và Trung Quốc, điều này không có gì là lạ cả, tất cả đều là chuyện bình thường.

“**Nếu kẻ nào bị loài ma mèo dựa thân hành bệnh**”: bị loài ma Mèo dựa thân là sao? Trên thế gian này có đến 84.000

loại bệnh tật, có rất nhiều bệnh quái lạ, quý vị không có cách nào hiểu hết được, bác sĩ cũng không có cách nào chữa trị. Mèo tuy là con vật nhỏ nhưng tính hay nghịch ngợm, rồi có cả ma mèo, ma mèo thì như thế nào? Ma mèo thì chúng quấy phá như quái vật. Ở Đông Bắc, tôi gặp một con mèo mắc bệnh quái ác, con mèo này cả ngày nhảy cẫng lên không ngừng, lúc nào nó cũng trong tình trạng như vậy. Sao lại có loại bệnh tật quỷ dị này, đó là vì có yêu ma quỷ quái tác quái khiến nó bị vậy. Loại mèo này sau khi chết đi sẽ trở thành ma mèo, ma mèo sẽ đến dựa vào thân, trêu chọc con người, khiến người đó hồ đồ, ngu muội.

Bởi vì “Chú Đại Bi” có thể chữa bất kỳ bệnh lạ và khó chữa nào, nên bây giờ tôi sẽ nói về cách trị loại bệnh ma mèo này. Loại bệnh này không dễ chữa, bởi vì con mèo này giống như một con hổ. Nếu trong nhà có một con ma như con hổ nhỏ như vậy thì không dễ gì trị được, cho nên phải dùng một loại phương pháp trị. Thuốc giải là lấy độc trị độc - dùng loại độc thích hợp để trị người bị trúng độc. Thuốc chữa bệnh nào cũng là lấy độc trị độc, vì có độc này thì độc kia mất.

Đó là lý do tại sao trong kinh dạy rằng nếu ai đó bị ma mèo dựa thân, hãy **“lấy nhị lý tra na”**: Nhị lý tra na là hộp sọ của một con mèo đã chết. Để chữa bệnh cho người bị bệnh do ma mèo dựa thân, thì cần sử dụng hộp sọ của con mèo đã chết. Làm như thế nào? **“đốt tan ra thành tro, rồi trộn với đất sét sạch”**: đem cái hộp sọ đó đốt thành tro, trộn với đất sét sạch. Vì nếu chỉ riêng hộp sọ mèo có rất ít tro nên quý vị không thể làm thành hình con mèo được, vì vậy quý vị cần thêm một ít đất sét sạch. Ô, trộn đất sét sạch với tro sọ mèo chết, để làm gì? **“Nặn thành hình con mèo”**: nặn nó thành hình một con mèo nhỏ. Quý vị nghe tôi bảo làm như thế thật giống chuyện của con nít chơi quá phải không ?

“Để hình ấy trước tượng Thiên Nhân”: đặt tượng con mèo vừa mới tạo đối trước tượng Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ tát, **“tụng 108 biến chú Đại Bi vào lưỡi dao tốt”**:

hán văn dùng từ ‘Tân thiết’ chính là loại sắt tốt trong các loại sắt, dùng sắt đó làm thành con dao và trì vào lưỡi dao đó 108 biến chú Đại Bi, “**rồi chặt ra từng đoạn**”: chặt con mèo làm từ đất sét và tro sọ con mèo thành từng đoạn, “**thành 108 đoạn**”: rồi chặt thành 108 đoạn. “**Mỗi lần tụng xong một biến thì chém xuống một dao**”: sau khi trì xong một biến thần chú thì dùng dao chặt hình con mèo một lần, tức là sẽ phải trì 108 biến chú nữa để chặt hết 108 lần vào hình con mèo. “**kêu tên mèo một lần**”: khi chặt thì gọi tên con mèo đó một lần, “**làm như thể bệnh sẽ lành**”: làm như vậy xong bệnh sẽ khỏi, không bao giờ tái phát, không bị yêu ma mèo quấy phá nữa. Phương pháp và nguyên tắc này đúng là không thể nghĩ bàn, và tất cả đều thuộc Phật giáo Mật tông. Mật tông là một loại bí pháp, bí pháp là không thể hiểu được công năng, diệu dụng, cho nên không phải người bình thường có thể hiểu được đạo lý này.

Kinh văn:

若為蠱毒所害者。取藥劫布羅。和拙具羅香。各等分。以井華水一升。和煎。取一升。於千眼像前。咒一百八遍服。即差。(註：藥劫布羅。龍腦香也。)

Hán văn: Nhược vi cổ độc sở hại giả, thủ dược kiếp bố la, hòa chuyết cụ la hương, các đẳng phân, dĩ tinh hoa thủy nhất thăng, hoa tiễn, thủ nhất thăng, ư thiên nhãn tượng tiền, chú nhất bách bát biến phục, tức sai. (Chú: Dược kiếp bố la: Long não hương).

(Việt dịch: Nếu người nào bị chất độc của loài sâu cỏ làm hại, thì dùng hương dược kiếp bố la hòa với chuyết cụ la hương, mỗi lượng bằng nhau đem hòa vào nước trong, sắc còn một thăng. Xong, lại để chén thuốc ấy trước tượng Thiên Nhãn tụng chú 108 biến rồi cho bệnh nhân uống, bệnh sẽ khỏi. (Chú thích: Dược kiếp bố la hương là hương Long não)

Lược giảng:

Có một hạng cổ sư, họ có rất nhiều thần thông, có thể phi hành biến hóa, thoát ần thoát hiện nhưng đa số những người

này có tâm địa rất độc ác. Đa số những hạng cô sư này từ đâu mà ra, đa phần là từ loài rắn độc mà biến hóa ra. Họ lấy việc giết người để gia tăng năng lực, lấy hại người để tu luyện thần thông, xem việc giết người, hại người là chuyện rất bình thường. Những hạng cô sư này có thể thấy ở Việt Nam, Thái Lan, Vân Nam, Trung Quốc hay Singapore và Malaya. Trong tiếng Quảng Đông, có một tên gọi khác của những cô sư này là ‘Bùa ngải’. Trước đây khi người Hoa sang Việt Nam hay Singapore có lấy người phụ nữ bản địa làm vợ. Sau khi kết hôn những người phụ nữ này sợ chồng mình trở về Trung Quốc, nên họ đặt ‘**cổ trùng**’ cho anh ta. Nếu người chồng không trở về Trung Quốc thì họ sẽ không động thủ, không làm cho ‘**cổ trùng**’ phát tác; nhưng nếu người chồng trở về Trung Quốc, người vợ sẽ niệm chú, ‘**cổ trùng**’ sẽ phát tác và người chồng sẽ phải chết.

Này Chiêm Ni Tang! Bạn có nghe qua điều đó chưa?

Chiêm Ni Tang: Có ạ, nghe người nữ hạ cổ trùng ạ.

Thượng nhân: Bạn không hiểu ý tôi?

Chiêm Ni Tang: Dạ hiểu ạ! Ở đó có những người phụ nữ có thể hạ cổ trùng.

Thượng nhân: Ô? Vậy bạn đã gặp những trường hợp như thế bao giờ chưa?

Chiêm Ni Tang: Ở Trung Quốc, con có người bạn hạ cổ ạ.

Thượng nhân: Thật đáng tiếc! Nếu anh ấy biết niệm Chú Lăng Nghiêm, thì cổ trùng đã không thể làm hại được.

Chiêm Ni Tang: Ở Quý Châu, con đã từng thấy qua người làm cổ trùng, mắt anh ta đỏ hoe. Chính mắt con chứng kiến người này bỏ bùa vào tô mì của bạn con khi mời bạn con ăn mì. Vì biết trước điều này nên bạn con đã đổ tô mì xuống nền gạch mà không ăn, một lát sau thì mì có màu như máu. Có rất nhiều người sử dụng cổ trùng ở Quý Châu và Vân Nam.

Thượng nhân: Khi bạn đến nhà cô sư bạn chỉ cần uống một tách trà thì bạn đã bị cổ trùng rồi.

Chiêm Ni Tang: Dạ! Trùng đó giống như máu.

Thượng nhân: Chẳng hạn vị cô sư bỏ cô trùng vào vật gì đó mà quý vị sờ vào thì cũng đã bị trúng cô rồi. Cô rất mạnh và lợi hại. Như cô sư đặt đồ vật nào đó trên đường nếu quý vị chạm vào, hoặc đá vào thì quý vị đã trúng cô rồi. Cô trùng này rất mạnh. Cô này được điều khiển bởi cô sư. Nếu quý vị muốn hại ai chỉ cần đến thương lượng với cô sư, cô sư sẽ chỉ bày cách cho quý vị phương pháp. Có rất nhiều người đã học được Cô này. Nhưng chỉ cần bạn trì chú Lăng Nghiêm thì quý vị sẽ không phải sợ bất kỳ loại Cô nào. Không chỉ có chú Lăng Nghiêm mà còn có chú Đại Bi. Nếu quý vị biết niệm chú Đại Bi thì bất kể cô sư hạ bạn cô trùng gì thì chú Đại Bi cũng đều có thể giải trừ được.

Chiêm Ni Tang: Những người bị nhiễm Cô sẽ chết trong vòng ba mươi ngày.

Thượng Nhân: Ô! Chết trong vòng ba mươi ngày. Không đâu! Nếu có người nào trì năm đệ chú Lăng Nghiêm hay Ngũ Đại Tâm Chú trong chú Lăng Nghiêm mà tôi đã chỉ cho quý vị thì chất độc của Cô trùng đều mất tác dụng. Bất kể là loại Cô trùng nào đi nữa cũng đều tiêu tan, không còn tác dụng.

“Nếu người nào bị cô độc làm hại”: nếu có người nào bị cô độc làm hại nên **“dùng hương dược kiếp bố la hòa với chuyết cụ la hương”**: ‘Dược kiếp bố la’ chính là Long Nảo hương là một loại thuốc và ‘Chuyết Cụ La’ chính là ‘An Tức Hương’, **“mỗi lượng bằng nhau”**: chính là lấy hai phần thuốc có lượng bằng nhau, nếu Long Nảo hương ba lượng thì An Tức hương cũng ba lượng, nếu Long Nảo hương năm lượng thì An Tức hương cũng năm lượng. **“đem hòa vào nước trong”**: Hán văn dùng từ ‘tinh hoa thủy³’ là loại nước suối, nước ở giếng vào

³ Căn cứ vào sách đông y Bôn Thảo Cương Mục, quyển 5 của Lý Thời Trân thời nhà Minh cho rằng: Tinh hoa thủy là loại nước suối, nước ở giếng vào buổi sáng có vị ngọt không độc, có tác dụng an thần, trấn tĩnh, thanh nhiệt, trợ âm vv. Uông Dĩnh cho rằng: Nước được lấy buổi sáng sớm gọi là tinh hoa thủy, đặc biệt lấy nước từ núi, khe suối là tinh phẩm, mùa đông ôn, hạ mát, ngọt ngào tinh thuần.

buổi sáng có vị ngọt không độc, hay nước được lấy buổi sáng sớm, đặc biệt lấy nước từ núi, khe suối, nước ở chỗ mà mới chảy tuôn ra tung tóe chứ không phải chỗ nước đã để lâu, vì vậy mới gọi là tinh hoa thủy, hòa với nhau là đem 2 phần thuốc trên hòa với nước; **“sắc còn một thăng”**: ‘Thăng’ là đơn vị đo, nếu đổi ra thì bằng khoảng 1 lít. Đem chỗ thuốc đã được hòa với nước sạch đó đun lên, sắc còn 1 thăng (1 lít). Lượng này còn như cái chén hoặc nhiều hơn giống như cái bát vậy, **“để chén thuốc ấy trước tượng Thiên Nhân”**: sau đó để chén thuốc đó đặt trước tượng Quán Thế Âm Bồ Tát Ngàn Tay Ngìn Mắt, **“tụng chú 108 biến”**: và thành tâm tụng 108 biến thần chú Đại Bi; sau đó cho người bị bệnh uống thì **“bệnh sẽ khỏi”**. Hán văn dùng chữ ‘Túc sai’: nghĩa là liền khỏi ngay. Chữ ‘sai’ này vốn đọc chữ ‘sưa’, bên cạnh thêm chữ ‘bệnh’, ‘báng (瘡)’ nghĩa là khỏi hẳn. (Kinh văn nói dùng nước tinh hoa thủy, nhưng tùy điều kiện thực tế có thể dùng nước giếng vào sáng sớm, hoặc nước sạch tinh khiết, hay nước sạch không trùng)

Kinh văn:

若為惡蛇蠍所螫者。取乾薑末。咒一七遍。著瘡中。
立即除差

Hán văn: Nhược vị độc xà, hiết sở thích giả, thủ càn gương mặt, chú nhất thất biến, trước sang trùng, lập tức trừ sai.

(**Việt dịch:** Nếu bị rắn độc, rết cắn, dùng gừng khô nghiền thành bột, tụng chú vào đây 7 biến, rồi đắp lên vết thương, liền hết.)

Lược giảng:

“Nếu bị rắn độc, rết cắn”: ‘Độc xà’ là những loài rắn độc, ‘hiết’ là loài rết hay bọ cạp, ‘thích’ là bị châm, chích, hay cắn. Loại rắn và rết, bọ cạp bị nó chích, cắn thì rất đau, nếu không chữa trị kịp thời sẽ nguy hiểm đến tính mạng. Như loài ong vò vẽ cũng vậy, có một số loài ong đốt thì không nguy hiểm nhưng bị ong vò vẽ đốt thì có thể mất mạng, **“dùng gừng khô nghiền thành bột”**: lúc này nên lấy gừng khô nghiền ra

thành bột, “**tụng chú vào đấy 7 biên**”: sau đó trì vào đó 7 biên chú Đại Bi, “**rồi đắp lên vết thương**”: rồi đắp lên chỗ bị cắn thì độc tố được giải trừ ngay lập tức, chất độc được giải trừ rồi thì sẽ không sao cả.

Long Nảo hương và An Tức hương có chức năng xua đuổi tà ma, tà ma và quỷ thần ngửi thấy mùi hương An Tức và hương Long Nảo liền sợ hãi, vì hai mùi này hễ tà ma ngửi vào sẽ chịu không nổi, nên có nó thì tà ma tránh xa. Thậm chí những linh hồn vất vưởng hay tạp mị, võng lợng ngửi thấy mùi liền chạy xa. Cho nên lấy chúng nấu với nước sạch có thể loại bỏ được cỏ trùng. Gừng có vị cay, mặc dù rắn độc và bò cạp đều có độc, nhưng độc của chúng lại kỵ cay, cho nên bột gừng khô có năng lực giải trừ những loại chất độc này, vết đốt sẽ nhanh chóng lành lại; Lại nệm chú Đại bi bảy biên, đắp vào chỗ châm chích thì liền nhanh khỏi

Hiệu quả chữa bệnh đều lấy trên nguyên tắc lấy độc trị độc, nên tăng tương khắc với nhau cũng là hiện tượng vật lý tự nhiên. Như triết học Trung Quốc có học thuyết ngũ hành: mộc khắc thổ, thổ khắc thủy, thủy khắc hỏa, hỏa khắc kim, kim khắc mộc. Bởi thế, bệnh này lấy loại thuốc khắc chế cũng là một tác dụng vật lý. Phạm tất cả các phương pháp chữa bệnh, thuốc gì bệnh gì đều là tác dụng vật lý.

Kinh văn:

若為惡怨橫相謀害者。取淨土。或麵或蠟。捻作本形。於千眼像前。咒鑿鐵刀一百八遍。一咒一截。一稱彼名。燒盡一百八段。彼即歡喜。終身厚重相愛敬。

Hán văn: Nhược vị ác oán hoành tương mưu hại giả, thủ tịnh độ, hoặc miễn, hoặc chá, niêm tác bản hình, ư thiên nhãn tượng tiền, chú tán thiết đao nhất bách bát biến, nhất chú nhất tiệt, nhất xung bỉ danh, thiêu tận nhất bách bát đoạn, bỉ tức hoan hỷ, chung thân hậu trọng tương ái kính.

(**Việt dịch:** Nếu bị kẻ thù oán mưu hại, nên dùng đất sạch, hoặc bột, hoặc sáp, nặn thành hình kẻ ấy. Xong để hình

nhân trước tượng Thiên Nhân, tụng vào lưỡi dao 108 biến Đại Bi. Sau đó lại tụng một biến thì cắt hình nhân một dao và kêu tên người kia một lần, cắt thành 108 đoạn rồi đem hình nhân đã chặt đốt đi. Y theo pháp thức như thế, kẻ oan gia thù nghịch sẽ đổi ra trạng thái vui vẻ, thân hậu đối với ta, trọn đời đôi bên quý mến lẫn nhau.)

Lược giảng:

“Nếu bị kẻ thù oán mưu hại”: giả sử như có người oán thù với quý vị, hoặc do hiểu lầm, hoặc do bất đồng quan điểm về điều gì đó mà dẫn đến thù oán với nhau, họ muốn dùng mọi thủ đoạn thâm hiểm mưu hại hoặc gây bất lợi cho quý vị. Điều này đối với quý vị không tốt chút nào. Lúc này quý vị nên **“dùng đất sạch”**: loại đất sét sạch; **“hoặc bột, hoặc sáp”**: bột là bột làm từ ngũ cốc, hoặc sáp nến. Tiếp theo thì **“nặn thành hình kẻ ấy”**: quý vị có thể nặn chỗ đất, bột, sáp đó thành hình của kẻ thù oán, hoặc chính hình của mình cũng được, nói chung là thành hình người.

“Xong, lại để hình nhân trước tượng Thiên Nhân”: nặn xong hình người thì đặt nó trước tượng Quán Thế Âm Bồ tát nghìn tay nghìn mắt. **“tụng vào lưỡi dao 108 biến Đại Bi”**: trì 108 biến thần chú Đại Bi vào lưỡi dao; **“Sau đó lại tụng một biến thì cắt hình nhân một dao và kêu tên người kia một lần, cắt thành 108 đoạn”**: sau đó dùng con dao đã trì chú vào đó cắt hình nhân thành 108 đoạn, tụng xong một biến chú Đại Bi, kêu tên kẻ thù oán một lần thì cắt một đoạn, **“rồi đem hình nhân đã chặt đốt đi”**: chặt xong thì đem đốt đi, nếu là hình nhân bằng đất thì nó sẽ không cháy, vậy nên không nên dùng đất để làm hình nhân, còn hình nhân bằng bột hay sáp thì đốt xong nó sẽ cháy thành ra tro. **“Y theo pháp thức như thế, kẻ oan gia thù nghịch sẽ đổi ra trạng thái vui vẻ”**: nếu có thể đúng theo pháp mà làm thì kẻ thù muốn hại quý vị sẽ không hại quý vị nữa, **“thân hậu đối với ta, trọn đời đôi bên quý mến lẫn nhau”**: họ đối với quý vị sanh tâm hoan hỉ, trọn đời tôn trọng quý vị, quý mến quý vị và không có ý nghĩ mưu hại quý vị.

Kinh văn:

若有患眼睛壞者。若青盲眼暗者。若白暈赤膜無光明者。取訶梨勒果。菴摩勒果。鞞醯勒果。三種各一顆。搗破細研。當研時。惟須護淨。莫使新產婦人及豬狗見。口中念佛。以白蜜若人乳汁和。封眼中著。其人乳。要須男孩子母乳。女母乳不成。其藥和竟。還須千眼像前。咒一百八遍。著眼中滿七日。在深室慎風。眼睛還生。青盲白暈者。光奇盛也

Hán văn: Nhược hữu hoạn nhãn tình hoại giả, nhược thanh mân nhãn ám giả, nhược bạch vưng xích mạc vô quang minh giả. Thủ ha lê lạc quả, am ma lạc quả, bính hê lạc quả, tam quả các nhất khóa, đảo phá tế nghiên, đương nghiên thời. Duy tu hộ tịnh, mạc sử tân sản phụ nhân cấp trụ cầu kiến, khẩu trung niệm Phật, dĩ bạch mật nhược nhũ chấp hòa, phong nhãn trung trước, kỳ nhân nhũ, yếu tu nam hài tử mẫu nhũ, nữ mẫu nhũ bất thành, kỳ nhược hòa cánh, hoàn tu thiên nhãn tượng tiền, chú nhất bách bát thiên, trước nhãn trung mãn thất nhật. Tại thâm thất thận phong, nhãn thanh hoàn sanh, thanh mân bạch vưng giả, quang kỳ thanh dã.

(Việt dịch: Nếu bị bệnh về mắt, hoặc thanh mân, hoặc bạch vưng, hoặc mắt kéo màng đỏ, không thấy được ánh sáng. Nên dùng trái ha lê lạc, trái am ma lạc, trái bệ hê lạc, mỗi thứ lấy một quả, đem đập nhỏ rồi nghiền mịn ra, khi đập nên ở chỗ vắng lặng, giữ cho sạch sẽ chớ để cho chó, lợn cùng đàn bà mới sanh thấy. Miệng luôn niệm Phật. Nghiền xong đem hòa với mật trắng, hoặc sữa người rồi đắp mắt. Sữa này phải là của phụ nhân sanh con trai, chớ không được dùng sữa của người sanh con gái. Khi hòa thuốc xong, đem chén thuốc để trước tượng Thiên Nhân tụng chú 108 biến. Trì chú vào thuốc rồi, bệnh nhân phải ở nơi nhà kín, tránh gió trong thời gian 7 ngày và dùng thuốc ấy đắp vào mắt. Làm như thế, tròng con mắt hư lại sáng, các chứng kia đều lành. Mắt thấy được tỏ rõ)

Lược giảng:

“Nếu bị bệnh về mắt”: Mắt là biểu hiện của tâm, mắt là hình ảnh tái hiện của tâm. Mắt người tại sao bị hư? Đó là do họ có tâm không tốt. Tâm tốt thì mắt tốt, tâm xấu thì mắt xấu. Đó là lý do tại sao người Mỹ dạy mọi người nhìn vào mắt người khác từ khi còn nhỏ, còn người Trung Quốc thì không có thói quen đó. Vì nếu quý vị nhìn lâu vào mắt ai đó, họ sẽ ngượng ngùng và cảm thấy rất xấu hổ.

Về mắt, Mạnh Tử nói: “Lòng ngay thẳng thì đồng tử trong; lòng không ngay thẳng thì đồng tử đục”. Lòng người nếu chánh thì mắt sẽ trong, lòng không chánh thì mắt mờ kém. Bởi mắt mờ đục nên mở và nhắm cũng như không, nhìn cái gì thì cũng không rõ ràng. Có một loại bệnh về mắt là mâu tử mao (*mắt lờ mờ*). ‘Mao’ chính là không thể nhìn rõ bất cứ thứ gì, khi nhìn giống như có vật gì cản trước mắt. Tại sao? Đó là bởi vì tâm không ngay thẳng, hoặc quan điểm tà kiến, hoặc uống rượu chè sa ngã, hoặc phóng túng háo sắc, nóng giận,... rất nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng tất cả những việc làm tiêu hao đến tinh, khí và thần là nguyên nhân căn bản.

Có câu chuyện tiểu lâm: Có một anh chàng nọ đặc biệt có đôi mắt rất tinh anh, tinh như thế nào? Đến nỗi ngoài 40 dặm anh ta còn thấy con muỗi thở như thế nào. Nhưng lại nghịch đời khi anh ta bước chân ra khỏi cửa lại vấp nhầm con bò. Quý vị xem anh ta có thể nhìn thấy một con muỗi thở cách xa 40 dặm, nhưng khi ra khỏi cửa lại vấp phải con bò, điều này có vô lý không cơ chứ.

Để tôi kể một công án khác về thị lực kém: Có anh chàng đôi mắt hình như rất kém, ban đêm không thấy, ban ngày cũng không thấy. Mắt anh ta kém đến như thế nào?

‘Khăn tay đen rơi xuống đất như quạ bay’: Một hôm chiếc khăn tay màu đen rơi xuống thì anh ta ngỡ là chim quạ bay qua, ‘Ai như bên cạnh vợ tôi đấy’: Vợ anh ta ngồi bên cạnh, anh ta lại hỏi ai đấy, thậm chí anh ta còn không nhận ra vợ của mình; ‘Một rèm có lỗ hơn chục quả’: Rèm cửa có nhiều

lỗ tròn, ánh nắng chiếu vào rèm cửa và rọi xuống dưới đất, trên đất có những vệt nắng vàng hình tròn, anh ta lại tưởng những vệt nắng dưới đất là trứng gà vịt đi nhặt. ‘Bóng trăng soi hoa lại nhặt củi’: Còn ánh trăng soi một cành hoa, bóng của cành hoa dưới nền đất thì ngỡ là cành củi khô vịt đi đến nhặt; ‘Nhân rồi xem tranh đau cả mũi; ‘Nhưng thật kỳ lạ là khi rảnh rồi anh ta xem tranh đến nỗi mũi bị viêm do ngứa nhiều. ‘Bận khóa tủ sách lại đứt lông mày’: Có lần anh ta trong lúc hoảng loạn muốn đi khóa tủ sách lại, nhưng do vì cúi sát gần tủ khóa quá đến nỗi bị đứt cả lông mày. ‘Chuyện cười lại càng thêm cười’: Rồi lại thêm một chuyện buồn cười nữa; ‘Đi thời đèn làm bỏng da môi’: Khi đi thổi đèn dầu, do vì không nhìn rõ nên anh ta đưa môi đến gần đèn đến nỗi làm bỏng cả da. Quý vị có hay đọc chuyện cười không? Chuyện này là chỉ những người có bị mờ mắt.

“Nhược thanh mân nhãn ám giả”: ‘Thanh mân’ chính là sáng sớm thức dậy, mắt mở ra bình thường, nhưng cái gì cũng không nhìn thấy, đây còn gọi là tật lác mắt, giống như mắt của con quạ. Tuy mắt mở nhưng không nhìn thấy gì. **“Nhược bạch vựng, xích mạc, vô quang minh giả”**: ‘Bạch vựng’: tức là tròng mắt có đốm trắng, còn **“nguyệt vựng”**: là chứng bệnh hoa mắt chóng mặt, **“xích mạc”** tức là mắt kéo màng đỏ, mắt có màu đỏ, vừa rồi nói đến cổ sư mắt có màu đỏ, cũng tương tự như vậy, **“vô quang minh”**: là người không thấy được ánh sáng, không cảm nhận được ánh sáng.

Kinh văn đoạn này nói rằng người này bị bệnh ở mắt nên lấy quả **“ha lê lạc”**, **“am ma lạc”**, **“bệ hê lạc”**: những quả này là những loại quả ở Ấn Độ; **“mỗi thứ lấy một quả”** lấy một quả cho mỗi loại. **“đem đập nhỏ rồi nghiền mịn ra”**: lấy ba quả này đem đập nhỏ rồi nghiền mịn, khi xay bạn phải thật cẩn thận và giữ cho sạch sẽ. Sự cẩn thận và sạch sẽ như thế nào? **“khi đập nên ở chỗ vắng lặng, giữ cho sạch sẽ chớ để cho chó, lợn cùng đàn bà mới sanh thấy”**: tức là quý vị nên ở chỗ vắng lặng không có người, tuyệt đối không được để phụ

nữ mới sinh con nhìn thấy, và cũng không để cho lợn và chó nhìn thấy, hay đến gần. **“Miệng luôn niệm Phật”**: Khi nghiền ba quả này, trong miệng nên niệm “Nam Mô A Di Đà Phật”. **“Nghiền xong đem hòa với mật trắng, hoặc sữa người”**: mật trắng là đường trắng; nếu có đường trắng thì pha với đường trắng hoặc không thì pha với sữa người. **“rồi đắp mắt”**: sau khi pha xong thì đắp lên mắt.

“Sữa này phải là của phụ nhân sanh con trai, chứ không được dùng sữa của người sanh con gái”: nếu như dùng sữa người để pha thì cần phải là sữa của người mẹ sinh bé trai, nếu dùng sữa của người mẹ sinh bé gái thì không thành. Rồi còn không được cho phụ nữ mới sinh, chó, mèo, lợn thấy. Vì đơn giản chỗ sinh con, phụ nữ mới sinh và gia súc là nơi ô uế, có mùi ô uế, người tu hành nên hiểu điều này. Cho nên, người tu hành không được nuôi lợn, gà, chó, mèo cũng là vì lý do này, không nên gần gũi những loại này. Giống như năm ngoái, gần đây họ nuôi 30 con chó trong nhà, đến nay mùi chó vẫn còn trong ngôi nhà đó. Cho nên, người tu Đạo không nên nuôi chó, mèo, lợn, không nên gần gũi những con vật này.

Tại sao không thể được để phụ nữ mang thai nhìn thấy? Ở Trung Quốc có một phong tục đó là không được đến nơi phòng sinh trẻ con, hay còn gọi nơi đó là ‘nguyệt phòng’, bởi vì trong đó có những thứ ô uế, không được sạch sẽ nên ở Trung Quốc có loại phong tục này. Đặc biệt là đối với những người tu pháp Mật tông và trì thần chú nên cần thận chớ đến những nơi này. Bình thường quý vị trì thần chú rất linh nghiệm và hiệu quả, nhưng nếu quý vị đến nguyệt phòng một lần, thần chú sẽ không còn tác dụng nữa, bởi vì pháp đã bị ô uế! Điều mà câu thần chú sợ nhất là loại bầu không khí bản thủ này, vì vậy những người tu tập pháp Tứ Thập Nhị Thủ Nhân không được vào nhà sinh nở. Những điều này tôi nói là chân thật, những hành giả phải đặc biệt chú ý.

“Khi hòa thuốc xong”: khi thuốc này được hòa xong, những hãy chú ý, khi pha chế thuốc xong thì **“đem chén thuốc**

để trước tượng Thiên Nhân tụng chú 108 biến”: đem chén thuốc đó đặt trước tượng bồ tát Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhân và trì tụng 108 biến vào, **“dùng thuốc ấy đắp vào mắt”**: sau đó hãy dùng thuốc đó hàng ngày đắp lên mắt, **“trong thời gian 7 ngày”**: sau đủ bảy ngày và **“bệnh nhân phải ở nơi nhà kín gió”**: và người bị bệnh thì phải ở phòng kín không có gió vào. **“Làm như thế, trông con mắt hư lại sáng, các chứng kia đều lành”**: nếu làm đúng như thế thì các loại bệnh về mắt đều khỏi. **“Mắt thấy được tỏ rõ”**: mắt sáng so với lúc trước rất nhiều.

※ ※ ※

Sáng hôm nay cũng như mọi khi, từ sáng sớm đã làm việc Phật sự rất cực khổ. Chúng tôi mỗi người mỗi ngày đều buổi sáng thì tham thiền, buổi chiều thì tụng kinh, lạy Phật, niệm Phật, trì chú, buổi tối thì nghe giảng pháp. Còn những lúc bình thường thì rất ít nói chuyện, bởi nói nhiều thì hao tổn ‘khí’. Tôi giảng kinh cũng là bất đắc dĩ, nếu tôi không giảng cho quý vị thì quý vị sẽ không biết, cho nên hao tổn một chút cũng không sao. Đừng bắt chước tôi, hãy học cách im lặng; đừng nói nhiều, đây là lời khuyên chân thành của tôi.

※ ※ ※

Kinh văn:

若患瘡病者。取虎豹豺狼皮。咒三七遍。披著身上。
即差。師子皮最上。

Hán văn: Nhược hoạn ngược bệnh giả, thủ hổ báo lang bì, chú tam thất biến, phi trước thân thượng, tức sai, sư tử bì tối thượng.

(Việt dịch: Nếu bị bệnh rết hoặc bị loài ma rết dựa, nên dùng da cạp hoặc da beo tụng vào đầy 21 biến chú. Rồi đắp lên mình thì bệnh sẽ khỏi ngay. Như được da sư tử thì càng tốt.)

Lược giảng:

“Nếu bị bệnh rết hoặc bị loài ma rết dựa”: giả sử có người bị mắc bệnh sốt rết. Bệnh sốt rết là như thế nào? Các

con sốt rét phát tác ở thời gian nhất định, hoặc bị một ngày một lần, hoặc hai ngày bị một lần, hoặc ba ngày mới bị một lần. Sốt rét một lần một ngày hay còn gọi là sốt rét ngày. Bệnh sốt rét, biểu hiện của nó là nóng lạnh bất thường, nguyên nhân bị bệnh nhiều khi có thể là do bị ma sốt rét nhập dựa hành thân. Khi con ma sốt rét này dựa nhập quý vị, quý vị sẽ cảm thấy rất lạnh. Nhưng khi con ma sốt rét rời đi thì bệnh nhân lại cảm thấy như bình thường, loại bệnh này thực sự rất quái ác. Đối với loại sốt rét này, quý vị nên “**dùng da hổ, da báo hoặc da sói**”: tìm một tấm da hổ, hoặc da báo, hoặc da chó sói; “**tụng vào đây 21 biến chú**”: quý vị trì chú Đại Bi 21 biến vào tấm da, “**ròi đắp lên mình**”: sau đó quý vị đắp tấm da đó lên người, “**thì bệnh sẽ lành**”: thì bệnh sẽ khỏi, con ma rét cũng phải co giò bỏ chạy mãi. “**Như được da sư tử thì càng tốt**”: nếu quý vị sử dụng một tấm da Sư tử thì sẽ là tốt nhất.

Kinh văn:

若被蛇螫。取被螫人結驛。咒三七遍。著瘡中。即差。
(註：驛。耳中垢也。)

Hán văn: Nhược bị xà thích, thủ bị thích nhân kết ninh, chú tam thất biến, trước thương trung, tức sai, (chú: Ninh tức Nhĩ trung cầu dã.)

(Việt dịch: Nếu bị rắn cắn, dùng chất ráy đóng trong lỗ tai của người bị cắn, tụng chú 21 biến, thoa vào vết thương, nọc rắn liền tiêu.)

Lược giảng:

“**Nếu bị rắn cắn**”: nếu như có người bị rắn cắn thì nên “**dùng chất ráy đóng trong lỗ tai của người bị cắn**”: lấy ráy tai trong tai của người bị cắn; “**tụng chú 21 biến**”: tụng vào đây 21 biến chú Đại Bi. “**thoa vào vết thương**”: sau đó thoa chỗ ráy đó lên vết thương, “**nọc rắn liền tiêu**”: thì lợc độc rắn sẽ tiêu trừ.

Kinh văn:

若患惡瘡入心。悶絕欲死者。取桃膠一顆。大小亦如

桃顆。清水一升和。煎取半升。咒七遍。頓服盡。即差。
其藥莫使婦人煎。

Hán văn: Nhược hoạn ác ngược nhập tâm, muộn tuyệt dục tử giả, thủ đào giao nhất quả, đại tiểu diệc như đào quả, thanh thủy nhất thăng hòa, tiền thủ bán thăng, chú thất biến, đốn báo tận, tức sai.

(Việt dịch: Nếu bị bệnh rét dữ nhập tâm, hôn muội sắp chết, dùng một khối củ cây đào, lớn ước lượng bằng trái đào, đem hòa với một thăng nước trong, sắc còn một nửa, tụng chú vào đây bảy biến rồi uống trong một lần, bệnh sẽ lành. Thuốc này chớ cho phụ nữ sắc.)

Lược giảng:

“Nếu bị bệnh rét dữ nhập tâm”: bệnh sốt rét nói ở phần kinh văn trên là sốt rét thông thường, không nghiêm trọng lắm, còn bệnh này cũng là sốt rét nhưng nặng và nghiêm trọng, không phải cách ngày mới bị mà mỗi ngày bị vài ba lần, cho nên nói là ‘nhập tâm’. **“hôn muội sắp chết”:** lúc bệnh phát tác, người này thậm chí còn tuyệt vọng muốn chết, hay có thể hiểu là nghiêm trọng có thể dẫn đến tử vong.

“Dùng một khối củ cây đào”: quý vị có thể tìm một cây đào, lấy củ của nó, củ này thường bám trên thân cây, có màu nâu đỏ rất dẻo và dính; **“lớn ước lượng bằng trái đào”:** lấy một lượng củ bằng khoảng kích thước giống như một quả đào. **“đem hòa với một thăng nước trong”:** đem củ đào đó hòa với một thăng nước sạch, Như đã nói ở những phần trên thăng là bằng khoảng 1 lít, có thể bằng một bát, hoặc ba bát. **“sắc còn một nửa”:** sau đó sắc xong còn lại một nửa. **“tụng chú vào đây bảy biến rồi uống”:** sau đó tụng vào đây bảy biến chú Đại Bi; **“uống trong một lần”:** rồi trong một lần uống hết củ thuốc đó. Nhưng hãy nhớ, khi cho người bệnh uống thuốc tuyệt đối không được để cho họ biết là thuốc gì, nếu quý vị cho họ biết là thuốc gì thì thuốc sẽ không còn tác dụng, **“bệnh sẽ lành”:** sau khi uống thuốc xong bệnh sẽ khỏi ngay.

“**Thuốc này chó cho phụ nữ sắc**”: khi sắc thuốc không được cho phụ nữ sắc. Tại sao? Vì đàn bà là Âm, đàn ông là Dương. Sốt rét là bệnh thuộc âm, nếu dùng nam nhân sắc thuốc sẽ có tác dụng, nếu là nữ nhân sắc thuốc, dược tính sẽ giảm đi. Đàn ông thuộc về dương và chỉ có dương mới có thể chế ngự căn bệnh thuộc âm này.

Kinh văn:

若患傳屍鬼氣。伏屍連病者。取拙具羅香。咒三七遍。燒薰鼻孔中。又取七丸如兔糞。咒三七遍吞。即差。慎酒肉五辛及惡罵。若取摩那屎羅。和白芥子印成鹽。咒三七遍。於病兒床下燒。其作病兒。即魔掣迸走。不敢住也。(註：摩那屎羅。雄黃也。)

Hán văn: Nhược hoạn truyền thi quỷ khí, phục thi liên bệnh giả, thủ chuyết cụ la hương, chú tam thất biến, thiêu huân tử không trung, hựu thủ thất hoàn như thỏ phân, chú tam thất biến thân, tức sai, thận tửu nhục ngũ tân cập ác mạ, nhược thủ ma na hi la, hòa bạch giới tử, ấn thành diêm, chú tam thất biến, ư bệnh nhi sàng hạ thiêu. Kỳ tác bệnh nhi, tức ma xé bính tẩu, bất cảm trú dã. (Chú: Ma Na Hi La tức Hùng Hoàng⁴).

(Việt dịch: Nếu bị loài quỷ truyền thi, phục thi làm bệnh, dùng hương chuyết cụ la tụng chú 21 biến, đốt xông vào lỗ mũi. Lại lấy 7 phần hương ước lượng bằng phân thỏ, cũng gia trì chú 21 biến mà uống, bệnh sẽ lành. Cần trọng bệnh nhân phải kiêng rượu, thịt, ngũ vị tân và măng chửi. Một phương pháp nữa là dùng vị Ma Na Hi La hòa với Bạch giới tử và muối hạt, gia trì chú 21 biến, rồi đem xông đốt dưới giường người bệnh, quỷ liền vội vã trốn chạy, không dám ở (Ma Na Hi La là vị thuốc Hùng Hoàng)

Lược giảng:

“**Nếu bị loài quỷ truyền thi, phục thi làm bệnh**”: loại bệnh này được gọi là căn bệnh tà. Người phương Tây không

⁴ **Hùng hoàng** (khoáng vật có sắc vàng dùng làm thuốc, có thể giải độc trong đông y còn có tên gọi khác là Hùng Tinh, Kê Quan Thạch)

tin có loại bệnh này, họ xem đó là chuyện hoang đường, bởi vì ở phương Tây rất ít xảy ra, còn ở Trung Quốc thì lại xảy ra rất nhiều. Tà bệnh tức là lúc đầu người đang khỏe mạnh thì bị ma nhập vào người, đây gọi là quỷ trong thân, cũng gọi là phục thi, truyền thi. Như nơi đó có người chết, đến nơi đó thì liền bị có người phát bệnh, đó là do có ma dựa xác người mà làm cho bị bệnh, thông qua người còn sống đó để nói chuyện, giọng nói của người đó cũng giống như của người đã chết. Ví dụ, nếu người chết là một ông già, nhưng loại quỷ này nhập vào người nữ, bây giờ thân thể của người nữ nhưng lại có giọng nói và tác phong cử chỉ thì là của ông già. Có rất nhiều, rất nhiều căn bệnh như vậy ở Trung Quốc, căn bệnh được gọi là do quỷ truyền thi tác quái. Còn Phục Thi là quỷ dựng thân ma, là một người sống lại sau khi chết vài ngày, nhưng không phải là người đó còn sống, mà là một loại linh hồn nào đó đã đến nhập vào xác chết đó. Loại bệnh này người bình thường không cách nào chữa khỏi, cho người bệnh uống thuốc gì cũng không trị khỏi, cho nên gọi căn bệnh này là Truyền Thi Quỷ Khí.

“Dùng hương chuyết cụ la tưng chú 21 biến”: lấy An Túc hương, niệm chú Đại Bi 21 biến; **“đốt xông vào lỗ mũi”**: sau đó đốt hương rồi xông vào lỗ mũi người bệnh. **“Lại lấy 7 phần hương lớn ước lượng bằng phân thỏ, cũng gia trì chú 21 biến mà uống, bệnh sẽ lành”**: sau đó lại dùng An Túc hương nấn lại thành bảy viên thuốc mỗi viên to bằng phân thỏ, từng viên từng viên lại trì chú Đại Bi 21 biến nữa, rồi cho người bệnh uống thì bệnh sẽ lành. **“Cẩn trọng bệnh nhân phải kiêng rượu, thịt, ngũ vị tân và mắng chửi”**: cẩn trọng tức là kiêng cử, đoạn tuyệt, kiêng cử ăn thịt, uống rượu, ăn ngũ vị tân (*Hành, hẹ, tỏi, nén, kiệu*) và mắng chửi người khác.

“Một phương pháp nữa”: lại có một phương pháp khác, đó là như thế nào? Sử dụng Ma Na Hi La, Ma Na Hi La là vị thuốc Hùng Hoàng ở Trung Quốc, vị thuốc này chuyên dùng để xua đuổi côn trùng, rắn rất sợ loại thuốc này, vị thuốc cũng dùng để ngâm rượu, ngày tết uống rượu Hùng Hoàng. **“hòa**

với **Bạch giới tử và muối hạt**”: đem Hùng Hoàng trộn với Bạch Giới Tử và muối hạt. Bạch Giới Tử là một loại hạt thuộc họ cải, ấn thành diêm là tên một loại muối (*nhưng có thể dùng muối hạt*). **“gia trì chú 21 biến”**: sau khi trộn 3 vị này với nhau thì tụng vào đó 21 biến chú Đại Bi, **“rồi đem xông đốt dưới giường người bệnh”**: rồi đem đặt dưới giường người bệnh rồi đốt lên, đốt ở đây là đốt cho có khói xông lên, **“quỷ liền vội vã trốn chạy, không dám ở”**: đốt xông như thế quỷ liền co giò bỏ chạy, không dám ở lại, không dám làm cho người bị bệnh nữa.

Kinh văn:

若患耳聾者。咒胡麻油著耳中。即差。

Hán văn: Nhược hoạn nhĩ lũng giả, chú hồ ma du trước nhĩ trung, tức sai.

(*Việt dịch: Nếu bị tai bệnh bị điếc, tụng chú vào dầu mè, rồi nhỏ trong tai, bệnh sẽ lành.*)

Lược giảng:

“Nếu có bệnh về tai, bị điếc, tụng chú vào dầu mè, rồi nhỏ trong tai, bệnh sẽ lành”: nếu có ai bị điếc hay mắc bệnh về tai, đoạn này kinh văn không nói đến tụng bao nhiêu biến thần chú. Nhưng tốt nhất là nên tụng 21 biến chú Đại Bi vào dầu mè rồi đem nhỏ vào trong tai thì bệnh sẽ lành. Điếc là căn bệnh y học gần như không chữa được, vậy mà chú Đại Bi chữa được. Quý vị có tin không, kỳ diệu vậy đó.

Kinh văn:

若患一邊偏風。耳鼻不通。手腳不隨者。取胡麻油。煎青木香。咒三七遍。摩拭身上。永得除差。又方。取純牛酥。咒三七遍摩。亦差

Hán văn: Nhược hoạn nhất biên thiên phong, nhĩ tỷ bất thông, thủ khước bất tùy giả, thủ hồ ma du, tiễn thanh mộc hương, chú tam thất biến, ma thức thân thượng, vĩnh đắc trừ sai, hựu phương, thủ thuần ngư tô, chú tam thất biến ma, diệc sai.

(Việt dịch: Nếu bị chứng thiên phong, liệt nửa thân mình, tai điếc, mũi không biết mùi. Dùng dầu mè sắc với vị Thanh Mộc Hương. Gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi mình. Bệnh sẽ vĩnh viễn tiêu trừ. Lại một phương pháp nữa: dùng sữa ngưu tô thuần chất, tụng vào 21 biến chú mà thoa, bệnh cũng sẽ lành.)

Lược giảng:

“Nếu bị chứng thiên phong”: Thiên Phong là chứng bệnh gì, là chứng bệnh trúng gió, dẫn đến bán thân bất toại, tức là liệt nửa người, hoặc là tay chân không thể cử động, còn gọi chứng bệnh phong hàn hay đột quy. **“liệt nửa thân mình, tai điếc, mũi không biết mùi”**: chứng bệnh này dẫn đến liệt nửa người, tai không nghe được, mũi không ngửi được mùi vị. Bệnh như thế này thì trị như thế nào? **“Dùng dầu mè sắc với vị Thanh Mộc Hương”**: Thanh Mộc Hương là một vị thuốc, lấy một phần dầu mè và một phần Thanh Mộc Hương rồi đem đun lên. **“Gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi mình”**: sau đó niệm chú Đại Bi 21 biến vào chỗ thuốc đó rồi đem thoa nơi thân người bệnh thì **“bệnh sẽ vĩnh viễn tiêu trừ”**. **“Lại một phương pháp nữa”**: lại có một phương pháp chữa khác đó là **“dùng sữa ngưu tô thuần chất, tụng vào 21 biến chú mà thoa, bệnh cũng sẽ lành”**: Ngưu tô là sữa bò, dùng sữa lấy từ con bò rồi gia trì vào đó 21 biến chú Đại Bi rồi thoa cho người bệnh thì bệnh cũng sẽ khỏi.

Kinh văn:

若患難產者。取胡麻油。咒三七遍。摩產婦臍中。及五門中。即易生。

Hán văn: Nhược hoạn nan sản giả, thủ hồ ma du, chú tam thất biến, ma sản phụ tề trung, cập ngọc môn trung, tức dị sanh.

(Việt dịch: Nếu sản phụ khó sanh, mau dùng dầu mè rồi gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi rốn và ngọc môn, liền được dễ sanh.)

Lược giảng:

“Nếu sản phụ khó sanh”: nếu người sản phụ khó sanh,

sanh con không dễ dàng, “**mau dùng dầu mà gia trì chú 21 biến, rồi thoa nơi rốn và ngọc môn, liền được dễ sanh**”: nên lấy dầu mè rồi gia trì vào đó 21 biến chú rồi xoa nơi rốn và huyết Ngọc Môn thì sản phụ liền dễ sinh.

Kinh văn:

若婦人懷妊。子死腹中。取阿波木利伽草一大兩。清水二升和。煎取一升。咒三七遍服。即出。一無苦痛。胎衣不出者。亦服此藥。即差。(註：阿波木利伽草。牛膝草也。)

Hán văn: Nhược phụ nữ hoài nhâm, tử tửc phục trung, thủ a ba mộc lợi gia thảo nhất đại lượng, thanh thủy nhị thăng hòa, tiễn thủ nhất thăng, chú tam thất biến phục, tức xuất, nhất vô khổ thông, thai y bất xuất giả, diệc phục thử dược, tức sai. (Chú: A ba mộc lợi gia thảo. Nguru tất thảo dã)

(Việt dịch: Nếu phụ nữ có thai, thai nhi chết trong bụng. Dùng một lượng thuốc A Ba Mộc Lợi Đà, đổ hai thăng nước trong, sắc còn một thăng. Gia trì chú 21 biến mà uống, thì cái thai liền ra, sản phụ không một chút đau đớn. Hoặc nhau thai không ra, cũng uống thuốc này bệnh sẽ hết (A ba mộc lợi đà là vị Nguru Tất)

Lược giảng:

“**Nếu phụ nữ có thai, thai nhi chết trong bụng**”: nếu có phụ nữ mang thai, mà thai bị hư, thai nhi chết trong bụng; “**dùng một lượng thuốc A Ba Mộc Lợi Đà, đổ hai thăng nước trong, sắc còn một thăng**”: A Ba Mộc Lợi Đà là vị thuốc Nguru Tất, dùng vị thuốc Nguru Tất cho vào hai thăng (2 lít) nước sạch rồi đem sắc lên cho còn lại một thăng (1 lít). Ví dụ dùng 2 hai chén nước thì sắc còn một chén. “**Gia trì chú 21 biến mà uống, thì cái thai liền ra, phụ nhân không một chút đau đớn**”: sau đó lại tụng vào chỗ thuốc vừa sắc xong 21 biến chú rồi đem cho người sản phụ uống thì cái thai liền ra mà sản phụ không một chút đau đớn. “**Hoặc nhau thai không ra, cũng uống thuốc này bệnh sẽ hết**”: hoặc có người sản

phụ mà sau khi sinh nhau thai không ra, hay còn gọi là sót nhau thai thì cũng làm thuốc y như trên thì nhau thai cũng ra.

Kinh văn:

若卒患心痛不可忍者。名遁屍疰。取君柱魯香。乳頭成者一顆。咒三七遍。口中嚼咽。不限多少。令變吐。即差。慎五辛酒肉。(註：君柱魯香。薰陸香也。)

Hán văn: Nhược tốt hoạn tâm thống bất khả nhận giả, danh độn thi chú, thủ quân trụ lỗ hương, nhũ đầu thành giả nhất khóa, chú tam thất biến, khẩu trung tước yết, bất hạn đa thiểu, lịnh biến thổ, tức sai, thận ngũ tân tửu nhục. (Chú: quân trụ lỗ hương: huân lục hương dã.)

(Việt dịch: Nếu bỗng nhiên đau nhói nơi tim chịu không nổi, đây gọi là chứng độn thi chú, nên dùng Quân Trụ Lỗ, lấy quả đã chín có mùi sữa, tụng chú vào 21 biến, rồi để trong miệng nhai nuốt không hạn nhiều ít, chừng nào nữa được mới thôi, y như thế bệnh sẽ lành, song nên nhớ phải cử ngũ tân và rượu thịt (quân trụ lỗ là vị thuốc Huân Lục Hương).)

Lược giảng:

“**Nếu bỗng nhiên đau nhói nơi tim chịu không nổi, đây gọi là chứng độn thi chú**”: Độn Thi chú là gì? Là một loại bệnh do tà quỷ gây ra, quỷ nhập vào thân người sau đó làm cho người này đau thấu tận tim gan; “**ên dùng Quân Trụ Lỗ**”: Quân Trụ Lỗ chính là vị thuốc Huân Lục Hương hay Nhũ hương cũng là của loại thuốc, “**lấy quả đã chín có mùi sữa**”: loại quả này khi chín thì có một mùi hương sinh ra mùi giống như sữa; “**tụng chú vào 21 biến**”: sau đó tụng vào đó 21 biến chú, mỗi quả tụng 21 biến chú Đại Bi. “**rời để trong miệng nhai nuốt**”: rời dùng đem quả đó nhai sau đó nuốt, hoặc nhai rời ngâm nơi yết hầu rời sau đó nuốt; “**không hạn nhiều ít**”: không giới hạn là ăn nhiều hay ít, không có số lượng.

“**Chừng nào nữa được mới thôi**”: ăn quả đã được trì chú đó đến khi nôn nữa, nôn nữa ra cạn bã thì mới thôi không ăn nữa; “**y như thế bệnh sẽ lành**”: nếu làm đúng như thế bệnh

sẽ lành. “song nên nhớ phải cũ ngũ tân và rượu thịt”: nhưng nên nhớ một điều? Đó là không ăn ngũ vị tân, các loại cay nồng và không uống rượu, không ăn thịt.

Kinh văn:

若被火燒瘡。取熱瞿摩夷。咒三七遍。塗瘡上。即差。
(註：熱瞿摩夷。烏牛屎也。)

Hán văn: Nhược bị hỏa thiêu sang, thủ nhiệt cù ma di, chú tam thất biến, đồ sang thượng, tức sai. (Chú nhiệt cù ma di, điều ngư thi)

(Việt dịch: Nếu bị bỏng lửa thành lở loét, dùng phân trâu đen tọng chú 21 biến mà thoa, bệnh sẽ lành.)

Lược giảng:

“**Nếu bị bỏng lửa thành lở loét**”: nếu như không may bị lửa đốt đến bỏng, vết bỏng bị lở loét; “**dùng phân trâu đen tọng chú 21 biến mà thoa**”: lấy phân con trâu đen rồi tọng vào đó 21 biến chú Đại Bi rồi thoa lên chỗ lở loét thì bệnh sẽ lành.

Kinh văn:

若患蛔蟲齧心。取骨魯木遮半升。咒三七遍服。即差。
重者一升。蟲如綵索出來。(註：骨魯木遮。白馬尿)

Hán văn: Nhược hoạn hồi trùng giao tâm, thủ cốt lỗ mộc già bán thăng, chú tam thất biến phục, tức sai, trọng giả nhất thăng, trùng như lệ sách chu lai. (Chú: Cốt lỗ mộc già, bạch mã niệu dã).

(Việt dịch: Nếu bị loại giun sán cắn nơi tim, dùng nửa thăng nước tiểu con ngựa bạch, như bệnh nặng thì một thăng, gia trì chú 21 biến, uống vào loài trùng sẽ quỵện ra như sợi dây, bệnh sẽ lành.)

Lược giảng:

“**Nếu bị loài giun, sán cắn nơi tim**”: Có rất nhiều người rất gầy, tại sao những người đó lại gầy như vậy? Bởi vì trong bụng những người đó có rất nhiều giun, sán. Những người đó ăn bao nhiêu chất dinh dưỡng cũng bị loài giun, sán hút hết

chất dinh dưỡng Khi có nhiều người gầy trong bụng có sán. Rồi những người như vậy rất hay đau bụng, đó là do có giun sán chú ngụ ở trong ruột vậy.

Có rất nhiều loại giun, nhưng có loại giun đũa đặc biệt thông minh, chúng thông minh đến mức nào? Chúng ở trong bụng người, chúng hiểu con người nói chuyện, nó biết tâm tư quý vị muốn làm gì? Chính vì vậy mà Tục ngữ có câu: ‘bạn không phải là giun đũa trong bụng của tôi, bạn làm sao biết được tâm của tôi?’, từ điều này có thể hiểu giun đũa biết quý vị suy nghĩ điều gì, muốn làm gì. Loại giun này, ngay cả khi quý vị uống sỏ giun vào cũng không cách nào tiêu diệt được chúng. Tại sao? Nếu như quý vị uống thuốc mà không biết mình uống thì giun mới bị nhiễm thuốc, còn quý vị chủ ý uống thuốc thì giun sẽ biết, giun mà biết thì thuốc sẽ không có tác dụng. Vì giun ở trong bụng quý vị, chúng biết quý vị uống thuốc nên chúng không ăn, vậy nên thuốc sẽ không có tác dụng. Đôi khi có giun còn biết nói, như tôi đã kể trước đây, có một bà lão ở Hồng Kông, trong bụng bà ta có một thứ gì đó có thể nói chuyện được. Đó không phải là loài giun đũa thông thường, mà là như một loại quái vật. Loại giun đũa này có cấu tạo rất đặc biệt để cư trú và cắn tim người. Khi nó cắn vào tim quý vị, quý vị sẽ bị đau tim không chịu nổi. Vậy phải điều trị bằng cách nào?

“Dùng nửa thặng nước tiểu con ngựa bạch”: lấy nửa thặng (0,5 lít) nước tiểu của con ngựa bạch; **“gia trì chú 21 biến”**: sau đó tọng vào đó 21 biến chú Đại Bi; **“như bệnh nặng thì một thặng”**: nếu như bệnh nặng thì uống một thặng (1 lít), cứ tăng gấp đôi là được.

“Uống vào loài trùng sẽ quyện ra như sợi dây, bệnh sẽ lành”: sau khi uống thuốc vào thì loài trùng quyện ra như sợi dây, bởi vì có rất nhiều con chứ không phải một con. Khi chúng chui ra miệng con này sẽ cắn đuôi con kia, con này cắn con kia mà ra trông giống như sợi dây, từ cách đại tiện mà theo phân. Bệnh sẽ lành.

Kinh văn:

若患丁瘡者。取凌霄葉。搗取汁。咒三七遍。漉著瘡上。即拔根出。立差。(註：凌霄葉。即紫葳葉。)

Hán văn: Nhược hoạn đình sang giả, thủ lǎng tiêu diệp, giã thủ tráp, chú tam thập biến, lịch trước sang thượng, tức bặt căn xuất, lập sai. (Chú: Lǎng Tiêu Diệp tức Tử Oai diệp.)

(Việt dịch: Nếu bị bệnh mụn ghẻ đình, dùng lá Lǎng Tiêu giã lấy nước. Gia trì chú 21 biến mà thoa, thì ghẻ liền ra còi mà lành.)

Lược giảng:

“**Nếu bị bệnh mụn ghẻ đình**”: bệnh mụn ghẻ đình là như thế nào, nói đúng hơn là một cái mụn lớn. Phía da xung quanh như bị mề đay, bầm tím và sưng tấy, bên trong mụn thì như có cái đình. Cái mụn này như cái đình cắm vào trong thịt của quý vị, thậm chí đóng cả vào trong xương, nó rất cứng. Phía đầu trên của mụn thì bị lở loét, thối rữa; “**dùng lá Lǎng Tiêu giã lấy nước**”: Lǎng Tiêu là một loại dược liệu, lấy lá Lǎng Tiêu giã nát ra rồi vắt lấy nước. “**Gia trì chú 21 biến mà thoa, thì ghẻ liền trôi ra mà lành**”: sau đó tụng 21 biến chú Đại Bi vào nước và dùng vải thấm nước thuốc mà thoa lên chỗ bị mụn nhọt, thì mụn nhọt được nhổ tận gốc, trôi gốc mụn ra thì liền lành bệnh.

Kinh văn:

若患蠅螫眼中。骨魯怛怯瀘取汁。咒三七遍。夜臥著眼中。即差。(註：骨魯怛怯。新驢屎也。)

Hán văn: Nhược hoạn nhặng thích nhãn trung, cốt lỗ hăng khiếp lự thủ tráp, chú tam thất biến, dạ ngoạ trước nhãn trung, tức sai. (Chú: Cốt lỗ hăng khiếp, tân lự thi dã)

(Việt dịch: Nếu loài ruồi độc cắn vào mắt. Dùng phân mới của con lừa, vắt lấy nước, gia trì 21 biến chú. Đợi ban đêm trước khi ngủ, nhỏ thuốc ấy vào, bệnh sẽ lành.)

Lược giảng:

“**Nếu loài ruồi độc cắn vào mắt**”: loại ruồi này chúng có chất độc, nếu không may bị loài ruồi này cắn vào mắt. “**Dùng phân mới của con lừa, vắt lấy nước**”: lấy phân của con lừa khi mà nó vừa mới đại tiện xong, đem vắt lấy nước. Cũng tọng “**21 biến chú**” vào chỗ nước vừa mới vắt được đó. “**Đợi ban đêm trước khi ngủ, nhỏ thuốc ấy vào, bệnh sẽ lành**”: sau đó ban đêm trước khi đi ngủ thì đem chỗ nước đã được gia trì đó nhỏ lên mắt thì bệnh sẽ khỏi.

Kinh văn:

若患腹中痛。和井華水。和印成鹽三七顆。咒三七遍。服半升。即差。

Hán văn: Nhược hoạn phúc trung thông, hòa tinh hoa thủy, hòa ấn thành diêm tâm thất khả, chú tam thất biến, phục bán thăng, tức sai.

(Việt dịch: Nếu bị đau bụng, dùng nước tinh hoa thủy hòa với 21 hạt muối hạt, tọng 21 biến chú vào, lấy nửa thăng mà uống, liền hết đau.)

Lược giảng:

“**Nếu bị đau bụng**”: nếu bị bệnh đau bụng, “**dùng nước tinh hoa thủy hòa với 21 hạt muối hạt**”: Tinh hoa thủy là loại nước suối, nước ở giếng vào buổi sáng có vị ngọt không độc, hay nước được lấy buổi sáng sớm, đặc biệt lấy nước từ núi, khe suối. Lấy loại nước này hòa với 21 hạt muối; “**tọng 21 biến chú vào**”: sáu đó tọng vào nước muối đó 21 biến chú Đại Bi, “**lấy nửa thăng mà uống, liền hết đau**”: lấy nửa thăng nước muối, đại khái là khoảng hơn một bát mà uống thì bệnh sẽ khỏi. *(Nếu không có nước tinh hoa thủy thì dùng nước sạch không trùng)*

Kinh văn:

若患赤眼者。及眼中有努肉。及有翳者。取奢奢彌葉

。搗濾取汁。咒三七遍。浸青錢一宿。更咒七遍。著眼中。即差。(註：奢奢彌葉。枸杞葉也。)

Hán văn: Nhược hoạn xích nhãn giả, cấp nhãn trung hữu nỗ nhục, cấp hữu ế giả, thủ xa xa di điệp, đảo lư thủ trấp, chú tam thất biến, tâm thanh tiền nhất túc, cánh chú thất biến, trước nhãn trung, tức sai.(Chú: Xa xa di điệp, câu kỷ điệp dã.)

(Việt dịch: Nếu bị bệnh đau mắt đỏ, mắt lồi thịt, mắt có những đốm trắng. Dùng lá Xa Xa Di giã nát lấy nước. Gia trì chú 21 biến, rồi bỏ đồng tiền bằng đồng thau vào ngâm một đêm. Xong lại lấy ra, tụng thêm vào đấy 7 biến chú nữa. Dùng thuốc này nhỏ vào mắt, bệnh sẽ lành (chú thích: Xa xa di là lá Kỷ Tử).)

Lược giảng:

“Nếu bị bệnh đau mắt đỏ”: niệm chú Đại Bi chữa bệnh về mắt rất hiệu nghiệm, bệnh đau mắt đỏ là mắt có màu đỏ, mắt vốn hai phần đen trắng phân minh nhưng nay nhiều phần trắng đã chuyển sang màu đỏ, **“mắt lồi thịt”:** hay trong mắt có một cục thịt nhô ra, **“mắt có những đốm trắng”:** hoặc như trên con ngươi màu đen lại có những đốm màu trắng. **“Dùng lá Xa Xa Di giã nát lấy nước”:** Xa Xa Di là tiếng Ấn Độ, Trung Quốc gọi là Kỷ Tử, là loại mà người Trung Quốc hay dùng để nấu canh, sau đó giã nát ra, dùng vải xô để lọc lấy nước. **“Gia trì chú 21 biến, rồi bỏ đồng tiền bằng đồng thau vào ngâm một đêm”:** tụng vào nước đó 21 biến chú Đại Bi, sau đó bỏ một vài đồng tiền xu bằng đồng thau vào và ngâm qua đêm, **“tụng thêm vào đấy 7 biến chú nữa”:** sáng hôm sau lấy tiền xu ra và tụng vào đấy 7 biến chú nữa. **“Dùng thuốc này nhỏ vào mắt, bệnh sẽ lành”:** dùng thuốc này nhỏ lên mắt thì bệnh sẽ khỏi.

Kinh văn:

若患畏夜不安。恐怖出入驚怕者。取白線作索。咒三七遍。作二十一結。繫項。恐怖即除。非但除怖。亦得滅罪。

Hán văn: Nhược hoạn úy dạ bất an, khủng bố xuất nhập kính phạ giả, thủ bạch tuyền tác sách, chú tam thất biến, tác nhị thập nhất kết, hệ hạng, khủng bố tức trừ, phi đản trừ bố, diệc đắc diệt tội.

(Việt dịch: Nếu người có tật ban đêm sợ hãi ra vào không yên. Lấy chỉ trắng kết thành dây, gia trì chú 21 biến, buộc thành 21 thắt rồi đeo nơi cổ, thì tật ấy sẽ dứt. Chẳng những trừ được sự khủng bố mà cũng diệt được tội.)

Lược giảng:

“Nếu người có tật ban đêm sợ hãi ra vào không yên”: hoặc giả có người có chứng bệnh sợ bóng tối, nên vào ban đêm thì nỗi sợ lại áp đến. Cho đến đi vệ sinh cũng sợ, vào ban đêm thì luôn nom nớp lo sợ. **“Lấy chỉ trắng kết thành dây”:** tìm một vài sợi chỉ trắng và xoắn chúng thành một sợi dây, ít nhất là năm sợi; sợi dây sẽ được kết từ năm sợi chỉ trắng. **“gia trì chú 21 biến”:** sau đó lại tụng 21 biến chú, **“buộc thành 21 thắt rồi đeo nơi cổ”:** tiếp đến buộc sợi dây thành 21 nút buộc và dùng để đeo nơi cổ; **“thì tật ấy sẽ dứt”:** làm đúng như thế thì sẽ trừ được tật sợ bóng tối. **“Chẳng những trừ được sự khủng bố mà cũng diệt được tội”:** làm đúng như pháp, đeo sợi dây ấy nơi cổ, chẳng những sẽ trừ được tật sợ bóng tối mà còn có thể tiêu trừ được nghiệp chướng, tội lỗi của bản thân. *(Phần này kinh văn hay giảng giải không đề cập đến tụng hết 21 biến chú rồi buộc sợi dây 21 thắt hay tụng một biến thì buộc một thắt, nhưng y theo phần kinh văn trên thì hành giả nên tụng trước 21 biến sau đó lại tụng một biến thì buộc một nút thắt)*

Kinh văn:

若家內橫起災難者。取石榴枝。寸截一千八段。兩頭塗酥酪蜜。一咒一燒。盡千八遍。一切災難。悉皆除滅。要在佛前作之。

Hán văn: Nhược gia nội hoành khởi tai nạn giả, thủ thạch lựu chi, thôn tiết nhất thiên bát đoạn, lưỡng đầu đồ tô lạc mật,

nhất chú thiêu, tận thiên bát biến, nhất thiết tai nạn, tất giai trừ diệt, yếu tại Phật tiền tác chi.

(Việt dịch: Nếu trong nhà sanh nhiều tai họa. Dùng nhánh cây thạch lựu chặt thành 1.080 đoạn ước độ một tấc, mỗi đoạn 2 đầu đều thoa mật và tô lạc. Sau đó tụng một biến chú, liền đốt một đoạn. Khi đốt hết 1.080 đoạn, tất cả tai nạn thấy đều tiêu trừ, chú ý phải làm trước tượng Phật.)

Lược giảng:

“**Nếu trong nhà sanh nhiều tai họa**”: giả sử trong nhà thường xuyên xảy ra tai họa, chuyện không như ý như trộm cướp, hỏa hoạn, hoặc là nhiều loại tai nạn khác. “**Dùng nhánh cây thạch lựu chặt thành 1.080 đoạn ước độ một tấc**”: lấy một cành gỗ của cây lựu đem chặt thành 1080 đoạn, mỗi đoạn ước chừng một tấc (1 tấc bằng khoảng 10cm), “**mỗi đoạn 2 đầu đều thoa mật và tô lạc**”⁵: hai đầu của mỗi nhánh cây cắt ra đều phải bôi tô lạc và mật ong. “**sau đó tụng một biến chú, liền đốt một đoạn**”: sau đó cứ tụng xong một biến chú Đại Bi thì đốt một nhánh cây, “**khi đốt hết 1.080 đoạn, tất cả tai nạn thấy đều tiêu trừ**”: 1080 nhánh cây thì tụng 1080 biến chú và đốt 1080 lần, làm đúng như thế tất cả tai họa sẽ tiêu trừ, “**chú ý phải làm trước tượng Phật**”: nhưng phải nhớ là làm trước tượng Bồ tát Quán Thế Âm Nghìn Mắt Nghìn Tay.

Kinh văn:

若取白菖蒲。咒三七遍。繫著右臂上。一切鬥處。論義處。皆得勝他。

Hán văn: Nhược thủ bạch xương bồ, chú tam thất biến, hệ trước hữu tị thượng, nhất thiết đấu xứ, luận nghĩa xứ, giai đắc thắng tha.

(Việt dịch: Dùng một nhánh Bạch Xương Bồ, trì vào 21

⁵ **Tô lạc:** Là một loại thức ăn của người Ấn Độ được chế biến từ sữa tươi nguyên chất, từ sữa tươi chế biến ra Lạc rồi từ Lạc chế biến sinh ra Tô, Tô lạc giống món ăn bơ, pho mát

biến chú, đeo nơi cánh tay phải thì tại các nơi đấu tranh, luận nghị đều được thắng lợi.)

Lược giảng:

“**Bạch Xương Bò**” là cây xương bò trắng, là một loại thảo dược. Quý vị lấy 1 nhánh của cây Xương Bò trắng rồi “**gia trì chú 21 biến chú**” và “**đeo nơi cánh tay phải**”: Buộc nhánh Xương Bò đó vào cánh tay hoặc bắp tay của tay phải. Nếu làm như thế thì “**ở các nơi đấu tranh**”: quý vị đi đến nơi nào cùng người tranh đấu, hoặc “**luận nghị**”: là cùng người khác bàn luận giải đạo lý, “**đều được thắng lợi**”: cho dù tranh luận với ai cũng thắng, cũng đều được hơn người, được tài hùng biện thông suốt, không trở ngại.

Kinh văn:

若取奢奢彌葉枝柯寸截。兩頭塗真牛酥。白蜜牛酥。
一咒一燒。盡一千八段。日別三時。時別一千八遍。滿七日。
咒師自悟通智也。

Hán văn: Nhược thủ xa xa di diệp, câu kỷ thôn tiệt, lưỡng đầu đồ chân ngư tô, bạch mật ngư tô, nhất chú nhất thiêu, tận nhất bát đoạn, nhật biệt tam thời, thời biệt nhất thiên bát thiên, mãn thất nhật, chú sư tự ngộ thông trí tuệ dã.

(Việt dịch: Nếu muốn được trí huệ. Nên dùng nhánh xa xa di, chặt thành 1080 đoạn, mỗi đoạn 2 đầu thoa sữa ngư tô thuần chất. Dùng sữa ngư tô hòa với bạch mật sau đó tụng một biến chú thì đốt một đoạn. Nên nhớ trong một ngày đêm chia ra ba thời, mỗi thời tụng chú và đốt 1080 đoạn. Thực hành đúng 7 ngày, chú sư sẽ được trí huệ thông ngộ.)

Lược giảng:

“**Nếu muốn được trí huệ**”: nếu quý vị muốn đắc trí huệ tức mạng thông, thì nên tu pháp này. Pháp này là mật pháp, pháp bí mật của mật tông. Mật Pháp thì không thể giảng bừa, không thể rộng nói được, nhưng Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni cũng đã giảng rồi. Đây là mật pháp phải đốt đồ, vì sao phải đốt đồ vật? Trong Phật Giáo Mật tông có một loại pháp gọi là Hộ

Ma, đó là dùng nhiều thứ khác nhau để đốt như quần áo, y phục, vàng bạc, đá quý hay bơ sữa cho đến những thứ ăn được, đều đem đốt đi.

Nhưng Mật Tông có những vị thầy lợi dụng pháp này để chuộc lợi. Họ bảo những đồ tử hãy đem nhẫn ra đốt, hay những thứ nào giá trị càng cao thì công đức càng lớn. Ông ta giả bộ chỉ cần ngòi đóm, cầm chuông lên, và chỉ niệm chú "ù ù ù" như thế này để tăng thêm sự mâu nhiệm. Vì vậy, quý vị đốt chiếc nhẫn vàng của mình và nhiều thứ khác trong đó. Sau khi đốt xong, bất kể đốt hay không đốt, thầy Mật tông đều có thể lấy ra bán, họ sẽ dạy quý vị đốt vàng bạc càng quý thì công đức càng nhiều.

Có nhiều người mê muội, có lẽ đang ngủ say nên chưa tỉnh, họ không phân biệt được như thế nào là thật hay là giả? Cũng không biết là mơ hay là tỉnh? Cho nên những người đó tin rằng đốt vàng, hoặc đồ quý giá có công đức. Những trường hợp này tôi gặp rất nhiều. Tuy nhiên, ở Hoa Kỳ hiện nay không có tình trạng như vậy, và không có loại Phật giáo Mật tông như vậy, nhưng trong tương lai sẽ có. Hoặc có những thầy truyền các tín đồ rằng: ‘Các người sau này cũng sẽ làm bậc thầy kim cương thượng sư, vậy hãy đem đồ quý giá để đốt đi thì mới có nhiều công đức’. Sau đó họ sẽ lấy số đồ quý giá đó đem đi bán để kiếm tiền. Tôi thì không biết phương pháp này, cho nên không có bản lĩnh trong việc này.

“Nên dùng nhánh Xa Xa Di”: Xa Xa Di là là cây Câu Kỳ Tử (*Kỳ Tử*), ‘nhánh’ là nhánh và cành của nó. **“chặt thành 1080 đoạn”**: cắt làm từng đoạn, từng đoạn, thành 1080 đoạn. **“Mỗi đoạn 2 đầu thoa sữa ngưu tô thuần chất”**: mỗi đoạn cây cắt được thì hai đầu đều được thoa sữa bò. **“Dùng sữa ngưu tô hòa với bạch mật”**: Dùng sữa bò hòa với đường trắng để đốt, giống như trong Pháp Hộ Ma dùng mì, thức ăn, quần áo để đốt. Nhưng nếu quý vị dùng vàng để đốt thì không được đâu, bởi vì cho dù quý vị có đốt vàng thì nó cũng không cháy, vậy nên nếu quý vị đốt vàng thì thật vô ích. Để tôi nói

cho quý vị biết, nếu trong tương lai có ai đó yêu cầu quý vị đốt vàng, đó sẽ là một lời nói dối, quý vị đừng có tin. Tại sao? Điều đó không cần thiết chút nào! Bởi Pháp này phải được đốt bằng sữa bò hòa đường trắng.

“Tụng một biến chú thì đốt một đoạn”: niệm chú Đại Bi một biến đốt một đoạn, **“đốt 1080 đoạn”**: đốt đến hết 1080 đoạn, ở đây là 1080 đoạn chứ không phải là 1008 đoạn, nó cũng dựa trên có số 108, tức là quý vị sẽ phải tụng 10 lần của 108 biến chú. **“Nên nhớ trong một ngày đêm chia ra ba thời”**: trong một ngày thì chia ra làm ba thời khóa, **“mỗi thời tụng chú và đốt 1080 đoạn”**: mỗi thời khóa niệm 1080 biến và đốt 1080 đoạn. **“Thực hành đúng 7 ngày”**: thực hành liên tục trong bảy ngày, cho đến ngày thứ bảy là mãn. **“Chú sư sẽ được trí huệ thông ngộ”**: Chú sư là người thực hành pháp, thông ngộ là chính là tự mình khai ngộ. Thông trí chính là túc mạng thông trí huệ. Nếu bạn thành tâm thì sẽ đắc được túc mạng thông, và ngược lại nếu không thành tâm thì bạn sẽ không khai trí tuệ, nên không được trí tuệ túc mạng thông.

Kinh văn:

若欲降伏大力鬼神者。取阿唎瑟迦柴。咒七七遍。火中燒。還須塗酥酪蜜。須要於大悲心像前作之。(註：阿唎瑟迦柴。木患子也。)

Hán văn: Nhược dục giáng phục đại lực quỷ thần giả, thủ a lợi sắt ca sài, chú thất thất biến, hỏa trung thiêu, hoàn tu đồ tô lạc mật, tu yếu u đại bi tâm tượng tiền tác chi. (Chú: A lợi sắt ca sài tức mộc hoạn tử)

(Việt dịch: Nếu muốn hàng phục đại lực quỷ thần. Dùng cây A Lợi Sắt Ca, thoa sữa tô lạc và mật vào, đốt trước tượng Đại Bi, gia trì 49 biến chú, rồi đốt trong lửa sẽ hàng phục được đại lực quỷ thần.)

Lược giảng:

Quỷ thần thì có rất nhiều loại, như quỷ thần bình thường, quỷ thần oai lực lớn, đại lực quỷ thần,... Đại lực quỷ thần thần

thông đặc biệt lớn, thân thông biến hóa, không ai có thể hàng phục được. Nhưng nếu quý vị muốn hàng phục quỷ thần oai lực lớn hay đại lực quý thần, hãy “**dùng cây A lợi sắc ca**”: A lợi sắc ca chính là cây Mộc Hoạn Tử⁶, Mộc Hoạn Tử là một loại củi, “**thoa sũa tô lạc và mật vào**”: thoa tô lạc và mật ong vào cành cây, “**đôi trước tượng Đại Bi**”: đôi trước tượng Bồ tát Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn, phương pháp này phải đôi trước Bồ tát Quán Thế Âm Thiên Thủ Thiên Nhãn mới có hiệu quả, “**gia trì 49 biến chú**”: trì tụng 49 biến chú Đại Bi, “**ròi đốt trong lửa**”: ròi đem cành cây đó đốt đi. Làm đúng pháp như thế sẽ “**hàng phục được đại lực quý thần**”.

Kinh văn:

若取胡嚧遮那一大兩。著瑠璃瓶中。置大悲心像前。
咒一百八遍。塗身點額。一切天龍鬼神。人及非人。皆悉
歡喜也。(註：胡嚧遮那。牛黃也。)

Hán văn: Nhược thủ hồ lô giá na nhất đại lượng, trước lưu ly bình trung, trí đại bi tâm tượng tiền, chú nhất bách bát biến, đồ thân điểm ngạch, nhất thiết thiên long quỷ thần, nhân cập phi nhân, giai tất hoan hỉ dã. (Chú: Hồ lô giá na tức ngư hoàng dã).

(Việt dịch: Nếu lấy một lượng Hồ Lô Giá Na, đem đựng trong bình lưu ly, để trước tượng Đại Bi tụng chú 108 biến, ròi dùng thuốc ấy thoa trên trán và nơi thân, thì tất cả Thiên, Long, Quỷ Thần, người cùng loài phi nhân trông thấy đều hoan hỉ (Hồ lô giá na là vị Ngư Hoàng)

Lược giảng:

“**Nếu lấy một lượng Hồ Lô giá na**”: Hồ Lô Giá Na chính là vị thuốc Ngư Hoàng, hán văn dùng từ một đại lượng, nghĩa là hơn một lượng hoặc hai lượng (1 lượng = 0.0375 kg).

⁶ **Mộc hoạn tử:** Cây thân gỗ rất cao, quả và vỏ đều chế làm thuốc tẩm, có tính chất bỏ đi những thứ vết bẩn giống như cục xà bông; quả của nó tròn lại cứng, đen như sơn bóng có thể dùng hạt châu niệm phật. Nó còn có tên Du Châu Tử, bồ đề tử, vô hoạn tử. (Bản Thảo Cương Mục, Lý Thời Trân nhà Minh).

Ngưu Hoàng rất đắt, hơn một lượng hay hai lượng thì chi phí tối thiểu khoảng 500 tệ. **“Đem đựng trong bình lưu ly”**: bình lưu ly là bình bằng thủy tinh hay pha lê, rồi đem Ngưu Hoàng bỏ vào đó, **“để trước tượng Đại Bi tụng chú 108 biến”**: sau đó đặt chiếc bình lưu ly đó đặt trước tượng, hoặc ảnh Thiên Thủ Thiên Nhân Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát và tụng 108 biến chú Đại Bi, **“rồi dùng thuốc ấy thoa trên trán và nơi thân”**: sau khi tụng chú xong thì dùng thuốc xoa lên và trên thân thể thì **“tất cả Thiên, Long, Quỷ Thần, người cùng loài phi nhân trông thấy đều hoan hỉ”**: tất cả thiên nhân, rồng, quỷ thần, người hay những loài không phải người khi nhìn thấy quý vị thì đều sinh tâm hoan hỉ, không nhiều hại quý vị.

Kinh văn:

若有身被枷鎖者。取白鴿糞。咒一百八遍。塗於手上。用摩枷鎖。枷鎖自脫也。

Hán văn: Nhược hữu thân bị già tỏa giả, thủ bạch cấp phân, chú nhất bách bát biến, đồ ư thủ thượng, dụng ma già tỏa, già tỏa tự thoát dã.

(Việt dịch: Nếu thân bị xiềng xích, dùng phân của con bò câu trắng, gia trì chú 108 biến, tụng xong đem thoa vào tay chà lên gông xiềng, gông xiềng sẽ tự đứt gãy.)

Lược giảng:

“Nếu thân bị xiềng xích”: giả sử như có ai bị xiềng xích, gông cùm trói buộc, **“dùng phân của con bò câu trắng”**: lấy phân của con chim bò câu trắng, **“gia trì chú 108 biến”**: rồi tụng vào đó 108 biến chú Đại Bi. **“tụng xong đem thoa vào tay chà lên gông xiềng”**: tụng xong thì đem xoa phân lên tay và dùng tay ấy xoa cả vào gông cùm, khi tay chạm vào gông cùm thì **“gông xiềng sẽ tự đứt gãy”**: gông cùm sẽ tự nhiên đứt gãy mà rơi ra.

Kinh văn:

若有夫婦不和。狀如水火者。取鴛鴦尾。於大悲心像前。咒一千八遍。帶彼。即終身歡喜相愛敬。

Hán văn: Nhược hữu phu phụ bất hòa, trạng như thủy hỏa giả, thủ uyên ương vĩ, ư đại bi tâm tượng tiền, chú nhất thiên bát biến, đới bỉ, tức chung thân hoan hỉ tương ái kính.

(Việt dịch: Nếu vợ chồng bất hòa, như nước lửa, dùng lông đuôi chim uyên ương, đem trước tượng Đại Bi tụng chú 1.080 biến rồi đeo trong mình, tất vợ chồng trọn đời kính trọng, thương yêu nhau.)

Lược giảng:

“Nếu vợ chồng bất hòa, như nước lửa”: Đạo chồng vợ thuộc về luân thường trong ngũ luân, vợ chồng nên hòa thuận với nhau. Giả sử họ không hòa hợp thì hoặc có thể do nghiệp chướng nặng nề, oan trái nghiệp chướng gặp nhau hay do một số ma quỷ tác quái, phá hủy mối quan hệ, khiến vợ chồng như nước với lửa. **“Dùng lông đuôi chim Uyên ương”:** dùng lông đuôi của hai con chim uyên ương, buộc lại với nhau. **“Đem trước tượng Đại Bi tụng chú 1.080 biến rồi đeo trong mình”:** sau đó đối trước tượng Thiên Thủ Thiên Nhãn Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát thành tâm tụng 1.080 biến chú Đại Bi rồi đeo lông chim đó trong người. **“Tất vợ chồng trọn đời kính trọng, thương yêu nhau”:** nếu làm đúng pháp như thế thì vợ trọng trọn đời yêu thương, kính trọng nhau. *(Phần này không nói đến 2 lông đuôi như thế nào, nhưng theo ngụ ý của người dịch thuật là dùng 1 lông đuôi của 1 con chim đực và 1 lông đuôi của 1 con chim cái)*

Kinh văn:

若有被蟲食田苗。及五果子者。取淨灰淨沙。或淨水。咒三七遍。散田苗四邊。蟲即退散也。果樹兼咒水。灑著樹上。蟲不敢食果也。

Hán văn: Nhược hữu bị trùng thực điền miêu, cập ngũ quả tử giả, thủ tịnh hôi tịnh sa, hoặc tịnh thủy, chú tam thất biến, tán điền miêu điền biên, trùng tức thối tán dã, quả thọ kiêm chú thủy, sái trước thọ thượng, trùng bất cảm thực quả dã.

(Việt dịch: Nếu lúa mạ hoặc các thứ cây trái bị sâu bọ

phá hoại, dùng tro, cát sạch và nước trong, gia trì 21 biến chú, rải trên cây, trên mạ cùng bốn bên bờ ruộng, thì sâu bọ không dám phá hại.)

Lược giảng:

“**Nếu ruộng gieo lúa mạ hoặc các thứ cây trái bị sâu bọ phá hoại**”: giả sử có người làm ruộng hay vườn cây ăn trái, ruộng vườn gieo cây giống, táo, cam, các loại trái cây khác, nếu ruộng vườn bị côn trùng, sâu bọ phá hoại thì rất nguy hiểm, chúng sẽ tàn phá, ăn sạch hoa màu, trái cây nếu côn trùng phát sinh thì rất nguy hiểm, liền bị ăn hết trái cây, “**dùng tro, cát sạch và nước trong**”: nên lấy tro sạch, cát sạch, hoặc nước sạch rồi “**gia trì 21 biến chú**”: tụng vào đó 21 biến chú Đại Bi. “**rải trên cây, trên mạ cùng bốn bên bờ ruộng, thì sâu bọ không dám phá hại**”: sau đó nước thì đem phun lên trên cây, nếu phun lên cây thì sâu bọ sẽ không dám ăn trái cây, đem tro và cát rải xung quanh vườn, xung quanh ruộng thì sâu bọ sẽ chạy trốn, không dám ở lại và cũng sẽ không dám tiến vào phá hoại nữa.

Kinh văn:

佛告阿難。若為富饒種種珍寶資具者。當於如意珠手

Hán văn: Phật cáo A-nan, nhược hữu phú nhiều chủng chủng trân bảo tư cụ giả. Đương ư như ý châu thủ.

(**Việt dịch:** Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu, đồ dùng, nên cầu nơi tay cầm châu như ý. Chân ngôn rằng: Án-, phạ nhựt ra, phạ đa ra, hồng phẩn tra.)

Lược giảng:

Phần kinh văn này Đức Phật dạy về Tứ Thập Nhị Thủ Nhân Pháp. Đức Phật dạy A-nan: “**Nếu chúng sanh nào muốn được giàu lớn, có nhiều thứ châu báu, đồ dùng**”: nếu như ai muốn giàu có, có nhiều của cải, châu báu, nhiều vật dụng, tiền bạc dư thừa, cuộc sống sung túc, “**ên cầu nơi tay cầm châu như ý**”: Châu Như ý là viên ngọc như ý, ngọc như ý có thể đáp ứng mọi mong cầu trong tâm chúng sinh. “**Nơi**

tay cầm”: là trong tay cầm viên ngọc như ý. Quý vị phải tu pháp nơi tay cầm viên ngọc Như Ý. Câu “**đương u như ý châu thủ**” phải có thêm danh từ ‘nhãn’ phía sau chữ ‘thủ’, “đương u như ý châu thủ nhãn” thì mới đúng nghĩa là tu theo pháp châu như ý 42 tay mắt như dưới đây:

Kinh văn:

- 若為種種不安。求安隱者。當於罽索手。
- 若為腹中諸病者。當於寶鉢手。
- 若為降伏一切魍魎鬼神者。當於寶劍手。
- 若為降伏一切天魔神者。當於跋折羅手。
- 若為摧伏一切怨敵者。當於金剛杵手。
- 若為一切處。怖畏不安者。當於施無畏手。
- 若為眼闇無光明者。當於日精摩尼手。
- 若為熱毒病求清涼者。當於月精摩尼手。
- 若為榮官益職者。當於寶弓手。
- 若為諸善朋友早相逢者。當於寶箭手。
- 若為身上種種病者。當於楊枝手。
- 若為除身上惡障難者。當於白拂手。
- 若為一切善和眷屬者。當於寶瓶手。
- 若為辟除一切虎狼豺豹諸惡獸者。當於旁牌手。
- 若為一切時處。好離官難者。當於鉞斧手。
- 若為男女僕使者。當於玉環手。
- 若為種種功德者。當於白蓮華手。
- 若為種種不安。求安隱者。當於罽索手。
- 若為腹中諸病者。當於寶鉢手。
- 若為降伏一切魍魎鬼神者。當於寶劍手。
- 若為降伏一切天魔神者。當於跋折羅手。
- 若為摧伏一切怨敵者。當於金剛杵手。

若為一切處。怖畏不安者。當於施無畏手。
若為眼闇無光明者。當於日精摩尼手。
若為熱毒病求清涼者。當於月精摩尼手。
若為榮官益職者。當於寶弓手。
若為諸善朋友早相逢者。當於寶箭手。
若為身上種種病者。當於楊枝手。
若為除身上惡障難者。當於白拂手。
若為一切善和眷屬者。當於寶瓶手。
若為辟除一切虎狼豺豹諸惡獸者。當於旁牌手。
若為一切時處。好離官難者。當於鉞斧手。
若為男女僕使者。當於玉環手。
若為種種功德者。當於白蓮華手。
若為欲得往生十方淨土者。當於青蓮華手。
若為大智慧者。當於寶鏡手。
若為面見十方一切諸佛者。當於紫蓮華手。
若為地中伏藏者。當於寶篋手。
若為仙道者。當於五色雲手。
若為生梵天者。當於軍持手。
若為往生諸天宮者。當於紅蓮華手。
若為辟除他方逆賊者。當於寶戟手。
若為招呼一切諸天善神者。當於寶螺手。
若為使令一切鬼神者。當於鬪髻杖手。
若為十方諸佛速來授手者。當於數珠手。
若為成就一切上妙梵音聲者。當於寶鐸手。
若為口業辭辯巧妙者。當於寶印手。
若為善神龍王常來擁護者。當於俱尸鐵鉤手。

若為慈悲覆護一切眾生者。當於錫杖手。

若為一切眾生常相恭敬愛念者。當於合掌手。

若為生生之處不離諸佛邊者。當於化佛手。

若為生生世世常在佛宮殿中。不處胎藏中受身者。當於化宮殿手。

若為多聞廣學者。當於寶經手。

若為從今身至佛身。菩提心常不退轉者。當於不退金輪手。

若為十方諸佛速來摩頂授記者。當於頂上化佛手。

若為果蓏諸穀稼者。當於葡萄手。

Hán văn: Nhược vị chủng chủng bất an, cầu an ân giả, đương ư quyền sách thủ.

Nhược vị phúc trung chư bệnh giả đương ư bảo bát thủ.

Nhược vị hàng phục nhất thiết li mị quý thân giả, đương ư bả kiếm thủ.

Nhược vị nhất thiết thiên ma thần giả đương ư bạt chiết la thủ.

Nhược vị thô phục nhất thiết oán địch giả, đương ư kim cương xử thủ.

Nhược vị nhất thiết xử bố úy bất an giả, đương ư thí vô úy thủ.

Nhược vị nhĩn ám vô quang minh giả, đương ư nhật tinh ma ni thủ.

Nhược vị nhiệt độc bệnh cầu thanh lương giả, đương ư nguyệt tinh ma ni thủ.

Nhược vị vinh quan ích chức giả, đương ư bảo cung.

Nhược vị chư thiện bằng hữu tảo tương phùng giả, đương ư bảo tiền thủ,

Nhược vị thân thượng chủng chủng bệnh giả, đương ư dương chi thủ.

Nhược vị thân thương ác chường giả, đưng ư bạch phát thủ.

Nhược vị nhất thiết thiện hòa quyến thuộc giả, đưng ư bảo bình thủ.

Nhược vị bích trờ nhất thiết hồ lang sài báo chư ác thú giả, đưng ư bàng bài thủ.

Nhược vị nhất thiết thời xứ, hảo ly quan nan giả, đưng ư phủ thủ.

Nhược vị nam nữ bộc sử giả, đưng ư ngọc hoàn thủ.

Nhược vị chủng chủng công đức giả, đưng ư bạch liên hoa thủ.

Nhược vị dục đắc vãng sanh thập phương tịnh độ giả, đưng ư thanh liên hoa thủ.

Nhược vị đại trí tuệ giả, đưng ư bảo kính thủ.

Nhược vị diện kiến thập phương nhất thiết chư Phật giả, đưng ư tử liên hoa thủ.

Nhược vị địa trung phục tạng giả, đưng ư bảo khiếp.

Nhược vị tiên đạo giả, đưng ư ngũ sắc vân thủ.

Nhược vị sanh phạm thiên giả, đưng ư quân trì thủ.

Nhược vị vãng sanh chư thiên cung giả, đưng ư hồng liên thủ.

Nhược vị tị trừ tha phương nghịch tặc giả, đưng ư bảo kích thủ giả.

Nhược vị triệu hồ nhất thiết chư thiên thiện thân giả, đưng ư bảo loa thủ.

Nhược vị sử lệnh nhất thiết quý thần giả, đưng ư độc lâu trượng giả.

Nhược vị thập phương chư Phật túc lai thọ thủ giả, đưng ư số châu thủ.

Nhược vị thành tựu nhất thiết thượng diệu phạm âm thanh giả, đưng ư bảo đặc thủ.

Nhược vị khâu nghiệp từ biên sảo diệu giả, đương ư bảo ấn thủ.

Nhược vị thiện thân long vương thường lai ủng hộ giả, đương ư câu thi thiết câu thủ.

Nhược vị từ bi phú hộ nhất thiết chúng sanh giả, đương ư tích trượng thủ.

Nhược vị nhất thiết chúng sanh thường tương cúng kính ái niệm giả, đương ư hiệp chưởng thủ.

Nhược vị sanh sanh chi xứ bất ly chư Phật biên giả, đương ư hóa Phật thủ.

Nhược vị sanh sanh xứ xứ thường tại Phật cung điện trung, bất xứ thai tạng trung thọ thân giả, đương ư hóa cung điện thủ.

Nhược vị đa văn quảng học giả, đương ư bảo kinh thủ.

Nhược vị từng kim thân chí Phật thân, bồ đề tâm thường bất thoái chuyển giả, đương ư bất thoái kim luân thủ.

Nhược vị chư Phật túc lai ma đánh thọ ký giả, đương ư đánh thượng hóa Phật thủ.

Nhược vị quả chư cốc giá giả, đương ư bồ đào thủ.

(Viết dịch: 1, Nếu muốn trị các thứ bệnh trên thân, nên cầu nơi tay cầm cành dương liễu. Chân ngôn rằng: Án- tô tát địa, ca rì, phạ rì, đa nẫm đa, mục đa duệ, phạ nhựt ra, phạ nhựt ra, bạng đà, hạ nẵng hạ nẵng, hồng phẩn tra.

2, Nếu muốn trị các thứ bệnh trong bụng, nên cầu nơi tay cầm cái bát báu. Chân ngôn rằng: Án-, chỉ rì, chỉ rì, phạ nhựt-ra, hồng phẩn tra.

3, Nếu muốn trị bệnh mắt mờ không thấy ánh sáng, nên cầu nơi tay cầm châu nhựt tinh ma ni. Chân ngôn rằng: Án-, độ tì, ca giả độ tì, bát ra phạ rì nảnh, tát-phạ hạ.

4, Nếu muốn hàng phục tất cả thiên ma thần, nên cầu nơi tay cầm bặt chiết la Chân ngôn rằng: Án- nễ bệ nễ bệ, nễ bà đã, ma ha thất rì duệ, tát-phạ hạ.

5, Nếu muốn hàng phục tất cả oán tặc, nên cầu nơi tay cầm chày kim cang. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt-ra, chỉ nãnh, chỉ nãnh, bát-ra nễ bát đa dã, tá-phạ hạ.

6, Nếu muốn trừ tánh ở tất cả chỗ sợ hãi không yên, nên cầu nơi tay thí vô úy. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt-ra, nãnh dã, hồng phẩn tra.

7, Nếu bị các việc khuấy rối, muốn được an ổn, nên cầu nơi tay cầm dây quyển sách. Chân ngôn rằng: Án — chỉ rị, lã ra, mô nại ra, hồng phẩn tra.

8, Nếu bị bệnh nhiệt độc, muốn được mát mẻ hết bệnh, nên cầu nơi tay cầm châu nguyệt tinh ma ni. Chân ngôn rằng: Án — tô tất địa, yết rị, tát-phạ hạ.

9, Nếu muốn được làm quan, lên chức, nên cầu nơi tay cầm cung báu. Chân ngôn rằng: Án — a tả vĩ, lệ, tát-phạ hạ.

10, Nếu muốn được mau gặp các bạn lành, nên cầu nơi tay cầm tên báu. Chân ngôn rằng: Án — ca mạ lã, tát-phạ hạ.

11, Nếu muốn hàng phục tất cả quỷ, thần, vọng, lượng, nên cầu nơi tay cầm gương báu. Chân ngôn rằng: Án — đế thê, đế nhá, đồ vĩ nãnh, đồ đề bà đà dã, hồng phẩn tra.

12, Nếu muốn trừ những chướng nạn ác bên thân, nên cầu nơi tay cầm cây phát trắng. Chân ngôn rằng: Án— bát na đi nãnh, bà nga phạ đế, mô hạ dã nhá, nga mô hạ nãnh, tát-phạ hạ.

13, Nếu muốn tất cả người trong quyển thuộc được hòa thuận nhau, nên cầu nơi tay cầm cái hồ bình. Chân ngôn rằng: Án — yết lệ thăm mẫn diệm, tát-phạ hạ.

14, Nếu muốn xua đuổi loài hổ báo, sài lang và tất cả ác thú, nên cầu nơi tay cầm cái bàng bài. Chân ngôn rằng: Án — được các sam nãnh, na dã chiến nại-ra, đạt nậu bá rị-dã, bạt xá bạt xá, tát-phạ hạ.

15, Nếu muốn trong tất cả thời, tất cả chỗ, lìa nạn quan quân vò bắt, nên cầu nơi tay cầm cây phủ việt. Chân ngôn rằng: Án — vị ra dã, vị ra dã, tát-phạ hạ.

16, Nếu muốn có tôi trai tở gái để sai khiến, nên cầu nơi tay cầm chiếc vòng ngọc. Chân ngôn rằng: Án — bát na hàm, vị ra dã, tát-phạ hạ.

17, Nếu muốn được các thứ công đức, nên cầu nơi tay cầm hoa sen trắng. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt ra, vị ra dã, tát phạ hạ.

18, Nếu muốn được sanh về 10 phương tịnh độ, nên cầu nơi tay cầm hoa sen xanh. Chân ngôn rằng: Án — chỉ rị, chỉ rị, phạ nhựt ra, bộ ra bạn đà hồng phẩn tra.

19, Nếu muốn được trí huệ lớn, nên cầu nơi tay cầm cái gương báu. Chân ngôn rằng: Án — vĩ tát phổ ra, na ra các xoa, phạ nhựt ra, mạn trà lã, hồng phẩn tra.

20, Nếu muốn được diện kiến 10 phương tất cả chư Phật, nên cầu nơi tay cầm hoa sen tím. Chân ngôn rằng: Án — tát ra, tát ra, phạ nhựt ra, hồng phẩn tra.

21, Nếu muốn lấy được kho báu ẩn trong lòng đất, nên cầu nơi tay cầm cái bảo kíp. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt ra, bát thiết ca rị, yết năng hàm ra hồng.

22, Nếu muốn được đạo tiên, nên cầu nơi tay cầm hóa hiện mây ngũ sắc. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt ra, ca rị ra tra hàm tra.

23, Nếu muốn sanh lên cõi Phạm Thiên, nên cầu nơi tay cầm bình quân trì. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt ra thế khê ra, rô tra hàm tra.

24, Nếu muốn được sanh lên các cung trời, nên cầu nơi tay cầm hoa sen hồng. Chân ngôn rằng: Án — thương yết lệ, tát phạ hạ.

25, Nếu muốn xua đuổi giặc nghịch ở phương khác đến, nên cầu nơi tay cầm cây bảo kích. Chân ngôn rằng: Án — thăm muội dã, chỉ nãnh hạ rị, hồng phẩn tra.

26, Nếu muốn triệu tất cả chư thiên thiện thần, nên cầm nơi tay ống loa báu. Chân ngôn rằng: Án — thương yết lệ, mạ hạ thăm mãn diệm, tát phạ hạ.

27, Nếu muốn sai khiến tất cả quý thần, nên cầu nơi tay cầm cây gậy đầu lâu. Chân ngôn rằng: Án — độ năng, phạ nhựt ra.

28, Nếu muốn 10 phương chư Phật sớm đến đưa tay tiếp dẫn, nên cầu nơi tay cầm râu chuối ngọc. Chân ngôn rằng: Năng mờ — ra đá năng, đát ra dạ dã, Án — a na bà đế vĩ nhã duệ. Tát địa tát đà lật đế, tát phạ hạ.

29, Nếu muốn có được tất cả phạm âm thanh tốt nhiệm màu, nên cầu nơi tay cầm chiếc linh báu. Chân ngôn rằng: Năng mờ bát ra hàm bá noa duệ, án — a mật lật đâm, nghiêm bệ thất rị duệ, thất rị, chiêm rị nảnh, tát phạ hạ.

30, Nếu muốn được miệng nói biện luận hay khéo, nên cầu nơi tay cầm chiếc ấn báu. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt ra, nảnh đâm nhá duệ, tát phạ hạ.

31, Nếu muốn được thiên thần, long vương thường đến ủng hộ, nên cầu nơi tay cầm cu thi thiết câu. Chân ngôn rằng: Án — a rô rô, đả ra ca ra, vĩ sa duệ, năng mờ tát phạ hạ.

32, Nếu vì lòng từ bi muốn cho tất cả chúng sanh được nhờ sự che chở giúp đỡ, nên cầu nơi tay cầm cây tích trượng. Chân ngôn rằng: Án — na lật thế, na lật thế, na lật tra bát đế, na lật đế na dạ bát nảnh, hồng phẩn tra.

33, Nếu muốn cho tất cả chúng sanh thường cung kính yêu mến nhau, nên cầu nơi tay hiệp chưởng. Chân ngôn rằng: Án — bát nạp mạng, nhá lãng hất rị. (Theo trong Tạng bản, lại có chân ngôn: Án — vĩ tát ra, vĩ tát ra, hồng phẩn tra).

34, Nếu muốn tùy theo chỗ sanh, thường ở bên Phật, nên cầu nơi tay hiện hóa Phật. Chân ngôn rằng: Án — chiến na ra, ba hàm tra rị, ca rị na, chỉ rị na, chỉ rị nỉ, hồng phẩn tra.

35, Nếu muốn đời đời kiếp kiếp thường ở trong cung điện Phật, không thọ sanh ở bào thai, nên cầu nơi tay hiện hóa cung điện. Chân ngôn rằng: Án — vi tát ra, vi tát ra, hồng phẩn tra.

36, Nếu muốn được học rộng nghe nhiều, nên cầu nơi tay cầm quyển kinh báu. Chân ngôn rằng: Án — a hạ ra, tát ra phạ

ni, nễ đã đà ra, bỏ nễ đế, tát phạ hạ.

37, Nếu muốn từ thân này cho đến thân thành Phật, tâm bỏ đề thường không lui sụt, nên cầu nơi tay cầm bắt thối kim luân. Chân ngôn rằng: Án — thiết na di tả, tát phạ hạ.

38, Nếu muốn 10 phương chư Phật mau đến xoa đầu thọ ký, nên cầu nơi tay đánh thượng hóa Phật. Chân ngôn rằng: Án — phạ nhựt rị ni, phạ nhựt lăm nghệ tát phạ hạ.

39, Nếu muốn có được cây trái ngũ cốc, nên cầu nơi tay cầm chùm bò đào. Chân ngôn rằng: Án — A ma lã kiếm đế nễ nãnh, tát phạ hạ.

40, Nếu muốn cho tất cả loài hữu tình đói khát được no đủ mát mẻ, nên cầu nơi tay hóa nước cam lộ. Chân ngôn rằng: Án — tổ rô tổ rô bác ra tổ rô, bác ra tổ rô, tổ rô đã, tát phạ hạ.

41, Nếu muốn hàng phục ma oán trong cõi đại thiên, nên cầu nơi tay tổng nhiếp thiên thủ. Chân ngôn rằng: Đát nễ đã thá, phạ lò chỉ đế, thấp phạ ra đã, tra ô hạ di đã, sá phạ ha.)

(Phần Việt dịch này có thêm chân ngôn và 2 thủ nhãn cuối là do được tham khảo kinh văn Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni ở Việt Nam do Hòa thượng Thích Thiên Tâm dịch)

Lược giảng:

Trên đây là Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn, phía sau sẽ có ảnh. Phần này tôi sẽ giảng giải sau bởi vì bây giờ tôi đang giảng giải Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, sau này có nhân duyên tôi sẽ giảng Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn sau.

Kinh văn:

如是可求之法。有其千條。今粗略說少耳。

Hán văn: Như thị khả cầu chi pháp, hữu kỳ thiên điều, kim thọ lược thuyết thiếu nhĩ.

(Việt dịch: *Này A Nan! Những pháp đáng mong cầu như thế, có tới hàng ngàn pháp. Nay ta chỉ nói lược qua thôi.*)

Lược giảng:

Trong chú Đại Bi có Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn, có người

hỏi tại sao Quán Thế Âm Bồ Tát nghìn tay nghìn mắt? Quán Thế Âm Bồ Tát có đại oai đức và thần thông, Ngài tu nghìn tay nghìn mắt, tất cả đều xuất phát từ việc thực hành tâm đại bi. Pháp Đại Bi có tứ thập nhị thủ nhãn, thực hành tứ thập nhị thủ nhãn này, nếu người ấy thành tựu, tương lai người ấy sẽ có nghìn tay nghìn mắt. Nghìn tay dùng để cứu độ chúng sinh, nghìn mắt dùng để theo dõi chúng sinh, xem chúng sinh có khổ nạn gì thì dùng nghìn tay để cứu độ.

Quán Thế Âm Bồ Tát tu Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn này thì đắc được nghìn tay nghìn mắt, mỗi người chúng ta dù quý vị là ai nếu tu Pháp Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn và pháp Chú Đại Bi thì cũng có nghìn mắt, nghìn tay. Không phải chỉ có Quán Thế Âm Bồ Tát là người duy nhất có thể có nghìn tay và nghìn mắt, mà tất cả chúng ta đều có thể có được. **“Những pháp đáng mong cầu như thế, có tới hàng ngàn pháp”**: Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn đã nói ở trên, đây là Pháp hi hữu đáng tìm cầu, pháp này cầu là sẽ đắc. Pháp mà thủ nhãn nêu tường tận ra có lên đến hàng nghìn, đại biểu cho nghìn tay, nghìn mắt. **“Nay ta chỉ nói lược qua thôi”**: Nhưng nay chỉ nói sơ lược thôi.

Kinh văn:

日光菩薩。為受持大悲心陀羅尼者。說大神咒而擁護之。南無勃陀瞿那迷。南無達摩莫訶低。南無僧伽多夜泥。底哩部畢薩咄檐納摩。

Hán văn: Nhật quang bồ tát vi thọ trì đại bi đà la ni giả thuyết đại thần chú nhi ủng hộ chi. Nam mô bột đà cù na mê, nam mô đạt ma mạc ha đê, nam mô tăng già đa dạ nê, để lý bộ tất tất đát đót diêm nạp ma.

(Việt dịch: Khi ấy Nhật Quang Bồ Tát vì người thọ trì Đại Bi Tâm Đà la ni nói đại thần chú để ủng hộ rằng: Nam mô bột đà cù na mê. Nam mô đạt ma mạc ha đê. Nam mô tăng già đa dạ nê, để lý bộ tất đát đót diêm nạp ma.)

Lược giảng:

“Nhật Quang Bồ tát”: hầu hết mọi người đều nghĩ rằng

Bồ tát Nhật Quang là mặt trời, nhưng không phải vậy. Đây là một vị Bồ tát tên là Nhật Quang. Chúng ta, những người không hiểu đạo Phật, thường cho rằng Nhật Quang Bồ Tát là mặt trời, Nguyệt Quang Bồ Tát là mặt trăng, điều đó không chính xác. Tên của hai ngài xuất phát từ sự tu hành hạnh nguyện trải qua nhiều đời nhiều kiếp mới có tên là như vậy. **“Vì người thọ trì Đại Bi Tâm Đà la ni”**: Bồ tát Nhật Quang vì để giúp đỡ và ủng hộ những người trì tụng “Chú Đại Bi” mà diễn nói Thần Chú. Niệm chú này sẽ được hết thảy hộ pháp gia hộ, chú này còn gọi là chú ủng hộ Đại bi chú. Tên của chú này là Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni: *Nam mô bô đà cù na mê, nam mô đạt ma mạc ha đê, nam mô tăng già đa dạ nê, đê lý bộ tát tát đốt diêm nạp ma.* Đây là tên tất cả những vị hộ pháp đều đến ủng hộ người trì chú.

Kinh văn:

誦此咒滅一切罪。亦能辟魔。及除天災。若誦一遍。禮佛一拜。如是日別三時。誦咒禮佛。未來之世。所受身處。當得一一相貌端正。可喜果報。

Hán văn: Tụng thử chú diệt nhất thiết tội, diệt năng tị ma, cập trừ thiên tai, nhược tụng nhất biến, lễ Phật nhất bái, như thị nhật biệt tâm thời, tụng chú lễ Phật, vị lai chi thế, sở thọ thân xứ, đương đắc nhất nhất tướng mạo đoan chánh, khả hỉ quả báo.

(Việt dịch: Tụng chú này diệt được tất cả tội, cũng đuổi được ma và trừ thiên tai. Nếu kẻ nào tụng chú này một biến, lễ Phật một lạy, mỗi ngày chia ra làm 3 thời tụng chú lễ Phật như thế, trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân, thường được tướng mạo xinh đẹp, được quả báo đáng vui mừng.)

Lược giảng:

“Tụng chú này diệt được tất cả tội, cũng đuổi được ma và trừ thiên tai”: quý vị niệm thần chú Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni có thể tiêu trừ tất cả tội chướng, cũng khiến trừ tà ma, và thiên tai. Những gì là thiên tai? Đó là gió lớn, mưa

to, bão, hay động đất, đây đều là thiên tai. “**Nếu kẻ nào tụng chú này một biến, lễ Phật một lạy, mỗi ngày chia ra làm 3 thời tụng chú lễ Phật như thế**”: nếu có người một ngày ba thời, sáng trưa và chiều niệm chú này một biến, lễ Phật một lạy, công phu như thế. “**Trong đời vị lai tùy theo chỗ thọ thân, thường được tướng mạo xinh đẹp, được quả báo đáng vui mừng**”: niệm chú và lạy Phật, đời vị lai sanh ở chỗ nào, quý vị đều được tướng mạo đoan chánh, xinh đẹp và ai thấy tướng mạo của bạn đều sanh tâm hoan hỉ, chính quý vị cũng hoan hỉ.

Kinh văn:

月光菩薩。亦復為諸行人。說陀羅尼咒而擁護之。
深低帝屠蘇吒。阿若蜜帝烏都吒。深耆吒。波賴帝。耶彌
若吒烏都吒。拘羅帝吒耆摩吒。沙婆訶。

Hán văn: Nguyệt Quang Bồ Tát, diệc phục vị chư hành nhân, thuyết Đà la ni chú nhi ủng hộ chi. “Thâm đê đế đồ tô tra. A nhã mật đế đồ tô tra, thâm kỳ tra. Ba lại đế. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sa bà ha”

(Việt dịch: Nguyệt Quang Bồ Tát cũng vì hành nhân mà nói Đà la ni để ủng hộ rằng: Thâm đê đế đồ tô tra. A nhã mật đế đồ tô tra, thâm kỳ tra. Ba lại đế. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sa bà ha.)

Lược giảng:

“**Nguyệt Quang Bồ Tát cũng vì hành nhân mà nói Đà la ni để ủng hộ rằng**”: Bồ tát Nguyệt Quang cũng tuyên thuyết thần chú để ủng hộ người niệm, trì tụng chú Đại Bi. Thần chú ấy là “**Nguyệt Quang Bồ tát Đà La Ni**”: “Thâm đê đế đồ tô tra. A nhã mật đế đồ tô tra, thâm kỳ tra. Ba lại đế. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sa bà ha”. Quý vị những ai trì tụng chú Đại Bi thì nên tụng thêm hai thần chú Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni và Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni thì công đức vô lượng vô biên không thể nghĩ bàn.

Kinh văn:

誦此咒五遍。取五色線做咒索。痛處繫。此咒乃是過去四十恒河沙諸佛所說。我今亦說。為諸行人作擁護故。除一切障難故。除一切惡病痛故。成就一切諸善法故。遠離一切諸怖畏故。

Hán văn: Tụng thủ chú ngũ biến, thủ ngũ sắc tuyền tổ chú sách, thông xứ hệ. Thủ chú nãi thị quá khứ tứ thập hằng hà sa chư Phật sở thuyết, ngã kim diệc thuyết, vi chư hành nhân tác ủng hộ cố, trừ nhất thiết chướng nạn cố. Trừ nhất thiết ác bệnh thông cố, thành tựu nhất chư thiện pháp cố, viễn ly nhất thiết chư bố úy cố.

(Việt dịch: Tụng chú này 5 biến, rồi lấy chỉ ngũ sắc xe thành sợi niệt, gia trì chú vào, buộc vào chỗ đau, chú này do 40 hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra, nay tôi cũng nói để vì các hành nhân mà làm duyên ủng hộ. Chú này có công năng trừ tất cả chướng nạn, tất cả bệnh ác, thành tựu thiện pháp, xa lìa tất cả sự sợ hãi.)

Lược giảng:

“Tụng chú này 5 biến”: tụng chú Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni năm biến, **“rồi lấy chỉ ngũ sắc xe thành sợi niệt, gia trì chú vào”**: quý vị lấy 5 sợi dây có 5 màu (Xanh dương, đỏ, vàng, trắng và đen) bện thành 1 sợi dây ngũ sắc sau đó tụng vào đó 5 biến chú Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni rồi **“buộc vào chỗ đau”**: thì quý vị bị đau ở chỗ nào thì buộc vào ở đó. **“Chú này do 40 hằng sa chư Phật đời quá khứ đã nói ra”**: thân chú Nguyệt Quang Bồ tát Đà La Ni này đã được các Đức Phật đời quá khứ nhiều như số cát trong 40 con sông Hằng tuyên thuyết. **“Nay tôi cũng nói để vì các hành nhân mà làm duyên ủng hộ”**: bây giờ, trong Pháp hội nói kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni ngài Nguyệt Quang Bồ tát cũng thuyết thân chú này để hộ trì người trì chú Đại Bi. **“Chú này có công năng trừ tất cả chướng nạn, tất cả bệnh ác, thành tựu thiện pháp, xa lìa tất cả sự sợ hãi”**: thân chú cũng công năng tiêu

trừ tất cả những chướng nạn, diệt hết các bệnh tật khổ đau. Quý vị tu các thiện pháp gì thì thần chú sẽ giúp quý vị thành tựu được thiện pháp và xa rời tất cả các sợ hãi. Thần chú này cũng có năng lực không thể nghĩ bàn.

Kinh văn:

佛告阿難。汝當深心清淨。受持此陀羅尼。廣宣流布於閻浮提。莫令斷絕。此陀羅尼。能大利益三界眾生。一切患苦縈身者。以此陀羅尼治之。無有不差者。此大神咒。咒乾枯樹。尚得生枝柯華果。何況有情有識眾生。身有病患。治之不差者。必無是處。

Hán văn: Phật cáo A nan, nữ đương thâm tâm thanh tịnh, thọ trì thử đà la ni, quảng tuyên lưu bố ư Diêm Phù Đề, mặc lệnh đoạn tuyệt, thử đà la ni, năng đại lợi ích tam giới chúng sanh, nhất thiết hoạn khổ oanh thân giả, dĩ thử đà la ni trị chi, vô hữu bất sai giả, thử đại thần chú, chú càn khô thọ, thượng đắc sanh chi kha hoa quả, hà hướng hữu tình hữu thức chúng sanh, thân hữu bệnh hoạn, trị chi bất sai giả, tất vô thị xứ.

(Việt dịch: Đức Phật bảo ngài A Nan: Ông nên dùng tâm tin sâu, tâm thanh tịnh mà thọ trì môn Đại Bi tâm Đà la ni này và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm Phù Đề, chớ cho đoạn tuyệt. Đà la ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong 3 cõi. Tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân, nếu dùng Đà la ni này mà trị thì không bệnh nào chẳng lành, dùng đại thần chú này tưng vào cây khô, cây ấy còn được sanh cành lá, trở bông, trái, hướng chi là chúng sanh có tình thức ư? Nếu thân bị đại bệnh, dùng chú này mà trị không lành, lẽ ấy không bao giờ có.)

Lược giảng:

“Đức Phật bảo ngài A Nan”: Đức Phật Thích Ca Mâu Ni sau khi đã nói những lời trước, liền bảo ngài A nan: “**Ông nên dùng tâm tin sâu, tâm thanh tịnh**”: ‘tin sâu’ là tâm không hời hợt, không buông lung, qua loa, cầu thả. Quý vị nên đặc biệt chú ý để tâm thanh tịnh. ‘Tâm thanh tịnh’: chính là

không vọng tưởng, không cho tâm tán loạn, **“mà thọ trì môn Đại Bi tâm đà la ni này”**: nếu quý vị tụng thần chú Đại Bi Tâm Đà La Ni, quý vị phải nhất tâm, không hướng ngoại phan duyên, không vọng tưởng, rồi mới trì tụng thần chú.

“Và lưu bố rộng ra trong cõi Diêm Phù Đề”: Đức Phật phó thác cho ngài A Nan cần phải phổ biến, tuyên truyền công năng thần chú Đại Bi trên khắp cõi Diêm Phù Đề, hãy giới thiệu cho tất cả chúng sinh lợi ích của thần chú Đại Bi, **“chớ cho đoạn tuyệt”**: ông hãy nhớ, nhớ cho cẩn thận! Chớ để Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni và chú Đại Bi đứt mất, không có người biết đến. Quý vị thấy Đức Phật phó thác cho ngài A Nan phải ghi nhớ lưu bố kinh này và thần chú Đại Bi trên khắp cõi Nam Diêm Phù để lợi ích cho chúng sinh, vì vậy quý vị là những người Phật tử, những người trì tụng thần chú Đại Bi cũng nên rộng dùng nhiều phương tiện mà lưu hành, phổ biến Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, chú Đại Bi và bản giảng giải này để cho nhiều người đều được biết đến, đều được lợi ích, chớ để dùng riêng cho mình, chớ để cho đoạn tuyệt.

“Đà la ni này có thể làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong 3 cõi”: thần chú tổng trì này có năng lực làm lợi ích lớn cho chúng sanh trong cả tam giới, không chỉ lợi ích chúng sanh ở cõi dục giới, mà chúng sanh ở cõi sắc giới cũng được lợi ích, rồi chúng sanh ở cõi vô sắc giới cũng đều được lợi ích. **“Tất cả bệnh khổ ràng buộc nơi thân”**: tất cả các bệnh tật, các đau đớn hành hạ quý vị; hoặc gặp những bệnh hiểm nghèo, hoặc bệnh nan y, hoặc những bệnh vô phương cứu chữa, **“nếu dùng Đà la ni này mà trị thì không bệnh nào chẳng lành”**: nếu dùng chú Đại Bi để chữa thì bất luận là bệnh gì đều tiêu trừ, chú Đại Bi có thể chữa được 84.000 loại bệnh trên thế gian này.

“Dùng đại thần chú này tụng vào cây khô, cây ấy còn được sanh cành lá, trở bông, trái”: thần chú Đại Bi này, nếu cây đã chết khô, nếu bạn niệm chú Đại Bi cho nó thì cây khô liền có thể sống lại và ra hoa kết quả, **“huống chi là chúng**

sanh có tình thức”: huông gì con người là chúng sanh có tình cảm và trí thức. **“Nếu thân bị đại bệnh, dùng chú này mà trị không lành, lẽ ấy không bao giờ có”**: nếu thân quý vị mà có bệnh gì, nếu trì chú Đại Bi để chữa trị mà không lành thì nhất định không có điều đó.

Tụng “Chú Đại Bi” sẽ đắc được cảm ứng, loại cảm ứng này không thể nghĩ bàn, nhưng quý vị phải thành tâm, không chút nghi ngờ, nếu quý vị nghi ngờ, sẽ không có sự cảm ứng. Nếu quý vị thực hành và trì tụng chú “Chú Đại Bi” một cách toàn tâm toàn ý, không vọng tưởng, quý vị nhất định sẽ được sự cảm ứng không thể nghĩ bàn này. Hiện nay trong Phật giáo, rất ít người biết đến công năng của chú Đại Bi, đặc biệt là không biết đến Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni và Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni huông gì là trì tụng. Vẫn còn Tứ Thập Nhị Thủ Nhân, vào thời kỳ mạt pháp này, chắc hẳn trong Phật giáo không còn ai có thể tu tập loại Pháp này và hiểu được loại Pháp này.

Bây giờ tại Phật Giáo Giảng Đường này giảng Tứ Thập Nhị Thủ Nhân này, cùng với Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni, Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni, hy vọng pháp môn này sẽ được chấn hưng trở lại, để người đời sau hiểu rõ pháp môn này, ngõ hầu trong tương lai có thể được nhiều người hiểu được và tu tập. Nếu hiểu và thực hành pháp này thì sự đắc đạo ở ngay trước mắt, người đắc ngũ nhãn lục thông ngày càng nhiều. Nhưng thời mạt pháp này căn tánh chúng sanh ngu độn bị cám dỗ bởi dục bên ngoài nên đã mê muội còn muội mê hơn, nếu như gặp chánh pháp cũng không nhận ra. Còn quý vị gặp được chánh pháp, tu theo chánh pháp của pháp tu này, đắc được ngũ nhãn, lục thông, đó là một điều hy hữu, đó là một điều khó làm được mà quý vị đã làm được trong thời mạt pháp này.

Khi chúng ta thực hành pháp này, dù trải qua bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu công việc bộn bề, nhưng không nên bỏ tụng Chú Đại Bi, trì chú Lăng Nghiêm, trì tụng Nhật Quang

Bồ tát Đà la ni, Nguyệt Quang Bồ tát Đà la ni, và pháp Tứ Thập Nhị Thủ Nhân này. Bởi vì, làm việc gì đều phải qua quá trình rèn luyện công phu mới thành tựu, cũng giống như người viết văn, lúc ban đầu viết không thể hay và nổi tiếng thành nhà văn mà là sự tôi luyện ngày này qua tháng nọ mới thành một nhà văn thực thụ. Sự tu tập cũng giống như vậy, không thể một sớm một chiều mà thành tựu, mà là quá trình công phu dài đằng đằng mới thành công.

Thời đại mạt pháp này mà chúng ta được ngồi ở giảng đường nghe pháp, lại còn chiêm nghiệm giáo lý là điều bất khả tư nghĩ rồi. Bởi vì, quý vị đều có trông căn lành từ những kiếp trước, nếu không có thiện căn thì bây giờ đến cả tên chú Đại Bi, chú Lăng Nghiêm, chú Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni, Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni và Tứ Thập Nhị Thủ Nhân còn không được nghe thấy, thậm chí đến ngay cả những tu sĩ mà không tu hành đàng hoàng cũng không thể gặp được. Vậy nên bây giờ quý vị đã có cơ hội gặp được rồi thì nên trân quý, dụng công chớ lười biếng thì quý vị sẽ được thành tựu pháp trong tương lai.

Kinh văn:

善男子。此陀羅尼威神之力。不可思議。不可思議。
歎莫能盡。若不過去久遠已來。廣種善根。乃至名字不可
得聞。何況得見。汝等大眾。天人龍神。聞我讚歎。皆應
隨喜。

Hán văn: Thiện nam tử, thử đà la ni oai thần chi lực, bất khả tư nghĩ, bất khả tư nghĩ, thán mạt năng tận. Nhược bất quá khứ cửu viễn dĩ lai, quảng chủng thiện căn, nãi chí danh tự bất khả đắc văn, hà huống đắc kiến, nhữ đẳng đại chúng, thiên nhân long thần, văn ngã tán thán, giai ưng tùy hỉ.

(Việt dịch: *Này thiện nam tử! Sức oai thần của Đại Bi tâm đà la ni này không thể nghĩ bàn! Không thể nghĩ bàn! Khen ngợi không bao giờ hết được, nếu chẳng phải là kẻ từ thời quá khứ lâu xa đến nay đã gieo nhiều căn lành, thì dù cho*

cái tên gọi còn không được nghe, huống chi là được thấy! Nay đại chúng các ông, cả hàng trời, người long thần, nghe ta khen ngợi phải nên tùy hỉ.)

Lược giảng:

“**Này thiện nam tử**”: Thiện nam tử là cách xưng hô của Đức Phật dành cho chúng đệ tử ở trong hội. Thiện nam tử có thể là Bồ tát, là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di hay tất cả những người có mặt trong hội. “**Đại Bi tâm đà la ni này**”: thần chú Đại Bi đà la ni này là chú ‘tổng trì’; tổng nhất thiết pháp, trì vô lượng nghĩa. “**Sức oai thần**”: oai thần là oai lực đáng sợ, người hay quý thần đều khiếp sợ trước năng lực phi thường này, quy kính oai lực của chú này, “**không thể nghĩ bàn! Không thể nghĩ bàn**”: loại năng lực này quý vị không thể dùng tâm để suy lường, cũng không thể dùng ngôn ngữ bàn luận, so sánh được. Hai câu không thể nghĩ bàn này là để nhấn mạnh, bày tỏ sự cảm thán, quá vi diệu. “**Khen ngợi không bao giờ hết được**”: ‘Thán’ là tán thán, khen ngợi, cho dù tán thán, khen ngợi thần lực đà la ni này, nói không bao giờ hết.

“**Nếu chẳng phải là kẻ từ thời quá khứ lâu xa đến nay**”: giả sử không phải quý vị hay những người khác từ vô lượng kiếp trong quá khứ cho đến ngày nay, “**đã gieo nhiều căn lành**”: đã rộng trồng nhiều cội phước lành, “**thì dù cho cái tên gọi còn không được nghe**”: thì ngày đến cái tên chú Đại Bi Tâm Đà La Ni còn không nghe thấy được. Tại sao bây giờ quý vị lại nghe thấy được tên của chú này, bởi vì quý vị có căn lành nên bây giờ mới có thể nghe được tên của chú Đại Bi. Quý vị thử nghĩ xem trên thế gian này có bao nhiêu người, thì có khoảng bao nhiêu người được nghe đến tên thần chú Đại Bi và trong số những người đã được nghe đến tên thần chú Đại Bi thì có bao nhiêu người tu pháp môn chú Đại Bi. Từ đó có thể thấy ‘Chú Đại Bi’ này hiếm có đến mức đến cái tên cũng còn không thể nghe thấy được, “**huống chi là được thấy**”: đến cái

tên của chú Chú Đại Bi còn chưa nghe qua thì nói gì đến đọc tụng hay nghe đến thần chú Nhật Quang, Nguyệt Quang, và tứ thập nhị thủ nhãn bất khả tư nghì. Nếu trong quá khứ không rộng trồng nhiều căn lành thì không thể trì tụng được chú Đại Bi, cũng không thể trì tụng được thần chú Nhật Quang Bồ tát hay chú Nguyệt Quang Bồ tát. Giả như căn lành của quý vị chưa được thật sự sâu dày và đủ chín muồi thì quý vị chỉ có thể gặp được Đại bi chú và trì tụng thần chú Đại bi thôi, mà không gặp được Nhật Quang và Nguyệt Quang Đà la ni thần chú mà tụng trì kèm theo chú Đại Bi đâu.

Tôi biết được trong Phật giáo, đại đa số mọi người đều biết đến chú Đại Bi nhưng chú Nhật Quang Bồ tát Đà La Ni, và Nguyệt Quang Bồ tát Đà La Ni thì ít được nghe qua. Cho dù quý vị có thể niệm Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni và Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni, thì Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn này cũng không biết sử dụng. Bây giờ, chúng ta có thể hiểu được Tứ Thập Nhị Thủ Nhãn, lại gặp được chú Nhật Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát thì đúng là đã phải trồng vô lượng căn lành trong vô lượng kiếp, mới có thể hiểu được pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này.

“Nay đại chúng các ông, cả hàng trời, người long thần, nghe ta khen ngợi phải nên tùy hỉ”: tất cả đại chúng trời, người, rồng, tất cả các vị thần,... khi nghe được đức Phật Thích Ca Mâu Ni khen ngợi chú Đại Bi cũng nên vui mừng, ca ngợi. Cùng nhau vui mừng vì gặp được pháp hi hữu hiếm có này và phải cùng nhau tu tập.

Kinh văn:

若有謗此咒者。即為謗彼九十九億恒河沙諸佛。若於此陀羅尼生疑不信者。當知其人永失大利。百千萬劫。常淪惡趣。無有出期。常不見佛。不聞法。不覩僧。

Hán văn: Nhược hữu bàng thử chú giả, tức vi bàng bỉ cửu thập cửu ức hằng hà sa chư Phật. Nhược ư thử Đà La Ni

sanh nghi bất tín giả, đương tri kỳ nhân vĩnh thất đại lợi, bách thiên vạn kiếp, thường luân ác thú, vô hữu xuất kỳ, thường bất kiến Phật, bất văn Pháp, bất gặp tăng.

(Việt dịch: Nếu kẻ nào hủy báng thần chú này tức là hủy báng 99 ức hằng hà sa chư Phật kia. Nếu người nào đối với Đà la ni này sanh nghi không tin, nên biết kẻ ấy sẽ vĩnh viễn mất sự lợi ích lớn, trăm ngàn muôn kiếp không bao giờ nghe thấy Phật, Pháp, Tăng, thường chìm trong tam đồ ác đạo không biết bao giờ mới được ra khỏi, thường không thấy Phật, không được nghe Pháp, không gặp tăng.)

Lược giảng:

“**Nếu kẻ nào hủy báng thần chú này**”: giả sử có người phỉ báng chú Đại bi, nói đây là mê tín, chú này không phải do Đức Phật thuyết, chú này do người Trung Quốc nghĩ ra, hoặc đại loại như thế,..., “**tức là hủy báng 99 ức hằng hà sa chư Phật**”: tức là người đó đang hủy báng số đức Phật quá khứ bằng số cát trong 99 con sông Hằng đã tuyên thuyết thần chú này. “**Nếu người nào đối với Đà la ni này sanh nghi không tin**”: nếu người nào nơi chú Đại Bi này mà khởi ra tâm nghi ngờ hoặc không tin, “**nên biết kẻ ấy sẽ vĩnh viễn mất sự lợi ích lớn**”: những người đối với chú mà có lòng nghi ngờ thì quý vị nên biết những người đó vĩnh viễn bị mất đi lợi ích to lớn mà họ đáng được thọ nhận, lợi ích to lớn là gì? Nếu gặp được “Chú Đại Bi” mà tu hành, thì có thể thoát khỏi sinh tử, thành Phật, chứng được địa vị bất thối chuyển. Nếu không tin pháp môn này, thì tự làm mất hạt giống đại bi, chìm đắm trong dòng sinh tử, vĩnh viễn mất đi lợi ích lớn.

“**Trăm ngàn muôn kiếp**”: tức là có thể là một trăm kiếp, một ngàn kiếp, thậm chí là vạn kiếp, “**thường chìm trong tam đồ ác đạo**”: thường luân hồi trong cõi ác. Cõi ác là ba cõi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh, cộng với A tu la thì là bốn cõi ác. “**Không biết bao giờ mới được ra khỏi**”: sẽ không bao giờ ra khỏi, sẽ không bao giờ ra khỏi địa ngục, ác quỷ, súc sanh và các cõi ác giới của A tu la. “**Thường không thấy Phật**”: hạng

người này đời đời kiếp kiếp không thấy Phật, chẳng những không thấy Phật mà lại **“không được nghe Pháp”**: cũng không được nghe kinh, pháp. Bây giờ, quý vị có thể thấy rằng đây là lần đầu tiên chúng ta được nghe giảng kinh trên đất nước Mỹ. Bây giờ quý vị có thể nghe kinh hàng ngày, đó là một việc hy hữu, đừng cho rằng nghe kinh chỉ dành cho ông già, bà lão thôi, **“không gặp tăng”**: cũng không được gặp các thầy Tỳ kheo và Tỳ kheo ni. Trước đây trên đất Mỹ cũng không có Tam Bảo, không có đạo Phật nên cũng là không được thấy Phật, không được nghe pháp và không được gặp tăng. Nhưng nay không những thấy Phật, mà còn được nghe Pháp, thấy Tăng. Sắp tới đây, thêm năm vị tăng ni chính thức sẽ xuất gia tại Hoa Kỳ, quý vị nói, đây thực sự là sự chín muồi căn lành của người Hoa Kỳ! Căn lành đã chín muồi nên Tam Bảo xuất hiện.

Kinh văn:

一切眾會菩薩摩訶薩。金剛密跡。梵釋四王。天龍鬼神。聞佛如來讚歎此陀羅尼。皆悉歡喜。奉教修行

Hán văn: Nhất thiết chúng hội bồ tát ma ha tát, kim cang mật tích, phạm thích tứ vương, thiên long quỷ thần, văn Phật Như Lai tán thán thủ Đà La Ni, giai tất hoan hỷ, phụng giáo tu hành.

(Việt dịch: Khi ấy, tất cả chúng hội, Bồ Tát Ma ha tát, Kim Cang mật tích, Phạm vương, Đế Thích, tứ đại thiên vương, thiên, long, quỷ thần, nghe đức Như Lai khen ngợi môn Đà la ni này xong, thấy đều vui mừng, y lời dạy mà tu hành)

Lược giảng:

“Khi ấy, tất cả chúng hội”: Khi ấy tất cả đại chúng trong hội **“Bồ Tát Ma ha tát”**: các vị Bồ tát và Đại Bồ tát, **“Kim Cang mật tích”**: Hộ pháp kim cang, Bồ tát Kim Cang Tạng, **“Phạm vương”**: Đại Phạm Thiên Vương, **“Đế Thích”**: vua cõi trời Đạo Lợi Thích Đề Hoàn Nhân, cũng chính là Nhân Đà La; **“tứ đại thiên vương”**: tức là bốn vị Thiên vương của cõi

trời Tứ Thiên vương, và tất cả **“trời, rồng, quý thần”**, **“nghe đức Như Lai khen ngợi môn Đà la ni này xong”**: nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni tán thán Đại Bi Tâm Đà La Ni Chương Cú thần diệu này **“thấy đều vui mừng”**: đều hoan hỉ vui mừng, **“y lời dạy mà tu hành”**: thực hành theo “Chú Đại Bi”, tứ thập nhị thủ nhãn, Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni, và Nguyệt Quang Bồ Tát Đà La Ni.

CHÚ ĐẠI BI CÚ KỆ

(Hòa thượng giảng các câu trong chú Đại Bi bằng 1 bài kệ
4 câu để người trì tụng có thêm tín tâm khi trì tụng)

1, Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da

Từ quán bi quán hỉ xả quán
Phổ độ chúng sanh hóa đại thiên
Hữu duyên vô duyên đồng nhiếp thọ
Ly khổ đắc lạc phần bốn nguyên
Dịch

Quán từ, quán bi và quán hỉ xả
Rộng độ chúng sanh khắp đại thiên
Hữu duyên vô duyên đều tiếp nhận
Rời khổ được vui về nguồn chân

2, Nam Mô A Rị Da

Thân khẩu ý luân đại tổng trì
Vạn đóa liên hoa chánh khai thời
Bạch thanh hồng tử quang thiên chiếu
Hữu duyên Phật tử phó thánh tịch
Dịch

Bánh xe tổng trì thân khẩu ý
Muôn đóa hoa sen vừa hay nở
Trắng xanh đỏ tím chiếu muôn nơi
Phật tử có duyên dự lễ Phật

3, Bà Lô Kiết Đế Thước Bát Ra Da

Trì bát Quan Âm cứu thế gian
Ứng bệnh dữ dược nhuận tam thiên
Bái lễ kiên thành hổ cảm châu
Nhất thiết sở cầu mãn tâm nguyện

Dịch

Quán Âm cầm bát cứu thế gian
Tùy bệnh cho thuốc lợi tam thiên
Chí thành lễ bái liền chiêu cảm
Tất cả mong cầu đều toại nguyện

4, Bồ Đề Tát Đỏa Bà Da

Giác chư hữu tình chủng thánh nhân
Đạo chúng vô vi khiết chân tâm
Tự tha kiêm lợi công thành tự
Đồng nhập bát nhã giải thoát môn

Dịch

Giác ngộ chúng sanh gieo nhân Thánh
Đạo chúng vô vi hợp chân tâm
Công đức hoàn mãn lợi tự tha
Cùng vào bát-nhã cửa giải thoát

5, Ma Ha Tát Đỏa Bà Da

Quyển sách diệu dụng bất tư nghi
Bồ tát trì thủ độ quần mê
Tụng chú tác quán tam ma địa
Tức thân thành Phật vị túc kỳ

Dịch

Dây Quyển sách diệu dụng không nghi bàn
Bồ-tát cầm dây độ quần mê
Tụng chú liền quán tam-ma-địa
Tức Thân thành Phật không phải ngờ

6, Ma Ha Ca Lô Ni Ca Da

Mã Minh đại sĩ hóa Ta bà
Bạt khổ dữ lạc dữ trầm kha
Siêu tử hồi sanh thí cam lộ
Bạt-chiết-la-thủ thang yêu ma

Dịch

Đại sĩ Mã Minh độ Ta-bà
Cho thuốc cứu khổ chúng trầm kha
Cam lồ chữa lành nạn khổ chết
Bàn tay Kim Cang diệt yêu ma

7, Ân

Vô thủy vô chung vô cổ kim
Hư không pháp giới nhất khẩu thôn
Tự tánh tịch nhiên phi nội ngoại
Như thị, như thị, như thị nhân

Dịch

Không thì không chung không cổ kim
Pháp giới hư không đều gói trọn
Tự tánh tịch nhiên chẳng trong ngoài
Như vậy, như vậy, nhân như vậy

8, Tát Bàn Ra Phạt Duê

Hộ Thế Tứ Vương nhật dạ mang
Thường thiện phạt ác chúng ma giáng
Bồ tát hóa hiện phục quần quái
Long bàn hổ ngọa lễ pháp hoàng.

Dịch

Hộ Thế Tứ Vương tuần ngày đêm
Thường thiện phạt ác hàng ma quý
Bồ-tát hóa thân dẹp bầy yêu ma
Rồng cuộn, hổ phục lễ Pháp Vương

9, Số Đát Na Đát Tỏa

Thiên binh, thiên tướng mãnh vô địch
Thiên ma lạc đãm bất túc kỳ
Cải quá thiện thiện bản giả phú
Đắc sanh cực lạc chúng khổ ly.

Dịch

Thiên binh, thiên tướng dững vô song
Thiên ma mất vía không gì lạ
Bỏ ác làm lành, nghèo thành giàu
Sanh lên cõi Tinh Độ lia mọi khổ

10, Nam Mô Tất Kiết Lật Đỏa Y Mông A Rị Da

Hữu oai tư thông nan tư nghi
Vô cầu bất ứng tam muội lực
Long Thọ tôn giả phục ma oán
Hành nhân mặc hoạn đắc Bồ đề.

Dịch

Vẻ tôn nghiêm tuyệt vời khó nghĩ bàn
Sức chánh định hữu cầu tất ứng
Tôn Giả Long Thọ phục ma oán
Người tu thoát nạn chứng Bồ-đề.

11, Bà Lô Kiết Đế Thất Phật Ra Lăng Đà Bà

Viên Mãn Báo Thân Xá Na Phật
Hộ trì hành nhân tỵ tại đa
Thập phương thế giới văn thanh độ
Ly cấu xuất trần pháp ma ha.

Dịch

Viên Mãn Báo Thân Xá-na Phật
Hộ trì người tu rất tỵ tại
Mười phương giới nghe tiếng cứu độ
Xa lia phiền não, công năng pháp ma ha.

12, Nam Mô Na Ra Cẩn Trì

Thanh Tịnh Pháp Thân Giá Na Phật
Quảng độ chúng sanh hóa Ta bà
Thành tựu kim cang kiên cố thể
Đồng chứng bỉ ngạn mật ba la.

Dịch

Thanh Tịnh Pháp Thân Giá-na Phật
Rộng độ chúng sanh cõi Ta-bà
Thành tựu thân kim cang bền chắc
Cùng đến niết-bàn vô thượng giác

13, Hê Rị Ma Ha Bàn Đa Sa Mế

Từ năng dứt lạc bi bặt khổ
Phổ hóa quần sanh thành Phật Tổ
Dương Đầu Thần Vương hộ hành nhân
Hổ lang ác thú giai vô trở.

Dịch

Từ ban điều vui, bi dứt khổ
Giáo hóa chúng sanh thành Phật Tổ
Thần Vương Dương Đầu hộ người tu
Hổ, lang ác thú không đến hại

14, Tát Bà A Tha Đâu Du Bằng

Cam lộ quán đánh hoạch thanh lương
Phổ tế quần manh đắc an Khang
Lục đạo tứ sanh thành lợi lạc
Từ bi hỉ xả trợ pháp vương

Dịch

Nước cam lộ rưới được mát mẽ
Rộng độ quần mê được an Khang
Lục đạo, tứ sanh đều lợi lạc
Từ bi hỉ xả hộ Pháp Vương

15, A Thệ Dụng

Dạ-xoa Thiên Vương phi hổ bì
Thường thiện phạt ác cực nguy cấp
Tuần du tứ phương ký công quá
Chủ trì công đạo bình đẳng tế

Dịch

Dạ-xoa Thiên Vương khoác da cạp
Thường thiện phạt ác cứu nguy cấp
Tuần hành bốn phương ghi công đức
Chủ trì công đạo đều bình đẳng

16, Tát Bà Tát Đa Na Ma Bà Tát Đa Na Ma bà Già

Quán Âm hóa hiện Thần Vương thân
Thiên thủ pháp bảo diệu nan cùng
Xà Kế Hắc Diện phục yêu quái
Chánh pháp mãi bền nguyện hồng thâm

Dịch

Quán Âm hóa hiện thân Thần Vương
Ngàn tay pháp bảo diệu không lường
Xà Kế Hắc Diện hàng yêu quái
Nguyện Chánh pháp mãi trường tồn

17, Ma Phạt Đạt Đậu

Thiện nhân hoan hỉ, ác nhân bỏ
Ưu khổ viễn ly vạn bệnh trừ
Phật nhãn quán sát biến pháp giới
Kim Luân thôi diệt nhất thiết ma.

Dịch

Người lành vui mừng, kẻ ác sợ
Xa lìa ưu khổ muôn bệnh lành
Phật nhãn quán sát khắp pháp giới
Kim Luân tiêu diệt tất cả ma

18, Đát Diệt Tha

Xuất quang trường thiết biến tam thiên
Quán Âm thị hiện hóa nam nữ
Ứng cúng sát tặc a-la-hán
Tự lợi lợi tha giác hạnh viên

Dịch

Tướng lưới rộng dài cả tam thiên
Quán Âm thị hiện nam và nữ
Bậc la-hán ứng cúng sát tặc
Lợi mình, lợi người hạnh viên mãn

19, Án A Bà Lô Hê

Quý thần cung kính thỉnh Phạm âm
Tam mục động tất chúng sanh tâm
Nhất thiết cầu nguyện giai thành tựu
Vạn hành đồng nhập bát-nhã môn

Dịch

Quý thần cúng kính nghe Phạm âm
Ba mắt nhìn thấu tâm chúng sanh
Tất cả nguyện cầu đều thành tựu
Muôn hạnh đều vào cửa trí tuệ

20, Lô Ca Đế

Đại Phạm Thiên Vương xuất thân binh
Thập phương bồ-tát đồng hiện thân
Độ thoát chúng sanh xuất khổ hải
Tốc chúng bỉ ngạn tịch diệt thành

Dịch

Đại Phạm Vương thống lĩnh thân binh
Mười phương bồ-tát đều hiện thân
Độ thoát chúng sanh thoát biển khổ
Mau chúng bồ đề cõi tịch diệt

21, Ca Ra Đế

Hắc Sắc Đế Thần hiển oai phong
Đông tây nam bắc nhậm tung hoành
Phát lung chấn hội từ bi chủ
Nhật dạ bất hưu cứu chúng sanh

Dịch

Hắc Sắc Đế Thần hiện oai phong
Đông tây nam bắc mặc tung hoành
Đáng từ bi chữa lành tai, mắt
Cứu chúng sanh ngày đêm không nghỉ

22, Di Hê Rị

Tam thập tam thiên chúng thần binh
Linh văn mật ngữ lệnh phụng hành
Thường thiện phạt ác hộ chánh giáo
Thế giới hàm an khánh thắng bình

Dịch

Chúng thần binh trời tam thập tam
Chú ngữ bí mật lệnh vâng làm
Thường thiện phạt ác hộ chánh pháp
Thế giới đều vui mừng thái bình

23, Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa

Kiên thật chân tâm cầu giai ứng
Quảng đại linh cảm vô bất thông
Từ bi phổ độ ba-la-mật
Hàng phục chư ma chánh pháp hưng

Dịch

Thành tâm kiên trì cầu đều ứng
Linh cảm rộng lớn đều thấu rõ
Từ bi phổ độ ba la mật
Hàng phục chư ma chánh pháp hưng

24, Tát Bà Tát Bà

Hương Tích bồ-tát đại oai thần
Thanh hoàng xích bạch hắc ma binh
Phục lao chấp dịch thính giáo hóa
Cảm ứng đạo giáo cứu quần sanh

Dịch

Bồ-tát Hương Tích oai thần lớn
Binh quý xanh, vàng đỏ trắng đen
Lao nhọc, cực khổ nghe giáo hóa
Cảm ứng đạo giao cứu quần sanh

25, Ma Ra Ma Ra

Hỗ tương miễn lệ hỗ tinh tấn
Đồng tu thiện pháp tục tâm ấn
Tha nhật thành tựu bồ đề quả
Long hoa hội thượng khánh hân hoan

Dịch

Khuyến khích cùng nhau nên tinh tấn
Cùng tu thiện pháp giữ tâm ấn
Ngày sau thành tựu quả bồ đề
Trên hội Long Hoa vui mừng thay

26, Ma Hê Ma Hê Rị Đà Dụng

Ứng cơ thị hiện vô lượng thân
Đại tiểu quyền thật hiển oai thần
Kim cang bất hoại thường trụ tại
Thiên nhãn diệu quán, thiên nhĩ văn

Dịch

Vô lượng thân tùy duyên ứng hiện
Quyền thật lớn nhỏ hiển oai thần
Kim cang bất hoại thường trụ tại
Thiên nhãn thiên nhĩ dùng nghe thấy

27. Cu Lô Cu Lô Kiết Mông

Không thân, không tâm, không thế giới
Thiên đại tướng quân lĩnh thiên binh
Tuần du chư phương sát thiện ác
Công thưởng quá phạt vô thác phần

Dịch

Thân không, tâm không, thế giới không
Thiên đại tướng quân lĩnh thiên binh
Tuần du mọi nơi xét thiện ác
Công thưởng lỗi phạt không sai lầm

28, Độ Lô Độ Lô Phật Xà Da Đế

Man binh dũng mãnh chiến vô địch
Khổng tước hùng oai trấn quần si
Bồ-tát hiệu lệnh tuần thiên hạ
Hộ thiện trừ ác độ quần mê

Dịch

Man binh dũng mãnh chiến vô địch
Khổng tước hùng oai trấn quần si
Bồ-tát ra lệnh xem thế gian
Giúp thiện dẹp ác cứu quần sanh

29, Ma Ha Phật Xà Da Đế

Đại khổ đại lạc đại từ bi
Tu chư thiện pháp lực vô úy
Bảo xử hàng ma hộ hành giả
Tam tai bát nạn nhất thời thôi

Dịch

Khổ lớn, vui lớn, từ bi lớn
Tu các pháp lành lực vô úy
Bảo xử hàng ma hộ người tu
Tám nạn ba tai đều dứt sạch

30, Đà Ra Đà Ra

Hiện đại trượng phu thân kỳ đặc
Pháp tướng trang nghiêm ly chư quá
Dĩ đức cảm nhân tâm thành phục
Vọng chi nghiêm nhiên tức ôn hòa

Dịch

Hiện tướng trượng phu thân đặc biệt
Pháp tướng trang nghiêm không tỳ vết,
Dùng đức cảm người làm tâm phục,
Ngắm tướng trang nghiêm lại nhu hòa.

31, Địa Rị Ni

Sư tử vương binh nghiệm tụng đọc
Thiên biến vạn biến vô lượng số
Đa đa ích thiện công viên mãn
Thành tựu bồ-tát thắng quả thù

Dịch

Vua tôi Sư tử tụng đọc nghiệm chứng
Ngàn lần vạn lần đến vô số
Tích lũy điều lành công đức trọn
Thành tựu bồ-tát quả thù thắng

32, Thất Phật Ra Da

Giáng phục các ma chánh pháp hưng
Tích lịch thêm điện quý thân kinh
Vũ trụ trừng thanh yêu phân tức
Huệ nhật cao chiếu khánh hòa bình

Dịch

Hàng các ma hưng chánh pháp
Sấm sét chớp nhoáng quý thân kinh
Vũ trụ trong xanh yêu khí dứt
Trí tuệ chiếu sáng đón hòa bình

33, Đá Ra Đá Ra

Nộ mục dương mi nhiếp tà ma
Oai đức vô biên hộ chư Phật
Nhất thiết chúng sanh đắc an lạc
Bồ-tát sự tất tiểu ha ha

Dịch

Trùng mắt oai hùng nhiếp tà ma
Oai đức vô biên giúp chư Phật
Tất cả chúng sanh đắc an lạc
Việc xong bò-tát cười ha ha

34, Mạ Mạ Phật Ma Ra

Chiết phục ma ngoại hiện thần oai
Đại từ cứu thế pháp vương khôi
Bình đẳng phổ tế ba-la-mật
Hữu duyên chúng sanh hộ yết đế

Dịch

Hiện oai thần thu phục tà ma ngoại đạo
Đấng Pháp Vương đại bi cứu thế
Ba-la-mật Bình đẳng độ khắp
Chúng sanh hữu duyên được giải thoát

35, Mục Đế Lệ

Bé mục trừng tâm tụng chân ngôn
Nhất niệm bất sanh diệu thông huyền
Tam muội gia trì trí quang hiện
Chư Phật xưng tán thiện nữ nam

Dịch

Nhắm mắt lắng tâm tụng chân ngôn
Một niệm không sanh diệu nguồn chân
Chánh định gia trì trí tuệ tỏ
Chư Phật ngợi khen thiện nam nữ

36, Y Hê Y Hê

Ma-hê-thủ-la mãnh hựu hung
Thường thiện phạt ác kiến kỳ công
Phổ độ quần mê đấng bỉ ngạn
Hóa lợi hữu tình vô tử chung

Dịch

Ma-hê-thủ-la mạnh lại dữ
Thường thiện phật ác lập kỳ công
Phổ độ quần mê lên bờ giác
Giáo hóa hữu tình không thủy chung

37, Thất Na Thất Na

Thị thiện thị ác nhiếp chúng sanh
Hốt thuận hốt nghịch chiết tánh linh
Phản bản hoàn nguyên tu chư kỷ
Ma-ha- bát-nhã nhật dạ minh

Dịch

Thị hiện thiện ác độ chúng sanh
Bổng thuận bổng nghịch phục nhân tâm
Trở về nguồn chân sửa chính mình
Trí tuệ bát-nhã sáng ngày đêm

38, A Ra Sâm Phật Ra Xá Lợi

Tứ thập nhị thủ diệu vô cùng
Thông thiên triệt địa cảm mê mông
Bãi nỗ cung tiền oai thần tốc
Cường giả điều phục nhược giả hưng

Dịch

Tứ thập nhị thủ diệu vô cùng
Thấu tận trời đất cảm quần mê
Sức mạnh thần tốc nỗ cung tiền.
Điều phục kẻ mạnh giúp kẻ yếu

39, Phạt Sa Phạt Sâm

Oai mãnh từ bi đại trượng phu
Điều phục chúng sanh xuất mê đồ
Cải ác tàng thiện tu chư độ
Bồi thực phước huệ ngộ chân như

Dịch

Bậc trọng phu từ bi oai mãnh
Điều phục chúng sanh thoát cõi mê
Bỏ ác làm lành tu lục độ
Vun trồng phước huệ ngộ chân như

40, Phật Ra Xá Da

Quán Âm sư chủ A-di-đà
Tứ thập bát nguyện hóa ta bà
Tam bối cứu phẩm sanh cực lạc
Lưu thủy phong động diễn ma-ha

Dịch

Phật di-đà là thầy Quán Âm
Bốn tám nguyện độ cõi ta bà
Sanh Cực Lạc ba hạng chín phẩm
Gió lay nước chảy diễn ma ha

41, Hô Lô Hô Lô Ma Ra

Quán Âm thị hiện quý thân vương
Giáng phục chư ma thủ quy chương
Nhất thiết chúng sanh y giáo hồi
Cường giả điều nhu nhược giả xương

Dịch

Quán Âm thị hiện vua Quý Thân
Hàng phục các ma giữ quy tắc
Tất cả chúng sanh theo lời dạy
Kẻ mạnh nhu thuận, kẻ yếu hung

42, Hô Lô Hô Lô Hê Rị

Tứ Tí Tôn Thiên hiện thần oai
Nhất thiết tà ma vọng phong hồi
Quy y tam bảo Quán Tự Tại
Tích công lũy hạnh thiện đức bồi

Dịch

Tứ Tí Tôn Thiên hiện oai thần
Tất cả tà ma đều kính trông
Quy y tam bảo Quán Tự Tại
Tích lũy công hạnh khéo bồi đức

43, Ta Ra Ta Ra

Thiện xảo phương tiện độ Ta bà
Thị hiện ngũ trược hóa quần ma
Thường hành vô ngã ba-la-mật
Ly chư pháp chấp diển ma ha

Dịch

Phương tiện khéo léo độ Ta bà
Thị hiện năm trược dạy chúng ma
Thường hành vô ngã ba-la-mật
Rời các pháp chấp diển ma ha

44, Tất Rị Tất Rị

Năng quán chi trí sở quán cảnh
Viên dung tự tại chân như tánh
Vô biên thệ nguyện lợi chúng sanh
Bất khả tư nghì thường tại định

Dịch

Dùng trí năng và cảnh sở quán
Tánh chân như tự tại viên dung
Thệ nguyện vô biên lợi chúng sanh
Trú ở định không thể nghĩ bàn

45, Tô Rô Tô Rô

Vạn vật thuyết pháp hữu thù thính
Thế giới chúng sanh vọng tưởng ngưng
Chư Phật bản nguyện ly văn tự
Như thị ngã văn đại bi công

Dịch

Vạn vật thuyết pháp ai lắng nghe
Chúng sanh thế gian đừng vọng tưởng
Bốn nguyện chư Phật rời chữ nghĩa
Tôi nghe như vậy dụng đại bi

46, Bồ Đề Dạ Bồ Đề Dạ

Từ bi hỉ xả tứ vô lượng
Thị hiện hiện tướng hóa quần manh
Nhiếp thọ chúng sanh đặng bỉ ngạn
Hồi quang phản chiếu quy cố hương

Dịch

Tứ vô lượng tâm từ bi hỉ xả
Hiện bày tướng lành hóa quần mê
Tiếp nhận chúng sanh lên bờ giác
Ánh sáng phản chiếu về quê cũ

47, Bồ Đà Dạ Bồ Đà Dạ

Quán Âm thị hiện xú ô hình
Chiết phục cường bạo cải tâm linh
Đồng chứng vô sanh bát-nhã trí
Hoàn nhập Ta-bà độ hữu tình

Dịch

Quán Âm thị hiện thân dơ xấu
Chiết phục cường bạo đổi nhân tâm
Cùng chứng trí bát-nhã vô sanh
Trở lại Ta-bà độ hữu tình

48, Di Đế Rị Dạ

Từ bi thị hiện hóa ác nhân
Đắc đại an ổn mộng thần thanh
Cánh hoạch phước báo vô hữu tận
Bồ-đề bát-nhã tự hành thâm

Dịch

Từ bi thị hiện thân kẻ ác
Yên ổn thanh thản mộng điềm lành
Càng được phước báu không cùng tận
Tự xét vững vàng bát nhã hiện

49, Na Ra Cẩn Trì

Quán Âm thị hiện Long Thọ tôn
Phổ nhiếp quần cơ ly hỏa khanh
Phản bản hoàn nguyên thành chánh giác
Vi trần phẫu xuất pháp giới kinh

Dịch

Quán Âm hiện tướng Ngài Long Thọ
Nhiếp hóa quần sanh khỏi hầm lửa
Quay về nguồn chân thành chánh giác
Hạt bụi diễn bày kinh pháp giới

50, Địa Rị Sắc Ni Na

Hạng quả nhân đầu niệm linh văn
Thủ chấp thiết mâu dạ nhật tuần
Hoán tỉnh chúng sanh hành chư thiện
Khổ hải vô biên mạc trầm luân

Dịch

Mang chuỗi sọ người niệm kinh chú
Tay cầm thiết mâu tuần ngày đêm
Thức tỉnh chúng sanh làm điều thiện
Biển khổ vô bờ chớ đắm chìm

51, Bà Dạ Ma Na

Bạt Chiết La xử trấn quần ma
Liên hoa số châu niệm Phật đà
Lôi thanh kinh tỉnh si mê giả
Mộng giác nguyên lai nhất tự đa

Dịch

Chày kim cang chấn nhiếp quân ma
Niệm Phật-đà bằng chuỗi liên hoa
Sấm dội giạt mình thức kẻ mê
Một chữ đã nhiều khi tỉnh mộng

52, Ta Bà Ha

Túc tai tăng phước diệu cát tường
Phật Pháp Tăng bảo phóng hào quang
Quán hành nhất tâm vô tướng lễ
Thị đại bồ đề hóa vạn phương

Dịch

Diệu kiết tường tiêu tai tăng phước
Phật Pháp Tăng bảo phóng hào quang
Tu hành nhất tâm lễ vô tướng
Là đại giác ngộ cứu muôn nơi

53, Tất Đà Dạ

Mỹ diệu tướng hảo trang nghiêm thân
Thông đạt nhất thiết chư pháp môn
Phổ độ hữu duyên sinh cực lạc
Thường tịch quang độ chân lại chân

Dịch

Thân trang nghiêm tướng đẹp lạ thường
Thông đạt tất cả các pháp môn
Độ người có duyên sanh cực lạc
Cõi Thường Tịch Quang thật cang thật

54, Ta Bà Ha

Hằng-hà-sa số chưa bò-tát
Tùng lập ngao đầu tiểu cấp cấp
Pháp hải uông dương vô bất độ
Chúng sanh dữ ngã ly tự tha

Dịch

Bồ-tát nhiều như cát sông hằng
Đứng trên đầu rùa cười ha ha
Biển pháp mênh mông đều vượt qua
Ta và chúng sanh không phân biệt

55, Ma Ha Tát Đà Dạ

Phóng đại quang minh chiếu thể gian
Thai noãn thấp hóa ly đảo huyền
Cửu giới chúng sanh thành chánh giác
Thường lạc ngã tịnh phẩm tự cao

Dịch

Phóng ánh sáng lớn chiếu thể gian
Thai, noãn thấp, hóa thoát đảo huyền
Chúng sanh cửu giới thành chánh giác
Thường lạc ngã tịnh tự thanh cao

56, Ta Bà Ha

Thần thông biến hóa thuộc đệ nhất
Kim tích trượng cứu thế gian hy
Địa ngục chúng sanh mong ân thọ
Ly chư chướng nạn thoát bờ-đề

Dịch

Thần thông biến hóa thuộc hạng nhất
Tích trượng hiếm có cứu thế gian
Chúng sanh địa ngục được nhờ ân
Thoát chướng nạn phát tâm bờ đề

57, Tát Đà Du Nghệ

Tùy loại hóa hiện độ chư thiên
Đồng sự lợi hành tiếp hữu duyên
Xả kỷ vị nhân chân vô ngã
Thệ nguyện chúng sanh thành thánh hiền

Dịch

Tùy loài hóa hiện độ chư thiên
Cùng làm việc lợi gặp hữu duyên
Quên mình vì người thật vô ngã
Nguyện độ chúng sanh thành bậc thánh

58, Thất Bàn Ra Dạ

Bồ tát thị hiện thiên nữ thân
Nhân cơ đậu giáo chỉ mê tân
Tuần tuần thiện dụ hối bất quyện
Từ bi bình đẳng nhiếp quần sanh

Dịch

Bồ-tát thị hiện thân thiên nữ
Tùy duyên giáo hóa chỉ bờ mê
Ân cần dạy bảo không mệt mỏi
Từ bi bình đẳng nhiếp quần sanh

59, Ta Bà Ha

Tiêu tai miễn nạn trừ bệnh ma
Bảo bát diệu dụng bất khả thuyết
Toại tâm mãn nguyện bất khả thuyết
Yết đế, yết đế, ta bà ha

Dịch

Tiêu trừ tai nạn dứt bệnh ma
Bát báu dùng hay không thể tả
Thí vô úy thỏa lòng mãn nguyện
Yết đế, yết đế, ta bà ha

60, Na Ra Cẩn trì

Vi trần tướng hải vô lượng thân
Lục độ vạn hạnh cần canh vân
Hồi tiểu hướng đại bồ đề quả
Tự độ hóa tha bát-nhã tâm

Dịch

Thân vô lượng như biển bụi trần
Lục độ vạn hạnh chuyên cần tu
Bỏ nhỏ hướng quả lớn bồ đề
Độ mình độ người tâm bát-nhã

61, Ta Bà Ha

Chủng nhân kết quả thực thiên căn
Liễu sanh thoát tử yếu tự cần
Dũng mãnh tinh tấn ba-la-mật
Ma ha giác đạo diệu hành thâm

Dịch

Gieo nhân gặt quả trồng căn lành
Tự siêng năng giải thoát sanh tử
Tinh tấn dũng mãnh ba-la-mật
Biển giác lớn cần chuyên sâu

62, Ma Ra Na Ra

Bảo ấn thủ nhãn đại bồ-tát
Kim phủ phách phá vô minh gia
Nhất thiết hữu tình phiền não đoạn
Tùng địa dũng xuất bảo liên hoa

Dịch

Đại Bồ tát có bảo ấn thủ nhãn
Rìu báu phá nát nhà vô minh
Tất cả hữu tình đoạn phiền não
Dưới đất mọc lên hoa sen báu

63, Ta Bà Ha

Du hí thần thông hóa tam thiên
Mang hải đạp lãng pháp vô biên
Phát hải hải triều âm kinh mê mộng
Nọa phu lập chí tham giả liêm

Dịch

Thần thông dạo chơi độ tam thiên
Dẹp cỏ đạp sóng pháp vô biên
Thốt âm Hải Triều thức mê mộng
Kẻ hèn lập chí, kẻ tham thành thanh liêm

64, Tát Ra Tăng A Mục Khê Da

Hóa hiện Dược Vương đại Bồ-tát
Trừ ôn diệt dịch cứu hăng sa
Phổ linh hữu tình ly tật khổ
Cam lồ biến sái hàm thức nha

Dịch

Hiện thân đại bồ-tát Dược Vương
Trừ bệnh ôn dịch cứu vô số
Giúp chúng sanh khỏi khổ đau
Cam lồ rưới mầm giác hữu tình

65, Ta Bà Ha

Quán hạnh khởi tu lễ pháp vương
Phước huệ trang nghiêm diệu đạo tràng
Nhược năng chứng đắc thâm bát-nhã
Độ chừ khổ ách ngộ chân thường

Dịch

Tu tập quán chiếu lễ Pháp vương
Phước huệ trang nghiêm diệu đạo tràng
Nếu chứng đắc bát-nhã thâm sâu
Vượt qua nguy nan ngộ, chân thường

66, Ta Bà Ma Ha A Tát Đà Dạ

Hằng thuận chúng sanh giáo Ta bà
Ngũ trược ác thế hóa quần ma
Sa lí đào kim cầu hiền khát
Thủy trung lao nguyệt bất bì chuyết

Dịch

Tùy thuận chúng sanh độ ta bà
Ngũ trược ác thế giáo hóa chúng ma
Đãi cát tìm vàng như kiếm Thánh
Vớt trắng dưới nước không mệt mỏi

67, Ta Bà Ha

Vô tự chân kinh quái thân biên
Trí như đại hải định chân như
Giới đức quang minh quang biến chiếu
Phổ nhiếp quần cơ độ hữu duyên

Dịch

Chân kinh không chữ để bên mình
Trí như biển lớn định như núi
Giới đức tròn đầy chiếu mọi nơi
Nhiếp hóa chúng sanh nào có duyên

68, Giả Kiết Ra A Tất Đà Dạ

Sắc thân tam muội hiện tam thiên
Kiến tướng văn danh thoát vô gián
Liễu sanh địa pháp đặng bỉ ngạn
Hàm mộng nhiếp thọ giác vương tiền

Dịch

Sắc thân tam muội hiện tam thiên
Thấy hình nghe tên thoát Vô Gián
Pháp ngộ sanh tử lên bờ giác
Được Như Lai đích thân nhiếp thọ

69, Ta Bà Ha

Tu đạo hành giả mặc tự khi
Yểm nhĩ đạo linh thậm bất nghi
Hoa khai nan kết chân thật quả
Quang âm không quá thái quả tích

Dịch

Những người tu đạo chớ dối mình
Không nên bịt tai mà trộm chuông
Hoa nở khó có quả chân thật
Thời gian luống qua thật đáng tiếc

70, Ba Đà Ma Yết Tất Đà Dạ

Bồ-tát vô sự trao công tác
Tọa bảo liên hoa phóng quang minh
Thọ chư chúng sanh đại giác kỷ
Viên mãn niết bàn chứng Vô Dư

Dịch

Không việc làm Bồ-tát tìm việc
Ngồi hoa sen báu phóng hòa quang
Thọ ký thành Phật cho chúng sanh
Niết bàn viên mãn chứng Vô Dư

71, Ta Bà Ha

Thiên nữ tán hoa cúng hành nhân
Nghiêm trì giới luật diệu thông thân
Cánh năng hồi quang quán tự tại
Bất cửu đương khiết đại giác tôn

Dịch

Thiên nữ rải hoa cúng người tu
Giới luật nghiêm trì ứng thân thông
Quán xét chính mình không ngăn ngại
Rất nhanh sẽ giống đáng Đại Giác

72, Na Ra Cẩn Trì Bàn Đà Ra Dạ

Tiểu trung hiện đại vô ngại thân
Đông tây nam bắc nhậm tung hoành
Tam thiên thế giới duy nhất niệm
Nhĩ ngã tha tâm bất khả phân

Dịch

Trong nhỏ hiện lớn thân vô ngại
Đông tây nam bắc mặc tung hoành
Tam thiên giới chỉ trong một niệm
Bạn, tôi và người không ngoài tâm

73, Ta Bà Ha

Lễ bái cúng dường yếu kiện thành
Hương hoa đặng quả nhật nhật tân
Chân tâm tu hành ly chur tướng
Tam luân thể không xuất mê đồ

Dịch

Lễ bái cúng dường nên thành kính
Hoa hương đèn trái ngày ngày mới
Rời các tướng chân tâm tu hành
Thoát bên mê ba nghiệp vốn không

74, Ma Bà Lợi Thắng Yết Ra Dạ

Thiên thủ thiên nhãn đại từ bi
Phổ hóa tam giới độ chúng hồi
Chư thiên ma vương giai thọ thủ
Cải ác hướng thiện tốc lai quy

Dịch

Đại từ bi thiên thủ thiên nhãn
Giáo hóa tam giới về bờ giác
Ma vương các trời đều nhận lãnh
Bỏ ác làm lành mau trở về

75, Ta Bà Ha

Lễ nhi vị lễ tu vô tu
Không dân sở không hà hữu cầu
Khán phá phóng hạ chân tự tại
Tiêu dao pháp giới nhậm dã du

Dịch

Lẽ mà không lẽ tu vô tu
Không vốn trống rỗng cần gì tìm
Nhìn thấu, buông xuống thực tự tại
Tùy thích rong chơi khắp pháp giới

76, Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da

Chân không vi thể huyễn sắc dụng
Quán sát thể gian cứu chư bệnh
Tùy cơ cảm ứng nan tư nghĩ
Ngã đấng mê si đương quy mạng

Dịch

Chân không, huyễn sắc là thể, dụng
Quán sát thể gian cứu các bệnh
Cảm ứng theo duyên khó nghĩ bàn
Chúng ta mù si nên nương tựa

77, Nam Mô A Rị Da

Hóa thân Phổ Hiền biến tam thiên
Già phu tọa thượng pháp vô biên
Bách bảo luân chương phá địa ngục
A-di-đà-Phật trú Tây Thiên

Dịch

Khấp tam thiên hiện thân Phổ Hiền
Ngồi kiết già pháp mầu vô tận
Trăm bảo luân chương phá địa ngục
Phật Di-đà ở cõi trời Tây

78, Bà Lô Kiết Đế

Pháp vương trưởng tử Văn Thù tôn
Từ tâm giáo hóa Ta bà dân
Đồng nguyện chúng đấng vô lượng trí
Thường tịch quang độ vạn Phật thân

Dịch

Ngài Văn Thù trưởng tử của Phật
Tâm từ giáo hóa cõi ta bà
Cùng nguyện có được trí vô lượng
Thôn Vạn Phật cõi Thường Tịch Quang

79, Thước Bàn Ra Dạ

Lão viết ngũ sắc sử mục mân
Quán Âm giải nhãn chân thường
Kim điệp bảo liên hòa quang chiếu
Bổn lai diện không phi gia nương

Dịch

Lão Tử nói “năm sắc làm mù”
Quán Âm chữa mắt hiểu chân thường
Sen báu lá bằng vàng chiếu rọi
Bản thể xưa nay không bỏ mẹ

80, Ta Bà Ha

Ti trúc thổ cách mộc thạch kim
Bát âm tề tấu nhật nhật tân
Giải liễu nhĩ căn văn tự tại
Thiên nhạc minh không bất động tâm

Dịch

Tơ, trúc, đất, da, gỗ, đá, vàng
Tám âm hợp tấu ngày ngày mới
Tai hiểu rõ pháp nghe như ý
Nhạc trời vang vọng tâm bất động

81, Ấn Tát Điện Đô

Thọ trì đọc tụng diệu linh văn
Gia trì hộ niệm các hành nhân
Tam thiên thế giới giai thị hiện
Quán Âm tử căn giải vị trần

Dịch

Thọ trì đọc tụng kinh chú diệu linh
Che chở quan tâm người tu hành
Hiện bày ở khắp tam thiên giới
Mũi Quán Âm hiểu rõ vị thế gian

82, Mạn Đà Ra

Trì chú tụng kinh chuyên nhất tâm
Cảm ứng đạo giao thổ biến kim
Bồ-tát từ bi thủy hiện nguyệt
Chúng sanh giác ngộ li vị căn

Dịch

Tụng kinh trì chú lòng chuyên nhất
Cảm ứng với nhau đất thành vàng
Bồ-tát từ bi nước hiện trăng
Chúng sanh liễu ngộ rời vị giác

83, Bạt Đà Dạ

Pháp giới hư không thiên ngoại thiên
Vi trần sát hải tận bao hàm
Hữu duyên vô duyên đồng hóa độ
Tín thọ phụng hành tức thánh hiền

Dịch

Pháp giới hư không trời ngoài trời
Dung chứa cõi bụi như biển
Hữu duyên vô duyên đều cảm hóa
Tin nhận, vâng làm là thánh hiền

84, Ta Bà Ha

Danh viết Đại Bi Đà La Ni
Tứ thập nhị thủ thế gian hi
Thiện căn quảng tích thiên năng ngộ
Bất tu thủ pháp thái khả tích

Dịch

Tên là Đại Bi Đà La Ni

Tứ thập nhị thủ hiêm ở đời

Tích nhiều căn lành mới được gặp

Không tu pháp này thật đáng tiếc.

NGHI THỨC TỤNG CHÚ ĐẠI BI

1, Niệm thánh hiệu: Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3 lần)

2, Phát nguyện: Quán Âm Thập Đại Nguyện (Đối trước hình tượng Bồ Tát Quán Âm phát nguyện)

1) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng biết tất cả pháp;

2) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được Trí Huệ Nhân;

3) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng độ các chúng sanh;

4) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm được thiện phương tiện;

5) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng lên thuyền Bát nhã;

6) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm vượt qua biển khổ;

7) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng đắc Giới Định Đạo;

8) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm lên núi Niết-bàn;

9) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện chóng về nhà Vô vi;

10) Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm, con nguyện sớm đồng thân Pháp tánh.

Nếu con hướng núi đao, núi đao tự sụp đổ;

Nếu con hướng nước sôi, nước sôi tự khô cạn;

Nếu con hướng địa ngục, địa ngục tự tiêu diệt;

Nếu con hướng ngạ quỷ, ngạ quỷ liền no đủ;

Nếu con hướng Tu-la, ác tâm tự điều phục

Nếu con hướng súc sanh, liền đắc đại Trí Huệ.

3, Niệm thánh hiệu: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát (108 lần)

4, Niệm thánh hiệu: Nam Mô A Di Đà Phật (108 lần)

5, Thành tâm niệm chú Đại Bi (từ 5 biến hoặc nhiều hơn, số biến là số lẻ)

Nam mô hắc ra đát na đà ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô kiết đế, thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. Án. Tát bàn ra phạt duệ. Số đát na đát tả. Nam mô tát kiết lật đỏa y mông a rị da. Bà lô kiết đế thất phạt ra lăng đà bà. Nam mô na ra cẩn trì. Hê rị ma ha bàn đà sa mế. Tát bà a tha đậu du bằng. A thệ dụng. Tát bà tát đá, na ma bà tát đa, na ma bà già. Ma phạt đặc đậu. Đát diệt tha. Án, a bà lô hê. Lô ca đế. Ca ra đế. Di hê rị. Ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà. Ma ra ma ra. Ma hê ma hê, rị đà dụng. Cu lô cu lô yết mông. Độ lô độ lô, phạt già ra đế. Ma ha phạt già da đế. Đà la đà la. Địa ly ni. Thất phạt ra da. Giá ra giá ra. Ma ma phạt ma ra. Mực đế lệ. Y hê di hê. Thất na thất na. A ra sam phạt ra xá lợi. Phạt sa phạt sam. Phạt ra xá da. Hô lô hô lô ma ra. Hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra. Tát ly tất ly. Tô rô tô rô. Bồ đề dạ, bồ đề dạ. Bồ đà dạ, bồ đà dạ. Di đế rị dạ. Na ra cẩn trì. Địa ly sắt ni na. Ba dạ ma na. Ta bà ha. Tát đà dạ. Ta bà ha. Ma ha tát đà dạ. Ta bà ha. Tát đà du nghệ. Thất bàn ra dạ. Ta bà ha. Na ra cẩn trì. Ta bà ha. Ma ra na ra. Ta bà ha. Tát lỗ tăng a mực khư da. Ta bà ha. Ta bà ma ha a tát đà dạ. Ta bà ha. Giả cát ra a tát đà dạ. Ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ. Ta bà ha. Na ra cẩn trì, bàn già ra da. Ta bà ha. Ma bà lợi thắng, yết ra da. Ta bà ha. Nam mô hắc ra đát na đà ra dạ da. Nam mô a rị da. Bà lô kiết đế. Thước bàn ra dạ. Ta bà ha. Án, tát điện đô. Mạn đà ra. Bạt đà da. Ta bà ha.

6, Niệm Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni (từ 3 biến hoặc nhiều hơn, số biến là số lẻ)

Nam mô bột đà cù na mê, nam mô đạt ma mạc ha đê, nam mô tăng già đà dạ nê, để ly bộ tất tát đốt diêm nạp ma.

7, Niệm Nhật Quang Bồ Tát Đà La Ni (từ 3 biến hoặc nhiều hơn, số biến là số lẻ)

Thâm đê đê đồ tô tra. A nhã mật đê đồ tô tra, thâm kỳ tra. Ba lại đế. Gia di nhã tra ô đô tra. Câu la đế tra kỳ ma tra. Sa bà ha.

8, Hôi Hương

Nguyện đem công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trên đền bốn ơn nặng, dưới cứu khổ tam đồ, nếu có ai thấy nghe, đều phát Bồ đề tâm, hết một báo thân này, sinh qua cõi Cực Lạc.



10 CÔNG ĐỨC ẮN TỔNG KINH SÁCH

1. Những tội lỗi đã tạo từ trước, nhẹ thì được tiêu trừ, nặng thì chuyển thành nhẹ.

2. Thường được các thiện thần ủng hộ, tránh được tất cả tai ương hoạn nạn, ôn dịch, nước, lửa, trộm cướp, đao binh, ngục tù.

3. Vĩnh viễn tránh khỏi những quả báo phiền khổ, oán cừu oan trái của đời trước cũng như đời này.

4. Các vị hộ pháp thiện thần thường gia hộ nên những loài dạ xoa ác quỷ, rắn độc hùm beo tránh xa không dám hãm hại.

5. Tâm được an vui, ngày không gặp việc nguy khốn, đêm ngủ không thấy ác mộng. Diện mạo hiền sáng, mạnh khỏe an lành, việc làm thuận lợi, được kết quả tốt.

6. Chí thành hộ pháp, tâm không cầu lợi, tự nhiên y phục đầy đủ, gia đình hòa thuận, phước lộc đời đời.

7. Lời nói việc làm trồi người hoan hỷ, đến đâu cũng được mọi người kính mến ngợi khen.

8. Ngu chuyển thành trí, có bệnh được khỏe, nghèo khổ chuyển thành thịnh đạt. Nhàm chán nữ thân, mệnh chung liền được nam thân.

9. Vĩnh viễn xa lìa đường ác, sanh vào cõi thiện, tướng mạo đoan nghiêm, tâm trí siêu việt, phước lộc tròn đầy.

10. Hay vì tất cả chúng sanh trông các căn lành. Lấy tâm cầu của chúng sanh làm ruộng phước điền cho mình. Nhờ công đức ấy đạt được vô lượng phước quả thù thắng. Sanh ra nơi nào cũng thường thấy Phật, nghe Pháp phước huệ rộng lớn, chứng đạt lục thông, sớm thành Phật quả.

ẮN QUANG TỔ SƯ DẠY

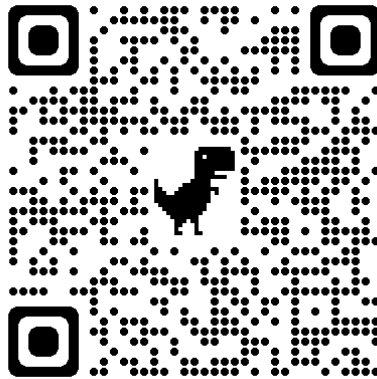
Ắn tổng kinh, tượng Phật được công đức thù thắng như vậy, nên gặp khi chúc thọ, thành hôn, cầu phước, thoát nạn, sám hối, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh, hãy tinh tấn phát tâm Bồ đề ắnn tổng, để trông coi phước đức cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

Hòa thượng Tuyên Hóa dạy

Phật dạy “ Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối”, trong tất cả các cách cúng dường, cúng dường pháp là cao thượng nhất. Cúng dường pháp là tuyên dương rộng rãi Phật pháp cho tất cả mọi người biết; Chúng ta là người biết Phật pháp, nhất định phải đem Phật pháp giới thiệu cho mọi người nghe; tôi biết một chút, tôi sẽ giảng cho người nghe một chút; biết được mười phần sẽ giảng mười phần. Tôi vốn biết Phật pháp, sẽ đi thuyết giảng Phật pháp cho mọi người, đây gọi là pháp thí; mang pháp này đến bố thí cho người. Ân tông phổ biến kinh sách, giảng giải kinh cũng là bố thí pháp.

Link tải sách: <https://bit.ly/44USV8A>

Mã QR link tải sách:





*Đại Bi đại chú thông thiên địa
Nhất bách nhất thiên thập vương hoan
Đại từ đại bi năng khử bệnh
Nghiệt kính nhất chiếu biển cao huyền.*

Khi Quý vị niệm thần chú này thì trời đất đều chấn động, cả pháp giới chuyển rung. Trên thông cả cõi trời, dưới thấu khắp cả các cõi giới địa ngục. Khắp cả mọi pháp giới trời người đều cảm thông và tán dương công đức.

Chớ có coi Đại Bi Chú là tầm thường hay đơn giản. Tôi xin nói với Quý vị rằng nếu quả trong đời quá khứ và hiện tại Quý vị không có căn duyên tốt lành thì ngay đến cả cái tên của Chú Đại Bi cũng chưa được nghe, đừng nói tới việc trì tụng.

Nay không những Quý vị được nghe biết tên của Chú lại còn được trì tụng Chú với một lòng chí thành như vậy, thật là một cơ hội trăm ngàn vạn kiếp mới có một lần, rồi lại được thiện tri thức chỉ dẫn, cách thức đọc tụng, thọ trì, tu trì nữa.